

KTr2.113

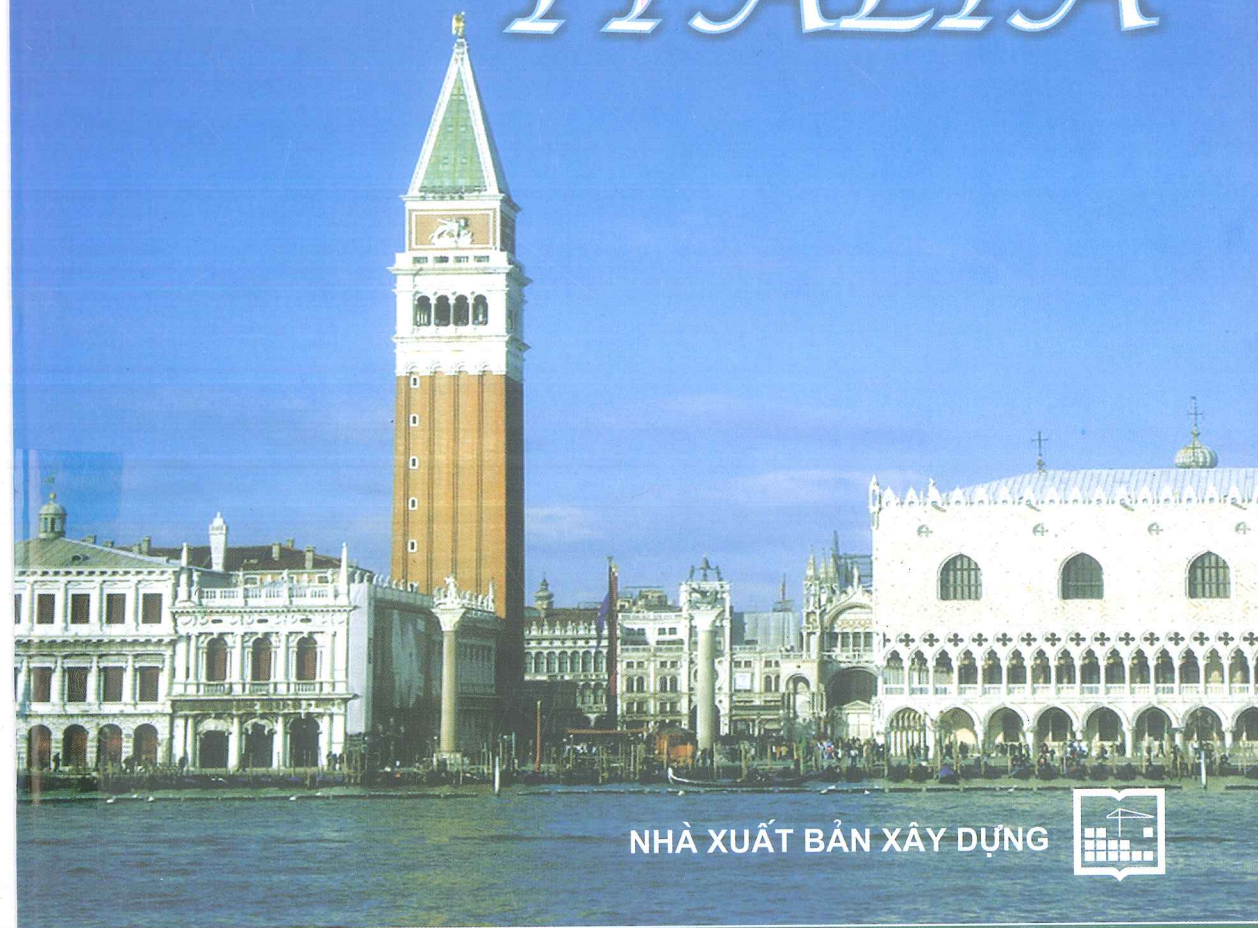


HỘI KIẾN TRÚC SƯ VIỆT NAM

BỘ SÁCH NHỮNG KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ NỔI TIẾNG THẾ GIỚI

KTS. TRẦN HÙNG

Nghệ thuật
KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ
ITALIA

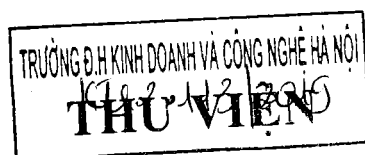


NHÀ XUẤT BẢN XÂY DỰNG



HỘI KIẾN TRÚC SƯ VIỆT NAM
BỘ SÁCH NHỮNG KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ NỔI TIẾNG THẾ GIỚI
KTS. TRẦN HÙNG

Nghệ thuật
KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ
ITALIA



NHÀ XUẤT BẢN XÂY DỰNG
HÀ NỘI - 2013

*Sách được xuất bản
với sự hỗ trợ ấn phẩm kiến trúc
của Hội Kiến Trúc Sư Việt Nam*



NGHỆ THUẬT KIẾN TRÚC ĐÓ THỊ ITALIA

1. TỔNG QUÁT VỀ ITALIA

1.1. Đất nước, con người, văn hóa và du lịch

Italia nằm ở cực nam châu Âu, trên một bán đảo dài có hình dáng giống như hình chiếc giày ống, bờ biển quanh co, nhiều nơi là những vách đá lởm chởm dốc đứng. Phía tây bắc, Italia giáp giới với nước Pháp; phía bắc là Thụy Sĩ và Áo; phía đông bắc giáp Slovenia. Toàn bộ phần biên giới trên đất liền của Italia là dãy núi Alpes, làm thành một hình vòng cung từ biên giới nước Pháp ở phía tây cho tới biên giới Slovenia ở phía đông.

Mặt nước biển Địa Trung Hải bao bọc cả ba mặt đất nước Italia. Bờ biển dài 7560km, tiếp giáp với bốn biển: biển Adriatic ở phía đông, biển Ionian ở phía nam, biển Tyrrhenia ở phía tây và biển Liguria ở phía tây bắc.

Italia có diện tích 301.480km² (nhỏ hơn Việt Nam một chút), bán đảo này có dạng một chiếc ủng nhô ra biển Địa Trung Hải, bán đảo dài 1140km, chỗ rộng nhất 274km, vươn ra mặt biển Địa Trung Hải, tới gần bờ biển Phi châu; khoảng cách ngắn nhất từ Italia đến Phi châu chỉ có 145km.

Ngoài bán đảo chính, Italia còn có một số đảo khác, lớn nhất là các đảo Sicilia và đảo Sardinia, Sicilia có diện tích 28.490km², tách

Italia

khỏi bán đảo bởi eo Messina rộng hơn 3km. Đảo Sardinia rộng 24.605km², nằm trong biển Tyrrhenia, cách bán đảo 257km. Ngoài ra các đảo nhỏ khác, đáng chú ý là đảo Elba trong quần đảo Tuscan và quần đảo Ischia ngoài khơi Napoli. Một điều đặc biệt ở đây là bên trong Italia lại có hai quốc gia độc lập: Cộng hòa San Marino diện tích 65km² và thành phố Công giáo độc lập Vatican có diện tích 44hecta.

Hơn nửa lãnh thổ của Italia là bán đảo, một vùng đất trải dài, nhô ra khỏi đất liền, hình dạng giống như chiếc giày ống, bán đảo chạy dài về phía đông nam lan xa vào Địa Trung Hải. Từ phía tây bắc đến phía đông nam kể cả phần đất tận cùng phía nam của bán đảo, chiều dài theo hướng bắc - nam của Italia là 1360km. Chiều ngang tối đa của phần nội địa vào khoảng 610km, còn chiều rộng tối đa của bán đảo là 274km. Khoảng 35% đất liền của Italia là những ngọn núi cao trên 762m, và 42% diện tích là đồi núi. Chỉ chưa đầy 1/4 diện tích là đồng bằng. Hai rặng núi chạy trên đất Italia là Alpes và Apennines.

Ở biên giới phía bắc là dãy núi Alpes, trải dài theo hình vòng cung từ Ventimiglia ở phía tây đến Gorizia ở phía đông. Trong rặng núi này có đỉnh cao là núi Cervino (4478m), và núi Rosa lên đến điểm cao nhất (4634m) ở phần đất của Thụy Sĩ, ngay phía tây của đường biên giới. Điểm cao nhất của Italia là đỉnh núi Blanc (4748m) nằm ngay biên giới của các nước Italia, Pháp và Thụy Sĩ. Thực tế, điểm cao nhất của ngọn núi này nằm trên đất Pháp, ở mức 4810m so với mặt biển.

Giữa rặng núi Alpes và rặng núi Apennines, vốn tạo thành xương sống cho bán đảo Italia, là vùng đồng bằng Lombardy, trong đó có thung lũng của sông Po. Phần phía bắc của rặng

Apennines nhô ra từ rừng Maritime, chạy dài theo vịnh Genoa cho đến thượng nguồn sông Tibre. Núi Cimone (2163m) là đỉnh cao nhất ở phía bắc rừng Apennines. Vùng trung tâm của rừng Apennines, bắt đầu ở thượng nguồn sông Tibre, bao gồm vài dãy núi nhỏ. Ở phần phía đông của vùng núi lởm chởm này là núi Corno (2912m), vốn là đỉnh cao nhất trong rừng Apennines.

Phần phía nam của rừng Apennines chạy dài về phía đông nam, từ thung lũng Sangro đến bờ biển của vịnh Taranto. Những đỉnh cao của rừng Apennines trong vùng bán đảo Calabrian (tên gọi của vùng cực nam bán đảo Italia) bao gồm núi Botte (1929m) và núi Montalto (1957m). Rừng núi Apennines đã hình thành đường phân nước cho bán đảo Italia. Vùng đất cao này được bao quanh bởi những khu vực thấp hơn, gọi chung là vùng phụ cận Apennines.

Chỉ có khoảng một phần ba của lãnh thổ Italia là đồng bằng, trong đó khu vực chính là đồng bằng Lombardy. Bờ biển của Italia dọc theo phía bắc biển Adriatic thì thấp và có nhiều cát, được viền bằng những vùng nước nông (trừ Venezia) còn lại đều không thể thông thương ra biển.

Từ Rimidi về phía nam, bờ biển phía đông của bán đảo có những mũi núi của rừng Apennines, nhưng dọc theo đoạn giữa của bờ biển phía tây lại có ba dải đất thấp và đầm lầy, đó là Campagna di Roma, Pontine và Maremma.

Bờ biển phía tây của Italia có sự đan xen những vịnh lớn nhỏ và những chỗ lồi lõm, là nơi thuyền bè có thể thả neo. Ở phía tây bắc là vịnh Genoa, vốn là bến cảng của thành phố thương mại quan trọng Genoa. Napoli, một bến cảng hàng đầu khác ở bờ biển phía tây, tọa lạc trên vùng vịnh đẹp, bên cạnh ngọn núi lửa Vesuvius. Xa hơn một chút về phía nam là vịnh Salerno, có cảng Salerno. Phía đông nam của bán đảo có vịnh Taranto ăn sâu vào đất liền.

Phía đông dãy Alps của Italia, gần Slovenia là dãy Dolomite, địa chất chủ yếu ở đây là loại đá khoáng dolomite. Đây là nơi rất được ưa thích cho các môn thể thao mùa đông.

Italia có nhiều sông, trong đó sông Po và sông Adige có tầm quan trọng lớn nhất. Sông Po có chiều dài 652km, trong đó 480km có thể giao thông được và có một hệ thống sông nhánh tạo thành khoảng 970km đường thủy trong đất liền. Sông Adige, với chiều dài 410km,

Italia

chảy từ Bolzano về phía đông, sau đó hướng về phía nam, qua vùng Trento và Verona. Giống như sông Po, sông này đổ vào biển Adriatic. Lòng của những con sông này ngày càng cao dần lên do sự bồi đắp phù sa của những ngọn núi chung quanh.

Những con sông ở bán đảo Italia thường nông, cạn nước vào mùa hè, ít quan trọng cho giao thông và công nghiệp, những sông chính là Arno và Tibre. Từ thượng nguồn ở rặng núi Apennines, sông Arno chảy về phía tây khoảng 240km, qua một thung lũng màu mỡ và qua các thành phố Firenze và Pisa. Sông Tibre bắt nguồn ở gần sông Arno và chảy qua thành phố Roma.

Những hồ lớn nhất Italia đều tập trung ở chân dãy Alpes, đó là hồ Garda (383km²), hồ Maggiore (220km²) và hồ Como (150km²). Các con suối phía sườn tây Alpes đổ vào con sông quan trọng nhất ở Italia, sông Po. Thung lũng sông Po là đồng bằng chủ yếu của vùng này có những cánh đồng màu mỡ và bằng phẳng nhất ở Italia.

Dãy Apennines chia đôi Italia theo chiều dọc đất nước. Dãy núi này bắt đầu từ góc tây bắc, chạy dài tới tận cực nam bán đảo, tới tỉnh Calabria và phía bắc Sicilia. Đỉnh núi cao nhất của dãy Apennines là Monte Corno (cao 3047m) ở đông bắc Roma.

ĐẶC TRƯNG CÁC VÙNG MIỀN

Đặc trưng **miền bắc Italia** có dãy núi Alpes, vùng bờ biển đông bắc Liguria và vùng đồng bằng phía bắc. Dãy Alpes che chắn cho vùng hồ nằm ngay dưới chân núi tránh khí hậu khắc nghiệt. Hai dãy núi Alpes và dãy Apennines che chở cho vùng Riviera nằm trên bờ biển Liguria.

Du lịch là ngành kinh tế quan trọng nhất của vùng này. Thành phố lớn nhất trong vùng là **Genoa**, trung tâm của ngành công nghiệp đóng tàu và là quê hương của nhà thám hiểm nổi tiếng Christopher Colombo.

Vùng thung lũng đồng bằng sông Po trải dài 450km từ Torino đến Udine, bao gồm những vùng đất nông nghiệp năng suất cao, phần lớn trồng cây lương thực: gạo, ngô và lúa mì của Italia.

Thành phố Milano thủ phủ xứ Lombardy, là thành phố lớn thứ hai của Italia, là thủ đô tài chính và thương mại, là thành phố giàu có nhất đất nước. Torino, thủ phủ xứ Piedmont, cũng là một trung tâm đô thị quan trọng với hãng sản xuất ô tô Fiat. Từng là nơi ở của hoàng gia Italia, Torino có một bảo tàng về ô tô, trưng bày rất nhiều các loại xe cổ.

Thung lũng Aosta là một khu vực đồi núi ở phía tây bắc Italia, vốn là khu vực nhỏ nhất của nước này. Phía tây của thung lũng này tiếp giáp với Pháp, phía bắc với Thụy Sĩ và phía nam với khu vực Piedmont. Khu vực này có một tình trạng tự trị rất đặc biệt, là một trong các tỉnh ở Italia, thủ phủ là Aosta-Aoste.

Khu vực thung lũng Aosta có diện tích 3263km², với dân số khoảng 113000 người, tập trung ở đáy thung lũng và một phần ở Francophone. Ở đây, tiếng Pháp được dùng trong hành chính, mặc dù phần lớn người dân tại đây nói tiếng Pháp-Prevence, một loại ngôn ngữ địa phương phổ biến tại Savoy, phần đất Thụy Sĩ nói tiếng Pháp, Lyon và Jura.

Thung lũng Aosta thuộc rặng núi Alpes, bao gồm sườn phía Italia của núi Blanc và vùng Matterhorn. Đỉnh cao nhất ở đây là núi Gran Paradiso, một khu vực được bảo vệ trong Công viên Quốc gia Gran Paradiso. Đây là một trung tâm của những bộ môn thể thao mùa Đông, nổi tiếng nhất tại vùng Courmayeur.

Piedmont là khu vực tây bắc Italia có diện tích 25400km² và dân số khoảng 4,3 triệu người. Thủ phủ của khu vực này là **Torino**.

Piedmont được bao quanh ba mặt bởi dãy núi Alpes. Khu vực này tiếp giáp với Pháp, Thụy Sĩ và các khu vực Lombardy, Liguria và Valle d'Aosta của Italia.

Vùng đất thấp ở Piedmont là khu vực nông nghiệp màu mỡ, sản

Italia

xuất các loại lúa gạo, lúa mì, bắp và nho. Khu vực này cũng có những trung tâm công nghiệp lớn, trong đó nổi bật nhất là Torino nơi đặt nhà máy của hãng ô tô FIAT.

Piedmont là một trong những khu vực sản xuất nguyên liệu làm rượu vang lớn nhất ở Italia, với diện tích trồng nho là 700km². Nơi này là quê hương của những hãng rượu vang nổi tiếng như Barbera, Barolo và Barbaresco.

Xứ Lombardy với thủ phủ là thành phố **Milano** nằm giữa dãy núi Alpes và thung lũng Po, tiếp giáp với Piedmont, Emilia-Romagna, Veneto, Trentino-Alto Adige, và nước Thụy Sĩ. Một phần sáu dân số của Italia sống trong khu vực này, và Milano là khu vực đô thị lớn thứ tư của châu Âu, dân số trên 6,5 triệu người.

Lombardy là một trong ba khu vực phồn thịnh nhất châu Âu, với GDP trên đầu người cao hơn 30% so với phần còn lại của Italia. Rất nhiều công ty của Italia và nước ngoài có trụ sở đặt tại Milano. Lombardy rất năng động về các bộ môn thể thao, với những câu lạc bộ hàng đầu về bóng đá, bóng bầu dục, khúc côn cầu và bóng rổ.

Ở đây có tháp Pirelli, công trình kiến trúc chọc trời cao nhất Italia (127m), là trung tâm của khu vực Lombardy.

Trentino-Alto Adige là một khu vực tự trị ở phía bắc Italia. Nơi đây bao gồm hai vùng khác nhau: vùng nói tiếng Italia và Trento và vùng nói tiếng Đức là Alto Adige. Khu vực này trước kia là một phần của Áo - Hung, đã được sát nhập vào Italia năm 1919.

Thủ phủ của Trentino-Alto Adige là **Trento-Trient** và **Bolzano-Bozen**. Khu vực này tiếp giáp ở phía bắc với Áo, ở phía tây với khu vực

Lombardy và ở phía nam với khu vực Veneto. Với diện tích 13169km², khu vực này toàn là đồi núi, bao phủ phần lớn dãy Dolomites và phần phía nam của dãy Alpes.

Những thung lũng màu mỡ của Trentino-nam Tyrol chuyên sản xuất rượu vang, trái cây, sản phẩm từ sữa và gỗ. Công nghiệp tại đây có các ngành giấy, hóa chất và kim loại. Đây là nơi xuất khẩu lớn về năng lượng thủy điện. Du lịch cũng là một nguồn thu nhập quan trọng của khu vực này rất nổi tiếng về hoạt động trượt tuyết, đặc biệt là vùng Val Gardena.

Friuli-Venezia Giulia với diện tích 7844km² và dân số khoảng 1,18 triệu người, là một khu vực tự trị ở vùng đông bắc Italia, tiếp giáp với khu vực Veneto, nước cộng hòa Áo và Slovenia, cùng với biển Adriatic. Những thành phố chính ở đây là **Trieste** và **Udine**.

Là một cửa ngõ mở ra biển để đến nhiều quốc gia Trung Âu, khu vực này có nhiều con đường giao thông nối liền giữa đông và tây của miền nam châu Âu.

Ngoài tiếng Italia, tiếng Friulia được sử dụng khắp khu vực này, được một số người coi như một dạng thổ ngữ của Italia và một số khác lại cho là một thứ ngôn ngữ riêng. Ngoài ra, ở đây còn có khá đông người Slovenia và một phần người Đức.

Veneto là khu vực ở phía đông bắc Italia. Khu vực này tiếp giáp với Lombardy, Trentino-nam Tyrol, Áo, Friuli-Venezia Giulia và Emilia-Romagna; nằm ở giữa dãy núi Alpes và biển Adriatic. Ở đây có nhiều con sông chạy ngang: sông Po, sông Adige, sông Brenta và sông Piave.

Thủ phủ của Veneto là **thành phố Venezia** nổi tiếng. Ngoài ra khu vực này còn có nhiều thành phố quan trọng như Verona, Padua, Treviso, Belluno, Rovigo và Vecenza.

Đây là nơi đặc biệt phong phú về các kho tàng nghệ thuật và văn hóa. Trong số những di sản văn hóa tại đây có những công trình kiến trúc độc đáo với các cây cầu ở Venezia. Đấu trường ở Verona có từ thời La Mã, được chuyển thành nhà hát Opera.

Ở Veneto có nhiều loại rượu vang ngon, trong đó có rượu Soave và Valpolicella. Những điểm nghỉ mát tại đây có Jesolo, Cortina d'Ampezzo và hồ Garda.

Italia

Kinh tế của khu vực này, vốn trước kia lệ thuộc hoàn toàn vào nông nghiệp, nay nghiêng hẳn về sản xuất công nghiệp và thời trang và đặc biệt là hoạt động du lịch văn hóa.

Liguria là một khu vực ven biển ở phía tây bắc của Italia, là khu vực nhỏ vào hàng thứ ba của nước này. Liguria giáp với Pháp ở phía tây, Piedmont ở phía bắc, và Emilia-Romagna và Toscan ở phía đông. Khu vực này nằm cạnh biển Liguria Apennine ở phía đông. Thủ phủ của khu vực này là **Genoa**.

Khu vực bờ biển của Liguria có khí hậu biển ôn hòa. Vào tháng giêng, Genoa có nhiệt độ trung bình khoảng 8 đến 10°C. Vào mùa hè, nhiệt độ trung bình từ 24 đến 25°C. Địa hình đồi núi nên Genoa có lượng mưa rất lớn (2000mm một năm) trong khi những vùng khác với khí hậu Địa Trung Hải chỉ có từ 500 đến 800mm mưa.

Emilia-Romagna là khu vực hành chính ở phía bắc Italia, bao gồm hai địa điểm lịch sử Emilia và Romagna. Khu vực này có hình tam giác, phía đông giáp với biển Adriatic, phía bắc giáp với sông Po và phía nam giáp với rặng Appennine. Với dân số khoảng 4.030.000 người trên một diện tích 22.123km², đây là một khu vực có mật độ dân số khá cao. Emilia-Romagna là một trong những khu vực phồn thịnh của Italia, là nơi có những món ăn độc đáo nhất nước.

Nông nghiệp là hoạt động kinh tế quan trọng nhất tại đây, với ngũ cốc, khoai tây, bắp, cà chua và hành tây được trồng phổ biến. Ngoài ra khu vực này còn sản xuất nho và các loại trái cây dùng để làm rượu vang.

Các ngành công nghiệp ở Emilia-Romagna cũng rất phát triển, đặc biệt là nền công nghiệp

thực phẩm và công nghiệp du lịch dọc theo bờ biển Adriatic. Thủ phủ của khu vực này là **Bologna**, một trung tâm quốc gia về lịch sử, văn hóa và giải trí. Romagna là tàn tích của Romagna, từ khi Ravenna còn là thủ phủ của đế quốc Byzantine thuộc Italia.

Nối tiếp với các vùng miền phía bắc, tại vùng miền Trung Italia cũng cung cấp nhiều vùng cảnh quan hấp dẫn. Dãy Appennines chi phối cảnh quan của vùng bán đảo Italia, nổi bật bởi địa hình gồ ghề và khí hậu Địa Trung Hải. Nó bao gồm các vùng miền trung và miền nam Italia. Vùng miền trung Italia có những đồng bằng nhỏ rải rác, nhưng đất đai không màu mỡ và không được tưới tiêu tốt như ở miền bắc. Các cây trồng chính của vùng này là lúa mì, đậu, ô-liu và nho để sản xuất ra loại vang Chianti ngon nhất Italia.

Thủ đô Roma của Italia cũng nằm ở miền trung, ngoài ra còn có **thành phố Firenze** nổi tiếng, thủ phủ xứ Toscan. Trong lịch sử, đây là hai trong số những thành phố có ảnh hưởng nhất châu Âu. Roma trở thành thủ đô của Italia từ năm 1870. Các đường phố và quảng trường chứa đựng vô cùng nhiều những tòa nhà cổ kính, các tượng đài nguy nga, các đài phun nước tráng lệ cùng các đài kỷ niệm trang nhã. **Thành phố Vatican** nằm trong lòng thủ đô Roma. Là trung tâm của Giáo hội Thiên chúa giáo La Mã, nơi ở của Giáo hoàng, Vatican là quốc gia độc lập có diện tích và số dân rất nhỏ, là địa điểm thu hút nhiều du khách nhất ở Italia. Firenze là đối thủ xứng tầm với Venezia về vẻ đẹp kiến trúc, nhờ những con phố ngoằn ngoèo dẫn tới những quảng trường xinh xắn với những nhà thờ đầy ắp những tuyệt tác nghệ thuật thời Phục Hưng.

Đa phần đất đai miền trung bị khô hạn nên nông nghiệp không phát triển. Nhưng một số vùng ở Campania có đất đai màu mỡ nhờ tro núi lửa nên thu hoạch được những loại cây ăn trái và rau quả rất hấp dẫn.

Toscan là một khu vực ở vùng trung tâm Italia, tiếp giáp với Latium về phía nam, Umbria về phía đông, Emilia-Romagna và Liguria về phía bắc, và biển Tyrrhenia về phía tây. Nơi đây còn được coi là khu vực đẹp nhất của Italia. Diện tích của Toscan là 22.992km².

Umbria là khu vực đồi núi ở vùng trung tâm Italia, trên thung lũng sông Tíbre. Phía tây của khu vực này là Toscan, phía đông là Marche, và phía nam là Lazio. Umbria có diện tích 8456km² và dân số khoảng 834.000 người.

Italia

Với thủ phủ là **Perugia**, Umbria được chia thành 2 tỉnh: Perugia và Terni.

Marche là khu vực ở vùng trung tâm Italia, tiếp giáp với Emilia-Romagna về phía bắc, Toscan và nước cộng hòa San Marino về phía tây, Umbria về phía tây nam, Abruzzo và Latium về phía đông nam và biển Adriatic về phía đông.

Với thủ phủ là **Ancona**, Marche được chia thành 4 tỉnh: Ancona, Ascoli Piceno, Macerata và Pesaro e Urbino. Marche với địa hình phần lớn là đồi núi, có một lịch sử khác biệt với những khu vực khác và ít thuận lợi trong giao thông từ bắc xuống nam.

Đất đai kém màu mỡ trong địa hình hiểm trở của khu vực này cũng đã được canh tác triệt để. Cảng Ancona là một cảng rất tốt, cùng với những cảng nhỏ khác được các tàu đánh cá sử dụng thường xuyên. Marche cung ứng cho hải quân Italia một số lượng lớn những thủy thủ thành thạo.

Latium là một khu vực nằm ở miền trung Italia, tiếp giáp với Toscan, Umbria, Abruzzo, Molise, Campania và biển Tyrrhenia. Khu vực này gồm 5 tỉnh: Roma, Viterbo, Latina, Frosinone và Rieti. Thủ phủ của khu vực này là **Roma** đồng thời là thủ đô Italia.

Tiếp nữa về phía nam là vùng đầu mũi của bán đảo vươn xa ra biển cùng với nhiều đảo lớn nhỏ.

Thành phố quan trọng nhất của miền nam Italia là **Napoli**. Cư dân đông đúc, xe cộ, nhà máy và các xưởng lọc dầu chen chúc nhau, Napoli là thành phố lớn thứ ba của Italia và là một hải cảng quan trọng.

Vùng **Abruzzo** có thủ phủ là **L'Aquila**, ở miền nam Italia có các khu vực bao quanh:

Marche ở phía tây bắc, Umbria ở phía tây, Lazio ở phía nam, Molise ở phía đông nam và biển Adriatic ở phía đông.

Diện tích của khu vực này là 10.794km², với dân số khoảng 1,3 triệu người.

Abruzzo chia làm 4 tỉnh: L'Aquila, Teramo, Chieti và Pescara. Khu vực này phong phú về những thắng cảnh thiên nhiên, mới chỉ được khai thác đại trà về du lịch trong thời gian gần đây, là khu vực có nhiều lâu đài và những đô thị thời Trung cổ.

Molise là khu vực ở phía nam Italia, là khu vực nhỏ vào hàng thứ hai ở nước này. Khu vực này giáp với Abruzzo về phía tây bắc, Lazio về phía tây, Campania về phía nam, Puglia về phía đông nam và biển Adriatic về phía đông bắc.

Khu vực này có diện tích 4438km², với dân số khoảng 330.000 người. Ở đây có hai nhóm sắc tộc thiểu số: người Molisan Croatia và người Molisan Albani. Thủ phủ của Molise là **Campobasso**. Khu vực này được chia làm hai tỉnh: Campobasso và Isernia.

Campania cũng thuộc miền nam nước Italia, phía tây bắc có Lazio, phía bắc có Molise, phía đông bắc có Puglia, phía đông có Basilicata, và phía tây có biển Tyrrhenia. Khu vực này bao phủ một diện tích 13.595km², với dân số khoảng 5,7 triệu người.

Với thủ phủ là **Napoli**, khu vực này có nhiều điểm thu hút về du lịch như hang Sibyl ở Cumae, những ngôi đền Hy Lạp ở Paestum, những tàn tích La Mã ở Pompeii và Herculaneum, những ngọn núi lửa ở Vesuvius và Solfatara, bờ biển Amalfi trải dài từ Sorrento đến Salerno, và những hòn đảo ở Capri và Ischia.

Apulia là khu vực thuộc phía đông nam Italia, tiếp giáp với biển Adriatic về phía đông, biển Ionian về phía đông nam, và eo biển Otranto cùng với vịnh Taranto về phía nam. Bộ phận phía nam của khu vực này là Salento hình thành nên "gót" của chiếc "giày ống" của Italia.

Diện tích của khu vực này là 7469km², với dân số khoảng trên 4 triệu người. Apulia nằm kế khu vực Molise về phía bắc, Campania về phía tây, và Basilicata về phía tây nam. Đây là khu vực nằm gần nước Albani nhất, chỉ cách 80km trên biển Adriatic.

Bari là thủ phủ của khu vực này, vốn được chia thành các tỉnh: Bari, Brindisi, Foggia, Lecce và Taranto. Khu vực Apulia hầu hết là đồng

Italia

bằng, bờ biển bị gián đoạn bởi vùng bán đảo Garagano nhiều đồi núi (ở phía bắc) vùng trung tâm của khu vực này cũng có nhiều núi.

Nông nghiệp là hoạt động chính ở Apulia, nhưng công nghiệp cũng phát triển nhanh chóng. Các sản phẩm nông nghiệp ở đây bao gồm: trái ô-liu, nho, ngũ cốc, quả hạnh, quả sung, thuốc lá và các loại gia súc. Các sản phẩm công nghiệp có dầu mỏ tinh lọc, hóa chất, xi măng, sắt thép, thực phẩm chế biến, plastic và rượu vang.

Nghề cá phát triển ở biển Adriatic và vịnh Taranto. Nạn thiếu nước sinh hoạt đã là một vấn đề ở khu vực này, và người ta phải dẫn nước về bằng đường ống từ sông Sele, xuyên qua dãy núi Apennine.

Khu vực **Basilicata** có thủ phủ là **Potenza**, với diện tích 9.995km² và dân số khoảng hơn 597.000 người. Basilicata nằm ở phía nam Italia, bao quanh Campania ở phía tây, Puglia ở phía đông và Calabria ở phía nam. Ở đây có một đoạn ngắn bờ biển tiếp giáp với vịnh Taranto trong biển Ionian ở phía đông nam, khu vực này có 2 tỉnh là Potenza và Matera.

Basilicata là khu vực toàn đồi núi, với đỉnh cao nhất ở phía nam dãy Appennine là núi Pollino (223m). Núi Vulture, ở góc tây bắc là một ngọn núi lửa đã tắt có độ cao 133m. Địa hình đồi núi ở đây gây trở ngại cho giao thông, đây là khu vực nằm trong số những nơi kém phát triển nhất ở Italia.

Calabria (trước kia gọi là Brutium) là một khu vực ở phía nam Italia, bao gồm những "ngón chân" của bán đảo Italia về phía nam của Napoli. Phía bắc khu vực này tiếp giáp với Basilicata, phía tây giáp với biển Tyrrhenia và

phía đông tiếp giáp với biển Ionian. Calabria nằm gần Sicilia, cách hòn đảo này bởi eo biển Messina. Khu vực này có diện tích 15080km² và dân số khoảng 2,05 triệu người.

Calabria có 5 tỉnh: Cosenza, Crotona, Reggio di Calabria, Vibo Valentia và Catanzaro. **Catanzaro** đã trở thành thủ phủ của khu vực này từ năm 1970, mặc dù quốc hội lại được đặt tại thủ phủ cũ là Reggio di Calabria.

Ngoài khơi Italia có những **hòn đảo** lớn nhỏ. **Sicilia** là hòn đảo lớn nhất và đẹp nhất Địa Trung Hải. Địa hình chủ yếu là đồi núi, cây trồng chính là lúa mì và đậu, ngoài ra còn có các đồng cỏ xanh tốt để chăn nuôi cừu. Dưới bóng ngọn núi lửa Monte Etna (có nghĩa là "lò lửa" trong tiếng Hy Lạp) có các cây trái nhiệt đới mọc xanh tốt.

Sicilia là một khu vực tự trị của Italia và là hòn đảo lớn trong Địa Trung Hải. Khu vực này có diện tích 25700km² và dân số khoảng 5 triệu người. Thủ phủ là thành phố **Palermo**.

Ngọn núi lửa Etna nằm gần Catania, có độ cao 3320m, là núi lửa cao nhất ở châu Âu. Đây cũng là một trong những núi lửa hoạt động mạnh nhất trên thế giới.

Quần đảo Aeolia ở phía bắc thuộc khu vực hành chính của Sicilia, cũng giống như quần đảo Aegadia ở phía tây, đảo Uscily ở phía tây bắc, và quần đảo Pelagia ở phía tây nam. Sicilia nổi tiếng là một vùng đất sản xuất ngũ cốc, quả ô-liu và rượu vang. Khu mỏ Caltanissetta là nơi sản xuất sulphur hàng đầu trong thế kỷ XIX, nhưng đã suy thoái từ thập kỷ 1950.

Sardinia là hòn đảo lớn thứ hai của Italia ở Địa Trung Hải. Với diện tích 24090km² và dân số khoảng 1,65 triệu người, Sardinia là một khu vực tự trị của Italia.

Khu vực này được chia thành các tỉnh: Cagliari, Sassari, Nuoro, Oristano, Olbia-Tempio, Ogliastra, Carbonia-Iglesias và Medio. Con người ở Sardinia được quốc hội Italia coi là một chủng tộc biệt lập.

Trên hòn đảo Sardinia chỉ có một vài con đường để đi, còn lại là đồi núi gồ ghề chỉ thích hợp để nuôi cừu thả rong, ở những nơi có nước tưới tiêu người ta trồng lúa mì, ô-liu và nho. Những bãi biển tuyệt vời trên đảo thu hút nhiều du khách quốc tế. Thủ phủ của đảo là thành phố cảng **Cagliari**.

Italia

Hầu hết các vùng của Italia có khí hậu Địa Trung Hải, kiểu khí hậu thường gặp ở vùng Nam Âu. Tuy nhiên, sự đa dạng về mặt địa hình đã khiến một số nơi có khí hậu khác biệt.

Khí hậu ở vùng núi Alpes có thể rất lạnh trong những mùa đông khắc nghiệt nhiều tuyết, nhưng chính dãy Alpes cũng che chắn cho Italia khỏi phải chịu một mùa đông lạnh giá. Vùng thung lũng sông Po và vùng đồng bằng Italia tuy có một mùa đông khắc nghiệt nhưng không kéo dài, còn mùa hè rất ấm áp.

Ở vùng bán đảo, mùa đông có khí hậu ôn hòa, mùa hè ấm áp. Vùng đồng bằng ven biển rất dễ chịu ngay cả trong mùa đông, còn những vùng cao trong nội địa mùa đông thường có tuyết rơi. Đôi khi cũng có những đợt lạnh giá và những cơn nóng nực, nhưng không kéo dài. Vì thế, vào mùa đông người dân thủ đô Roma có thể thấy mưa tuyết cùng với cả mưa đá. Một điều bất lợi về khí hậu ở vùng phía nam nhất là trên các đảo, có thể có những đợt gió nóng (scirocco) từ Bắc Phi tràn sang, có khi mang theo gió nóng và cả cát từ sa mạc Sahara.

LỊCH SỬ XÃ HỘI

Nước cộng hòa Italia tồn tại chỉ mới chỉ trên 120 năm, nhưng lịch sử của đất nước này đã bắt đầu từ ít nhất một nghìn năm trước khi chúa Jesus ra đời. Có thể lần theo dấu vết của lịch sử Italia qua những nền văn hóa và các đế quốc khác nhau đã có thời là một bộ phận của nó như văn minh Etruscan (vùng Toscan của Italia ngày nay), văn minh Hy Lạp, Carthage (nay là Tunisia), Pháp, Đức, Áo, Tây Ban Nha và Giáo hội Thiên chúa giáo.

Khoảng 4000 năm trước, những bộ lạc Latin và Italia đã thống trị miền đất này. Những người

Etrusk đầu tiên xuất hiện vào khoảng năm 1200 tCn. Mặc dù nguồn gốc của họ còn chưa rõ ràng, nhưng nhiều nhà sử học cho rằng họ đến từ Lydia, một vương quốc cổ đại thuộc Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay. Người Etrusk có một nền văn hóa phát triển cao, họ là những chuyên gia về đường sá, máy móc, khai mỏ, hội họa, điêu khắc, trồng trọt, đi biển và chiến trận.

Người Etrusk tác động mạnh mẽ đến xã hội La Mã cổ đại, họ có ngôn ngữ riêng (nay đã biến mất), có sự bình đẳng nam nữ, cho phép phụ nữ được học hành, được giữ lại tên họ và tài sản riêng. Người Etrusk cũng thường được xem là những thầy bói tài giỏi.

Vào khoảng năm 800 tCn, người Hy Lạp và người Phoenicia cũng đến Italia. Họ thôn tính Sicilia và các tỉnh miền nam, trong khi người Etrusk thì thống trị miền trung Italia đặc biệt là các vùng đất nằm giữa hai con sông Arno và Tibre. Người Latin, một bộ tộc khác, thống trị vùng phía đông nam sông Tibre.

Thành La Mã cổ đại được xây dựng trên bảy ngọn đồi, vào năm 509 tCn đã lập nên **Đệ nhất Cộng hòa La Mã** với thủ đô là Roma. Nền cộng hòa được cai trị bởi những viên chức bầu ra chứ không phải là những quý tộc. Xã hội La Mã là một hệ thống ba giai cấp. Trên cùng là những gia đình dòng dõi, tầng lớp quý tộc và các địa chủ, kể đến là dân thường hay tầng lớp bình dân, cuối cùng là tầng lớp nô lệ. Nô lệ không được coi là công dân của nước cộng hòa và không có quyền lợi gì. Chỉ có quý tộc và bình dân mới được gia nhập quân đội và tham gia vào các hoạt động chính trị.

Hiến pháp La Mã thừa nhận tầm quan trọng của việc cho phép người dân tham gia vào các hoạt động chính quyền. Những người lãnh đạo chịu sự điều khiển của Nghị viện La Mã hay cơ quan lập pháp. Vào đầu thế kỷ thứ V tCn, nhiều xung đột đã nảy sinh giữa giới quý tộc và những người bình dân, kết quả là người bình dân bị gạt ra khỏi chính quyền. Năm 454 tCn, sau một loạt những tranh cãi gay gắt, giới bình dân đã buộc những nhà làm luật phải cho ra đời một văn bản luật pháp được gọi là luật Mười hai bảng. Những điều luật này được đặt tại Hội trường La Mã, có ý nghĩa cực kỳ quan trọng cho nền dân chủ. Chúng quy định sự bình đẳng giữa giới quý tộc và người bình dân, và quy định những khế ước giao dịch, các quyền của người chủ, nợ nần, cưới xin, ly hôn và trừng phạt các tội ác.

Italia

Năm 272 tCn, người La Mã đánh bại người Etrusk ở phía bắc và người Hy Lạp ở phía nam để cai trị toàn bộ bán đảo Italia. Trong thế kỷ tiếp theo, La Mã tiến hành ba cuộc chiến tranh với Carthage (Tunisia ngày nay). Năm 146 tCn, quân La Mã đã thiêu hủy thành Carthage và đổ muối lên các cánh đồng của họ khiến đất đai không thể canh tác được nữa. Nhân đà chiến thắng, La Mã chiếm luôn các đảo Sicilia, Corsica (đảo Coóc), Sardinia, và sau đó là Tây Ban Nha và Hy Lạp. Năm 63 tCn, hầu như toàn bộ vùng Địa Trung Hải nằm trong vòng cai trị của Cộng hòa La Mã.

Năm 49 tCn, Julius Caesar mở rộng nước cộng hòa bằng việc chinh phục xứ Gaul (nước Pháp ngày nay). Caesar là một thiên tài quân sự, một nhà hùng biện lỗi lạc, nhà thơ và là nhà sử học. Mặc dù là một quý tộc, ông lại ủng hộ chính nghĩa của giới bình dân. Năm 45 tCn, Caesar tự tuyên bố là nhà độc tài của Cộng hòa La Mã và là người cai trị của đế quốc rộng lớn này. Caesar tin vào sự bình đẳng, cho phép tất cả các cư dân Italia trở thành công dân La Mã, nhưng đồng thời cũng tin rằng nhà độc tài phải có quyền lực tuyệt đối, được lựa chọn người kế vị. Tuy nhiên nhiều nghị viên La Mã không đồng tình với ông. Ngày 15 tháng 3 năm 44 tCn Julius Caesar bị một nhóm nghị viên đâm chết.

Sau cái chết của Caesar là một thời kỳ hỗn loạn nhưng cuối cùng kết thúc nhờ người cháu của Caesar là Octavian Caesar. Năm 31 tCn, ông trở thành vị hoàng đế La Mã đầu tiên, lấy tên hiệu là Augustus (có nghĩa là "Tôn kính"). Ông cho xây dựng thư viện, đền đài, nhà hát và đường sá, ban hành bộ luật chung cho toàn đế quốc. Việc cai trị của ông đã tạo ra một thời kỳ hòa bình và thịnh vượng, được biết dưới tên gọi

Pax Romana (“nền Thái bình La Mã”). Đế quốc La Mã đạt đến đỉnh cao vào cuối thế kỷ thứ nhất, khi La Mã vĩ đại và tiếng Latin thống trị toàn bộ những vùng đất từ biển Caspian đến Đại Tây Dương.

Đến thế kỷ thứ III thì quyền lực và ảnh hưởng của đế quốc bị suy giảm. Đạo Thiên chúa lan truyền rộng rãi, khuyến khích hòa bình hơn là gây hấn xâm lược. Lúc này lãnh thổ của đế quốc liên tục bị các man tộc châu Á và German xâm lấn. Năm 285, Hoàng đế Diocletian phân chia đế chế ra thành đế quốc Bizantine ở phía đông, thủ đô là Constantinople (nay là Istanbul) do hoàng đế Diocletian cai quản và đế quốc La Mã ở phía tây, với một hoàng đế do ông ta chỉ định cai trị ở Roma. Vào thế kỷ thứ tư và thứ năm, đế quốc phía tây rơi vào tay người Visigoth và người Vandal đến từ trung Âu. Thành Roma bị người Visigoth cướp phá năm 410. Năm 476, vị hoàng đế La Mã cuối cùng bị phế truất, đế quốc tây La Mã bị diệt vong.

Trong một nghìn năm tiếp theo, nhiều vùng của Italia bị tấn công và chiếm đoạt sau những cuộc xâm lăng của người Byzantine, người Ả Rập, người Frank, người Norman, người Pháp, người Tây Ban Nha và người Áo. Năm 800, với sự ra đời của đế quốc La Mã Thần thánh, miền trung Italia rơi vào vòng cai trị hợp pháp của Charles Đại đế và Giáo hội Thiên chúa giáo, tách rời khỏi miền bắc và miền nam. Vào thế kỷ XI, miền bắc Italia nằm trong sự cai quản của người Lombard, miền trung trong tay Giáo hoàng và miền nam do người Norman cai trị.

Cuối thế kỷ XII, Italia bị chia thành nhiều công quốc thành thị nhỏ bé, những quốc gia này đã giành được sự độc lập nhất định từ những nhà cai trị chính thức. Các công quốc - thành thị này có quan hệ buôn bán rất phát đạt với phần còn lại của châu Âu, trở thành đất lành cho các nhà buôn thành đạt và các nghệ nhân tài năng tìm đến sinh sống. Nhiều công quốc trong số này do các gia tộc quyền thế cai trị (như dòng họ Visconti ở Milan, dòng họ Scaligeri ở Verona và dòng họ Gonzaga ở Mantua). Venezia, Genoa và Siena cũng rất giàu có và hùng mạnh. Firenze do dòng họ Medici, gia tộc các chủ nhà băng, cai quản.

Vào thế kỷ XV - XVI, những thương gia giàu có đã góp phần vào sự bùng nổ của một phong trào văn hóa vĩ đại tại Italia, đó là thời Phục Hưng (có nghĩa là tái sinh). Điểm nổi bật của tư tưởng Phục Hưng là nhằm nhấn mạnh vai trò con người làm chủ số phận của mình chứ

Italia

không chỉ là những nạn nhân của định mệnh. Là những người say mê nghệ thuật, các dòng họ cai quản đất nước Italia thời kỳ Phục Hưng đã thuê các họa sĩ, điêu khắc gia, kiến trúc sư và thi sĩ từ nhiều nơi về làm việc cho mình. Kết quả là Italia có được một tài sản rất phong phú về nghệ thuật, văn hóa và triết học, có ảnh hưởng vô cùng to lớn đến tư tưởng và quan niệm về sáng tạo nghệ thuật của tây Âu.

Con người lý tưởng của thời Phục Hưng có tri thức rộng lớn về nhiều mặt, cả về khoa học cũng như sáng tạo nghệ thuật. Leonardo da Vinci là một thí dụ. Ông là sự kết hợp hoàn hảo giữa một nhà khoa học, một kỹ sư và một nghệ sĩ tài năng. Nhà tư tưởng của thời Phục Hưng mang trong mình lý tưởng của Hy Lạp cổ đại về cái đẹp và nghệ thuật phối cảnh, sống với quan niệm con người là một cá nhân độc lập, có thể định hướng cuộc đời mình một cách lý tưởng và duy lý.

Trong thời kỳ từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XVIII, khi Tây Ban Nha và Pháp đánh nhau để tranh giành mảnh đất Italia, các công quốc - thành thị Italia đã mất đi nhiều quyền tự trị. Vào nửa cuối thế kỷ XVI, người Tây Ban Nha đã thống trị hầu như toàn bộ Italia chỉ có Venezia và công quốc Savoy-Piedmont còn giữ lại được một số quyền tự chủ. Người Áo đã trở thành thế lực chủ chốt tại miền bắc Italia sau khi cuộc chiến giành quyền kế vị Tây Ban Nha kết thúc vào năm 1713, trong khi dòng họ Bourbons Tây Ban Nha thống trị miền nam, còn các giáo hoàng vẫn duy trì được quyền kiểm soát các công quốc miền trung.

Vào cuối thế kỷ XVIII, đạo quân của Cộng hòa Pháp do Napoleon Bonaparte chỉ huy xâm lược miền bắc và miền trung Italia. Năm 1799,

Napoleon đã kiểm soát gần như toàn bộ Italia và nắm quyền cai trị, ông cải tổ quân đội Italia, xây dựng cầu cống, trường học, thủ tiêu hệ thống quản lý ruộng đất phong kiến, tịch thu ruộng đất của giáo hoàng, sửa đổi hệ thống pháp luật và khôi phục nhiều đường sá cũ. Bằng việc hợp pháp hóa những cải cách này và bằng cách khơi dậy ý thức dân tộc của người Italia, Napoleon đã tạo ra nền móng vững chắc cho sự độc lập của Italia về sau.

Sau khi Napoleon thua trận Waterloo năm 1815, Hội nghị Vienne đã trao lại Italia cho các “ông chủ” cũ của nó là người Áo, giáo hoàng và dòng họ Bourbons. Riêng xứ Piedmont vẫn giữ được sự độc lập của mình. Năm 1831, Giuseppe Mazzini, nhà tư tưởng chính trị lỗi lạc người Genoa, đã khởi xướng một phong trào thống nhất gọi là Risorgimento (Hồi sinh).

Giữa thế kỷ XIX, người Italia cầu viện người cầm quyền của xứ Piedmont và Sardinia là Vua Victor Emmanuel Đệ Nhị, cùng với vị thủ tướng của ông là Camilo di Cavour tìm kiếm sự giúp đỡ của Napoleon Đệ Tam. Năm 1859, Chiến tranh Giải phóng nổ ra, quân Áo bị liên quân Pháp - Italia đánh bại, Milano và Lombardy bị chinh phục.

Năm 1860, phần lớn miền bắc và miền trung Italia tán thành thống nhất, nhưng giáo hoàng không chấp nhận hợp nhất các lãnh địa của giáo hoàng với các vùng khác. Ngày 7 tháng 9 năm 1860, Giuseppe Garibaldi, một chiến sĩ đấu tranh cho tự do và là đồng minh của Mazzini, đã thống nhất miền nam Italia và Sicilia với miền bắc. Sau đó, các lãnh địa của giáo hoàng cũng bị thu phục. Tháng 3 năm 1861, Vương quốc Italia Thống nhất ra đời. Hai vùng lãnh thổ vẫn nằm ngoài sự cai quản của vương quốc mới là Venetia (trong tay người Áo) và Roma (trong tay giáo hoàng). Năm 1866, Venetia được nhượng lại cho Italia và 1870, đến lượt Roma bị chinh phục.

Sau khi thống nhất, Italia vẫn còn rối ren. Tuy có nhiều vùng đã chịu sự cai quản của chính quyền trung ương, nhưng họ vẫn có ngôn ngữ và tập quán riêng và Roma trở thành thủ đô của đất nước.

Trong vòng 35 năm sau thống nhất, Italia trải qua 33 chính phủ cầm quyền, đời sống người dân còn rất nghèo khổ. Từ năm 1860 đến năm 1920, hàng triệu người Italia đã rời bỏ đất nước đi tìm cuộc sống tốt đẹp hơn ở nơi khác. Khi Thế chiến thứ Nhất bùng nổ, Italia thoát đầu giữa địa vị trung lập, nhưng sau đó gia nhập phe Anh - Pháp,

Italia

kết quả là 600 ngàn người đã bỏ mạng trong chiến tranh.

Sau Thế chiến thứ Nhất, Italia trải qua một thời kỳ bất ổn xã hội. Để tìm một người đủ sức vực dậy tinh thần dân tộc, đem lại sức sống mới cho nền kinh tế, ổn định tình hình chính trị và ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản, người Italia đã chuyển sang ủng hộ Benito Mussolini vốn là một giáo viên trung học, một nhà hùng biện có sức thuyết phục và là một chính trị gia nhiều tham vọng.

Năm 1921, Mussolini thành lập Đảng Phát xít và giành được 35 ghế trong quốc hội. Ông ta còn được dân chúng ưa thích do những hứa hẹn không tăng thuế, kìm hãm lạm phát, kiểm soát các công đoàn và ngăn chặn bãi công, duy trì luật pháp và trật tự. Năm 1922, Vua Victor Emmanuel Đệ Tam chỉ định Mussolini làm thủ tướng. Năm 1925, ông tự xưng lãnh tụ và trở thành nhà độc tài của Italia. Ông đặt ra ngoài vòng pháp luật tất cả các đảng phái chính trị khác ngoài Đảng Phát xít, kiểm duyệt báo chí, bức hại các đối thủ, giải tán các nghiệp đoàn, dùng cảnh sát mật để đối phó với những lực lượng chống đối.

Với mưu toan làm sống lại kỷ nguyên vĩ đại của đế chế La Mã, Mussolini xâm chiếm Ethiopia vào năm 1936. Sự phản đối của Liên hiệp quốc đã đẩy Mussolini liên minh với Adolf Hitler ở Đức. Năm 1940, tuyên chiến với Anh và Pháp, nhưng bị đánh bại trong các trận chiến ở Pháp, Phi châu, Hy Lạp và Albania trong Thế chiến thứ Hai. Do dân chúng chống liên minh với nước Đức quốc xã, nhà vua cách chức Mussolini và ký hiệp định đình chiến với Đồng minh vào năm 1943. Tuy thế quân Đức vẫn tràn vào miền bắc

Italia. Năm 1944, người dân Italia tập hợp chống quân Đức. Đầu năm 1945, sau khi quân Đức thất thế ở châu Âu, du kích Italia đã treo cổ Mussolini. Năm 1946, người dân Italia biểu quyết chính thể cộng hòa của Italia và vị vua cuối cùng (Umberto Đệ Nhị) đã thoái vị sau 34 ngày lên ngôi. Hiến pháp mới có hiệu lực vào năm 1948 khôi phục lại mọi quyền tự do mà Mussolini đã hủy bỏ, thành lập chính quyền nghị viện.

Năm 1957, Italia trở thành thành viên của Cộng đồng Kinh tế châu Âu và bắt đầu một thời kỳ tăng trưởng mới.

ĐỊA LÝ NHÂN VĂN

Có số dân gần 57 triệu, Italia thuộc số những nước đông dân ở châu Âu. Sự phân bố dân số trên địa bàn cả nước không đồng đều: trong khi Lombardy, Campania và Liguria là những vùng đông dân nhất, hơn 300 người/km², thì tại vùng Trentino-Alto Adige, Sardina, Basilicata và Valle d'Aosta là những vùng dân cư thưa thớt, chỉ có 65 người/km². Khoảng 70% dân số Italia sống tại các vùng đô thị. Mật độ dân số chung trên toàn quốc là 190 người/1km². Roma là thành phố đông dân nhất, với trên 3 triệu người, tiếp theo là Milano (1,5 triệu), Napoli (1,2 triệu), Torino (1 triệu), Genoa (735.000), Palermo (720.000), Bologna (440.000) và Firenze (430.000).

Tuy là quốc gia theo Thiên chúa giáo, nhưng tỷ lệ sinh sản của Italia lại thuộc loại thấp nhất trên thế giới, trung bình một phụ nữ chỉ sinh 1,3 con. Phụ nữ tại các khu vực miền bắc có khuynh hướng sinh nở ít hơn tỷ lệ trung bình, trong khi phụ nữ miền nam lại có khuynh hướng đẻ nhiều hơn. Tỷ lệ tử vong của trẻ sơ sinh ở miền bắc cũng thấp hơn miền nam. Italia đang hướng tới mức tăng dân số zero, nhiều dự báo cho rằng dân số đất nước sẽ giảm xuống còn 56 triệu vào năm 2020.

Tuổi thọ trung bình là 73 tuổi. Do sự chăm sóc y tế tốt và tỷ lệ tăng dân số thấp, nên dân số Italia đang già đi nhanh chóng. Chỉ khoảng 16% dân số dưới 15 tuổi, số trẻ em ở độ tuổi đến trường cũng sụt giảm, từ 10,7 triệu năm 1985 xuống 9,5 triệu năm 1989.

Cư dân miền nam, chịu sự đô hộ của Hy Lạp vào thời cổ đại, mang những nét đặc trưng của dân miền Địa Trung Hải (da sạm, mắt nâu, tóc đen), trong khi cư dân ở phía bắc lại không khác các nước ở châu Âu khác do có những cuộc xâm lược trong nhiều thế kỷ của người

Italia

Đức, người Pháp và người Slave. Người miền bắc thường giống người Đức, người Pháp, ngoại trừ những vùng thuộc dãy Alpes, một số nơi tại Thung lũng sông Po và ở Toscan. Người miền bắc cũng được cho là hơi cao hơn so với người miền nam.

Italia có một số dân tộc thiểu số sống tại nhiều vùng khác nhau. Vùng Valle d' Aosta dọc biên giới với Pháp và Thụy sĩ có nhóm dân cư nói tiếng Pháp; ở Bolzano thuộc vùng Trentino-Alto Adige có nhóm dân cư nói giống tiếng Đức; người thiểu số Slovenia và Đức cũng sống tại Friuli-Venezia Giulia; các cộng đồng nhỏ người Albania sống tại vùng Sicilia, Calabria, Molise, Abruzzi, Campania, Puglia và Basilicata.

Một nhân tố tác động nhiều vào dân số Italia là vấn đề di cư ra nước ngoài cũng như di cư trong nội địa Italia. Có nhiều cuộc di cư từ giữa thế kỷ XIX, ban đầu nhiều người Italia di cư tới Pháp và Thụy Sĩ và vào cuối thế kỷ phần lớn tới Hoa Kỳ, Nam Mỹ. Từ năm 1850 đến năm 1880, mỗi năm có khoảng 120 ngàn người Italia di cư phần đông là dân miền nam. Tính đến năm 1910, hơn 6 triệu người Italia đã đến định cư tại Hoa Kỳ, nhưng sau đó cơ quan di trú Hoa Kỳ hạn chế người Italia nhập cư nên nhiều người đã đến định cư tại các nước châu Âu. Làn sóng di cư bùng nổ sau Thế chiến thứ Hai, từ 1946 đến 1973, 8 triệu người Italia đã di cư tới Đức, Pháp và Thụy Sĩ.

Cho đến năm 1973 thì làn sóng di cư mới đảo ngược, số người Italia quay về tổ quốc lớn hơn số người ra đi. Trải qua 112 năm từ 1861 đến 1973, đã có 26 triệu người Italia di cư nhiều nơi trên thế giới, ngày nay, do sự thịnh vượng của Italia việc di cư ra nước ngoài đã chấm dứt. Trong các thập niên 50 - 60, nhiều người dân

miền nam và đông bắc Italia tìm đến những nơi có công ăn việc làm và đời sống tốt hơn, họ tới Roma và khu tam giác công nghiệp Milano - Torino - Genoa, nơi các ngành công nghiệp đang phát triển nhanh.

Một đặc trưng của người Italia là rất gắn bó với địa phương sinh sống. Nhiều người thích nhận mình là người Toscan hay người Firenze chứ không chỉ đơn thuần là người Italia. Người dân các vùng miền khác nhau cũng có những tính cách riêng như người Milano được coi là có đầu óc kinh doanh, lạnh lùng và lịch duyệt hơn so với người những nơi khác, người Piedmont được cho là kiêu căng và kín đáo, người Napoli nổi tiếng về tính vô tư, người Firenze tôn sùng quá khứ Phục Hưng của mình trong khi người Roma năng nổ...

Về mặt kinh tế - xã hội, vùng miền nam chủ yếu làm nông nghiệp và chăn nuôi, nên có phần kém phát triển hơn so với các vùng ở miền bắc, nhất là tại các thành phố công nghiệp. Nhà nước đã đầu tư nhiều để nâng mức sống ở miền nam, nhưng khoảng cách về kinh tế và xã hội giữa hai miền nam bắc vẫn rất đáng kể.

Ngôi nhà truyền thống của người Italia thường là nhà hai tầng xây bằng gạch hoặc đá, mái lợp ngói, thường có một khoảng sân bên trong hoặc bên cạnh. Nhiều biệt thự cổ vẫn còn ở nông thôn và thành thị. Nhà thường có những hàng cột trang trí, có khoảng sân vườn bao quanh. Ở thôn quê, tầng trệt nhà là nơi kho dụng cụ lao động, trong khi ở thành phố, tầng trệt thường dùng để làm cửa hiệu, ga-ra hoặc văn phòng. Gia đình sống trên tầng hai, còn những tầng cao hơn có thể dùng làm nơi tiếp khách hoặc phòng ngủ cho khách khứa đến chơi nhà. Nhiều ngôi nhà cổ ở các thành phố còn giữ vẻ kiến trúc truyền thống, với một vài bức phù điêu trang trí nhưng bên trong thì rất trắng lẹ. Những khoảng sân trong yên tĩnh thanh bình, những căn phòng quay ra sân có lát đá cẩm thạch, nhiều nhà được trang trí đồ đặc hiện đại mang phong cách riêng của Italia. Việc trang trí nội thất ngay cả những ngôi nhà nhỏ cũng được làm rất công phu.

Nhiều gia đình thượng lưu có nhà ở thôn quê để về nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, một số là lãnh địa của dòng họ xưa truyền lại qua nhiều đời, ngoài ra cũng có những căn nhà nông thôn cũ được nâng cấp cho phù hợp với cuộc sống hiện đại. Người Italia rất chú ý tới vẻ bề ngoài và ấn tượng mà họ tạo ra với người khác. Quan niệm của họ về việc thể hiện một hình ảnh tao nhã và có văn hóa, được gọi là **la bella**

Italia

figura (một hình ảnh đẹp), được biểu hiện bằng nhiều cách, như gửi tặng hoa hay một món quà để đáp lại sự ân cần.

VĂN HÓA NGHỆ THUẬT

Người La Mã cổ đại thờ phụng nhiều vị nam thần, nữ thần và các linh hồn, và họ kết hợp các vị thần linh này vào bộ lịch mặt trăng gồm 355 ngày. Mỗi vị thần chịu trách nhiệm về một khía cạnh của cuộc sống: Jupiter là chúa tể của các vị thần đồng thời là vị thần của bầu trời, Juno là nữ thần của phụ nữ, Mercury là vị thần của các thương nhân, Vulcan là thần lửa, Mars là thần chiến tranh, Minerva là nữ thần của trí tuệ thông thái, Venus là nữ thần tình yêu và sự sinh sản, Mithras là vị thần của các chiến binh.

Hầu hết các vị thần của người La Mã là những vị được thâm nhận từ nhiều nền văn hóa khác. Người La Mã rất ngưỡng mộ văn minh Hy Lạp, nền văn minh đã đạt đến một trình độ văn hóa rất cao, do đó các vị thần của người Hy Lạp được người La Mã tiếp nhận và viết tên họ bằng những chữ cái tên Latin. Ngoài việc tiếp nhận các vị thần của người Hy Lạp, người La Mã còn tiếp nhận thần thánh của các dân tộc khác nữa, như Cybele, nữ thần mẹ của người Thổ, Isis từ bách thần Ai Cập. Họ du nhập bộ ba tam thượng đẳng thần Jupiter - Juno - Minerva từ người Etrusk (vùng Toscan ngày nay). Vào thời đế quốc La Mã, các vị hoàng đế sau khi chết cũng được thờ phụng như những vị thần.

Người La Mã thể hiện lòng sùng kính bằng cách xây đền đài với nhiều lễ nghi dâng cúng, thực hành những nghi lễ phức tạp và hiến tế súc vật để được thần chấp thuận những lời kêu cầu, đem lại cho họ vận may và sự giàu có. Việc thờ cúng các vị thần do các nhóm tăng lữ tiến

hành, họ gắn bó với một hoặc một nhóm các vị thần theo những quy tắc rất nghiêm ngặt.

Trong tất cả những tôn giáo đã du nhập vào La Mã cổ đại thì Thiên chúa giáo ít được khoan dung nhất, từng bị cấm đoán khắp nơi trong đế quốc. Tuy vậy, Thiên chúa giáo vẫn tiếp tục cải đạo cho dân chúng và cuối cùng đã trở thành tôn giáo chính thức của đế quốc vào thế kỷ thứ IV, khi Hoàng đế Constantine chấp nhận và trở thành tín đồ Thiên chúa giáo mộ đạo.

Từ lúc đế quốc La Mã sụp đổ (vào năm 476) cho đến năm 1870, đất nước Italia được tái thống nhất, Thiên chúa giáo La Mã luôn có sức mạnh chi phối xã hội và đất nước. Các vị giáo hoàng cai quản Giáo hội Thiên chúa giáo là những nhân vật có ảnh hưởng vô cùng to lớn về tinh thần cũng như về chính trị, đối với toàn bộ đất nước Italia. Vatican, nơi ở của Giáo hoàng và là trung tâm của Thiên chúa giáo La Mã, tuy nằm bên trong thành phố Roma, nhưng là một công quốc riêng có chủ quyền.

Năm 1929, Thiên chúa giáo La Mã được quy định là quốc giáo của Italia. Tôn giáo là môn học bắt buộc trong các trường công và Giáo hội có quyền hạn hợp pháp quy định những phim ảnh, sách báo và tác phẩm sân khấu nào là phù hợp với khán giả Thiên chúa giáo. Giáo hội có quyền kiểm duyệt các sản phẩm đó nếu thấy trái với học thuyết Thiên chúa giáo. Năm 1984, quan hệ giữa Giáo hội và nhà nước bị cắt đứt trong một Giáo ước chính thức, mặc dù văn bản này vẫn công nhận tầm quan trọng của Giáo hội trong đời sống tinh thần của người dân Italia.

Chính là Giáo hội đã đặt ra những mẫu mực về đạo đức cho người dân Italia thời hiện đại cho dù có tuân theo những giáo lý của Giáo hội hay không xét theo thực chất, thì nhà thờ vẫn có một phần trách nhiệm làm cho dân chúng nhận thức được sự khác nhau giữa điều phải điều trái, và đối xử với người nghèo bằng lòng trắc ẩn. Một trách nhiệm quan trọng của Giáo hội Thiên chúa giáo là giúp đỡ tầng lớp người còn gặp nhiều khó khăn. Giáo hội cung cấp các dịch vụ y tế và phúc lợi cho người nghèo, thực hiện các chương trình hỗ trợ giải mại dâm, người già và những người nghiện ma túy cũng như chỗ ở cho trẻ tàn tật và người bệnh tâm thần. Giáo hội cũng giúp đỡ công ăn việc làm cho những người bị thất nghiệp, thực phẩm và chỗ tạm

Italia

trú cho người đói, ngoài ra cũng chú trọng giáo dục tôn giáo cho thanh thiếu niên.

Giáo hội Thiên chúa giáo La Mã là niềm tự hào vô cùng to lớn của người Italia. Là thánh địa của Thiên chúa giáo La Mã, Vatican là một thể chế cực kỳ quan trọng. Ở đó có những tác phẩm nghệ thuật quý báu nhất trên thế giới và thực tế là ngôi nhà của Giáo hoàng, người được các tín đồ Thiên chúa giáo coi như một vị thánh trên trần thế. Nhiều nhà thờ Thiên chúa giáo tại Italia đặc biệt là nhà thờ San Peter tại Vatican, đều là những kiệt tác kiến trúc thu hút hàng triệu du khách mỗi năm.

Vatican cũng rất nổi tiếng với những kiệt tác nghệ thuật vô giá. Khách đến thăm được chiêm ngưỡng tượng những vị thánh trang hoàng lộng lẫy, tác phẩm của nghệ sĩ Gian Lorenzo Bernini thế kỷ XVII nằm trên đỉnh những cột đá khổng lồ bao quanh mái hiên tuyệt đẹp của Thánh đường San Peter. Các pho tượng **Pietà** và **Apollo Belvedere** tuyệt diệu của Michelangelo, bức bích họa **The Liberation of San Peter** của Raphael nằm trong số những tác phẩm nghệ thuật vô giá được trưng bày trong bảo tàng Vatican. Bức bích họa nổi tiếng của Michelangelo, mà ông đã vẽ suốt bốn năm trời, chiếm trọn 900m² trần của Nhà nguyện Sistine, là nơi các hồng y giáo chủ họp để bầu giáo hoàng mới.

Trong lịch sử nghệ thuật thế giới, Italia đã cống hiến cho loài người những mẫu mực xuất sắc về thành tựu nghệ thuật. Người La Mã cổ đại là những nghệ nhân khéo léo đã dựng nên những tượng đài hùng vĩ trên khắp đế quốc rộng lớn. Italia là cái nôi của thời đại Phục Hưng với nền kiến trúc, hội họa và điêu khắc chói lọi. Người Italia đã cấp cho thế giới kiểu dáng

đường bậc thang, nhà tắm công cộng, hệ thống cầu dẫn nước trên cao qua những địa hình phức tạp.

Những tác phẩm nghệ thuật siêu phàm được cả thế giới biết đến như bức tranh nàng Monna Lisa (tức La Joconde) của Leonardo da Vinci, bức tượng David ở quảng trường Signoria (Firenze) của Michelangelo cùng vô vàn các tác phẩm nghệ thuật điêu luyện khác ở khắp các vùng miền của đất nước khiến cho Italia được coi là “nơi có nhiều kiệt tác nghệ thuật tính trên kilomet vuông hơn bất kỳ một đất nước nào khác trên thế giới”.

Các nghệ sĩ Italia đã đóng góp rất nhiều cho thế giới nghệ thuật trong lịch sử cổ đại, trung đại, hiện đại. Nhưng thời huy hoàng nhất của nghệ thuật Italia là thời đại Phục Hưng, sau những thế kỷ tăm tối thời Trung cổ. Thời kỳ này vào thế kỷ XV - XVI nổi bật lên trong lịch sử châu Âu với sự khai sáng trí tuệ vô cùng to lớn và đặt nền văn minh Hy - La cổ đại cũng như Thiên chúa giáo vào một viễn cảnh phát triển hoàn toàn mới.

Thời “tiền - Phục Hưng” bắt đầu vào những năm đầu thế kỷ XV tại Firenze, khi các nghệ sĩ bắt đầu nghiên cứu về Hy Lạp cổ đại và tiếp thu những quan điểm của nó về hình thức cổ điển và tỷ lệ cân xứng. Các nghệ sĩ Phục Hưng mang tinh thần nhân văn đã để tâm trí vào việc miêu tả cơ thể con người một cách lý tưởng hoặc trong dáng vẻ anh hùng; các nhân vật của họ có tỷ lệ cân đối, tư thế đẹp đẽ và đầy cảm xúc.

Filippo Brunelleschi là kiến trúc sư hàng đầu của thời tiền - Phục Hưng. Sử dụng những nguyên tắc kiến trúc cổ điển về sự hài hòa và cân đối, ông đã xây dựng những công trình đầu tiên của thời Phục Hưng (bệnh viện Firenze, và một số nhà thờ đẹp nhất ở Firenze như San Lorenzo, Santo Spirito và Santa Croce). Nhà điêu khắc Donatello sáng tạo những bức tượng tuyệt đẹp theo phong cách hiện thực về những nhân vật tôn giáo, làm sống lại thể loại tượng tự do. Họa sĩ danh tiếng nhất của thời kỳ này là Massaccio, với đề tài rút ra từ lịch sử La Mã cổ đại, những bức bích họa sử dụng luật phối cảnh và sự lý tưởng hóa hình thể con người. Các nghệ sĩ quan trọng khác ở cuối thế kỷ XV bao gồm họa sĩ Sandro Botticelli (nổi tiếng với tranh **Sự ra đời của Vệ nữ**), họa sĩ Piero della Francesca, với những bức bích họa có tông màu sáng và các nhân vật duyên dáng, cân đối.

Italia

Thời Phục Hưng đạt đến đỉnh cao vào nửa đầu thế kỷ XVI, đây là thời kỳ sáng tạo nhất của nghệ thuật Italia, là lúc đã sản sinh ra những “con người vĩ đại” như Leonardo da Vinci, Michelangelo, Raphael, kiến trúc sư Donato Bramante. Các nghệ sĩ được sự hỗ trợ tài chính từ những gia tộc hàng đầu ở Italia như dòng họ Medici ở Firenze và dòng họ Sforza ở Milan. Giáo hội cũng là một nhà bảo trợ quan trọng của nghệ thuật, khi họ muốn biến Vatican trở thành một công trình bất hủ dâng lên Thiên Chúa với vô số tác phẩm nghệ thuật vĩ đại. Màu sắc và bố cục của những họa phẩm trong Thời kỳ Đỉnh cao gây ấn tượng rất sâu sắc (nhờ sử dụng sơn dầu, một chất liệu được các họa sĩ miền bắc sáng tạo, chứ không phải bằng lòng trắng trứng như trước).

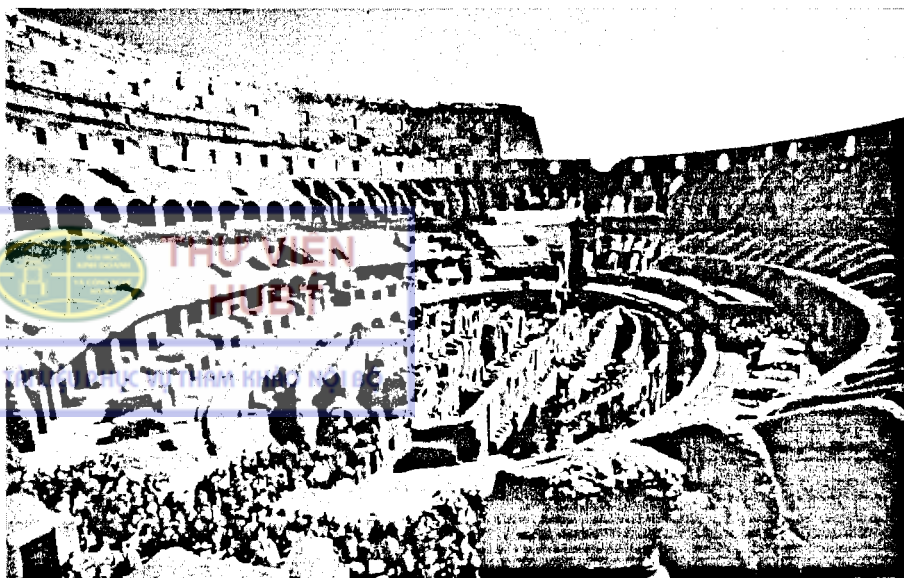
Bức bích họa **The Last Supper** là một trong những tác phẩm đẹp nhất của Leonardo da Vinci, miêu tả bữa ăn cuối cùng của Chúa Jesus vào khoảnh khắc ngài nói với các môn đồ rằng ngài sẽ bị một người trong số họ phản bội. Bởi Leonardo da Vinci rất tự tin trong việc “vẽ bộ mặt sao cho người ta có thể dễ dàng hiểu được cái gì đang diễn ra trong đầu” nhân vật đó, nên mỗi môn đồ đều có vẻ mặt riêng. Leonardo da Vinci còn là một nhà điêu khắc, một kiến trúc sư và cũng là một kỹ sư có bản năng khoa học.

Kiến trúc sư Donato Bramante được giáo hoàng Julius III ủy thác xây dựng lại Nhà thờ San Peter tại Roma, tuy nhiên phần lớn những công trình nghệ thuật thực sự của nhà thờ này là do Michelangelo thực hiện. Trong những bích họa của ông về Chúa trời và Adam tại nhà nguyện Sistine, các bức tượng David và Moses, Michelangelo đã tạo ra những hình tượng biểu

cảm, mạnh mẽ được mọi người ngưỡng mộ. Họa sĩ Raphael đã tô điểm cho Vatican bằng kiệt tác **Trường Athen** (School of Athens), miêu tả những triết gia vĩ đại của Hy Lạp cổ đại.

Đại diện cho Thời kỳ Đỉnh cao ở Venezia là Giorgione, Titan, Tintoretto và Veronese, những họa sĩ sử dụng một bảng màu phong phú, đặc biệt là kiến trúc sư Andrea Palladio, người xây dựng những biệt thự cổ điển cho những người giàu có ở ngoại ô và có ảnh hưởng to lớn tới giới kiến trúc thế giới.

Vào nửa cuối thế kỷ XVI, phong cách “hội họa kiểu cách” được ưa chuộng. Những người theo trường phái này thích tạo ra những tác phẩm cầu kỳ hay cách điệu hóa cao độ như tác phẩm của các họa sĩ Pontormo và Parmigianino. Các nhân vật quá lòe loẹt, hình dáng không tự nhiên và vô cảm, khác xa các nhân vật gây xúc động và lý tưởng hóa của các nghệ sĩ thời tiền Phục Hưng. Trường phái Kiểu cách đã mở đường cho sự ra đời của phong cách Barocco đầu thế kỷ 17. Phong cách này đã hoàn toàn thay thế cho lý tưởng thẩm mỹ của thời Phục Hưng khi các họa sĩ như Caravaggio, Caraccis và điêu khắc gia Bernini đi theo phong cách ấn tượng phi đối xứng.



Di tích khảo cổ học Colosseo

NGHỆ THUẬT
KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ

Italia



Dị tích chợ Trajan ở Roma

1.2. Khái quát về kiến trúc Italia

Nhờ được điều kiện tự nhiên ưu đãi, từ lâu Italia đã trở thành điểm hội tụ những dòng dân cư và những kinh nghiệm văn hóa đặc sắc nhất đến từ những vùng đất khác biệt. Sự gần gũi với Hy Lạp và sự tiếp cận dễ dàng theo đường biển đã khiến Italia có quan hệ chặt chẽ với nền văn minh Hy Lạp ngay từ thời kỳ Hy Lạp cổ đại Mycenea (thế kỷ XVI - XV tCn). Cũng vào thời gian đó và cũng thông qua đường biển, nền văn minh Etrusca thống trị miền Trung Italia, còn miền Bắc lại tiếp cận những ảnh hưởng đến từ Bắc châu Âu.

Một ảnh hưởng lớn đến nền văn hóa nghệ thuật Italia chính là sự hiện diện đồng hành của linh hồn La Mã trên toàn bộ bán đảo Italia và của trái tim Nhà thờ Thiên chúa giáo tại Roma. Hai dòng chảy hòa quyện của nền văn minh La Mã đại đế - nền văn minh quan trọng nhất thế giới châu Âu - Địa Trung Hải cổ và Đạo Thiên chúa giáo - sức mạnh tinh thần nâng đỡ cả phương tây hiện đại đã khiến Italia trở thành cái nôi của văn minh châu Âu và không ngừng mở rộng tầm ảnh hưởng của mình trên toàn thế giới.

Cùng với việc suy sụp của đế quốc La Mã (năm 476 tCn) và khẳng định Đạo Cơ đốc, ở Italia bắt đầu hình thành nền nghệ thuật Trung Cổ dựa trên cơ sở những truyền thống Cổ đại hậu kỳ, cũng như trên cơ sở tác động của nghệ thuật Byzantin và nhiều man tộc (Goth, Langobard, Frank,...) đã thâm nhập Italia. Ở Roma và các thành phố khác của Italia vào thế kỷ IV - VI đã xây dựng những bazilica mà nhìn nhận về sự trang trí lộng lẫy không thua kém gì các công trình của Hoàng đế Cổ La Mã (San Giovanni ở Roma), cũng như các tòa nhà tôn giáo hướng tâm (nhà thờ San Vitale ở Raven). Các nhà thờ lớn được trang trí bằng tranh ghép mảnh nhiều màu (nhà thờ Santa Kostanza ở Roma). Việc sử dụng màu sắc tươi trẻ ở những tranh ghép mảnh liên hoàn trước kia dựa trên cơ sở các truyền thống của nền văn hóa nghệ thuật Cổ đại đã dần dần nhường chỗ cho cách giải quyết bằng hình thức mặt phẳng, đường nét tuyến tính, sự kết hợp màu sắc, âm thanh một cách tinh tế.

Nghệ thuật điêu khắc giữ được truyền thống trang trí Cổ đại Hậu kỳ (đầu cột, tấm ngăn bàn thờ...). Vào thế kỷ VIII - X, vai trò chủ đạo thuộc về kiến trúc Lombardia có hốc mộ bên dưới các bàn thờ

Italia

mà tường ngoài được chia cắt bởi những **xương cánh gà**, vòm đặc và điểm trang trí kiểu vòm; bên cạnh các bazilica có xây dựng những **tháp chuông** (campanile) như tháp phía nam của nhà thờ San Ambrogio ở Milano. Chạm khắc trang trí phù điêu thấp và nghệ thuật kim hoàn, chủ yếu là **khảm**, đã được phát triển, trong đó thấy rõ ảnh hưởng của các nền văn hóa của những man tộc. Trong hoàn cảnh cát cứ phong kiến của đất nước thì phong cách Roman (thế kỷ XI - XIII) ở Italia đã có những nét địa phương đa dạng.

Ở **miền Bắc và miền Trung Italia** đã phổ biến kiểu bazilica ba gian dọc (nhiều khi có sân trong dạng **atrium** như ở nhà thờ San Ambrogio ở Milano) với mặt đứng phía Tây được chia nhỏ bởi các vòm và **những hành lang** nhiều vòm hoặc được trang trí bằng các mái hiên cẩm thạch tại cửa chính (nhà thờ San Gieno Maggiore ở Verona). Ở Toscan đã xây dựng những công trình gọi là **phong cách khảm** với tường ngoài và nội thất lát cẩm thạch nhiều màu (nhà thờ San Miniato al Monte ở **Firenze**). Tổ hợp công trình nhà thờ lớn ở Pisa (nhà rửa tội, nhà thờ lớn và tháp chuông) nổi bật ở sự lộng lẫy và phong phú về trang trí. Tại các công trình Roman của Sicilia đã kết hợp một cách độc đáo những hình thức của nền kiến trúc Byzantin, Arab và Normandie (các nhà thờ lớn ở Cefala, khởi công năm 1131, và ở Monreal). Nhà thờ lớn 5 mái vòm hoành tráng San Marco ở **Venezia** rất ấn tượng với sự lộng lẫy của trang trí bên trong (ốp cẩm thạch, tranh ghép mảnh...).

Bộ mặt của đa số các thành phố Italia đã hình thành trong **thế kỷ XI - XIII**, vào thời kỳ phát triển mạnh mẽ nhất của chúng. Lúc này đã xây

dựng những công trình gia cố thành phố gắn với địa hình giống như thành lũy của nhà tháp xây bằng đá ở Bologna, San Gimignano, các tòa thị chính và các nhà thờ lớn với những tháp chuông thon thả (ở Bergamo, Brescia). Sự xây dựng dày đặc ở các thành phố thời Trung Cổ được bắt nguồn từ quy hoạch đều đặn (Firenze, Bologna, Verona) hoặc không đều đặn (Siena, Venezia) thời Cổ đại và tập trung chung quanh quảng trường trung tâm (thường là quảng trường nhà thờ lớn). Điều khắc Roman đã phát triển đặc biệt ở Emilia và Lombardia (phù điêu của nhà thờ lớn ở Modena, khoảng năm 1106 do nghệ sĩ bậc thầy Viligiello, hoặc các cửa ra vào bằng đồng của nhà thờ San Gieno Maggiore ở Verona). Ở Toscan, điều khắc trên những mặt đứng và trong nội thất các nhà thờ lớn đã kết hợp một cách hữu cơ với khảm đá hoa đa sắc.

Trong **bích họa và tranh ghép mảnh** thế kỷ XI - XII, các sơ đồ bố cục kiểu Byzantin nhiều khi đã kết hợp với cách thể hiện thô thiển của những hình tượng (bích họa của nhà thờ San Clemente ở Roma, tranh ghép mảnh của các nhà thờ lớn ở Cefalu và San Marco ở Venezia).

Vào **giữa thế kỷ XIII**, ở Toscan đã hình thành nền nghệ thuật **Phục hưng Nguyên sơ**. Trong hội họa bàn thờ và hội họa hoành tráng ở Siena thế kỷ XIII - XIV, những nét Phục hưng Nguyên sơ thể hiện xu hướng diễn tả thế giới thực tại sinh động cùng với các truyền thống của nghệ thuật Italia - Byzantin và của tiểu họa phong cách Goth của Pháp. Trong hội họa của các họa sĩ bậc thầy ở Bologna, phong cách Goth của các hình tượng đã kết hợp với những chi tiết cụ thể của cuộc sống (bích họa của Camposanto ở Pisa, các tác phẩm của Altichiero và Avanzo ở Padova).

Phong cách Goth chỉ được nền kiến trúc Italia tiếp nhận một phần đã được phổ biến rộng rãi vào cuối thế kỷ XIII - đầu thế kỷ XIV. Một số môtip trang trí phong cách Goth đã đem lại cho những công trình xây dựng theo tinh thần Roman như Lâu đài Pubbico ở Siena, Lâu đài Vecchio ở Firenze. Sự phân đoạn kiến trúc theo phương thẳng đứng và sự trang trí phong phú bằng điều khắc các mặt đứng nhà thờ theo phong cách Goth có tỷ lệ cân đối của sự phân đoạn theo phương nằm ngang (của nhà thờ lớn ở Siena và **Orvieto**), bởi độ dài phẳng lặng của những nội thất phóng khoáng (nhà thờ San Petronio

Italia

của Bologna, nhà thờ Santa Maria Novella ở Firenze). Các hành lang trở hoa hình mũi tên và những cửa sổ có họa tiết trang trí ở trên kết hợp với mặt đứng nhà ốp đá hoa và màu sắc lộng lẫy làm cho các lâu đài của Venezia có vẻ sang trọng đặc biệt. Từ thế kỷ XII, XIII các đô thị phong kiến châu Âu đã được hồi sinh nhờ sự phát triển nhanh chóng của sản xuất thủ công và thương mại, nhất là ngoại thương. Sang thế kỷ XIV, được tiếp sức của nền kinh tế hàng hóa với sự tham gia tích cực của một bộ phận cư dân đô thị đang giàu lên, các đô thị, đặc biệt là các đô thị tự do bước vào giai đoạn phát triển mạnh. Nhiều đô thị ở châu Âu, trước hết là các đô thị ven Địa Trung Hải, trong đó nổi tiếng là Venezia (Venise) và Firenze (Florence) của Italia đã trở thành các trung tâm kinh tế thương mại quốc tế.

Cho đến những năm đầu của thế kỷ XV, các đô thị trung đại của Italia phát triển mạnh với tư cách là những trung tâm kinh tế quan trọng của thế giới. Đó là Ferrara, Parma, Mediolan, Napoli, và nhất là Firenze nơi xuất hiện đầu tiên mầm mống của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Ngoài ra, Genova (Gênes hoặc Genoa) và Venezia là hai trung tâm ngoại thương hàng hải phát triển, không ngừng mở rộng lãnh thổ, ảnh hưởng của mình ra xung quanh và giữ vai trò là thủ phủ của vùng. Dân cư tập trung cao tại các đô thị (như ở Napoli 200.000 người, ở Venezia khoảng 150.000 người) nói lên sự phồn thịnh của các đô thị Italia thời bấy giờ.

Tư tưởng Phục hưng xuất hiện ở Italia trong những năm đầu của thế kỷ XV, chủ yếu là Phục hưng về văn hóa. Phục hưng văn hóa dựa trên cơ sở nhân văn, thể hiện ý thức của con người

muốn xây dựng mô hình xã hội mới trong sự tôn trọng các giá trị văn hóa cổ đại. Tư tưởng ấy có ảnh hưởng quyết định đến sự phát triển của kiến trúc đô thị của Italia và thế giới.

Nghệ thuật thời Phục hưng ở Italia đánh dấu bước ngoặt trong sự phát triển văn hóa của châu Âu đã trải qua thời hưng thịnh rực rỡ vào **thế kỷ XV - XVI**. Trong nghệ thuật Italia thời kỳ này, nhận thức cảm tính về cái đẹp và cái thơ mộng của cuộc sống trần gian đã được kết hợp với những tìm tòi các phương thức có cơ sở khoa học và các phương tiện thể hiện thế giới chung quanh. Sự nghiên cứu và hiểu thấu một cách sáng tạo về truyền thống của nghệ thuật Cổ đại, cũng như sự khẳng định những lý tưởng nhân đạo của thời đại đã đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong việc hình thành hệ thống các quan điểm nghệ thuật và ngôn ngữ tạo hình hình thức của nghệ thuật.

Ở vùng Lombardie và vùng Toscan, ngay từ đầu thế kỷ XV đã hình thành phong cách kiến trúc Phục hưng. Giới tư sản mới giàu lên và giáo hội Thiên Chúa là tầng lớp giàu có và có thế lực là người đầu tiên có đủ điều kiện đầu tư xây dựng và cải tạo các công trình của mình theo phong cách kiến trúc Phục hưng. Họ muốn thông qua những công trình có phong cách kiến trúc mới để thể hiện vị thế và sức mạnh của họ trong xã hội. Đó là các cung điện, nhà thờ, tu viện, đường phố và quảng trường, trong đó vòm mái (Coupole) nhà nguyện Santa Lorenzo và vòm mái nhà thờ Santa Maria del Fiore ở Firenze do Brunelleschi thiết kế những năm đầu của thế kỷ XV đánh dấu sự ra đời chính thức của phong cách kiến trúc Phục hưng.

Trong kiến trúc thời **Phục Hưng sơ kỳ** (thế kỷ XV), nhất là trong sáng tác của **F. Brunelleschi** và **L. B. Alberti**, hệ thống thức cột Cổ đại được nhận thức theo cách khác đã đặt nền móng cho sự tổ chức nhịp điệu và cơ cấu của nhà. Sự phân chia theo thức cột của các mặt đứng và việc sử dụng những hàng hiên và **loggia**, sân trong với các hành lang (nhà cầu) có dây cuốn tạo ra cảm giác nhẹ nhàng và thoải mái của không gian. Những kinh nghiệm đầu tiên về xây dựng đô thị thời Phục hưng (quần thể của thành phố Pienza) cũng thuộc về thế kỷ XV. Các nhà điêu khắc thời Phục hưng Sơ kỳ đã lập mô hình hình khối - không gian và những quy luật về cấu trúc cơ thể người, dựng phối cảnh bố cục địa hình, thực hiện lý tưởng Phục hưng của cá nhân hoàn

Italia

chính, phát triển một cách hài hòa các tượng chân dung bán thân, tượng mộ chí, tượng đài người cưỡi ngựa.

Đối với kiến trúc thời **Phục hưng Cao trào**, sự tìm tòi bố cục hoàn chỉnh của công trình hướng tâm và tính đa dạng của các giải pháp không gian, tỷ lệ những phân đoạn kiến trúc, tính tạo hình của các chi tiết kiến trúc là các nét điển hình.

Thời kỳ Phục hưng là thời kỳ hoàng kim của nền văn hóa - nghệ thuật Italia và giành những thành tựu to lớn nhất. Cho dù tôn giáo vẫn luôn chiếm một vị trí quan trọng trong văn hóa Italia, chủ nghĩa nhân văn đã trở thành phong trào tinh thần cơ bản, thúc đẩy sức sáng tạo và các công trình nghiên cứu về ngôn ngữ, văn học, lịch sử, triết học.

Việc xây dựng những công trình kiến trúc đơn lẻ, xây dựng và cải tạo các tổng thể kiến trúc đô thị, nhất là các quảng trường công cộng theo phong cách Phục hưng tại các đô thị của Italia được đánh giá là những thành công đáng kể của quy hoạch đô thị Phục hưng Italia.

Những thành công trong khoa học và nghệ thuật thời kỳ Phục hưng, trong đó nổi bật là kiến trúc và quy hoạch đô thị đã cho phép khẳng định thời kỳ Phục hưng là mốc chuyển tiếp quan trọng đặt nền móng cho sự phát triển của văn minh nhân loại sau này. Khái niệm Phục hưng chỉ sự phục hồi và phát triển các giá trị của kiến trúc Hy Lạp - La Mã cổ đại bị lãng quên trong thời kỳ trung đại. Xu hướng khai thác và phát triển các giá trị đặc sắc của kiến trúc cổ đại trên cơ sở tư duy khoa học và phương pháp sáng tạo nghệ thuật mới đã tạo ra phong cách

nghệ thuật Phục hưng. Phong cách nghệ thuật đô thị Phục hưng khởi đầu từ Firenze (Florence) đã nhanh chóng trở thành phổ biến trên cả lãnh thổ châu Âu.

Giá trị nghệ thuật tạo hình không gian kiến trúc và quy hoạch đô thị Phục hưng thể hiện qua thực tế xây dựng và nghiên cứu lý thuyết bao gồm những đặc điểm chính như sau. Lần đầu tiên kiến trúc công trình và quy hoạch đô thị được thiết kế theo quy trình và phương pháp khoa học hoàn chỉnh với vai trò quan trọng có ý nghĩa quyết định chất lượng và giá trị nghệ thuật của kiến trúc đô thị là vai trò của tác giả. Các vấn đề về hình khối, mối tương quan tỷ lệ giữa các thành phần công trình, giữa chi tiết và tổng thể, về vật liệu màu sắc và về hiệu quả thụ cảm thẩm mỹ dưới tác động của ánh sáng... được chú trọng trong nghiên cứu thiết kế kiến trúc và quy hoạch đô thị. Các thức cột cổ điển vốn được quan niệm là những chuẩn mực tạo nên vẻ đẹp kiến trúc, kiến trúc Phục hưng thể hiện ở việc sử dụng một cách hợp lý, có chọn lọc và nhất quán các thức cột cùng những chi tiết trang trí. Đó là vẻ đẹp mang đặc trưng ổn định, tĩnh tại và mạch lạc dễ nhận biết của kiến trúc Phục hưng.

Trong bố cục quy hoạch, vẻ đẹp của tổng thể quy hoạch Phục hưng được hình thành dựa trên sự kết hợp các nguyên tắc chính như nguyên tắc bố cục hình học và đối xứng, nguyên tắc tạo hình ảnh phối cảnh hoành tráng của công trình tạo điểm nhấn trong tổng thể, nguyên tắc thống nhất, trật tự, cân bằng và hài hòa giữa chi tiết với công trình và giữa công trình với tổng thể.

Khi con người được đề cao trong xã hội thì chính họ đã có những sáng tạo góp phần hoàn thiện nền văn hóa của thời đại. Ở thời kỳ Phục hưng, nghệ thuật tạo hình chiếm vị trí tiên phong trong việc khẳng định đặc trưng của văn hóa. Thông qua nghệ thuật, con người Phục hưng chẳng những muốn hiểu biết, mà còn muốn tái tạo và làm chủ thế giới vật chất xung quanh theo tiêu chuẩn của cái đẹp lý tính và hiện thực.

Trào lưu văn hóa, văn nghệ Phục hưng xuất hiện đầu tiên ở thành phố Firenze (Florence) do một nhóm các kiến trúc sư, các nhà điêu khắc, họa sĩ và nhà văn khởi xướng. Coi trọng lý tính, tư duy khoa học, nghệ thuật của con người và những giá trị đặc sắc của văn hóa cổ đại,

Italia

các nghệ sĩ tiên phong đã đề xuất một phương pháp sáng tạo nghệ thuật mới chẳng những làm thay đổi bản chất của lao động nghệ thuật trung đại, mà còn tạo ra các tác phẩm mang phong cách mới, phong cách Phục hưng. Nhờ những giá trị nghệ thuật được xây dựng trên cơ sở của phương pháp khoa học, phong cách Phục hưng mang tính phổ quát đã thay thế phong cách Goth (Gothique) trung đại, nhanh chóng được phổ biến rộng rãi và trở thành phong cách nghệ thuật chủ đạo của châu Âu đương thời. Phong cách Phục hưng còn được gọi là phong cách Cổ điển mang tính chất hàn lâm, bởi nó tái hiện một cách khoa học các giá trị chuẩn mực của nghệ thuật tạo hình cổ đại.

Không thể không đề cao những **“Con người khổng lồ”** về năng lực trí tuệ mà tiêu biểu là Filippo Brunelleschi (1377 - 1446), Battista Alberti (1404 - 1472), Leonardo da Vinci (1452 - 1519), Michel Angello (1475 - 1564) Raffaello Sanzio (1483 - 1520). Những sáng tạo của họ về nghệ thuật và khoa học đạt đến đỉnh cao và là hiện thân đầy đủ của nền văn hóa Phục hưng, một thời kỳ được coi là mốc chuyển tiếp vĩ đại, đặt nền móng vững chắc cho sự phát triển của văn hóa, nghệ thuật và khoa học của nhân loại ở những giai đoạn sau.

Trong kiến trúc đô thị Phục hưng, những thức cột cổ đại của Hy Lạp - La Mã được biết đến, đặc biệt là bộ bách khoa về kiến trúc cổ đại của Marcus Vitruvius Pollio (sinh năm 70 tCn) khơi nguồn cảm hứng cho những sáng tác và quan trọng hơn là phương pháp sáng tác do Filippo Brunelleschi đề xuất trong những năm đầu của thế kỷ XV. Lần đầu tiên F. Brunelleschi đã xây dựng quan niệm mới về kiến trúc, trong

đó kiến trúc phải được thiết kế trước, vai trò quyết định mang tính chất cá nhân của tác giả kiến trúc sư.

Chính những khái niệm và đặc điểm tư duy nêu trên đã khích lệ các kiến trúc sư thời kỳ Phục hưng đi sâu vào nghiên cứu và khám phá lĩnh vực kiến trúc và đô thị. Có thể nói, ở thời kỳ Phục hưng, nghiên cứu lý thuyết về xây dựng đô thị phát triển mạnh mẽ với sự tham gia của một số lượng đông đảo tác giả không chỉ ở Italia, mà còn ở nhiều nước khác của châu Âu. Có thể kể những con người tiêu biểu trong số đó như: Francesco di Giorgio Martini, Leonardo da Vinci, Pierro della Francesca, Leon Battista Alberti, Antonio Averlino Filarete, Giuliano da Sangallo, Antonio da Sangallo...

Bắt đầu từ việc học tập những nguyên tắc xây dựng đô thị cổ đại thông qua các kết quả khai quật khảo cổ học và nhất là thông qua những tài liệu khoa học về đô thị của Hippodamus và của Vitruvius, các tác giả Phục hưng đã tiến một bước dài trong lĩnh vực nghiên cứu lý thuyết về đô thị. Lần đầu tiên đô thị được quan niệm là một tổng thể thống nhất về không gian và chức năng. Do đó nghiên cứu, thiết kế và xây dựng đô thị nhất thiết phải có sự tham gia của nhiều ngành khoa học, kỹ thuật và nghệ thuật, trong đó kỹ thuật phòng thủ quân sự giữ vị trí quan trọng. Như vậy, **các tác giả Phục hưng chính là những người đầu tiên đặt nền móng cơ bản của khoa học đô thị hiện đại.**

Những bí ẩn về phát triển đô thị đã được các tác giả Phục hưng nghiên cứu giải mã từ nghiên cứu về chức năng kinh tế - xã hội của đô thị để nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư đô thị đến việc khai thác những tiến bộ kỹ thuật để cải tạo các tổng thể kiến trúc đô thị cũ không còn thích ứng với nhu cầu phát triển của thời đại mới. Các tác giả Phục hưng đặc biệt dành nhiều tâm huyết vấn đề thẩm mỹ đô thị. Các nỗ lực đó đều nhằm mục tiêu xây dựng những mô hình lý thuyết cho tương lai, trong đó yếu tố tạo hình không gian được đặc biệt chú trọng. Họ đã để lại nhiều kết quả nghiên cứu về đô thị dưới dạng những ấn phẩm, đáng kể nhất là các tài liệu xuất bản của Alberti.

Phong cách Phục hưng là phong cách mang tính chất hàn lâm được cấu thành trên cơ sở niêm luật bố cục hình học cân xứng, chặt chẽ với việc tái sử dụng thống nhất các thức cột cổ điển có sửa đổi. Nó

Italia

tạo nên cho hình thái bố cục tổng thể kiến trúc đô thị một sự mạch lạc rõ ràng, một trật tự ổn định với vẻ đẹp không gian khoáng đạt và tĩnh tại.

Phong cách kiến trúc Phục hưng là phong cách phát triển trên cơ sở các nguyên tắc tổ hợp của kiến trúc cổ đại, nhưng đặc biệt chú trọng tính hợp lý và mạch lạc của bố cục mặt bằng, của tổ hợp mặt đứng công trình bằng cách chọn lọc để sử dụng một cách nhất quán các thành phần kiến trúc cổ đại như thức cột, vòm cuốn... Vì vậy, phong cách kiến trúc Phục hưng chính là tiền thân của phong cách kiến trúc cổ điển được phát triển phong phú trong các thế kỷ sau.

Kiến trúc Italia nửa cuối thế kỷ XVI vẫn duy trì được lý tưởng Phục hưng và phát triển dưới những hình thức công trình Cổ điển của A. Palladio, các xu hướng của chủ nghĩa Kiểu cách được thể hiện trong những công trình của **Giulio Romano, Gi. Vasari**. Mối quan tâm của các kiến trúc sư thời Phục hưng Hậu kỳ đối với mối quan hệ sinh động của nhà cửa với môi trường thành phố và cảnh quan đã phát triển trong kiến trúc **Barocco**. Nghệ thuật Barocco hình thành ở Italia và nở rộ trong thế kỷ XVII. Kiến trúc thời kỳ này có xu hướng theo hình thức nhà hát, quy mô công trình đồ sộ, tổ chức không gian bên trong mang tính "động" căng thẳng. Các mặt bằng phức tạp của nhà và mái vòm ở trên nóc tạo ra ảo giác được phóng đại do hiệu quả trang trí đẹp, những nét uốn cong của các mặt đứng nhà, các mũ cột và điểm mái tách biệt tạo ra cảm giác hình thù có tính biến động.

Trong hai thế kỷ XVII - XVIII ở châu Âu mô hình tổ chức nhà nước quân chủ chuyên chế và

phương thức sản xuất tạo nên sức mạnh tập trung quyền lực và tài chính đã cho phép thực hiện các chương trình phát triển kiến trúc đô thị trên theo quy mô lớn hơn so với thời kỳ Phục hưng. Phương pháp tiếp cận khoa học một cách khách quan dựa trên tư duy duy lý đã phủ nhận quan niệm nghệ thuật là phương tiện duy nhất để nhận thức thế giới thay vào đó là tư duy khoa học tạo cơ sở cho các bộ môn khoa học hiện đại hình thành và phát triển trong đó có bộ môn **thiết kế đô thị**. Thiết kế đô thị là sự phát triển tiếp tục của thiết kế kiến trúc trên quy mô của tổng thể kiến trúc. Về đẹp hình thái của đô thị và sự hợp lý về chức năng thông qua các tổng thể kiến trúc đô thị chính là mục tiêu của thiết kế đô thị.

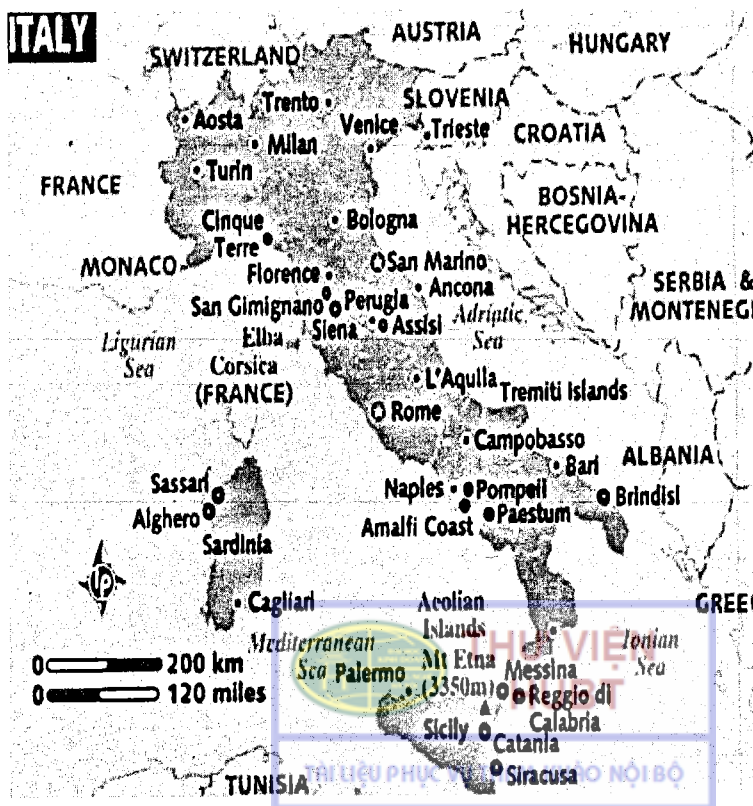
Về đẹp hình thái của các tổng thể kiến trúc đô thị châu Âu thế kỷ XVII - XVIII có những đặc điểm thống nhất trong ngôn ngữ tạo hình được gọi là phong cách **Barocco**. Phong cách kiến trúc đô thị Barocco là kết quả của sự kết hợp khai thác và phát triển các nguyên tắc bố cục không gian kiến trúc Phục hưng, góp phần hoàn thiện nền kiến trúc cổ điển châu Âu. Vẫn dựa trên nguyên tắc bố cục hình học và đối xứng trong thiết kế tổng thể, nhưng phong cách Barocco khai thác đồng thời nhiều trục đối xứng, những biến thể đa dạng của hình, đường cong, thức cột, kết hợp các yếu tố thiên nhiên, ánh sáng, màu sắc... bố cục các trục đường theo dạng tia hội tụ, các quảng trường nhiều dạng hình học khác nhau kết hợp khai thác các yếu tố cây xanh, mặt nước và trang trí kiến trúc ngoại thất với sự nhấn mạnh công trình kiến trúc chính là điểm nhấn không gian, kiến trúc mặt đứng phong phú nhờ vận dụng nhiều hình thức cột và trục đối xứng, là những nguyên tắc phổ biến trong thiết kế các tổng thể kiến trúc đô thị Barocco. Tổng thể kiến trúc đô thị Barocco là một tổ hợp không gian phức hợp có nhiều lớp và được trang trí cầu kỳ, nhiều màu sắc. Không ngoa để nói rằng **không gian Barocco là không gian trình diễn**.

Kiến trúc Italia thế kỷ XIX đã phát triển những nguyên tắc của chủ nghĩa cổ điển. Sau khi đất nước được thống nhất (1870), sự phát triển công nghiệp dẫn tới công cuộc xây dựng đô thị triển khai rộng rãi, nhất là ở các thành phố công nghiệp và các thành phố cảng (Torino, Milano, Napoli), công việc xây dựng đô thị cũng được đẩy mạnh ở Roma. Kiến trúc đầu thế kỷ XX đã hình thành phong cách **Hiện đại** với bố cục trang trí rườm rà và Kiến trúc Vị lai có một chút

NGHỆ THUẬT
KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ

Italia

không tưởng. Thời kỳ 1922 - 43 trong kiến trúc Italia đã hình thành chủ nghĩa Tân - Cổ điển với những nét đặc trưng vốn có về phong cách lịch sử và trang nghiêm. Trong cuộc đấu tranh chống khuynh hướng chính thống đã hình thành trào lưu **Chủ nghĩa duy lý** sử dụng những vật liệu xây dựng hiện đại, các giải pháp không gian và giải pháp kết cấu táo bạo.



Bản đồ Italia

2. ĐẾ CHẾ, VĂN HÓA VĂN MINH VÀ ĐÔ THỊ LA MÃ CỔ ĐẠI

Bán đảo Italia dài và hẹp vươn ra Địa Trung Hải, có dãy núi Alpes phía Bắc ngăn cách với châu Âu, còn lại là ba bề biển bao bọc. Ở phía Nam có đảo Sicile, phía Tây là hai đảo Corse và Sardinia. Nhiều vùng đồng bằng màu mỡ như vùng sông Pô, vùng Trung Italia và đảo Sicile. Khí hậu ấm áp, mưa nhiều là những điều kiện thuận lợi cho sự phát triển nông nghiệp, ngoài ra cũng có khoáng sản khá phong phú như đồng, chì, sắt... thuận lợi cho sự phát triển công nghiệp khai khoáng và luyện kim. Bờ biển Italia có nhiều vịnh tạo điều kiện tốt cho tàu bè lui tới.

Trên bán đảo từng có con người cư trú khá sớm và là nơi gặp gỡ của các luồng văn minh Đông và Tây Địa Trung Hải, Bắc Phi.

Dù ra đời muộn hơn so với nhiều nền văn minh khác, nhưng nền văn minh La Mã đã phát triển rất nhanh chóng.

Văn minh La Mã cổ đại hình thành trên bán đảo Italia cùng với sự hình thành của đô thành Roma. Từ một quốc gia thành thị nhỏ bé xuất hiện vào thế kỷ VIII tCn ở miền trung bán đảo Italia, thành Roma phát triển, trở thành thủ đô của đế quốc La Mã và là đế quốc hùng mạnh nhất trong thế giới cổ đại. Lịch sử La Mã gắn liền với các cuộc chiến tranh chinh phạt, mở rộng lãnh thổ. Vào thế kỷ I tCn biên giới

Italia

của đế quốc La Mã bao trùm một địa bàn rộng lớn ở vùng Địa Trung Hải, bao gồm cả lãnh thổ Tây Âu và Đông - Nam Âu, Tiểu Á, miền Tây vùng cận Hắc Hải, miền duyên hải Bắc Phi, Syria, Palestin và các khu vực khác. Trong quá trình mở rộng lãnh thổ, La Mã đã không ngừng khai thác những vùng miền chiếm đóng để phát triển nền văn minh của mình. Nền văn minh La Mã thực sự là sự kết hợp và nâng cao những yếu tố tiếp nhận từ nền văn minh Hy Lạp cùng với các yếu tố địa phương trong vùng.

Nền văn hóa của Roma cổ đại (triết học, thần thoại học, khoa học tự nhiên, sử học và luật học, y học, văn học, nghệ thuật sân khấu, kiến trúc, nghệ thuật tạo hình và nghệ thuật trang trí ứng dụng) đã đóng vai trò quan trọng trong sự hình thành nền văn minh châu Âu. Trong sự phát triển của mình, nó dựa vào di sản nghệ thuật vô cùng phong phú của Hy Lạp cổ đại, cũng như những truyền thống địa phương của Roma cổ đại và của Etruria.

Sau khi thống trị toàn bộ lãnh thổ Hy Lạp cổ đại vào năm 146 tCn, nền văn minh La Mã cổ đại bước vào giai đoạn phát triển có kết hợp với những giá trị văn hóa đặc sắc của nền văn minh Hy Lạp. Nền văn minh La Mã đạt đến mức độ cực thịnh trong thế kỷ I và II với thành Roma là trung tâm của văn minh thế giới và suy tàn khi đế quốc Tây La Mã bị diệt vong vào năm 476 sCn.

Tuy nhiên nếu như các nhiệm vụ giáo dục - tinh thần của nghệ thuật cổ Hy Lạp có ý nghĩa chính thì những chức năng thực dụng lại nổi lên hàng đầu đối với người La Mã. Đối với người La Mã, nghệ thuật là một trong các phương tiện tổ chức cuộc sống một cách hợp

lý. Kiến trúc với những tìm tòi vốn có của nó về kết cấu và kỹ thuật dựa trên cơ sở xây dựng hợp lý và thực tế đã đóng vai trò chủ đạo ở nghệ thuật La Mã.

Tuy ra đời muộn hơn so với những nền văn minh cổ đại khác ở phương Đông và phương Tây, nhưng nền văn minh La Mã đã nhanh chóng đạt tới những đỉnh cao nhờ sự tiếp thu những nền văn minh trước đó, đặc biệt là văn minh Hy Lạp đồng thời nhờ sự sáng tạo và tài năng của người La Mã, nền văn minh La Mã đã để lại cho hậu thế nhiều di sản vật chất và tinh thần to lớn. Ảnh hưởng của văn minh La Mã đối với thế giới, đặc biệt là ở châu Âu rất sâu đậm trên nhiều lĩnh vực.

Không thể phủ nhận ảnh hưởng của văn minh Hy Lạp ở vùng Địa Trung Hải, ở châu Âu và nhiều nơi trên thế giới. Văn minh Hy Lạp đã chiếm vị trí quan trọng đặc biệt ở các quốc gia bị chiếm đóng ở đông Địa Trung Hải, Tiểu Á và ven bờ Hắc Hải mà lịch sử gọi là “thời kỳ Hy Lạp hóa”. Nhưng từ khi La Mã xuất hiện trên vũ đài lịch sử cùng với việc bành trướng lãnh thổ để hình thành đế quốc rộng lớn thì từ đó văn minh La Mã, với sự tiếp thu văn minh Hy Lạp, đã có vai trò to lớn ở khắp vùng Địa Trung Hải và châu Âu.

Sự ra đời của nhà nước cộng hòa La Mã với thiết chế chính trị chặt chẽ của nó đã có sức cuốn hút đối với nhiều xã hội. Giá trị của nó đã được các quốc gia châu Âu sau này coi trọng và vận dụng thích hợp vào điều kiện lịch sử của mình. Tổ chức nhà nước La Mã qua các thời kỳ cùng với hệ thống luật pháp đã in dấu ấn vào các nhà nước ở vùng Địa Trung Hải, ở các nước châu Âu trong thời trung đại và cận đại với những mức độ khác nhau. Luật pháp La Mã kể từ bộ luật “mười hai bảng” đã được các nhà làm luật, các chính khách tiếp thu có chọn lọc để xây dựng những bộ luật ở nhiều quốc gia.

Nếu trong các lĩnh vực văn chương, nghệ thuật, triết lý, người La Mã bị xem là học trò của người Hy Lạp, thì trong lĩnh vực luật pháp, vị thế của họ cao hơn nhiều. Các nhà nghiên cứu đều dễ dàng thống nhất rằng di sản quan trọng nhất mà người La Mã đã để lại chính là hệ thống pháp luật của họ. Cùng với chữ Latinh, đây là di sản lâu bền nhất mà người La Mã đã đóng góp vào nền văn minh chung của nhân loại.

Hệ thống pháp luật của La Mã là kết quả của một quá trình tiến triển lâu dài khởi đầu bằng bộ luật **Mười hai bảng** công bố năm 450 tCn khi nhà nước La Mã mới được thành lập. Người bình dân vốn là thành phần chủ yếu của xã hội, hầu như không được hưởng những quyền lợi kinh tế, chính trị. Họ đã phải tiến hành cuộc đấu tranh quyết liệt kéo dài hơn 200 năm (494-287 tCn), buộc giai cấp quý tộc phải giải quyết những quyền lợi cơ bản của bình dân bằng những đạo luật thành văn.

Năm 452 tCn, chính quyền La Mã đã cử ra một Ủy ban dự thảo pháp luật với quyền hạn rộng rãi. Sau hai năm làm việc, trên cơ sở xem xét những luật đã ban hành và cử người sang Athena tham khảo luật Solon, Ủy ban đã soạn thảo một bộ luật mới khá hoàn chỉnh. Luật được khắc trên 12 bảng đồng và được đặt tại những nơi công cộng (năm 450 tCn), nên thường gọi là luật **Mười hai bảng**.

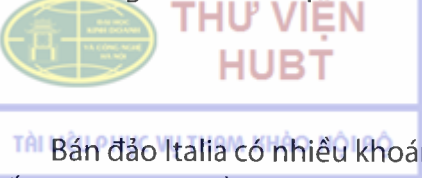
Nội dung của luật khá rộng rãi và tiến bộ. Nó chống lại sự xét xử độc đoán của quý tộc, bảo vệ quyền lợi và danh dự cho mọi công dân, đề ra những nguyên tắc về tố tụng, xét xử, vấn đề kế thừa tài sản... Nhưng về bản chất, mục đích chính của luật là bảo vệ những thiết chế chính trị cũng như quyền lợi của quý tộc.

Ảnh hưởng của văn hóa, tín ngưỡng và khoa học thời văn minh La Mã tại châu Âu đặc biệt rõ nét. Đạo Cơ Đốc đã lan rộng khắp châu Âu và thế giới, chi phối đời sống tinh thần và cả đời sống chính trị của nhiều quốc gia, dân tộc. Khi La Mã trở thành kinh đô của đạo Cơ Đốc, tổ chức hành chính Cơ Đốc giáo về sau đã trở thành khuôn mẫu cho cơ cấu giáo hội ở nhiều quốc gia.

Tư tưởng thực dụng của người La Mã xưa được phản ánh trung thực trong các lĩnh vực nghệ thuật và khoa học cũng tác động tới người châu Âu trong nhiều thế hệ. Nghiên cứu về bản sắc văn hóa phương Tây, nhiều nhà khoa học có chung nhận xét là chủ nghĩa nhân văn cổ Hy Lạp - La Mã là một trong ba yếu tố quan trọng nhất cấu thành bản sắc văn hóa ấy. Khởi đầu, văn minh Hy Lạp đã tạo ra những lý tưởng nhân bản và phát triển rực rỡ vào các thế kỷ V và IV tCn. Tiếp thu những lý tưởng ấy, La Mã đã phát triển nó **đặc biệt thành công trong các lĩnh vực kiến trúc, luật pháp, tổ chức tôn giáo, uy lực nhà nước...**

Sau nhiều thế kỷ bị kìm hãm trong tư tưởng phong kiến với chủ nghĩa kinh viện Cơ Đốc giáo, người phương Tây đã "thức tỉnh" với sự ra đời của giai cấp tư sản và hệ tư tưởng tư sản. Phong trào cải cách tôn giáo và phong trào văn hóa Phục hưng thể hiện cuộc đấu tranh tư tưởng rất sâu sắc và cho ra đời những thành quả lớn lao. Điều đáng chú ý là trong cuộc đấu tranh tư tưởng ấy, chủ nghĩa nhân văn cổ Hy Lạp - La Mã luôn được khơi dậy và đề cao. Tự do tư tưởng, tự do sáng tạo và tự do phê phán của cá nhân được đề cao trong các phong trào này là sự chuẩn bị cho phương Tây bước vào thời kỳ cận đại và hiện đại.

Ngày nay, trong nhiều lĩnh vực tư tưởng, văn hóa thế giới, nhất là ở châu Âu, dấu ấn của văn hóa La Mã vẫn rất rõ nét. Sự lan tỏa của văn minh La Mã nói chung và ảnh hưởng của văn hóa La Mã thời cổ đại đối với thế giới là rất đáng kể. Những di sản của nền văn minh La Mã, một trong những nền văn minh cổ đại Tây phương phát triển rực rỡ trong những thế kỷ giao thoa của lịch sử loài người, đã trở thành tài sản chung của nhân loại.



Bán đảo Italia có nhiều khoáng sản, đồng bằng phì nhiêu, khí hậu ấm áp, mưa nhiều, có vị trí thuận tiện cho việc giao thương với các quốc gia trong vùng Địa Trung Hải nên là môi trường thuận lợi cho các bộ tộc phát triển về mọi mặt.

Cho đến thế kỷ VIII tCn, trên bán đảo Italia đã hình thành hai nền văn hóa chủ đạo: Nền văn hóa Etrusk ở phía Bắc và nền văn hóa Hy Lạp hóa ở phía Nam, trong đó nền văn hóa Etrusk tồn tại với tư cách

Italia

là nền văn hóa bản địa, còn nền văn hóa Hy Lạp hóa là nền văn hóa thâm nhập từ bên ngoài. Cả hai nền văn hóa đều có điểm chung là tổ chức nhà nước trên cơ sở các thành bang độc lập và tín ngưỡng đa thần giáo. Sự khác nhau nằm trong cách tổ chức đô thị và trong quan niệm về tín ngưỡng. Người Etrusk thiện chiến và tin vào sức mạnh huyền bí của thần linh, bói toán (ảnh hưởng của quan niệm tín ngưỡng huyền bí phương Đông) nên trong tổ chức và xây dựng đô thị họ đề cao yếu tố phòng thủ và tính hợp lý, dễ vận động khi có chiến tranh của mặt bằng đô thị. Trái lại, người Hy Lạp yêu thích cuộc sống công cộng, tôn trọng thiên nhiên, và trong quan niệm tín ngưỡng, các thần Hy Lạp gần với cuộc sống của con người, nên trong tổ chức và xây dựng đô thị, người Hy Lạp chú trọng nhiều hơn đến việc tổ chức cuộc sống cộng đồng và hướng tới sự hài hòa với cảnh quan thiên nhiên.

Vào thế kỷ VIII tCn Nhà nước La Mã ra đời trong cuộc đấu tranh chống ách thống trị của người Etrusk và không ngừng lớn mạnh với sự hừng khởi của thành Roma. La Mã phát khởi ở nơi giao nhau của hai nền văn hóa Etrusk và Hy Lạp. Do đó, trong quá trình phát triển, La Mã chịu ảnh hưởng của hai nền văn hóa đó và ở giai đoạn đầu thì văn hóa Etrusk chiếm ưu thế.

Ngôn ngữ Latin mà người La Mã thống nhất sử dụng trong toàn bộ lãnh thổ của mình là một bằng chứng cụ thể nhất của sự tiếp nhận đồng thời hai nền văn hóa Etrusk và Hy Lạp. Ban đầu, để xây dựng ngôn ngữ và chữ viết của mình, người Etrusk đã vay mượn chữ cái từ các ngôn ngữ của người Hy Lạp, người Latin, người Ombrie, người Sabin... (những bộ tộc sinh sống

trên bán đảo Italia thời bấy giờ). Sau đó, người La Mã tiếp nhận hệ thống chữ cái của người Etrusk, dần dần cải biến thành hệ thống 23 chữ cái và ngôn ngữ Latin chính thống của người La Mã hình thành.

Về tín ngưỡng: Ban đầu tục thờ đa thần gắn bó với tự nhiên của người La Mã có nguồn gốc từ văn hóa Hy Lạp. Sau đó, do ảnh hưởng từ văn hóa Etrusk và Phương Đông xuất hiện xu hướng thờ đơn thần. Cuối cùng hình thành một tôn giáo mới là Đạo Cơ Đốc. Đạo Cơ Đốc thực chất là sự tổng hợp có chọn lọc những tư tưởng triết học duy tâm của Hy Lạp, La Mã và thần học của các quốc gia Phương Đông.

Khác với ở Hy Lạp, chế độ nô lệ ở La Mã hà khắc hơn, thể hiện ở sự bất bình đẳng nghiêm trọng trong xã hội phân chia đẳng cấp rõ rệt. Tầng lớp chủ nô thu tóm tài sản và tư liệu sản xuất, tiến hành bóc lột thậm tệ sức lao động của nô lệ trên một quy mô rộng lớn, làm xuất hiện đông đảo số lượng nô lệ thất nghiệp cùng với mâu thuẫn xã hội gay gắt giữa chủ nô và nô lệ. Nhiều cuộc khởi nghĩa vũ trang của nô lệ và dân nghèo đã nổ ra trong những thế kỷ II và I tCn, đáng kể nhất là cuộc khởi nghĩa do Spartacus lãnh đạo vào những năm 73 - 71 tCn.

La Mã không ngừng củng cố thể chế chính trị và hoàn thiện cơ cấu tổ chức Nhà nước pháp quyền trên cơ sở của bộ luật La Mã (thế kỷ III tCn). Nền cộng hòa La Mã xuất hiện, nhưng do tham vọng bá chủ thế giới đã làm cho nền cộng hòa bị thủ tiêu, nhường chỗ cho chế độ độc tài La Mã vào thế kỷ I tCn dưới thời Caesar.

La Mã tiếp tục chiến tranh mở rộng lãnh thổ. Kết quả là vào thời kỳ Đế quốc, La Mã đã cai quản cả một khu vực có số dân 71.000.000 người, trong đó có 7.000.000 người thuộc bán đảo Italia (riêng thành Roma là 1.000.000 người), 23.000.000 người thuộc phần đất châu Âu, 10.000.000 người thuộc Ai Cập, 6.000.000 người thuộc châu Phi và 25.000.000 người thuộc phần đất châu Á.

Nghệ thuật La Mã cổ đại trong các lĩnh vực nghệ thuật chủ yếu như kiến trúc, hội họa, điêu khắc cũng đều có sự tiếp thu của nghệ thuật Hy Lạp. Sự sáng tạo của người La Mã đã làm cho nền nghệ thuật ấy có vị trí xứng đáng trong nền văn minh La Mã. Trong các lĩnh vực nghệ thuật thì **kiến trúc là ngành có nhiều thành công hơn cả.**

Những công trình kiến trúc được xây dựng lúc thành Roma bắt đầu hình thành thường bắt chước kiểu dáng của Hy Lạp và các quốc

Italia

gia láng giềng: các cây cột được làm theo mẫu các cột Hy Lạp, đặc biệt là cột kiểu Cô-ranh. Những mái vòm có sự sao chép mẫu vòm tròn của người Etrusk để sáng tạo ra các vòm cầu rồi một dãy vòm liên tục tạo thành bộ mái che kín một khoảng rộng. Vòm mái trong kiến trúc là sáng tạo hoàn toàn của người La Mã cổ xưa.

Nền kiến trúc La Mã phát triển mạnh vào những năm cuối thế kỷ trước Công nguyên khi đế quốc La Mã trở nên hùng mạnh. Hầu hết những thành tựu kiến trúc, nghệ thuật quy hoạch đô thị, kỹ thuật xây cất cầu đường... bắt đầu từ thời gian này. Cho dù là tiếp thu nghệ thuật kiến trúc Hy Lạp, thì người La Mã vẫn có tư duy thực tế hơn nhiều. Các công trình kiến trúc của họ thường có hình khối lớn, đáp ứng nhiều chức năng và có độ bền chắc hơn nhiều. Điều này ảnh hưởng sâu sắc tới quy hoạch đô thị và nghệ thuật kiến trúc La Mã, một nền nghệ thuật thiên về cái đồ sộ và vững chãi, do đó những chi tiết kiến trúc không còn tinh vi như trong kiến trúc Hy Lạp xưa kia.

Các thành thị La Mã cổ đại được xây dựng một cách khoa học với những đường phố chạy song song, ngang dọc, tạo thành những mạng lưới ô vuông bàn cờ. Trong mạng lưới đường phố có hai trục đường lớn cắt nhau ở trung tâm, một quảng trường lớn ở chỗ giao nhau của hai đường trục gọi là Forum. Forum là nơi sinh hoạt văn hóa, tư pháp, tôn giáo và cũng là nơi thể hiện các công trình kỷ niệm của các hoàng đế và thường mang tên họ. Ở Roma có các quảng trường Xêda (Caesar), Oguste, Nerva, Trajan... trong đó quảng trường Trajan có quy mô kích thước lớn.

Trong kiến trúc Cổ La Mã, những chức năng tư tưởng được kết hợp với các nhiệm vụ tổ chức sinh hoạt công cộng; trong thực tiễn xây dựng đã có để ra một hệ thống linh hoạt những phương thức kết cấu, quy hoạch và bố cục được áp dụng cho các kiểu nhà có chức năng khác nhau. Phổ biến ảnh hưởng nghệ thuật của mình ở các tỉnh thuộc Vương quốc và ở các nước phụ thuộc, người La Mã đồng thời cũng tiếp thu và thực hiện kinh nghiệm của những dân tộc khác (các nước phương Đông Hy Lạp hóa hoặc của những man tộc - barbarus). Nhiều khi nghệ thuật Cổ La Mã đã tiếp sức cho sáng tác của địa phương, làm nảy sinh các hiện tượng nghệ thuật hỗn hợp. Nền kiến trúc La Mã đã vay mượn của người Etrusk mẫm mống quy hoạch điều hòa theo trục những quần thể, kỹ thuật xây dựng cao (xây bằng khối đá đẽo vuông góc, vòm giả, ốp đất sét nung bên ngoài gạch mộc và các vật liệu khác) và các kiểu ban đầu của những công trình phòng thủ, thủy lực, tôn giáo và nhà ở. Các đặc điểm của nhà thờ vốn có là của người Etrusk (phòng thờ ba phần có nhấn mạnh mặt chính của nhà thờ với hàng hiên và cầu thang) về sau đã trở thành những nét điển hình của kiến trúc tôn giáo La Mã (đền thờ Jupiter Capitolin ở Roma, được phong Thánh năm 509 tCn). Các tác phẩm sớm nhất của hội họa và nghệ thuật trang trí, ứng dụng Cổ La Mã cũng có quan hệ mật thiết với nghệ thuật của người Etrusk. Với sự mở đầu thời kỳ thực dân hóa của Hy Lạp vào các thế kỷ VII - IV tCn, những truyền thống cổ Hy Lạp cũng đóng vai trò quan trọng. Người La Mã đã tiếp thu hệ thống **thức kiến trúc**, nhiều hình thức điêu khắc... của Hy Lạp. Đồng thời, các hình ảnh thể hiện tổ tiên Cổ La Mã đã có từ trước (dưới dạng mặt nạ sáp làm theo mặt người quá cố và tái tạo chính xác các nét và màu sắc của khuôn mặt) cũng có ảnh hưởng đến sự hình thành những nét đặc trưng La Mã của tượng chân dung.

Sự hình thành và phát triển của nền văn minh La Mã gắn liền với lịch sử phát triển của Nhà nước La Mã cổ đại, được chia thành ba thời kỳ như sau:

a. Thời kỳ Vương chính (753 - 510 tCn)

Đây là thời mạt kỳ của chế độ thị tộc La Mã, có tên thời Vương chính vì nhà nước do vua đứng đầu. Theo truyền thuyết, người lập ra thành La Mã vào năm 753 tCn là Romulus, con trai thần Mars với một nữ tu. Lúc đầu La Mã chỉ là một thành thị nhỏ bé với ba bộ lạc người

Italia

Latin cư ngụ, nhưng quyền cai trị lại rơi vào tay người Etrusk. Ngoài Vua mà thực chất là Thủ lĩnh quân sự, tổ chức nhà nước có Viện nguyên lão và Đại hội nhân dân. Chế độ xã hội của họ tương tự như của Hy Lạp vào thời đại Homer.

b. Thời kỳ Cộng hòa (509 - 27 tCn)

Không cam chịu ách thống trị của người ngoại tộc, năm 510 tCn người La Mã đã đuổi người Etrusk, chấm dứt thời Vương chính và lập ra chế độ Cộng hòa. Thể chế mới và quy chế công dân La Mã đã tạo điều kiện cho La Mã phát triển kinh tế và mở rộng bờ cõi. Đến năm 275 tCn, La Mã đã hoàn toàn làm chủ bán đảo Italia.

Sau đó, La Mã tiếp tục chính sách bành trướng mở rộng lãnh thổ, tiến hành chiến tranh với Đế chế Carthage hùng mạnh trong suốt hơn một thế kỷ (từ 264 đến 146 tCn). Kết quả, La Mã đã chiến thắng: đế quốc Carthage vĩnh viễn bị xóa tên trên bản đồ, La Mã chiếm được nhiều đất đai ở Địa Trung Hải và châu Âu, lập thuộc địa ở Bắc Phi còn ở phía đông đã chiếm Syria năm 189 tCn, và Ai Cập năm 30 tCn. Như vậy, Địa Trung Hải, vốn là "chiếc gương soi chung của ba châu", nay trở thành "cái hồ của La Mã".

Kinh tế La Mã phát triển mạnh mẽ. Chiến tranh đem về cho La Mã nhiều tiền bạc và nô lệ. Kinh tế La Mã nhờ vậy mà phát triển nhanh chóng. Latiphundia là đặc trưng hoạt động kinh tế nông nghiệp như một kiểu đại điền trang và cũng là hình thái sản xuất cơ bản của nền kinh tế La Mã. Những vùng đất đai rộng lớn ở Italia và những nơi bị La Mã chiếm biến thành các Latiphundia chuyên trồng các loại cây trái có giá trị kinh tế cao, ở đó chủ nô sử dụng từ hàng trăm

đến hàng nghìn nô lệ. Bên cạnh đó, nghề thủ công, thương nghiệp cũng rất phát triển. Đồng tiền La Mã đúc bằng đồng, bạc, vàng có giá trị lưu thông khắp Địa Trung Hải.

Về chính trị, chế độ cộng hòa quý tộc La Mã dần dần được dân chủ hóa do kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài (từ năm 287 tCn) và bền bỉ của tầng lớp **pleb** (bình dân). Hệ thống pháp luật cũng được hoàn thiện thêm, đặt cơ sở cho sự phát triển của chế độ chiếm hữu nô lệ. Nô lệ là lực lượng lao động chủ yếu và được sử dụng rộng rãi trong các ngành kinh tế cũng như trong sinh hoạt. Họ bị đối xử vô cùng khắc nghiệt. Những cuộc nổi dậy của nô lệ, mà điển hình là khởi nghĩa Spartacus (73 - 71 tCn), đã làm cho chế độ nô lệ thêm suy yếu.

c. Thời kỳ Đế chế (27 tCn - 315 sCn)

Từ cuối thế kỷ I tCn, xã hội La Mã bộc lộ những mâu thuẫn ngày càng sâu sắc và phức tạp. Vai trò của các tướng lĩnh được đề cao, khuynh hướng sử dụng bạo lực ngày càng chiếm ưu thế đã dẫn tới sự xuất hiện của chế độ độc tài. Từ năm 60 tCn, Caesar với Pompey và Crassus lập nên "chế độ Tam hùng" (nhóm chuyên chính ba người) lần thứ nhất. Sau đó Caesar mưu toan thiết lập chế độ độc tài cá nhân, nhưng năm 44 tCn ông bị ám sát.

Từ năm 43 tCn, "chế độ Tam hùng" lần thứ hai của Antonius, Lepidus và Octavius được thiết lập. Octavius đã thực sự là hoàng đế dù còn khoác áo Cộng hòa. Thế kỷ I - II, chế độ chiếm hữu nô lệ La Mã đạt đến giai đoạn cực thịnh. Thời đại Octavius được coi là "Thời hoàng kim" (30 tCn - 14 sCn). Octavius được suy tôn là Augustus (Đấng tối cao, Đại đế). Tới thế kỷ II, lãnh thổ của Đế chế La Mã đã được mở rộng hết mức, bao gồm phân nửa lục địa châu Âu với 60 triệu dân. Ngoài ra, nó còn làm chủ những vùng đất đai rộng lớn ở châu Phi và Trung Cận Đông.

Từ thế kỷ III, La Mã bước vào thời kỳ suy vong. Cuộc khủng hoảng diễn ra một cách toàn diện và sâu sắc, bao trùm cả lĩnh vực kinh tế và chính trị. Các đại điền trang - hình thái kinh tế chủ yếu - tan vỡ, số lượng nô lệ giảm sút. Thủ công nghiệp, thương nghiệp đình đốn, dân số giảm, thành thị tiêu điều. Nô lệ và lệ nông nổi dậy. Bên ngoài, những cuộc tấn công của người Giecmán thúc đẩy nhanh thêm quá trình tan rã của Đế chế.

Italia

Năm 395, Đế chế La Mã bị chia làm hai: Đế chế Tây La Mã đóng đô ở La Mã, Đế chế Đông La Mã đóng đô ở Constantinople (còn gọi là Đế chế Byzantin). Đế chế Tây La Mã chấm dứt sự tồn tại vào năm 476, khi thủ lĩnh người Gieccoman là Odoacer lật đổ Romulus, Hoàng đế cuối cùng của Đế chế La Mã.

Mãi đến thời kỳ Đế chế, nghệ thuật La Mã mới có được tính chất riêng biệt phản ánh đúng bản sắc dân tộc. Còn trước đó, cái gọi là nghệ thuật La Mã thực ra chỉ là sự du nhập đơn thuần từ nghệ thuật Hy Lạp hóa phương Đông. Các đạo quân chinh phạt đã mang về La Mã hàng đoàn xe chất đầy tượng, phù điêu và các cột đá hoa cương như là một phần chiến lợi phẩm. Trở thành tài sản của tầng lớp thống trị, chúng được dùng để tô điểm tư dinh của họ. Hàng trăm bản sao chép sau đó được làm ra để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng lên. Kết quả là vào cuối thời kỳ Cộng hòa, ở La Mã có vô số những tác phẩm nghệ thuật không mang chút nét đặc thù La Mã nào. Vầng hào quang tự hào dân tộc vây bọc thời kỳ Đế chế đã thúc đẩy sự ra đời của một nền nghệ thuật mang đậm tính dân tộc hơn.

Các thành tựu cao nhất của nền kiến trúc Cổ La Mã thuộc về thời đại hưng thịnh của Đế quốc La Mã (thập niên 20 của thế kỷ I tCn - thế kỷ II). Những công trình xây dựng của thời kỳ này có đặc điểm nổi bật bởi **tính điêu khắc hoành tráng của khối** và vai trò **chủ đạo của vòm** cùng với những hình thái phát sinh của nó (cuốn, mái vòm). Cùng với không gian rộng lớn bên trong, lớp ốp tường bê-tông bằng gạch và đá có xen thêm cẩm thạch, bởi việc sử dụng rộng rãi điêu khắc và hội họa trang trí tạo nên

nhiều ấn tượng. Cái gọi là dây cuốn theo thức cột Cổ điển (hệ thống thức cột theo tầng đặt lên tường bị cắt qua bởi các vòm cuốn) làm cho công trình có dáng vẻ to lớn và sự ổn định về nhịp điệu. Hệ thống này đã được thể hiện theo cách cổ điển chủ yếu ở nhà hát vòng cung cực lớn là **Colosseo** ở Roma. Trong thời đại Đế chế, kiến trúc đã trở thành phương tiện tôn vinh cá nhân Hoàng đế và tuyên truyền sự hùng cường của Nhà nước La Mã. Điều đó có thể thấy rõ ngay ở những công trình của Augustus (cuối thế kỷ I tCn - đầu thế kỷ I). **Cổng khải hoàn** và **cột khải hoàn** đã trở thành các loại công trình tưởng niệm chính; mộ chí biến thành những công trình lớn, có khi là các công trình hùng vĩ. Đến giữa thế kỷ I, xu hướng biểu thị lòng lầy của bộ cục kiến trúc đã được tăng cường, như cung Flavien trên đồi Platium (năm 92) ở Roma. Dưới thời Hoàng đế Traianus đã xây dựng một quảng trường của Roma (năm 111 - 114, KTS **Apollodoros** từ Damas); dưới thời Adrian, tòa nhà **Pantheon** hùng vĩ được xây dựng rất hài hòa, là công trình mái vòm đồ sộ nhất của thế giới Cổ đại. Từ thời đại Adrian trong kiến trúc đã thấy có sự chuyển hóa sang tinh tế và phong cách đẹp, cả sự phức tạp của hình tượng kiến trúc, một phần có liên quan đến tác động tương hỗ của nghệ thuật miền Đông Hy Lạp Cổ đại như biệt thự của Adrian ở gần **Tivoli**, năm 125 - 135.

Đối với những công việc quy hoạch xây dựng đô thị rộng lớn thì nét đặc trưng là sử dụng mặt bằng hình chữ nhật lặp lại kiểu trại lính La Mã, những sơ đồ bố cục mà về cơ bản có hai trục chính giao cắt nhau (cardo là trục Bắc - Nam và decumanus là trục Đông - Tây). Theo sự hình thành bố cục của quảng trường La Mã (ở Pompei, thế kỷ II tCn và ở Roma, thế kỷ II - thế kỷ I tCn) đã tạo nên những đặc điểm quan trọng nhất của quy hoạch các tổng thể kiến trúc Cổ La Mã theo xu hướng đối xứng, xây dựng theo trục, nhấn mạnh mặt đứng của tòa nhà chính, có đường lên nhà trang trọng. Trong kiến trúc nhà ở đã phổ biến kiểu nhà có **atrium** (sân trong) đặc trưng cho tỉnh Lazio của Cổ La Mã mà trung tâm của nó trong thế kỷ II tCn là vườn hoa có hàng cột bao quanh, chứng tỏ sự tăng cường sức thu hút về thiên nhiên do việc đô thị hóa của xã hội. Khi thành phố phát triển và mật độ xây dựng nhà tăng lên thì bố cục của nhà ở phát triển theo chiều sâu, đồng thời duy trì sự đối xứng qua trục. Xu hướng làm cho bố cục kiến trúc hòa vào thiên nhiên đã được phản ánh trong các **biệt thự**

Italia

ngoại thành được bố trí rất đẹp trên những sườn đồi. Về tráng lệ của nhà ở quý tộc với rất nhiều phòng, có các hồ nước, tượng trang trí và minh họa (những nhà "giật cấp" ở **Hercula-neum**) đã tương phản với nhà cửa bình thường trong các ô phố với những nhà nhiều tầng kiểu căn hộ cho thuê. Từ thế kỷ II tCn việc sử dụng bê-tông đã làm đơn giản hóa công việc xây các kết cấu chịu lực và đã tạo khả năng xây dựng những phòng có mái rộng lớn. Trong suốt thế kỷ II - nửa đầu thế kỷ I tCn đã hình thành và cải tiến các kiểu nhà quan trọng của La Mã: **bazilica, nhà tắm công cộng**, những công trình biểu diễn, trong đó có các nhà hát vòng cung rộng lớn rất khác nhà hát Cổ Hy Lạp, các chỗ ngồi cho khán giả được bố trí tại những kết cấu phụ trợ có các chỗ ngồi ở tầng trên của nhà hát và có những cầu thang, các **cầu máng**, cầu và kho tàng...

Kiến trúc trong thời Đế chế suy vong (thế kỷ III - IV) có những nét đặc trưng là quy mô của công trình lớn dị thường, xảo thuật trang trí lộng lẫy, xa hoa quá đáng, sự tạo hình đáng lo ngại của các hình thức kiến trúc. Các kiến trúc sư đã đạt tới mức sáng tạo lớn trong việc tạo ra những không gian bên trong phức tạp của những công trình kiến trúc lồi lõm, hùng vĩ và trang trọng như các nhà tắm công cộng của Caracalla (năm 206 - 217) và bazilica của Maxentius (khoảng năm 315) ở Roma. Công tác xây dựng đã được triển khai chủ yếu ở các tỉnh, nơi mà người ta xây dựng các quảng trường, những nhà hát, các công trình đền chùa đồ sộ (ở Baalbek, Palmyra) và các tổng thể cung điện lâu đài (lâu đài Diocletianus ở Split).

Tuy vẫn không thoát khỏi ảnh hưởng của nghệ thuật Hy Lạp, người La Mã vẫn có thể tự hào rằng xét về số lượng và quy mô, các tác phẩm nghệ thuật của họ, đặc biệt là trong lĩnh vực kiến trúc và điêu khắc, vượt trội hơn hẳn và ảnh hưởng của chúng lan ra một vùng đất rất rộng lớn thuộc quyền cai quản của Đế chế: Trung Phi, Tiểu Á, Bắc Phi, Tây Âu.

Khoảng thời gian yên tĩnh kéo dài gần cả trăm năm trong thời kỳ đầu của đế chế đã là cơ hội thuận tiện để xây dựng La Mã thành một thành phố đẹp, xứng đáng với vị thế là trung tâm chính trị và văn hóa của Đế chế. Với nguồn nhân lực dồi dào, vật liệu xây dựng đa dạng, kết cấu kỹ thuật tiến bộ, nghệ thuật tổ hợp không gian hoàn thiện, tất cả đã cho phép người La Mã thực hiện được ước vọng của họ là biến La Mã “từ một thành phố làm bằng đất sét thành một thành phố bằng cẩm thạch” (lời Hoàng đế Augustus).

Khi xây dựng thành La Mã hay một thành phố nào khác, người La Mã đều tuân theo một đồ án bất di bất dịch: hình vuông hay hình chữ nhật với các cạnh thật vuông vức, được kẻ ô như bàn cờ. Thông thường có hai đường chuẩn chính cắt ngang thật vuông góc ngay tại trung tâm thành phố (**decumanus** theo hướng đông - tây và **cardo** theo hướng bắc - nam). Tại điểm giao nhau của hai đường này là một quảng trường lớn hình chữ nhật gọi là **forum**. Đây là nơi diễn ra các hoạt động công cộng như hội họp, mít tinh, diễu hành, giải trí, xử án, hành lễ tôn giáo... Nó còn là công trình kỷ niệm của riêng hoàng đế vì thế các forum thường mang tên các hoàng đế. Tại La Mã, có nhiều forum như vậy, mang tên các vị Hoàng đế Trajan, Caesar, Augustus... Quần tụ quanh forum là những công trình công cộng khác như: tòa thị sảnh, cột tượng, thư viện... Ở cửa ngõ dẫn vào thành phố, người ta dựng lên các cổng khai hoàn.

Có thể thấy rõ một số đặc điểm về sự hình thành và phát triển văn hóa, văn minh La Mã cổ đại như sau:

- Có ảnh hưởng từ văn hóa bản địa, chủ yếu là văn hóa Etrusk.
- Chịu nhiều ảnh hưởng của văn hóa Hy Lạp.
- Hoàn thiện những hình thái xây dựng riêng của đô thị La Mã với sự phát triển các đô thị làm thủ đô, các đô thị trung tâm vùng, các đô thị trên địa bàn đế chế.

Italia

Dấu ấn của những ảnh hưởng này có thể thấy rõ trên nhiều mặt:

Trước khi Nhà nước La Mã hình thành, trên bán đảo Italia, từ thời đồ sắt đã có nhiều bộ tộc sinh sống. Ở phía bắc bán đảo có bộ tộc Etrusk. Họ là những cư dân đến từ Tiểu Á. Ở phía nam bán đảo là khu vực cư trú của các bộ tộc Latin, Ombrie và Sabin... mà sau này được gọi chung là người Italia. Italia còn được dùng để gọi tên cho cả bán đảo.

Đặt ách thống trị trên toàn bộ lãnh thổ rộng lớn chiếm đoạt được và bằng chính sách buộc các thuộc địa cống nạp nhân lực và tài lực, La Mã đã trở thành đế quốc hùng mạnh nhất thế giới cổ đại. Trong bối cảnh ấy, các đô thị của đế quốc La Mã có điều kiện phát triển sầm uất, đặc biệt là hai loại đô thị cơ bản: **đô thị thủ đô** là trung tâm quyền lực của đế quốc và **đô thị đồn trú** tại các thuộc địa của La Mã. Tại các đô thị, người La Mã luôn có ý thức thông qua kiến trúc để thể hiện sức mạnh về mọi mặt của mình.

Ảnh hưởng của Etrusk trong xây dựng đô thị La Mã thể hiện ở một số điểm sau:

Người La Mã chịu ảnh hưởng trực tiếp và rõ rệt của nền văn hóa Etrusk trong tổ chức và xây dựng đô thị, nhất là đối với loại đô thị đồn trú ở các thuộc địa hải ngoại. Chịu ảnh hưởng trực tiếp từ cách xây dựng đô thị của người Etrusk vì tính hợp lý về phòng thủ trong xây dựng đô thị của người Etrusk hoàn toàn phù hợp với quan niệm quân sự để bành trướng lãnh thổ của người La Mã.

Cấu trúc đô thị La Mã từ đó đã bao gồm hai thành phần là **thành** và **thị**. Phần thành La Mã (Castrum Romanum) có mặt bằng hình

chữ nhật hoặc hình vuông, xung quanh có tường cao, hào sâu bảo vệ (trường hợp mặt bằng hình chữ nhật thì chiều rộng thường bằng 2/3 chiều dài). Vị trí thích hợp để xây dựng đô thị là trên đỉnh đồi, núi hoặc trên những khu đất cao hơn so với xung quanh. Mặt bằng được tổ chức dựa trên hai trục đường chính giao nhau vuông góc tại khu vực trung tâm và nối thẳng với 4 cổng thành (trục Bắc Nam Cardo và trục Đông - Tây Decumanus). Bốn cổng chính là: Cổng Bắc (Porta Principalis Sinistra), Cổng Nam (Porta Principalis Dextra), Cổng Đông (Porta Praetoria), Cổng Tây (Porta Decumana). Trung tâm đô thị ở vị trí giao nhau giữa hai trục đường chính gồm có quảng trường và các công trình công cộng. Các khu vực còn lại dành cho xây dựng nhà ở.

Ban đầu, vào thời kỳ mới khởi dựng, thành La Mã được tổ chức theo dạng đồn trại mang nặng tính chất phòng vệ. Ở vị trí trung tâm là nơi đặt các công trình trụ sở chỉ huy quân sự. Trên các khu đất còn lại là nơi ở của binh lính. Dần dần trong quá trình phát triển, các công trình quân sự được thay bằng những công trình dân sự, đô thị mở rộng ra phía ngoài thành, dọc theo các trục đường chính đi vào thành. Từ đó hình thành phần thị là khu vực cư trú của dân cư có thành phần đa dạng gồm gia đình binh lính, thợ thủ công, người buôn bán và đông đảo nô lệ.

Giống như người Etrusk, người La Mã tin vào các thuật bói toán để chọn ngày và địa điểm xây dựng đô thị, đồng thời tuân thủ các nghi thức mang màu sắc tôn giáo trong quá trình xây dựng đô thị. Nghi thức lập đô thị bao gồm 3 bước: bước 1 là Lễ khởi động (với ý nghĩa là ngày và vị trí xây dựng đô thị được chọn theo ý muốn của thần linh), bước 2 là Lễ xác định giới hạn đô thị (chủ yếu là xác định ranh giới và hướng xây dựng vòng thành bảo vệ cùng các trục đường chính) và bước 3 là Lễ tạ thần linh (trong đó đặc biệt chú trọng lễ tạ thần bảo trợ đô thị).

Ảnh hưởng văn hóa Etrusk còn thể hiện rõ trong kiến trúc đền thờ của người La Mã với cấu trúc: 3 mặt có hàng cột, mặt sau cùng là tường kín. Mặt chính được nhấn mạnh bằng cách làm cột nhiều hơn từ 2 đến 3 hàng so với hai mặt bên. Đền thờ có 3 mặt quan trọng xuất phát từ tục thờ 3 vị thần chính của phương Đông (trong khi đó, đền thờ của người Hy Lạp thường có hàng cột ở cả 4 mặt).

Kiến trúc nhà ở của người La Mã chịu ảnh hưởng đồng thời của người Etrusk và người Hy Lạp. Đó là loại nhà ở có atrium (sân trong). Bể nước sinh hoạt đặt ở atrium và xung quanh là các phòng ở. Atrium làm nhiệm vụ chiếu sáng và thông thoáng các phòng ở.

Nếu các nguyên tắc phòng vệ quân sự trong xây dựng đô thị của người Etrusk được khai thác triệt để thì trong thiết kế và xây dựng các trung tâm sinh hoạt công cộng của đô thị, người La Mã lại học tập đầy đủ những kinh nghiệm của người Hy Lạp. Đó là quảng trường công cộng mà người La Mã gọi là Forum có nguồn gốc từ Agora của Hy Lạp. Ngoài ra, các thức cột (Doric, Ioni, Côrinth), các hàng hiên cột thức, những chi tiết kiến trúc và điêu khắc trang trí mang phong cách Hy Lạp cũng được khai thác trong thiết kế và xây dựng các công trình công cộng của La Mã.

MỘT SỐ CỘT MỐC LỊCH SỬ

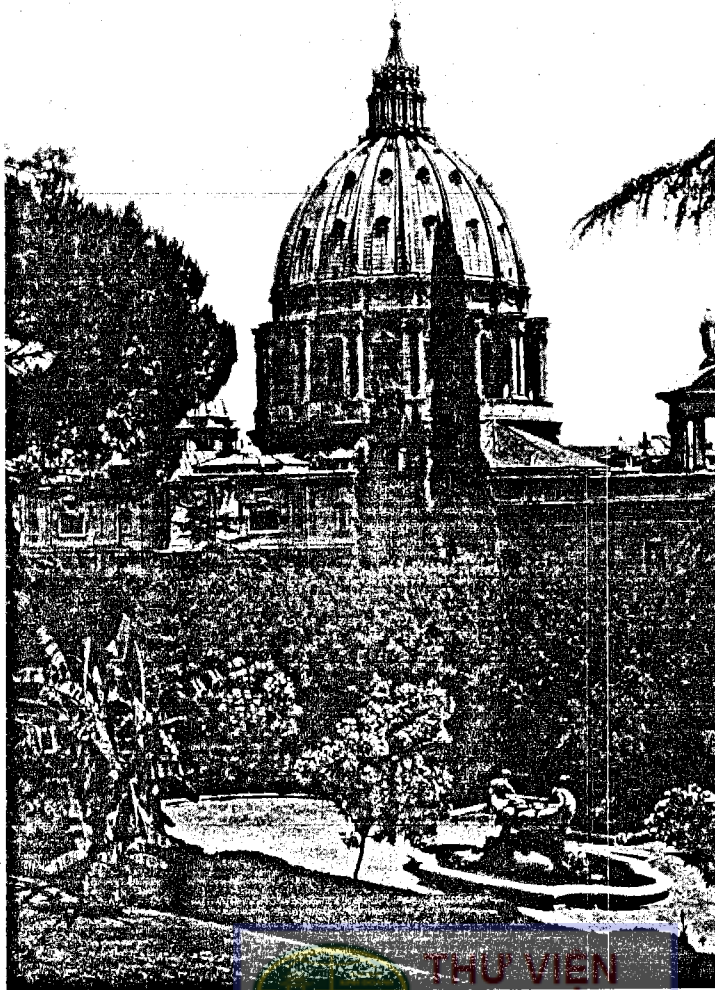
Thời Vương Chính (753 - 510 tCn)	
753 TCN	Hình thành thị quốc La Mã Romulus sáng lập đô thành Roma
- 715 - 509	Vua người Etrusk là Tarquin I' Ancien (616 - 578) có nhiều xây dựng lớn ở Roma: vòng thành thứ nhất, Forum Romanum, hệ thống thoát nước Maxima, móng đền thờ ở Capitol. Xây đền Jupiter, Junon, Minerva.

Thời Cộng hòa (509 - 27 tCn)	
- 378	Xây tường thành Servian
- 329	Đấu trường Maxima
- 313	Cầu máng Aqua Claudia

- 312	Mở đường Via Appia đến Capua
- 212	Đấu trường Flamminius
- 184	Basilica Porcia
- 179	Basilica Fulvia, Emilia Cầu Aemilian bằng đá đầu tiên qua sông Tibre
- 170	Basilica sempronia
- 109	Cầu Milvio
- 62	Cầu Fabricio
- 58 - 54	Jules César chiếm xứ Gaule, xâm chiếm nước Anh Xây các forum
- 50	Nhà hát Pompeius
- 32	Xây forum Augustus
Thời Đế chế (27 tCn - 315 sCn)	
27 tCn - 14 sCn	Auguste thúc đẩy Roma phát triển rực rỡ
71 - 75	Xây forum Vespasianus
79	Đấu trường Colosseo
81	Khải hoàn môn Titus
113	Forum Traianus
120 - 124	Xây đền Pantheon
203	Khải hoàn môn Septimio
212	Nhà tắm Caracalla
286	Dioclétien chia đôi đế chế: Tây La Mã (Dioclétien) và Đông La Mã (Maximien)
306	Constantinus là hoàng đế Kitô đầu tiên
313	Đạo Kitô hợp pháp
315	Khải hoàn môn Constantinus
476	Hoàng đế cuối cùng Romulus Augustulus bị truất ngôi, kết thúc đế quốc Tây La Mã

NGHỆ THUẬT
KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ

Italia



THƯ VIỆN
HUBT

Vòm mái thánh đường San Peter
nhìn từ vườn cảnh Vatican

3. THỦ ĐÔ ROMA



Dị tích Forum ở Roma

3.1. Từ Roma bằng gạch tới Roma cẩm thạch

Roma là thủ đô Italia ngày nay, nằm trên bảy ngọn đồi ở miền trung nước Italia, cách bờ biển phía tây khoảng 25km. Theo truyền thuyết, Roma là tên thành phố do nhà Vua đã sử dụng đầu tiên Romulus (753 - 715 tCn) hoạch định ranh giới bằng một hàng cây, khi ông được tôn làm Vua (753 tCn). Lúc đầu, Roma chỉ là sự hợp nhất của một số làng trên mấy ngọn đồi Roma ngày nay. Vào thế kỷ VI và V tCn, Roma phát triển rất mạnh và nhanh chóng trở thành thủ đô của một đế

Italia

quốc rất rộng lớn thôn tóm hết các vùng đất ven biển Địa Trung Hải.

Chính trong thời kỳ hưng thịnh này, những người đứng đầu đế quốc đã xây dựng được nhiều công trình đồ sộ, nhiều cái còn lưu dấu tích mãi về sau. Ngày nay Roma là một thành phố có rất nhiều di tích văn hóa từ thời Cổ đại và Trung đại, rất nhiều viện bảo tàng văn hóa nghệ thuật, những thư viện lớn vào bậc nhất châu Âu. Nơi đây tàng chứa những văn bản cổ quý hiếm. Công trình kỹ thuật đô thị đầu tiên được xây dựng là hệ thống tiêu nước của thành phố, có thể được xây dựng từ thế kỷ VI tCn dưới thời Vua Tarquinius (616 - 587tCn). Tàn tích của công trình còn lại ngày nay gồm hệ thống mương máng, đặc biệt là miệng cống tiêu nước ra sông Tibre là kết quả phục chế dưới thời Đế chế Roma (khoảng thế kỷ III).

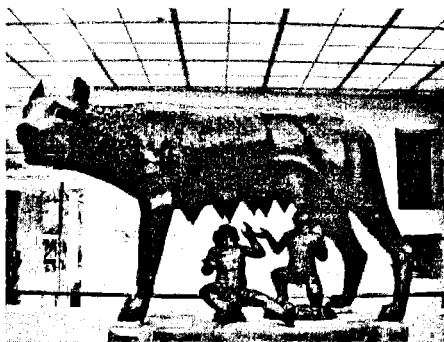
Lịch sử gần ba nghìn năm của Roma đã tạo nên bộ mặt kiến trúc có một không hai. Vị trí ngoạn mục của Roma trên các đồi, sự dồi dào các di tích kiến trúc hùng vĩ của thời Cổ đại, những lâu đài, các đền thờ và những quần thể kiến trúc thuộc nhiều thời đại khác nhau, sự đa dạng của các quảng trường với những đài phun nước, các tượng đài kỷ niệm và điêu khắc trang trí đóng vai trò quan trọng trong sự đa dạng của thành phố. Ranh giới của khu trung tâm thành phố hiện nay trùng hợp với bức tường Aurelianus thời Cổ La Mã. Nhiều đường phố đương đại trùng với những con đường thời Cổ La Mã. Hình thành trên đồi Capitolium và đồi Palatinus, thành phố Cổ La Mã đã lan rộng đến các đồi khác ra lưng sông Tibre (Tevere) đến chỗ uốn khúc (Campus Martius) và vắt qua hữu ngạn sông này (khu Trastevere hiện nay).

Trung tâm công cộng của thành phố là Capitolium và các quần thể của Quảng trường Roma cùng với các đền thờ Castor, Pollux, Antonin và Faustin, bazilica Maxentius hay Constantin, các cổng Khải hoàn Titus và Septimius Severus, cùng với quảng trường các hoàng đế Caesar, Augustus, Nerva, Traianus. Các di tích cổ đại trọng yếu ngoài quảng trường còn có rất nhiều đền thờ nguy nga đồ sộ.

Roma được mệnh danh là thành phố vĩnh hằng. Trong quá khứ, thành phố này từng chứng kiến sự huy hoàng và suy vong của nền văn minh La Mã gây xáo động lịch sử châu Âu. Với lịch sử gần 3000 năm, hiện tại, Roma là một kho tàng sống động với những kiệt tác về kiến trúc, điêu khắc, hội họa và thơ ca. Rất nhiều di tích kiến trúc thời cổ đại La Mã trên dưới 2000 năm tuổi đan xen với các di tích thời Phục Hưng (thế kỷ XV, XVI) cùng hàng trăm nhà thờ Thiên chúa giáo ngàn năm tuổi. Mỗi quảng trường là một kiệt tác kiến trúc và nghệ thuật khác nhau nhưng tất cả đều mang đặc điểm chung đó là: quảng trường nào cũng có những tượng đài và các đài phun nước vô cùng tráng lệ, đường sá rộng rãi và thoáng đãng, các cụm kiến trúc xung quanh hài hòa và là những nơi thưởng ngoạn mỹ thuật, âm nhạc cho công chúng.

Theo truyền thuyết, thành Roma do vị vua đầu tiên của La Mã là Romulus sáng lập năm 753 tCn. Thành phố Roma nằm trên vùng đất có đặc điểm địa hình tự nhiên rất phức tạp, nơi dòng sông Tibre uốn lượn chảy qua sát một quần thể gò, đồi cao thấp khác nhau với nhiều vách đá tự nhiên hiểm trở xen kẽ những dải đất trũng ở phía tả ngạn dòng sông.

Truyền thuyết kể rằng Romulus và Remus là hai anh em sinh đôi của Thần chiến tranh và công chúa Lạ-tinh. Do sợ sau này bị cướp ngôi báu nên hai anh em đã bị vứt xuống sông Tibre. Hai đứa trẻ may mắn được chó sói vớt lên nuôi sống và trở thành người sáng lập ra Roma (ở Roma nhiều nơi có tượng hai chú bé được chó sói cho bú). Vào năm



Biểu tượng chó sói nuôi sống Romulus và Remus trong truyền thuyết về sáng lập Roma

Italia

753 tCn, Romulus và em là Remus đã chọn bảy quả đồi và trồng một hàng cây xung quanh làm ranh giới, lập nên thành phố Roma, Roma là ghép tên của hai anh em. Ban đầu Roma chỉ là một thành phố nhỏ bên bờ sông Tibre, nơi quần cư của ba bộ tộc người La-tinh. Từ thế kỷ VI tCn Roma đã trở thành một nhà nước cộng hòa rồi sau đó nhanh chóng trở thành thủ đô của đế chế La Mã hùng mạnh nhất thế giới trong nhiều thế kỷ, bao gồm cả một vùng rộng lớn của châu Âu, Bắc Phi, Tiểu Á, Trung Á và nhiều lãnh thổ xung quanh Địa Trung Hải. Roma là thủ đô của đế chế La Mã đã trở thành trung tâm của thế giới Địa Trung Hải thời cổ đại.

Trải qua thời gian, cùng với lao động xây dựng của con người, những gò đồi tự nhiên đã dần dần trở thành nổi tiếng với tư cách là những thành phần quan trọng cấu tạo nên hình thái không gian đô thị của Roma. Bảy ngọn đồi được phân bố như sau: ở vị trí trung tâm gần sát bờ sông có đồi chính, là Capitolium và cạnh đó là một đồi thấp có bề mặt khá rộng, tương đối bằng phẳng là Palatinus, từ đó có tầm nhìn mở rộng về phía dòng sông. Như vậy bảy ngọn đồi trong đó một ở trung tâm là Palatinus và sáu đồi còn lại bao quanh là: Quirinalis, Viminalis, Cispius, Oppius, Caelius và Aventinus. Các ngọn đồi này tạo thành một vòng cung ở phía Đông - Nam, ôm gọn ngọn đồi trung tâm và hướng tầm nhìn mở rộng xa hơn về vùng đất trũng rộng lớn ven sông phía Tây - Bắc, có tên là Campus Martius.

Trên vùng đất này, từ nhiều thế kỷ trước, người Etrusk từ phương bắc đã tràn xuống định cư. Họ đã tạo ra một quần cư, bao gồm các làng trên đồi Palatinus, đồi Capitolium và khu vực

bãi chợ buôn bán ở vị trí sát bờ sông, dưới chân của hai ngọn đồi trung tâm.

Romulus xây dựng thành Roma trên cơ sở lấy khu vực quần cư của người Etrusk làm hạt nhân, mở rộng ra các ngọn đồi xung quanh (trừ ngọn đồi Aventinus). Tên gọi Roma có nguồn gốc từ ngôn ngữ của người Etrusk. Thành Roma ban đầu có diện tích 285ha, bên ngoài có tường thành bảo vệ.

Trung tâm của Roma là ở Capitolium, nơi có bố trí cơ quan quản lý thành phố và dinh thự của Tổng giám mục (về sau là cả Giáo hoàng La Mã), lâu đài Laterano và Tòa thánh Vatican. Các ô phố nhà ở thời Trung Cổ được tập trung ở phía bờ sông Tibre đối diện với Tòa thánh Vatican, gần tòa nhà bazilica của đạo Cơ Đốc và những nhà ở Cổ đại xen kẽ với các khoảng đất trống, vườn hoa và đầm lầy.

Về mặt tổ chức hành chính, thành Roma thời kỳ Vương quốc được chia thành bốn vùng: vùng Suburbana thuộc khu vực đồi Caelius; vùng Esquilina thuộc khu vực đồi Oppius, đồi Cispius; vùng Collina thuộc khu vực đồi Viminalis, đồi Quirinalis; vùng Palatina thuộc khu vực đồi Palatinus.

Về tổ chức không gian kiến trúc đô thị, thành Roma chịu ảnh hưởng ban đầu của văn hóa Etrusk, nhưng quá trình phát triển về sau lại có xu hướng tiếp nhận nhiều hơn ảnh hưởng của văn hóa Hy Lạp. Bằng chứng về sự tiếp thu cách tổ chức không gian đô thị của người Hy Lạp thể hiện rõ trong việc xây dựng vòng thành bảo vệ dựa theo điều kiện địa hình tự nhiên, tổ chức các chức năng trên đồi Capitol theo mô hình Acropol của Athen và xây dựng các Forum (không gian sinh hoạt công cộng) trên tinh thần của Agora Hy Lạp.

Các bãi chợ và khu vực buôn bán, trao đổi của người Etrusk nhanh chóng chuyển thành các forum Boarium (chợ gia súc) và Olitorium (chợ rau quả), tạo nên cuộc sống công cộng sầm uất ngay ở giai đoạn đầu khởi dựng Roma. Sau đó, trung tâm sinh hoạt công cộng quan trọng nhất của Roma thời kỳ Vương quốc được xây dựng ở vùng đất trũng nằm giữa đồi Capitolium và Palatinus. Đó là tổng thể forum La Mã (Forum Romanus) nổi tiếng.

Thời kỳ Cộng hòa (509 - 27 tCn): Roma bước sang giai đoạn phát triển mạnh, lãnh thổ Roma không ngừng được mở rộng. Vòng thành

Italia

thứ hai được xây dựng kiên cố vào năm 378 tCn vẫn được mang tên Hoàng đế Romulus, bao quanh diện tích 426ha lớn gấp rưỡi diện tích ban đầu. Tuy nhiên, trước nhu cầu phát triển nhanh chóng của thành phố, vòng thành thứ hai trở nên chật chội. Địa giới của Roma vượt qua phạm vi của vòng thành, mở rộng ra xung quanh, chủ yếu là về hướng Bắc ở khu vực Campus Martius.

Trong thành phố, toàn bộ các vùng đất trống đều được san lấp để xây dựng các công trình. Các công trình công cộng chính được xây dựng ở nhiều vị trí khác nhau, chủ yếu ở khu vực giữa đồi Palatinus và đồi Aventinus. Đó là đấu trường Maximus (329 tCn), cầu dẫn nước nhiều tầng Aqua Claudia (312 tCn) để cấp nước sinh hoạt cho những khu xây dựng trên các ngọn đồi cao trong thành phố. Ở khu vực Campus Martius có các công trình như Đấu trường Flamminus (221 tCn), cổng và hàng hiên cột lớn Metelus (149 tCn), nhà hát Pompeius (50 tCn). Khu vực forum La Mã được bổ sung thêm nhiều công trình basilica (tòa án) và đền thờ, trong đó cổ nhất là các công trình Porcia (184 tCn) và đền thờ Aemilia (179 tCn). Ngoài ra, trên đồi Capitolium và tại hầu hết các khu vực trong thành phố nhiều đền thờ thần cũng đã được xây dựng.

Hình thái không gian của các tổng thể công trình công cộng, đặc biệt là của các forum La Mã ở thời kỳ này không phải được thiết kế trước mà là kết quả của quá trình xây dựng các công trình kế tiếp nhau theo nhu cầu sử dụng và phụ thuộc vào điều kiện địa hình, nên mang nhiều đặc điểm tự nhiên giống hình thái không gian của các tổng thể công trình công cộng của Hy Lạp.

Từ thế kỷ IV tCn, Roma đã là một đô thị lớn. Do tốc độ xây dựng nhanh cùng với địa hình tự nhiên phức tạp, lại thiếu những định hướng quy hoạch nên mặt bằng đô thị Roma có dạng tự do, thiếu một sự tổ chức có tính thống nhất. Đó là đặc điểm cơ bản của quy hoạch Roma thời kỳ Cộng hòa.

Thời kỳ Đế chế (27 tCn - 315 sCn): Là thời kỳ cải tạo và hoàn thiện Roma trên quy mô lớn. Nhiều chương trình phá dỡ, cải tạo và xây dựng mới những công trình kiến trúc quan trọng lần lượt được các Hoàng đế La Mã thực hiện, nhằm tạo cho Roma một diện mạo mới "Một thành phố bằng đá cẩm thạch" lộng lẫy và kỳ vĩ, tương xứng với vai trò thủ đô của đế chế hùng mạnh nhất thế giới đương thời.



Mặt bằng thành phố Roma thời kỳ Đế chế

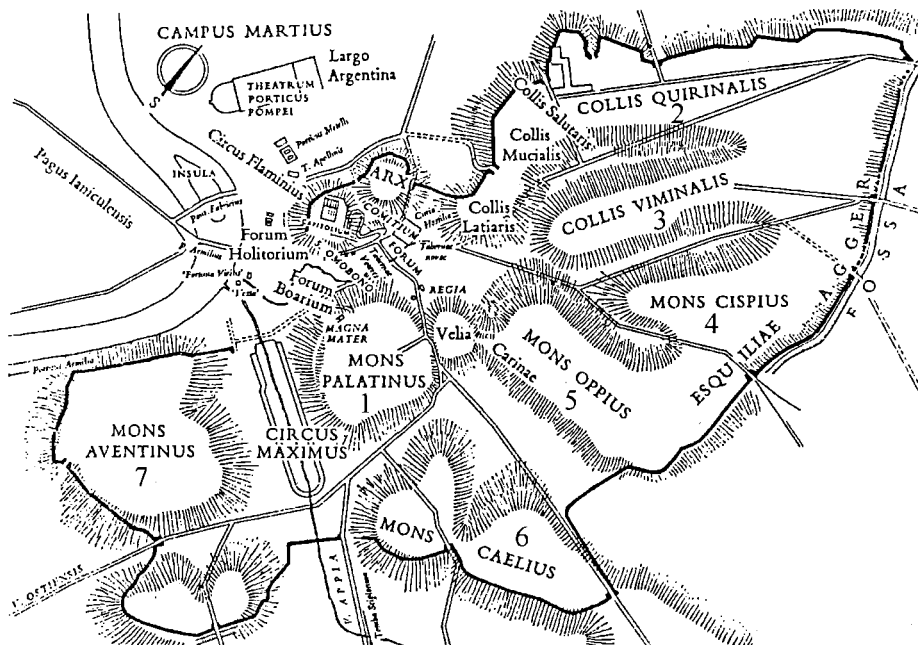
- | | |
|---------------------------|------------------------------|
| 1. Forum | 7. Đấu trường Gaius và Neron |
| 2. Cung điện Flavius | 8. Nhà hát Pompei |
| 3. Cung điện Divi Claudii | 9. Nhà hát Marcellus |
| 4. Nhà tắm Traianus | 10. Đấu trường Maximus |
| 5. Nhà tắm Dioc lế tien | 11. Nhà tắm Caracalla |
| 6. Lăng Hadrien | |

Italia

Julius Caesar (*Jules César*): Là người khởi xướng công cuộc cải tạo và xây dựng Roma. Các hoàng đế kế vị tiếp tục xây dựng và hoàn thiện bộ mặt kiến trúc đô thị của Roma. Julius Caesar mở rộng forum La Mã trên cơ sở phá dỡ một số công trình cũ, bổ sung một số công trình công cộng mới, đồng thời xây dựng forum mới mang tên Caesar ở phía bắc forum La Mã. Chỉ có các đền thờ quan trọng được giữ lại, còn toàn bộ các cửa hàng ở forum La Mã được phá dỡ, chuyển sang khu vực forum Boarium và forum Olitorium ở sát bờ sông để lấy chỗ xây dựng các công trình mới là tòa thị chính, nhà hội họp, tòa án...

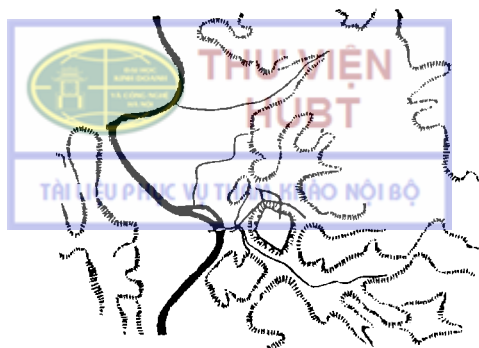
Forum Caesar là tập hợp các công trình kiến trúc cũ và mới, được tổ chức theo nguyên tắc đối xứng. Do đó tổng thể không gian kiến trúc forum là một bố cục chặt chẽ và có quy tắc, trong đó vai trò của công trình chính của tổng thể được nhấn mạnh. Công trình chính là Basilica (tòa án) Julia có kích thước mặt bằng 110 x 49m và mặt chính gồm nhiều hàng cột, án ngữ mặt phía Nam của forum. Ở hai bên của Basilica là ngôi đền thờ cổ Castor và Saturne xây dựng từ thế kỷ V tCn được giữ lại. Mặt phía tây của forum là hai ngôi đền thờ cổ khác: Concordia và Vespasianus có từ thế kỷ IV tCn. Phía Đông của Forum là đền thờ Caesar. Khép kín mặt phía Bắc của Forum là đền thờ cổ Aemilius được xây dựng năm 179 tCn.

Augustus (*Auguste*): Người kế vị Caesar, trong 50 năm trị vì đã đẩy mạnh công cuộc cải tạo và xây dựng Roma. Về mặt tổ chức hành chính Augustus chia Roma thành 14 vùng trực thuộc. Ông đã triển khai công việc xây dựng ở khu vực giữa hai đồi Capitolium và Kirinalis, đồng thời mở rộng xây dựng trên vùng đất trũng Campus Martius ở hướng Tây - Bắc, dọc sông Tibre. Ngoài ra Augustus còn tổ

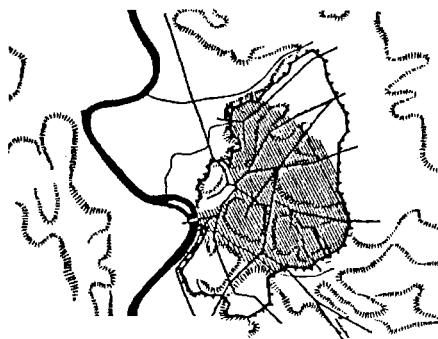


Roma trên 7 quả đồi

1. Palatinus
2. Quirinalis
3. Viminalis
4. Cispus
5. Oppius
6. Caelius
7. Aventinus



A. Thời kỳ đầu



B. Thời kỳ Đế quốc

Các giai đoạn phát triển thành Roma

Italia

chức xây dựng một hệ thống những cầu dẫn nước nhiều tầng kiên cố nhằm cung cấp nước sinh hoạt cho các khu xây dựng mới.

Roma thời Augustus năm 5 tCn đạt đến dân số nửa triệu người có diện mạo của *"một thành phố bằng đá cẩm thạch"* lộng lẫy. Đây chính là niềm tự hào chính đáng của vị vua này khi ông nói rằng: *"ta đã nhận một Roma bằng gạch và để lại một Roma bằng cẩm thạch"*.

Trên đồi Palatinus là một hệ thống các cung điện hoàng gia. Nhiều đền thờ được xây dựng thêm trên đồi Capitol và ở các khu vực khác trong thành phố. Nhiều công trình công cộng lớn cũng được xây dựng ở khu vực Campus Martius như: Nhà hát Marcellus, nhà tắm công cộng Agrippa, điện thờ Panthéon, lăng Augustus, điện thờ Hòa Bình (Ara Pacis),... Forum Augustus được xây dựng ở phía Đông Forum Caesar, liên kết với nó tạo thành một tổng thể thống nhất thông qua Khải hoàn môn ghi công của Augustus ở vị trí giữa đền thờ Caesar và đền thờ Castor.

Augustus đặc biệt chú trọng kiến trúc nhà ở. Ngoài hệ thống những cung điện hoàng gia, ông còn cho xây dựng nhiều dinh thự dành riêng cho các tướng lĩnh và người giàu có. Điển hình là dinh thự Atrium Vestae cao hai tầng, có mặt bằng hướng nội truyền thống, các phòng bố trí xung quanh sân trong (atrium) rộng hình chữ nhật có kích thước 68 x 23m với hàng hiên cao hai tầng bao quanh. Nhà ở cho số đông người nghèo là dạng nhà ở tập thể nhiều tầng (Insulae) được xây dựng thành các khu ở độc lập có mật độ xây dựng rất cao.

Roma bị cháy nghiêm trọng năm 64. Lucius Domitus Tibericus Nero (Néron) - kế vị Augustus

đã áp dụng các phương pháp quy hoạch mới để cải tạo Roma. Nero mở rộng các đường phố và quảng trường công cộng, tổ chức và xây dựng lại các khu ở. Nhằm mục đích thông thoáng và phòng hỏa, giữa các công trình nhà ở dưới thời Nero phải có một khoảng cách; đồng thời vật liệu xây dựng chủ yếu là đá. Một loại nhà ở mới, đầy đủ tiện nghi cho người giàu (Domus) xuất hiện và nhanh chóng trở thành phổ biến. Nero đã cho xây dựng một khu Domus Orea rộng lớn và sang trọng, đầy đủ tiện nghi ở khu vực hai ngọn đồi Caelius và Oppius.

Titus Flavius Vespasianus (Vespasien) tiếp tục những ý tưởng cải tạo Roma của Nero. Vespasianus cho xây dựng đấu trường Colosseo và Forum Vespasianus. Forum này có mặt bằng hình chữ nhật với hàng hiên bao quanh, ở giữa là đền thờ Hòa Bình. **Titus Flavius Domitianus** (Domitien) và sau đó **Marcus Cocceius Nerva** cho xây dựng Forum Nerva để liên kết Forum Vespasianus và Forum Augustus. Domitiannus còn mở rộng hệ thống cung điện trên khắp đồi Palatinus và tổ chức lại hệ thống các công trình công cộng ở khu vực Campus Martius.

Sau khi Nerva chết, **Marcus Ulpius Traianus** (Trajan) xây dựng forum mới trong những năm 111 - 114 ở phía bắc tiếp nối với Forum Augustus để hoàn thiện tổng thể Forum đã được xây dựng qua nhiều thời kỳ. Đây là một Forum lớn do kiến trúc sư đồng thời là kỹ sư Hy Lạp tên là Apollodore de Damas thiết kế, có bố cục chặt chẽ theo quy luật đối xứng, bao gồm ba phần chính như sau:

- *Phần thứ nhất:* Quảng trường rộng có kích thước 116 x 95m. Ở lối vào quảng trường từ phía Forum Augustus là Khải Hoàn Môn hoành tráng có ba vòm cuốn lớn tạo thành một hình vòng cung. Dọc hai cạnh dài của quảng trường là hai hàng hiên cột thức. Ở giữa quảng trường đặt tượng hoàng đế Traianus cưỡi ngựa.

- *Phần thứ hai:* basilica (Nhà thờ lớn Ulpia) là công trình chính khép kín toàn bộ mặt phía Bắc của quảng trường. Nhà thờ có kích thước mặt bằng 130 x 95m và có mạng lưới cột chính gồm 96 cột.

- *Phần thứ ba:* là một quảng trường nhỏ. Trên quảng trường đặt một tượng đài có dạng cột thức, xây dựng bằng đá hoa cương cao 38m (tính cả phần bệ cột). Thân cột cao 27m được chạm khắc mô tả các cuộc chinh chiến của người La Mã. Trên phần đầu cột đặt tượng của Hoàng đế Traianus. Cầu thang tròn đặt trong thân cột cho phép

Italia

lên đến tận phần đầu cột. Công trình là một điểm nhấn của tổng thể không gian các Forum.

Ngoài ra, Trainus còn xây dựng nhiều công trình công cộng khác như: các khu vực chợ trên sườn đồi Quirinalis, các nhà tắm công cộng mang tên Trainus trên đồi Oppidum...

Các hoàng đế về sau vẫn tiếp tục công cuộc cải tạo và hoàn thiện Roma nhưng với nhịp độ chậm hơn. **Publius Aelius Hadrianus** (Hadrien) xây dựng lại đền Panthéon, và làm mới đền thờ thần Vệ nữ (Venus) và thần Roma. Các triều đại vua Severus (Séveres) hoàn thiện những tổng thể kiến trúc cung điện trên đồi Palatinus và xây dựng thêm các nhà tắm công cộng Caracalla và Diocletianus.

Từ thế kỷ III hoạt động xây dựng ở Roma giảm dần và chấm dứt khi Hoàng đế Constantinus chuyển thủ đô của đế quốc La Mã sang xứ Byzance ở thế kỷ IV, đặt ở Constantinople, tức thành phố Istanbul ngày nay.

Từ những năm 80 của thế kỷ III, đế quốc La Mã tạm thời thống nhất lại với cải cách của Diocletien. Nhưng, sang thế kỷ thứ V, khủng hoảng ngày càng trầm trọng. Đế quốc La Mã chia hai. Bộ máy nhà nước cũng thay đổi và ngày càng tỏ ra lỏng lẻo, bất lực trước sự suy sụp của đất nước và sự xâm nhập từ bên ngoài cho tới ngày nó tan rã, cùng với sự diệt vong của đế quốc Tây La Mã.

Năm 410, thành phố Roma bị người Visigoth, dưới sự chỉ huy của vua Alaric cướp phá, Đế quốc Tây La Mã bị bao vây nhưng vẫn tồn tại cho đến năm 476, khi Odoacer thành lập một vương quốc của người Goth với thủ phủ là Rome. Tiếp theo là những thế kỷ hỗn loạn mà

chỉ có quyền lực của Giáo hoàng mới phần nào mang lại ổn định. Vào đầu Trung đại, Italia liên tiếp bị người Byzantine, Lombard, Frank, Arập và German xâm nhập và sau đó đến lượt người Norman tiến công Italia. Các Giáo hoàng cố gắng củng cố vị trí của mình tại Roma. Năm 443, quyền tối cao của Tổng giám mục Roma ở Nhà thờ phương Tây được xác lập, tuy nhiên trong 100 năm tiếp theo, các Giáo hoàng vẫn phải đấu tranh để duy trì địa vị của mình trong Nhà thờ Thiên chúa giáo La Mã và để giữ quyền thế tục ở miền Trung Italia. Bên ngoài nhà nước của Giáo hoàng, nước Italia bị chia thành các lãnh thổ nhỏ. Các địa phương nổi lên cát cứ ngày càng nhiều. Nhiều hoàng đế tự xưng xuất hiện, do vậy mà lịch sử gọi giai đoạn này là giai đoạn “ba mươi bạo chúa”. Đế quốc bị chia năm xẻ bảy: Vùng Gaule, Tây Ban Nha, Germani, Bretagne tách ra dựng lên hoàng đế với một bộ máy nhà nước riêng, tồn tại 15 năm. Vùng Syria, Tiểu Á, Ai Cập thành lập một vương quốc với tên gọi Palmyr.

Năm 800, vua của người Frank là Charlemagne chinh phục Italia và được Giáo hoàng phong làm Hoàng đế La Mã. Các Hoàng đế kế tiếp Charlemagne cố gắng duy trì quyền lực của mình ở Italia, nhưng việc làm đó chỉ làm kéo dài thêm xung đột giữa họ với các thành phố ngày càng trở nên hùng mạnh và độc lập của Italia (như Milano), và với các Giáo hoàng kiên quyết khẳng định quyền tự do của nhà thờ. Từ thế kỷ X đến thế kỷ XIII, tranh chấp giữa các Giáo hoàng và hoàng đế của Đế quốc La Mã Thần Thánh là hiện tượng phổ biến và ảnh hưởng của các tranh chấp này dội đi khắp nước. Đến cuối thế kỷ XIII, Tây Ban Nha thiết lập quyền cai trị tại Sicilia và Napoli. Cũng trong thời kỳ này, một số thành phố quan trọng, tồn tại như những nhà nước độc lập nhỏ như Milano, Firenze, Genoa và Venezia phát triển ở phía bắc. Các thành phố - nhà nước này có các chính phủ cộng hòa, có thương mại phát triển và có nền nghệ thuật rực rỡ, bất chấp ảnh hưởng của sự phân hóa giai cấp, chủ nghĩa bè phái và các cuộc chiến tranh thường xuyên với các nước láng giềng. Các nước cộng hòa Venezia và Genoa có lực lượng hàng hải hùng mạnh đi chinh phục nhiều nơi và có các thuộc địa ở Hy Lạp, Síp và vùng biển Adriatic.

Vào cuối thời Trung đại, nhiều thành phố bị các gia tộc có thế lực ở địa phương khống chế chẳng hạn gia tộc Visconti ở Milano, Gozaga ở Mantua, Este ở Ferrara và Modena. Các gia tộc tự cho mình có quyền

Italia

cai trị thế tập và nổi tiếng nhất là gia tộc Medicis, đã tiếp quản thành phố Firenze, và đã trở thành Đại quận công vùng Toscan. Mặt khác các gia đình quận công lại chính là những người bảo trợ lớn của nghệ thuật, tạo nên sự cạnh tranh của các trung tâm văn hóa, là điều kiện thuận lợi thúc đẩy các nhà điêu khắc, nhà văn, nghệ sĩ và kiến trúc sư sáng tạo. Do vậy, trong thời kỳ Phục hưng, Italia trở thành trung tâm nghệ thuật của Tây Âu. Riêng nước Cộng hòa Venezia đã chống lại xu hướng thành lập các triều đình quận công và trở thành một lực lượng thương mại hùng hậu ở Địa Trung Hải.

Sự chuyển hóa thời Phục Hưng ở Roma diễn ra chậm hơn so với ở Firenze và Venezia. Song, do nhiều di sản cổ đại còn lại và do chủ trương của Giáo hoàng sau khi trở về Roma vào năm 1420 muốn củng cố vị thế và muốn xây dựng Roma thành thủ đô của giáo hội Thiên chúa giáo nên công cuộc cải tạo Roma lại có quy mô lớn hơn so với các thành phố khác. Bên cạnh vai trò chủ yếu của giáo hội, chính quyền và tầng lớp thị dân giàu có cũng đóng vai trò quan trọng trong việc cải tạo Roma, biến nó thành một đô thị trung tâm của thế giới đương thời.

Công cuộc cải tạo Roma tập trung chủ yếu ở khu vực Tòa thánh Vatican, khu vực đồi Capitolium, các tuyến phố mới, khu vực Campus Martius và khu vực các ngọn đồi nổi tiếng khác. Trong thế kỷ XV - XVI, Roma thực sự trở thành một công trường xây dựng lớn, thu hút đông đảo các nghệ sĩ, kiến trúc sư tiêu biểu và tài năng nhất của thời kỳ Phục Hưng Italia. Đến từ nhiều vùng khác nhau, mang theo nhiều kinh nghiệm và nhiệt tình sáng tạo, các nghệ sĩ Phục Hưng thuộc nhiều thế hệ kế tiếp nhau, bằng những cống hiến nghệ thuật

của mình đã làm sống lại bộ mặt kiến trúc đô thị của Roma một thời vàng son.

Những nỗ lực của các thế hệ giáo hoàng và kiến trúc sư trong suốt thế kỷ XV và nửa đầu thế kỷ XVI theo tinh thần Phục Hưng đã khôi phục một phần diện mạo của thành phố Roma cổ đại và bổ sung những tổng thể kiến trúc đô thị mới theo phong cách Phục Hưng. Roma trở thành một thành phố “bảo tàng” tập trung nhiều loại hình với nhiều phong cách kiến trúc cổ đại, trung đại và Phục Hưng cùng song song tồn tại.

Vào cuối thế kỷ XV, Pháp xâm lược miền Bắc Italia và sau cuộc chiến tranh giành quyền lực ác liệt giữa các vua dòng họ Valois của Pháp và các ông vua dòng họ Hapsburg, Hoàng đế Charles V của dòng họ Hapsburg giành được phần lớn đất đai ở Italia. Khi đế quốc của Charles V được phân chia giữa nhánh tộc Hapsburg ở Áo và nhánh tộc Hapsburg ở Tây Ban Nha thì phần lớn Italia được chuyển nhánh ở Áo (1556). Cuộc rút lui của Pháp khỏi miền Bắc Italia diễn ra đồng thời với sự trỗi dậy của các thủ lĩnh vùng Piedmont-Savoy, những người mà sau năm 1720 đã trở thành các vua của vương quốc Sardinia (khi đó gồm đảo Sardinia và vùng tây bắc Italia). Trong thế kỷ XVII, XVIII, khi một số quốc gia châu Âu hoặc đã chịu tác động của trào lưu Khai sáng, hoặc đã có chính phủ hữu hiệu thì phần lớn các nhà nước ở Italia vẫn còn phát triển chậm. Vương quốc Napoli ở miền Nam (do dòng họ Bourbon của Tây Ban Nha cai quản) và các nhà nước của Giáo hoàng ở miền trung Italia lại có các chính phủ ở tình trạng yếu kém.

Từ đầu thế kỷ XVI, Roma được tô điểm thêm bởi các tòa nhà và những quần thể được bổ sung theo ý tưởng của Giáo hoàng, tái tạo sự hùng vĩ của Roma cổ đại. Việc xây dựng thời Phục Hưng được bắt đầu ở gần Vatican và bên kia sông Tibre, phát triển đến quảng trường Navona và đến Capitolium. Tại Vatican đã xây dựng nhà thờ lớn Thánh Peter đồ sộ vào năm 1506 - 1614. Mái vòm của nhà thờ này đã trở thành điểm nhấn kiến trúc chính trong toàn cảnh Roma. Trung tâm kinh doanh buôn bán của Roma thời Phục Hưng được bố trí gần cầu San Angelo, nơi mà trong thập niên 1540 đã định lập bố cục đường phố 3 tia xuất phát từ quảng trường San Celso. Trong số những công trình xây dựng thời Phục Hưng ở Roma có: lâu đài Venezia theo thiết kế của L. B. Alberti và B. Rossellino, Cancelleria (dinh Đại pháp quan),

Italia

lâu đài Farnèse, lâu đài Vidoni - Caffarelli; các biệt thự của Farnezin, của Madam; các nhà thờ San Pietro ở Montorio, Santa Maria del Anima, Sant Eligio delli Orefici.

Cuối thế kỷ XVI, khi Giáo hoàng Sixte V (Sixte Quint) trị vì (1585 - 1590) đã triển khai một chương trình cải tạo Roma một cách mạnh dạn và trên quy mô lớn. Là người nhiều tham vọng, lại đam mê kiến trúc và xây dựng, muốn thông qua các công trình kiến trúc để cao vai trò thống trị của giáo hội, Sixte V đã mời các kiến trúc sư nổi tiếng như Gian Lorenzo Bernini và Domenico Fontana đến Roma để thực hiện ý tưởng của mình. Với mong muốn Roma nhanh chóng trở thành một thành phố lớn và hiện đại, trong đó kiến trúc Cơ Đốc giáo phải vượt trội so với kiến trúc cổ đại, Giáo hoàng Sixte V đã tiến hành nhiều công việc xây dựng trước tiên ở Vatican và sau đó ở nhiều nơi khác. Kết quả là hình thái đô thị của Roma ở thế kỷ XVII có nhiều thay đổi so với thời kỳ trước đó. Kiến trúc cổ đại còn lại kết hợp với các tổng thể kiến trúc mới theo phong cách Phục Hưng.

Công cuộc quy hoạch và xây dựng trong những thế kỷ XVII - XVIII thuộc về quần thể quảng trường Capitoliuim do Michelangelo tạo ra gần với quảng trường Roma. Đây là trung tâm thể tục mới của thành phố thể hiện khát vọng nhấn mạnh mối quan hệ của thủ đô Giáo hoàng với Roma Cổ đại (bao gồm các lâu đài đã được Michelangelo xây lại như Palazzo dei Senatori, Palazzo dei Conservatori, tòa nhà chính của Viện bảo tàng Capitoliuim, cũng như pho tượng Marcus Aurelius cưỡi ngựa bằng đồng. Dưới thời Sixtin V (1585 - 90) đã xây dựng những đường phố thẳng nối liền các basilica quan trọng nhất của đạo Cơ Đốc Sơ kỳ và các

khu vực của thành phố thành một hệ thống thống nhất. Những quần thể chủ yếu theo phong cách Baroco có: Quảng trường Nhân dân với cột bia Cổ Hy Lạp tại giao điểm của các đường trục Thánh Peter, quảng trường Navona và quảng trường Tây Ban Nha. Trong số những di tích kiến trúc phong cách Baroco có: các lâu đài Quirinalus, Maderna, Bernini, Laterano, Borghese, Barberini, Falcogneri, Doria - Pamfili, các biệt thự của Borghese... các nhà thờ Jésus, San Luigi dei Frances, San Andrea della Valle, San Carlos alle Quattro Fontana và San Ivo alla Sapienza, San Andrea al Quirinalus. Những lâu đài lồng lỷ, các công viên và những nhà thờ bất ngờ mở ra các quảng trường và những sân bãi ngấm cảnh, các điểm nhấn bố cục không gian dưới dạng những cầu thang, các cột bia, những đài phun nước và các tác phẩm điêu khắc trang trí làm cho kiến trúc theo phong cách Barocco cũng đã xác định khá rõ bộ mặt của trung tâm thành phố đương đại được tiếp nhận nồng nhiệt và đầy hấp dẫn.



Mặt bằng thành phố Roma thế kỷ XVIII

- | | |
|-----------------------------|---------------------------|
| 1. Quảng trường Apolo | 5. Quảng trường Senpiedio |
| 2. Quảng trường Tây Ban Nha | 6. Vatican |
| 3. Quảng trường Capitoliun | 7. Pháo đài |
| 4. Quảng trường Navona | |

Italia

Trong thời kỳ cuộc Cách mạng Pháp, Napoleon đã sáp nhập một phần bán đảo Italia và xác định lại biên giới. Trật tự cũ của Italia về cơ bản đã được khôi phục lại tại Hội nghị Vienne năm 1815, theo đó ở miền Bắc Italia có vương quốc Sardinia, các tỉnh vùng Lombardy - Venetia thuộc Áo, ở miền Nam có hai vương quốc Sicilia (Napoli), còn ở trung tâm Italia là các nhà nước của Giáo hoàng và các công quốc nhỏ. Tuy nhiên, Napoleon cũng đã kịp lập ra vương quốc Italia với thủ đô tại Milano. Những ký ức về nhà nước ngắn ngủi này, cũng như về hiệu quả các cải cách của Napoleon vẫn còn lưu lại. Trong các năm 1830 và 1848 đã nổ ra các cuộc bạo động chống lại chính quyền già cỗi, bảo thủ nhưng bị Pháp, Áo và Tây Ban Nha bóp nghẹt. Chính quyền Áo kiểm soát vùng Lombardy - Venetia và một số công quốc khác, do đó đã không thể có các cải cách ở miền Bắc, trong khi đó thì dòng họ Bourbon nắm chắc miền Nam. Các hoạt động chính trị đóng khung trong các hội kín và các hành động bạo lực vẫn thường xuyên nổ ra.

Công cuộc cải cách và thống nhất Italia đã diễn ra thành công dưới thời vua Victor của vương quốc Sardinia (trị vì từ 1849 đến 1871) và thủ tướng của ông là bá tước Camillo di Cavour (1810 - 1861). Họ đã nắm lấy cơ hội để xúc tiến quá trình thống nhất đất nước với sự giúp đỡ của Pháp. Giuseppe Garibaldi (1807 - 1882), lãnh tụ của phong trào du kích theo chủ nghĩa dân tộc, đã giải phóng Napoli và khu vực Sicilia khỏi ách cai trị của dòng họ Bourbon và nhập các vùng này vào nước Italia mới. Vương quốc Italia (gồm phần lớn bán đảo Italia) tuyên bố thành lập vào tháng Ba năm 1861. Đến các năm 1866 và 1870, Venetia và Roma cũng sát nhập vào nước Italia mới.

Với việc biến Roma thành thủ đô nước Italia vào năm 1871, thành phố đã phát triển nhanh chóng. Đã xây dựng nhiều nhà cho thuê ở khu Prat gần Vatican, khu Đông và khu Đông - Nam. Đa số các biệt thự đã nằm trong ranh giới thành phố, nhiều công viên ở đây trở thành các công viên công cộng. Theo Quy hoạch chung năm 1873 đã làm những con đường huyết mạch mới (Corso Vittorio Emanuel, Via Nazionale), đã xây dựng rất nhiều nhà và quần thể theo kiến trúc chiết trung rất lộng lẫy như tượng đài Victor Emmanuel II. Trung tâm công cộng của Roma được chuyển đến Piazza Colonna.

Trong thập niên 1930 lại có ý đồ đưa Roma trở lại "sự vĩ đại của đế chế" với việc xây dựng tổ hợp "Triển lãm Quốc tế EUR" (được dự kiến nhưng đã không diễn ra) đã mở những con đường trục mới (Via dei Fori Imperiali, Via di Conciliazione), do đó các ô phố có giá trị lịch sử (khu Borgo) đã bị phá dỡ. Những công trình xây dựng trong thập niên 1930 đã được giải quyết theo phong cách Tân - Cổ điển như tổ hợp công trình Thể thao Foro Italico.

Sau cuộc chiến tranh Thế giới lần thứ II (1939 - 45), lãnh thổ thành phố Roma đã được mở rộng về tất cả các hướng. Vào dịp chuẩn bị cho Thế vận hội Olympia 1960, con đường trục Via Olympica (nối liền Foro Italico với khu EUR) đã được xây dựng cũng như đoạn phía Đông và phía Nam của xa lộ vành đai, một loạt đường hầm và những nút giao thông khác cốt đã phần nào tạo điều kiện dễ dàng cho việc giải quyết các vấn đề giao thông. Nhiều cố gắng bảo tồn khu phố cổ như dạng ban đầu, ở đây chỉ xây dựng một số công trình có quan hệ hữu cơ với môi trường lịch sử chung quanh như nhà ga Termini, tòa Đại sứ quán Anh. Đặc biệt nổi bật có những công trình của KTS - KS P. L. Nervi: Cung Thể thao (1958 - 60, cùng với KTS M. Piacentini), Làng Olympiad (hoàn thành năm 1960 cùng với Palazzetto), Cung Thể thao nhỏ (1957, KTS A. Vitellozzi) và sân vận động Flaminio. Công cuộc xây dựng mới được phát triển chủ yếu ở ngoại vi. Trong các thập niên 1960 - 70 khu EUR đã biến thành trung tâm doanh nghiệp lớn của Roma đang phát triển tiếp về phía Tây - Nam.

Khởi đầu là vai trò một thủ đô tôn giáo, các Giáo hoàng thời Phục hưng đã để lại một số công trình xây dựng lớn, chủ yếu tập trung ở Vatican và vùng phụ cận. Mãi đến cuối thế kỷ XIX, khi Roma trở thành

Italia

thủ đô của nước Italia thống nhất, mới được phát triển mạnh mẽ. Do uy tín của tòa Thánh ở Roma mà địa vị Thủ đô tôn giáo của Đạo Giatô được đề cao. Roma ngày nay là một thành phố đất rộng (1.508km² kể cả vùng ngoại ô) và dân cư chưa đông lắm (khoảng 3 triệu người) như nhiều thành phố lớn trên thế giới. Trung tâm thành phố ứng với vùng Roma cổ được chia thành 22 ryông, ngoại ô gồm 35 quartieri và 3 suburbi đang trong quá trình đô thị hóa; ngoài ra còn có Agro Romano (nông thôn Roma) trước kia là bùn lầy và chỉ mới được cải tạo từ khoảng một thế kỷ nay. Trong thành phố có hai vùng đất có quy chế đặc biệt: Vatican được coi như một quốc gia riêng, và khu vực Triển lãm Quốc tế của Roma (Esposizione Universale di Roma) có tư cách hành chính độc lập với thành phố.

❖ Mọi con đường đều dẫn đến Roma

La Mã đi chinh chiến mở rộng lãnh thổ là vào thời kỳ Đế quốc, La Mã đã cai quản cả một khu vực có số dân 71.000.000 người, trong đó có 7.000.000 người thuộc bán đảo Italia (riêng thành Roma là 1.000.000 người); 23.000.000 người thuộc phần đất châu Âu, 10.000.000 người thuộc Ai Cập, 6.000.000 người thuộc châu Phi và 25.000.000 người thuộc phần đất châu Á. Đặt ách thống trị trên toàn bộ lãnh thổ rộng lớn chiếm đoạt được và bằng chính sách buộc các thuộc địa cống nạp nhân lực và tài lực, La Mã đã trở thành đế quốc hùng mạnh nhất thế giới cổ đại. Trong bối cảnh ấy, các đô thị của đế quốc La Mã có điều kiện phát triển sầm uất, đặc biệt là hai loại đô thị cơ bản: **đô thị thủ đô** là trung tâm quyền lực của đế quốc và **đô thị đồn trú** tại các thuộc địa của La Mã. Tại các đô thị, người La Mã luôn có ý thức thông qua kiến trúc để thể hiện

sức mạnh về mọi mặt của mình, đồng thời không ngừng tạo ra những con đường phục vụ cho phát triển thương mại và bành trướng thuộc địa. Các con đường huyết mạch phục vụ tốt mọi hoạt động vào thời bình và cũng là phương tiện tốt cho các cuộc chinh phục mới. Đội quân chiến thắng vừa làm công việc xây dựng vừa chiến đấu, họ kiến tạo các con đường mới cho các thương nhân để rồi khi cần lại bỏ việc buôn bán mà đi theo các quân đoàn, trở thành lực lượng hậu thuẫn sau lưng Hoàng đế Caesar trong công cuộc đi chinh phục tiếp các vùng lãnh thổ còn chưa xác định ranh giới.

Vào đầu công nguyên khi quyền lực của La Mã ở đỉnh cao (vào thời trị vì của Hoàng đế Trajan), hai mươi ba con đường đã được thiết lập từ cột mốc xuất phát ở Roma, cột mốc được mạ vàng đã là tâm điểm của một hệ thống đường dài tới 90.000km trên toàn lãnh thổ của đế chế. Về phía Bắc, hệ thống đường đi qua Lombardy, xứ Gaul và nước Anh, đến tận biên giới Scotland, phía Đông đi qua vùng đất Hà Lan, phía Nam tới Tây Ban Nha, tiếp đó còn đi dọc theo bờ biển Địa Trung Hải đến Ai Cập, đi theo biên giới Palestine rồi phân nhánh đến Byzantium, Smyrna, Persia (thuộc Iran ngày nay) và tới Ấn Độ Dương, về phía Tây còn đi xa hơn đến eo biển Bospho qua Hy Lạp, Hunggari và bờ biển Dalmatia rồi đến tận biên giới nước Đức. Ở nhiều nơi còn được phân nhánh, làm thành một hệ thống các con đường cấp hai đi đến các trung tâm ở nhiều nước, nhiều tỉnh và thị trấn cũng như tới các địa điểm đồn trú.

Những con đường đầu tiên của người La Mã có thể là đường Appia xây dựng vào năm 300 tCn và được đặt tên của người lập ra nó là Appius Claudius Caecus. Tuyến đường được nối dài và tu bổ nhiều lần đã trở thành một huyết lộ quan trọng của đế quốc La Mã, là con đường các đội quân La Mã đi đánh chiếm châu Phi và sau đó là đường để các gia súc và hàng hóa được chuyên chở về trung tâm đế quốc. Các con đường sau đó còn được đắp thêm lễ, liên tục tu bổ dưới triều Nero, Augustus ở nhiều thế kỷ sau.

Đường Appia vào Roma qua một cái cổng đồ sộ có tên Porta Capena, hai con đường quan trọng khác cũng xuất phát từ Roma là Via Latina (đi về Đông Nam) và Via Salaria (đi lên phía Bắc). Đường Via Latina được đặt tên theo Latium (một vùng cổ ở Italia, tại eo biển Adriatic) và đường Via Salina đặt tên theo loại muối lấy từ biển Adriatic

Italia

gần dãy núi Sabine. Với việc đánh bại Carthage, người La Mã đã xây dựng các con đường Via Emilia, Via Flaminia và Via Claudia dẫn đến thung lũng sông Po, rồi từ đây đi ngang qua dãy núi Alps. Vào năm 146 tCn, các con đường "quốc tế" của La Mã được xây dựng như đường Via Egnatia nối dài nhánh Bắc của đường Appia đi ngang qua Dyrrachium (Durazzo, vùng cổ Albanie) đến Thessalonika và Hebras (vùng cổ Hy Lạp). Đường Via Egnatia đi về phía Đông, cũng chính trên đường này Cirero bị đi đày và tướng La Mã Pompei tìm cách chạy trốn đến châu Á.

Năm 123 tCn, Caius Gracchus phụ trách hoàn tất hệ thống đường sá khắp bán đảo từ Capua (thị xã Tây Nam Italia) đến Messina (hải cảng tại đảo Sicilia) bằng cách nối dài đường Appia và nối đảo Sicilia với đất liền. Cuối cùng, để hoàn tất hai con đường Via Aurelia và Via Domitia ở phía Bắc, ông đã nối dài đường Via Domitia dọc theo bờ biển Địa Trung Hải thuộc xứ Gaul cổ, ngang qua dãy núi Pyrénée và đi ngang qua Tây Ban Nha đến tận vùng cảng Cadiz. Domitia là con đường đi đến các mỏ đồng tại Rio Tinto, mỏ thủy ngân và sulfur thủy ngân tại Almadén. Hệ thống đường sá tại xứ Gaul nối với đường Appia tại Nime và Lyon (Pháp) đi ngang qua thung lũng sông Rhône. Lyon đã từng là thủ đô của xứ Gaul cổ và là điểm hội tụ của con đường dẫn tới nước Anh (qua Luteria), đến cửa sông Rhône, Brittany, Aquitaine (Bordeaux) và còn dẫn đến cả phía Bắc Italia qua Besançon và Appennines.

Hệ thống đường sá đầu tiên tại xứ Gaul là công trình của Agrippa (con rể Hoàng đế Augustus), hệ thống mở rộng bằng các đường cấp hai trải dài về phía Bắc và phía Tây để tiếp

nhận hàng hóa của nước Anh chủ yếu là thiếc để sản xuất hợp kim đồng. Sau cùng Trajan nối liền khu vực phía Đông của hệ thống đường sá xứ Gaul với Strasbourg (Pháp) và với các con đường trong khu vực sông Rhine. Đó cũng là xuất phát điểm các con đường biên giới xứ Pannonia (Hungari) dọc theo sông Danube đến tận Rumani và Hắc Hải.

Vào năm 42, Tiberius đã xây dựng con đường thứ hai tại Tây Ban Nha nối liền đường Domitia tiến về phía bờ biển châu Phi và đến đất Ai Cập.

Các con đường tại nước Đức và khu vực trung tâm châu Âu nối liền với hệ thống đường sá của La Mã mang tính chất chiến lược nối liền các pháo đài đặt rải rác dọc các thung lũng sông Rhine và sông Danube, rồi còn được nối dài thành hệ thống phòng thủ dẫn đến châu Á qua Palestine và Ả Rập. Ở Tiểu Á có hai con đường đi ngang qua, bắt đầu từ Byzantium và Ephesus, gặp nhau tại Khorsabad rồi kết hợp thành một đi tới Persia (Iran), xuất phát điểm của các con đường châu Á. Công cuộc xây dựng đường sá rộng lớn kéo dài suốt sáu trăm năm (từ 400 tCn đến cuối thế kỷ thứ II sCn). Sau này các con đường đó đã trở thành hành trình của các tông đồ Thiên chúa giáo và của Hung Nô.

Mạng lưới đường La Mã gồm ba cấp đường: Các con **đường huyết mạch** là những đường xương sống, đảm bảo hỗ trợ các dịch vụ công cộng giữa La Mã và các vùng bị chinh phạt, cũng chính là đường quân sự được quân đội chủ lực sử dụng để chuyển quân; **Đường bậc hai** là các nhánh nối với đường huyết mạch, gắn kết các thị xã, các trung tâm hành chính, các khu nghỉ hoặc các khu chợ; **Đường bậc ba** là các con đường nhỏ nối liền các thị xã nhỏ, các làng xã, các nông trại và các đội quân nhỏ.

Kỹ thuật làm đường khởi đầu bằng việc đào đất làm nền đường ở một độ sâu đáng kể (thường là đào đến chỗ có nền đá), nện chặt và phủ lên một lớp cát hoặc vữa, tiếp đến là bốn lớp vật liệu khác nhau được xếp lên nhau tới độ cao khoảng 0,9 đến 1,2m, vật liệu được lấy từ các núi đá và được sắp xếp theo các lớp như sau: Dưới đáy là các lớp đá phẳng dày 30 - 60cm được dính kết với nhau bằng vữa hoặc đất sét. Tiếp đến là một lớp dày khoảng 23cm gồm đá cuội nhỏ, đá vụn,

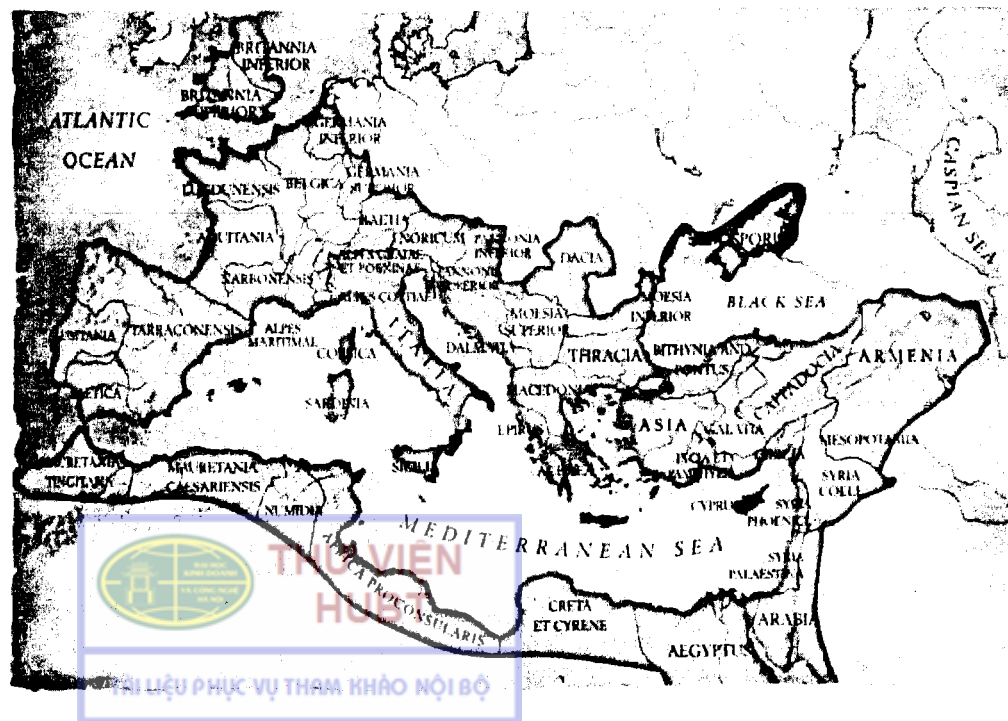
gạch vụn nén chặt; sau đó là một hợp chất vôi và cát rải thành các lớp 15 - 45cm cũng được nén chặt; sau cùng, một lớp từ 13 - 30cm sỏi hoặc đá lát đường có kích thước khá lớn đặt sát nhau. Mặt đường hơi lồi để nước có thể thoát dễ dàng xuống các rãnh hai bên đường.

Bề rộng của đường được xác định theo sắc lệnh của Hoàng đế Augustus, thay đổi tùy tính chất quan trọng của đường, thường là 12m đến 18m ở vùng ngoại vi của các thành phố lớn, đường bậc hai rộng 2,7 - 6,6m và đường bậc ba 1,4 - 2,7m. Đối với các con đường huyết mạch, bề rộng bao gồm cả hai lề đường bằng một nửa của làn xe. Những lề đường này có thể được nâng cao tùy từng quãng bằng cách xếp thêm các lớp đá để thuận tiện cho các kỵ sĩ. Nhiều khai quật khảo cổ học thực hiện trên các con đường La Mã đều cho thấy chất lượng và cấu trúc khá đồng nhất, chỉ thay đổi bề sâu và loại vật liệu. Loại sắt rỉ được sử dụng tại các con đường gần mỏ sắt, đá ba-dan được dùng ở Syrie, nham thạch sử dụng tại các vùng núi lửa, các mảnh vụn hoặc tấm đá cẩm thạch cũng được sử dụng ở một vài đoạn của đường Appia gần Roma.

Cùng với đường là những chiếc cầu La Mã mà đến nay người ta vẫn khâm phục tay nghề cao của những người xây dựng. Cầu Aelius (cầu St. Angelo) bắc qua sông Tibre tại Roma bởi hoàng đế Hadrian, với các trụ cầu ăn sâu dưới lòng đất 4,5m. Tại Tây Ban Nha có nhiều cầu cổ và đẹp ở Cordoba, Merida, Alcantara, cây cầu tại Alcantara được xây bằng các khối đá không dùng xi măng mà được kết nối bằng các kẹp sắt lớn và hàn bằng chì. Chiếc cầu tại Salamanca có một nhịp dài 675m được đỡ bằng hai mươi bảy

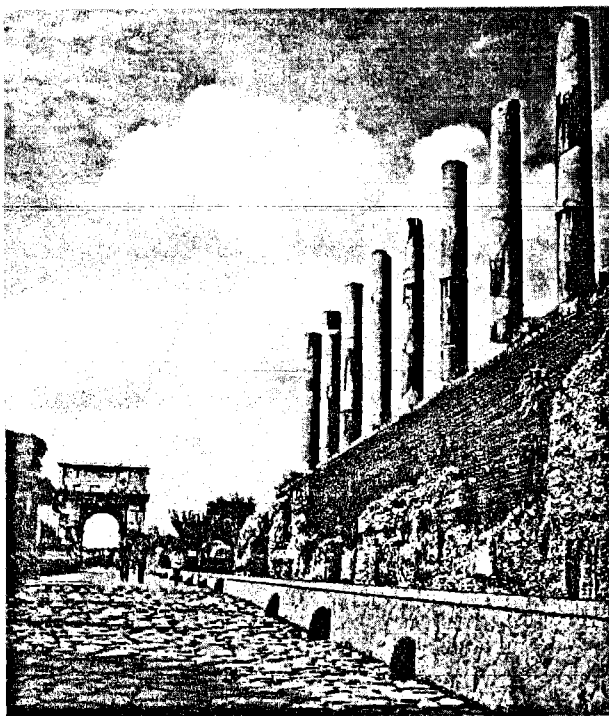
vòm cung mỗi chiếc rộng 6m. Tại Pháp có các cầu tại Argens, Arles và Saint Chamas. Cầu tại Saint Chamas được trang hoàng hai đầu bằng hai cổng chiến thắng hình vòm, cầu máng vùng Gard có tới 17 vòm cung.

Tại vùng đồi núi, nhiều đường phải chui qua các đường hầm như ở Dauphine có đường hầm Porte de Bons, tại Italia có đường chạy ngầm nối liền Napoli với Pozzuoli, đó là đường hầm trên đường Flaminia đi qua dãy núi Apennines dài 300m. Tại Monte San Angelo có đường hầm dài 37,5m cũng nối với con đường Appia, còn tại Thụy Sĩ có con đường hầm nổi tiếng Hagdek gần Soleure dài 7509m đi qua đáy sông Aar.

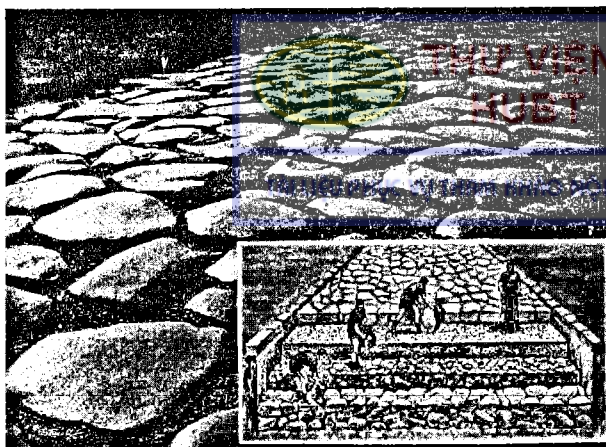


Bản đồ đế quốc La Mã (thế kỷ II sCn)
(trích sách "Rome đế quốc hùng mạnh nhất",
tg. Nigel Rodgers, biên dịch: Hàn Thị Thu Vân)

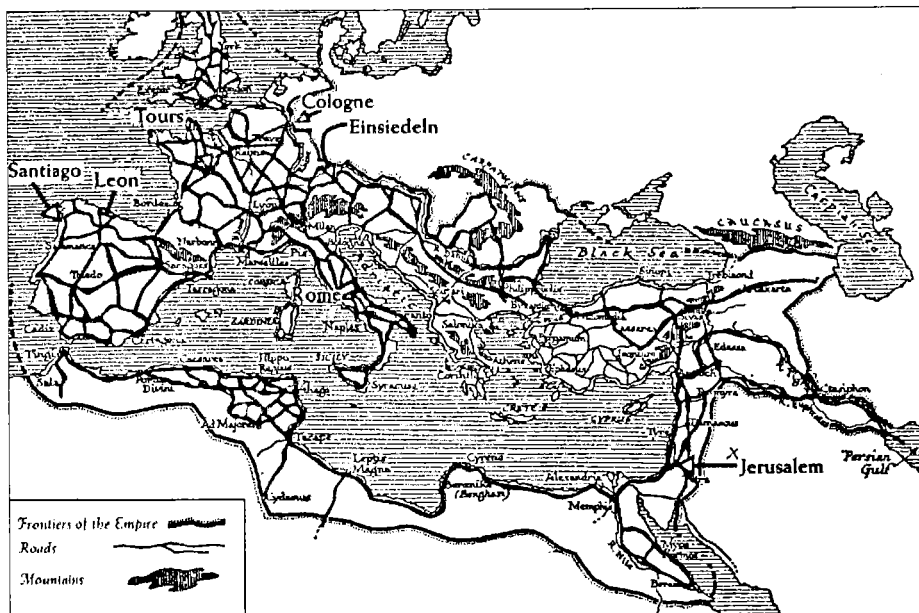
Italia



Tuyến "Đường Thiêng" Via Sacra



Các tuyến đường La Mã



Những con đường chính trên đế quốc La Mã

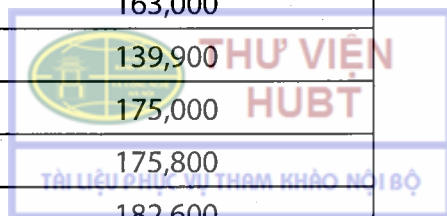


Địa bàn của đế quốc La Mã

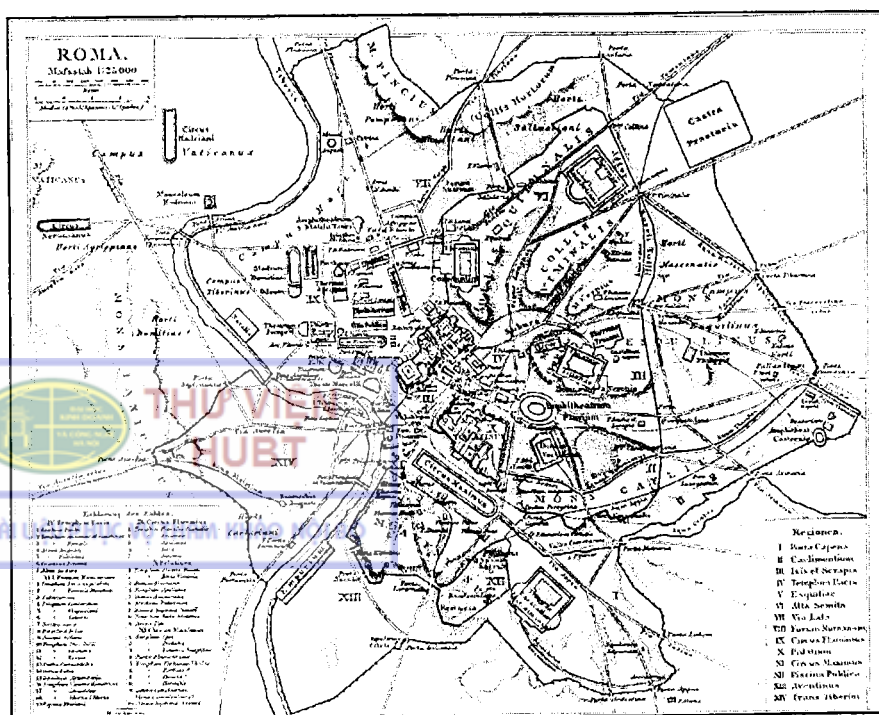
ROMA - MỘT SỐ DỮ LIỆU

1. Nhân khẩu

Năm	Dân số
350 TCN	30,000
250 TCN	150,000
44 TCN	1,000,000
120	1,000,000
330	800,000
410	700 - 800,000
530	90 - 150,000
650	70,000
1000	20,000
1400	20,000
1526	50,000 - 60,000
1528	20,000
1600	100,000
1750	156,000
1800	163,000
1820	139,900
1850	175,000
1853	175,800
1858	182,600
1861	194,500
1871	212,432
1881	273,952
1901	422,411
1911	518,917



Năm	Dân số
1921	660,235
1931	930,926
1936	1,150,589
1951	1,651,754
1961	2,188,160
1971	2,781,993
1981	2,840,259
1991	2,775,250
2001	2,663,182
2009	2,726,927



Bản đồ miêu tả hậu kỳ Roma cổ đại

Italia

2. Giao thông

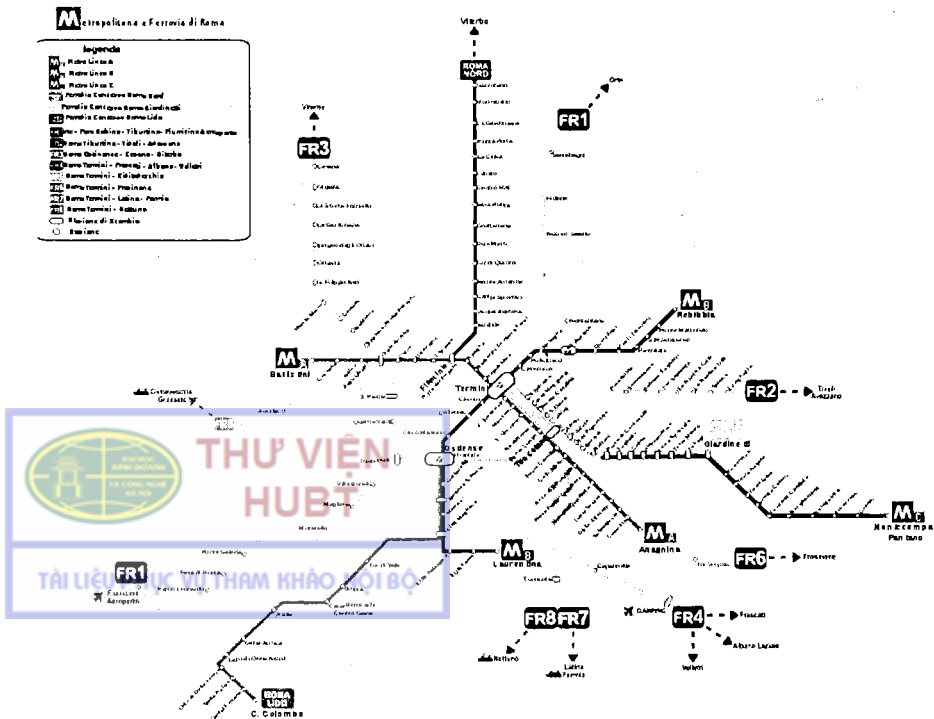
Roma là trung tâm của mạng lưới đường hướng tâm chạy theo những con đường nhấp nhô có từ thời La Mã cổ đại, bắt đầu từ ngọn đồi Capitoline và nối liền Roma với đế chế La Mã. Vòng quanh Roma ngày nay ở khoảng cách khoảng 10 km (6 dặm) là tuyến đường vòng cung (Grande Raccordo Anulare hoặc *GRA*).

Do vị trí nằm ở trung tâm bán đảo Italia, Roma là một nút đường sắt chủ yếu cho các khu trung tâm tại Italia. Nhà ga chính của Roma, Termini, là một trong những nhà ga lớn nhất ở châu Âu và có lưu lượng khách sử dụng nhiều nhất ở Italia, với khoảng 400.000 hành khách được chuyên chở mỗi ngày. Nhà ga lớn thứ hai trong thành phố là nhà ga Roma Tiburtina, hiện đang được tái phát triển thành một trạm đường sắt cao tốc.

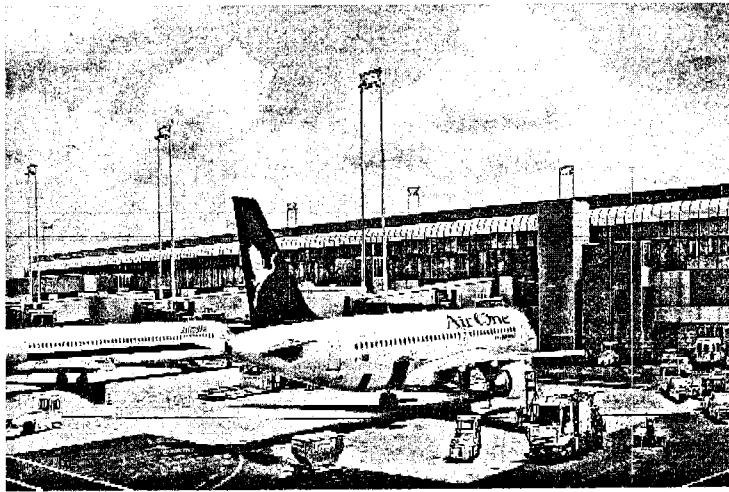
Có ba sân bay phục vụ tại Roma. Sân bay quốc tế liên lục địa Leonardo Da Vinci là sân bay chính của Italia và thường được gọi là "Sân bay Fiumicino", vì nó nằm trong comune Fiumicino gần phía Tây Nam của Roma. Sân bay thứ hai là Ciampino Roma, trước đây là một sân bay dân sự và quân sự kết hợp, thường được gọi là "Sân bay Ciampino" vì nó nằm bên cạnh Ciampino về phía Đông Nam Roma. Sân bay thứ ba là Roma-Urbe, một sân bay nhỏ có lưu lượng thấp nằm cách khoảng 6 km về phía Bắc trung tâm thành phố, dành riêng phục vụ cho hầu hết máy bay trực thăng và các chuyến bay tư nhân.

Thành phố Roma đang hứng chịu các vấn đề giao thông, chủ yếu là do mô hình đường xuyên tâm đã gây khó khăn cho người dân

Roma: nếu muốn di chuyển từ các vùng lân cận của một trong những tuyến đường xuyên tâm đến tuyến đường khác họ phải đi vào trung tâm lịch sử hoặc phải đi đường vòng. Vấn đề này không thể giải quyết do quy mô hệ thống tàu điện ngầm tại Roma bị hạn chế so với các thành phố khác có kích thước tương tự. Ngoài ra, Roma chỉ có 21 xe taxi cho mỗi 10 nghìn dân, cách biệt xa so với các thành phố lớn ở châu Âu. Nạn tắc nghẽn xe hơi thường xuyên xảy ra trong những năm 1970 và 1980 đã dẫn đến việc hạn chế lưu thông phương tiện vào trung tâm nội thành trong thời điểm ban ngày. Những khu vực áp dụng hạn chế được gọi là Khu Hạn chế Giao thông (*Zona a Traffico Limitato* - ZTL ở Ý). Gần đây hơn, lượng giao thông tấp nập vào ban đêm ở Trastevere và San Lorenzo đã dẫn đến việc hình thành những khu ZTL đêm ở những vùng đó, ngoài ra còn có kế hoạch lập một khu ZTL đêm ở Testaccio.



Bản đồ đường sắt bao gồm các tuyến
tàu điện ngầm năm 2011 ở Roma.



Sân bay Leonardo da Vinci Fiumicino

Một hệ thống tàu điện ngầm 2 tuyến gọi là Metropolitana đã đi vào hoạt động tại Roma. Việc xây dựng nhánh đầu tiên bắt đầu vào những năm 1930. Tuyến đường này đã được lên kế hoạch trước với mục tiêu nhanh chóng kết nối nhà ga chính với khu E42 vừa được quy hoạch ở ngoại ô phía Nam, nơi dự định tổ chức Hội chợ Thế giới 1942. Sự kiện này đã không thể diễn ra vì chiến tranh. Khu vực này sau đó một phần được thiết kế lại và đổi tên thành EUR (*Esposizione Universale di Roma*: Triển lãm Thế giới Roma) trong những năm 1950 để đóng vai trò như một khu kinh doanh hiện đại. Cuối cùng, tuyến đường đã được mở vào năm 1955 và hiện nay đang là một phần của Tuyến B.

Tuyến A khai trương vào năm 1980, chạy từ Ottaviano đến nhà ga Anagnina, sau đó mở rộng quãng đường đến Battistini (1999-2000). Trong những năm 1990, phần mở rộng của Tuyến B đã đi vào hoạt động, chạy từ Termini đến Rebibbia. Mạng lưới ngầm nói chung là

đáng tin cậy (mặc dù nó có thể bị tắc nghẽn trong giờ cao điểm và vào dịp có các sự kiện, đặc biệt là Tuyến A) vì độ dài tương đối ngắn. Vào năm 2005, tổng chiều dài của mạng lưới là 38 km.

Hai Tuyến A và B hiện tại giao nhau ở nhà ga Roma Termini. Một nhánh mới của Tuyến B (B1) đang được xây dựng với chi phí ước tính là 500 triệu euro, dự kiến khai trương vào năm 2012. B1 sẽ kết nối với B tại Quảng trường Bologna và sẽ có bốn trạm phân bố trong 3,9 km. Tuyến C là tuyến thứ ba, đang được xây dựng với chi phí ước tính 3 tỷ euro với 30 trạm trong khoảng cách 25,5 km. Tuyến C sẽ thay thế một phần tuyến đường sắt hiện có là Termini-Pantano với đầy đủ tính năng tự động và không người lái. Đoạn đầu dự kiến khánh thành vào năm 2011 và đoạn cuối vào năm 2015, nhưng những phát hiện khảo cổ học thường trì hoãn việc xây dựng ngầm. Tuyến thứ 4 là tuyến D cũng được quy hoạch với dự kiến 22 nhà ga phân bố trên một khoảng cách 20 km. Đoạn đầu dự kiến đưa vào hoạt động trong năm 2015 và các phần cuối sẽ hoạt động trước năm 2035.

Giao thông công cộng trên mặt đất tại Roma hình thành bởi mạng lưới xe buýt, xe điện và mạng lưới xe lửa đô thị (các tuyến FR). Mạng lưới xe buýt và xe điện do *Tramibus S. p. A.* điều hành dưới sự bảo trợ của *ATACS. p. A.* (viết tắt của Cục vận tải xe bus và xe điện của commune, trong tiếng Ý là *Azienda Tranvie ed Autobus del Comune*). Mạng lưới xe buýt đó vượt quá 350 tuyến xe buýt và trên 8.000 trạm dừng, trong khi hệ thống xe điện bị giới hạn nhiều hơn, chỉ có 39 km đường ray và 192 trạm. Ngoài ra cũng có tuyến xe bus điện khai trương vào năm 2005 và các tuyến xe bus điện mở rộng khác cũng đã được quy hoạch.

3. Du lịch

Roma ngày nay là một trong những điểm đến du lịch quan trọng nhất của thế giới, do sự đa dạng của kho tàng khảo cổ và nghệ thuật, cũng như do những kiến trúc có giá trị nghệ thuật cao và vô cùng độc đáo. Giá trị nhất ở Roma là số lượng bảo tàng lớn (Bảo tàng Capitolini, Bảo tàng Vatican, Nhà triển lãm Borghese, lưu trữ những gì liên quan đến cả nghệ thuật đương đại và hiện đại cùng rất nhiều những thứ khác), cống dẫn nước, đài phun nước, nhà thờ, cung điện, công trình lịch sử, đài tưởng niệm, di tích của các quảng trường La

Italia

Mã và các hầm mộ. Roma là thành phố thu hút khách du lịch đứng thứ ba tại Liên minh Châu Âu, chỉ xếp sau London và Paris, với lượng du khách một năm trung bình 7-10 triệu người, mà đôi khi tăng gấp đôi vào năm Thánh. Theo một nghiên cứu gần đây, đấu trường La Mã (4 triệu du khách) và Bảo tàng Vatican (4,2 triệu du khách) lần lượt đứng thứ 39 và 37 trong bảng xếp hạng những nơi được viếng thăm nhiều nhất trên thế giới.

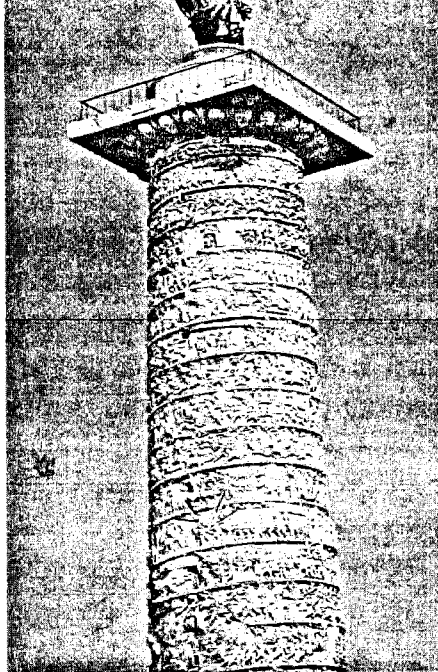
Roma là một trung tâm khảo cổ học lớn và là một trong những trung tâm quan trọng nhất về nghiên cứu khảo cổ học của thế giới. Có rất nhiều viện nghiên cứu và viện văn hóa nằm rải rác trong thành phố, chẳng hạn như Viện Hàn lâm Hoa Kỳ tại Roma, Viện Thụy Điển tại Roma và một vài cơ quan khác. Roma tồn tại rất nhiều di tích cổ đại, bao gồm các Forum Roma, Chợ Trajan, Hội trường Trajan, Đấu trường Colosseo, đền Pantheon. Đấu trường Colosseo được đánh giá là một trong những di tích khảo cổ tiêu biểu nhất của Roma và là một kỳ quan thế giới.

Roma là một bảo tàng lưu trữ lớn và đầy ấn tượng về các lĩnh vực nghệ thuật, điêu khắc, đài phun nước, khảm trang trí ghép mảnh (mosaic), tranh tường và tranh vẽ từ tất cả các giai đoạn khác nhau trong lịch sử. Roma đã trở thành một trung tâm nghệ thuật từ thời La Mã cổ đại, với các hình thức nghệ thuật La Mã quan trọng như kiến trúc, hội họa, điêu khắc và khảm mosaic, rèn kim loại, ... Roma sau này trở thành một trung tâm nghệ thuật Phục hưng chính, từ khi các giáo hoàng dành khoản tiền lớn cho các công trình xây dựng hoàng cung hùng vĩ, cung điện, quảng trường và công trình công cộng

nói chung. Rome trở thành một trong những trung tâm tác phẩm nghệ thuật Phục hưng lớn của châu Âu, chỉ đứng sau Florence, và có thể so sánh với các thành phố lớn và các trung tâm văn hóa khác như Paris và Venice. Thành phố đã chịu ảnh hưởng rất nhiều bởi phong trào baroque và trở thành quê hương của nhiều nghệ sĩ và kiến trúc sư, chẳng hạn như Bernini, Caravaggio, Carracci, Borromini, Cortona và một vài tên tuổi khác. Cuối thế kỷ 18 và đầu thế kỷ 19, thành phố là một trong những trung tâm của Grand Tour - một hình thức du lịch truyền thống ở châu Âu - khi mà những người giàu có, quý tộc trẻ Anh và châu Âu đến thăm thành phố để tìm hiểu về văn hóa, nghệ thuật, triết học và kiến trúc La Mã cổ đại. Roma là nơi có nhiều nghệ sĩ tân cổ điển và rococo, chẳng hạn như Pannini và Bernardo Bellotto. Ngày nay, thành phố là một trung tâm nghệ thuật lớn, với rất nhiều viện nghệ thuật và bảo tàng.

Roma đã phát triển thành nơi lưu trữ nghệ thuật đương đại và hiện đại. Thư viện Nghệ thuật Hiện đại Quốc gia là nơi trưng bày cố định các tác phẩm của Balla, Morandi, Pirandello, Jerzy Dudek, De Chirico, De Pisis, Guttuso, Fontana, Burri, Mastroianni, Turcato, Kandisky, Côzanne. Năm 2010 chứng kiến buổi khai trương nền tảng nghệ thuật mới nhất của Roma, một loại hình nghệ thuật đương đại và triển lãm kiến trúc do kiến trúc sư Iraq nổi tiếng Zaha Hadid thiết kế. Bảo tàng Quốc gia Nghệ thuật và Kiến trúc thế kỷ 21 Maxxi tái hiện một khu vực đồ nát với kiến trúc hiện đại ấn tượng. Maxxi có một trường dành riêng cho phòng nghiên cứu thực nghiệm về văn hóa, trao đổi quốc tế và học tập. Đó là một trong những dự án kiến trúc hiện đại đầy tham vọng của Roma, cùng với Bảo tàng Renzo Piano (*Renzo Piano's Auditorium Parco della Musica*) và Trung tâm Hội nghị Massimiliano Fuksas ở Roma, *Centro Congressi Italia EUR*, ở khu EUR, dự kiến khai trương vào năm 2011. Trung tâm Hội nghị được thiết kế như một container trong suốt khổng lồ, kết cấu thép.

Roma cũng được công nhận rộng rãi như một kinh đô thời trang thế giới. Mặc dù không đóng vai trò quan trọng như Milano, nhưng Roma là một trung tâm thời trang quan trọng đứng thứ tư đối với thời trang thế giới, chỉ sau Milano, New York, Paris và vượt qua London. Các hãng thời trang và trang sức cao cấp nổi bật như Bulgari, Fendi, Laura



Trụ biểu Trajan

Biagiotti và Brioni và một số tên tuổi khác, có trụ sở chính hoặc được thành lập trong thành phố. Ngoài ra, các thương hiệu lớn khác như Chanel, Prada, Dolce, Gabbana, Armani và Versace có nhiều cửa hàng sang trọng ở Roma, chủ yếu dọc theo con đường thời trang Via Condotti với rất nhiều cửa hàng cao cấp ở Roma.

3.2. Đô thị Vatican và Đại giáo đường Thánh Peter

Thật khó để hình dung ở đây đã có một quốc gia nhỏ nhất, ít thần dân nhất trên thế giới chỉ là một đô thị, đó là đô thị Vatican. Chỉ rộng 44ha nằm gần sông Tibre, nhưng lại là một đô thị có quyền lực to lớn về tinh thần và có một ảnh hưởng lớn lao đối với thế giới Thiên chúa giáo. Đó là trụ sở của Đức giáo Hoàng, Vatican là trung tâm duy nhất về tinh thần, chính trị và hành chính có vai trò to lớn trong thế giới của Công giáo. Hội Thánh công giáo La Mã có gần

700 triệu tín đồ và Vatican là một nhà nước độc lập kể từ khi ký hiệp ước Lateran với Italia năm 1929. Vatican có tiền tệ, con dấu và có cả một đội quân thường trực khoảng 100 vệ sĩ người Thụy Sĩ. Vatican có ngân hàng riêng, phát hành một tờ báo có uy tín trên toàn thế giới và có một đoàn ngoại giao với hàng trăm đại diện của Giáo hoàng ở rất nhiều nơi trên thế giới.

Nằm trên khu đồi Vatican, phía Tây sông Tibre trong lòng thành phố Roma, Vatican là một đất nước riêng, có đồng tiền, con dấu, cờ và một bộ phận làm công tác ngoại giao riêng. Ra đời từ thế kỷ thứ IV, nhưng chỉ sau hiệp ước Lateran ngày 11 tháng 2 năm 1929 giữa Italia và Vatican, đất nước này mới hoàn toàn tự trị. Người điều hành đất nước là Đức giáo hoàng. Hồng y đoàn là cơ quan tư vấn chính của Đức giáo hoàng, gồm các Hồng y giáo chủ được Ngài bổ nhiệm. Là quốc gia nhỏ bé, nhưng với các thánh đường tuyệt mỹ, nhà bảo tàng lộng lẫy, thư viện kiến trúc kiểu Gothic tráng lệ và vô vàn cây xanh, Vatican là thiên đường mơ ước của hàng triệu tín đồ công giáo và luôn thu hút hàng chục triệu du khách đến tham quan hàng năm. Họ ập ù một lần được đến đây để chiêm ngưỡng nhà thờ chính tòa của Giáo hội Công giáo, Nhà thờ Thánh Peter. Những ngày lễ lớn tại trung tâm Nhà thờ thánh này luôn đông kín những tín đồ đến nhận lễ ban phép lành và những lời răn dạy của Giáo hoàng. Sát hông Nhà thờ Thánh Peter có một bảo tàng tranh tượng thời Phục Hưng mà ấn tượng nhất là bức họa "Ngày phán xét cuối cùng" gồm hàng chục hình người uốn lượn trên một mái vòm rất sống động. Bên trong Tòa thánh Vatican, khách được chiêm ngưỡng những đường nét chạm khắc tinh xảo đến tuyệt mỹ trên các trần nhà, cột trụ, đặc biệt là các tác phẩm bằng đá cẩm thạch trau chuốt mềm mại thể hiện tình yêu nhân loại đối với Thánh Chúa.

Tài liệu lịch sử từng ghi: các ngọn đồi và thung lũng ở đây là nơi mà bạo chúa Néron (37 - 68) đã hành hình người Đạo Cơ đốc vào năm 64, sau trận hỏa hoạn ở Roma.

Nơi đây có truyền thuyết về Thánh Peter. Ở Vatican, nhà thờ đầu tiên được xây dựng dưới thời Constantin (324 - 349), là **Nhà thờ Latran**. Xung quanh nhà thờ này còn có một công trình kiến trúc tôn giáo khác. Giáo hoàng Léon IV cho xây dựng rào bao quanh, tạo thành

Italia

đô thị Léon, gọi là Borgo chủ yếu dựa vào Lâu đài Saint Anes (842 - 852). Sau đó đã trở thành nơi ở của các Giáo hoàng sau khi rời Thánh địa Avignon (thành phố ở Pháp) để về Roma vào năm 1377 và cũng là trụ sở các cơ quan của Giáo hội từ thời Giáo hoàng Nicolas (1447 - 1455).

Đô thị Vatican nằm ở phía Tây Roma bên hữu ngạn sông Tibre. Từ cuối thế kỷ XIV Vatican có diện tích rộng lớn, là nơi cư trú của những giáo sĩ đạo Kito. Đến năm 1870 khi thống nhất Italia, vua Emmanuel đã hạn chế lãnh thổ của Vatican và đến năm 1929 thì chính phủ Italia đã ký công nhận Vatican là một quốc gia độc lập, có diện tích 44ha với dân số gần 1000 người, có chính quyền riêng. Vatican có tường thành cao xây bao quanh, bên trong có các lâu đài, công viên, nhà thờ và bảo tàng. Đứng đầu Vatican là Giáo hoàng do Hội đồng Hồng y giáo chủ bầu ra, khi đó là Giáo hoàng J. Paul II.

Về tổ chức bộ máy Nhà nước thì Vatican là một Nhà nước Thần quyền, đứng đầu Nhà nước là Giáo hoàng La Mã. Giáo hoàng được Hội đồng Hồng y giáo chủ bầu bằng hình thức bỏ phiếu kín, chức vụ này được duy trì suốt đời. Hội đồng Hồng y giáo chủ bao gồm những Hồng y giáo chủ do Giáo hoàng bổ nhiệm (năm 1970 có 136 người). Giáo hoàng nắm quyền lập pháp tối cao và chính quyền hành pháp. Chức năng Thủ tướng do Quốc vụ khanh đảm nhiệm. Quản lý điều hành lãnh thổ Vatican là Hội đồng Hồng y giáo chủ gồm 5 Hồng y và Thống đốc thuộc quyền. Nhằm phục vụ việc điều hành đất nước, năm 1968 một Hội đồng tư vấn Hồng y giáo chủ đã được lập ra gồm 24 người, tất cả đều sống ở Roma, 6 người khác là ủy viên danh dự ở

nước ngoài. Việc đảm bảo an ninh của Vatican, cũng như xúc tiến các hình thức nghi lễ do đội vệ binh Thụy Sĩ đảm nhiệm. Có một thống đốc bổ nhiệm thay mặt Giáo hoàng trong quan hệ bang giao với các nước.

Tên gọi “Vatican” vừa được dùng để chỉ Tòa thánh của Đức giáo hoàng lẫn toàn thể lãnh thổ nằm gọn giữa thành phố Roma. Văn bản xác nhận sự ra đời của quốc gia nhỏ bé này là hiệp ước Lateran được ký kết giữa Tòa thánh và chính phủ Italia vào ngày 11/02/1929 và chính thức có hiệu lực vào 7/6 cùng năm. Cùng với bản thỏa thuận này là những giáo ước nhằm điều chỉnh mối quan hệ giữa tòa thánh và chính phủ Italia. Hai văn bản có tính ngoại giao đó được ký tại lâu đài Lateran bởi thủ tướng Italia lúc bấy giờ là Benito Mussolini và Thủ tướng Vatican, Pietro Cardinal Gasparri. Giáo ước là một văn kiện mà tòa thánh chính thức tuyên bố quyền độc lập của mình với thế giới.

Vatican trở thành nơi hấp dẫn không chỉ bởi những kho báu nghệ thuật trong đó mà còn vì những hoạt động đặc trưng của đô thị này. Ngay cả những nơi chứa các bộ sưu tập nghệ thuật đó, các dự án xây dựng từ thời Đế chế, đặc biệt là 5 thế kỷ trở lại đây đều là những công trình ấn tượng được sáng tạo bởi các họa sĩ lừng danh như Bramante, Raphael, Michelangelo và Gian Lorenzo Bernini. Động lực tinh thần cùng tài năng của họ đã tạo ra một loạt các công trình đặc sắc từ những khu vườn tượng trưng cho Thiên Đàng cho đến những bức tường rào, tất cả đều nhằm tạo dựng một nơi dành riêng cho Đức Chúa và nó biểu tượng của niềm tin của tài năng trí tuệ để làm nên một “Thành phố thiên đường”.

Giống như các nhà thờ Thiên Chúa giáo, Vatican được cai quản bằng luật lệ giáo hội mà người có quyền tối cao là Đức Giáo Hoàng. Vatican luôn được bảo đảm quyền độc lập và cũng giống như các quốc gia theo chế độ quân chủ khác, người đứng đầu tức Giáo Hoàng nắm quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Cơ sở kinh tế của Nhà nước Vatican là các khoản lợi nhuận thu được từ đầu tư tư bản và tiền đóng thuế. Vatican là một nước có nhiều nhà đầu tư lớn có quan hệ chặt chẽ với các ngân hàng Italia (Ngân hàng Roma, Ngân hàng thương mại Italia...).

Italia

Nguồn vốn của Vatican chủ yếu tập trung ở Italia. Vatican có chân trong một loạt các tập đoàn tư bản tài chính lớn thuộc các lĩnh vực sản xuất điện năng, cao su, hóa chất... Vatican có vốn đầu tư trong tập đoàn tư bản độc quyền Quốc tế cả ở Mỹ, Anh, Pháp, Thụy Sĩ, Tây Ban Nha... Vatican là chủ sở hữu đất đai ở nhiều nước như Italia, Tây Ban Nha, Cộng hòa Liên bang Đức. Việc cho thuê đất đem lại cho Vatican khoản lợi nhuận khá lớn. Vatican cũng thu được số tiền lớn do các tín đồ đóng góp. Một phần thu nhập đáng kể của Vatican là từ khách du lịch nước ngoài, bán tem bưu chính. Nhà ga đường sắt của Vatican được nối liền với mạng đường sắt của Italia. Đơn vị tiền tệ của Vatican là đồng lia Italia.

Ngoài ra, theo thỏa ước đã được Nghị viện Italia phê chuẩn ngày 15/6/1929, nước Italia công nhận quyền ưu đãi đối với Nhà thờ Đạo Gia tô và trả lương cho các giáo sĩ như các quan chức dân sự. Tòa thánh cũng còn được sở hữu một số công trình kiến trúc nghệ thuật ở Roma hoặc ở ngoài Roma.

Nằm ở hữu ngạn sông Tibre tức ngoài khu vực trung tâm Roma cổ đại nên Vatican có sự phát triển độc lập. Đây vốn là nơi đặt mộ thánh tông đồ Peter, nên từ xa xưa là điểm hành hương của tín đồ công giáo. Từ thế kỷ XV các giáo hoàng đã xây dựng khu vực Vatican thành **thủ đô của giáo hội Công giáo Roma**. Ban đầu, ba trục đường chính song song, dài 750m, có tên là Vecchio, Spirito và Recta được mở nối liền lâu đài San Angello với nhà thờ Thánh Peter làm cơ sở để xây dựng các công trình của giáo hội. Mỗi đường phố đều kết thúc bằng các công trình chính tạo nên hình ảnh phối cảnh hoành

tráng của công trình theo nguyên tắc quy hoạch thời Phục Hưng.

Chính là tại địa điểm vừa là ranh giới vừa là điểm kết nối giữa Roma và Vatican, ta được chiêm ngưỡng một tổng thể kiến trúc siêu việt, một tác phẩm thiết kế đô thị có một không hai, đó là quảng trường gắn liền với tòa thánh đường lớn nhất thế giới: *Nhà thờ Thánh Peter*.

*

* *

Trước khi tìm hiểu kỹ về những công trình nghệ thuật kiến trúc kỳ vĩ ở Roma và Vatican, những công trình của đức tin và tôn giáo, không thể không biết đến quá trình hình thành nên đức tin đó mà nếu thiếu nó, các công trình kỳ vĩ kia chắc đã không thể mọc lên được.

Người La Mã nguyên thủy theo đa thần giáo, khi tiếp xúc với văn hóa Hy Lạp, họ đã tiếp nhận tôn giáo của người Hy Lạp với các đặc điểm trần tục và thực tế, không có nội dung thần thánh và luân lý. Các vị thần của người Hy Lạp và người La Mã có chức năng khá giống nhau: Jupiter chính là Zeus, Minerva giống như Athena, Venus giống như Aphrodite, Neptune và Poseidon cũng là thần Biển... Cũng như người Hy Lạp, tôn giáo La Mã không có các tín điều, các lời hứa hẹn thiêng liêng về sự trừng phạt hay ân thưởng ở kiếp sau. Tuy nhiên cũng có một số khác biệt: tôn giáo của người La Mã mang tính chất chính trị và ít nhân bản hơn. Nó được sử dụng không phải để vinh thăng con người hay làm cho con người hưởng cuộc sống trần thế, mà là để bảo vệ nhà nước khỏi các kẻ thù, tăng thêm sức mạnh cho mình. Các thần của người La Mã ít mang chất người hơn, ngược lại chất giáo sĩ trong tôn giáo La Mã rõ nét hơn: các giáo sĩ đã tách thành một giới riêng, họ không chỉ đứng ra cử hành các lễ cúng tế, mà còn giữ độc quyền diễn dịch các nghi thức và các thói tục thiêng liêng.

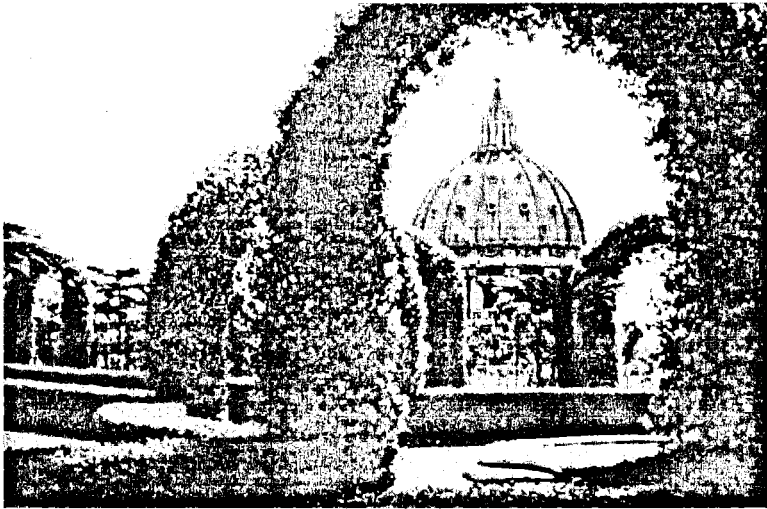
Dưới thời Đế chế, sinh hoạt tôn giáo của người La Mã có bước ngoặt quan trọng đó là đạo Công giáo bắt đầu có ảnh hưởng trong đời sống xã hội. Ra đời vào thế kỷ I ở các tỉnh phía đông của Đế chế La Mã, đạo Công giáo theo truyền thuyết do Jesus sáng lập, một người Do Thái, sinh ở Bethlehem (Palestine). Hành động và giáo lý của ông là niềm an ủi với người nghèo: Jesus khuyên mọi người nhẫn nhục chịu đựng hiện tại và sẽ được hạnh phúc ở Thiên đàng khi sang thế giới

Italya

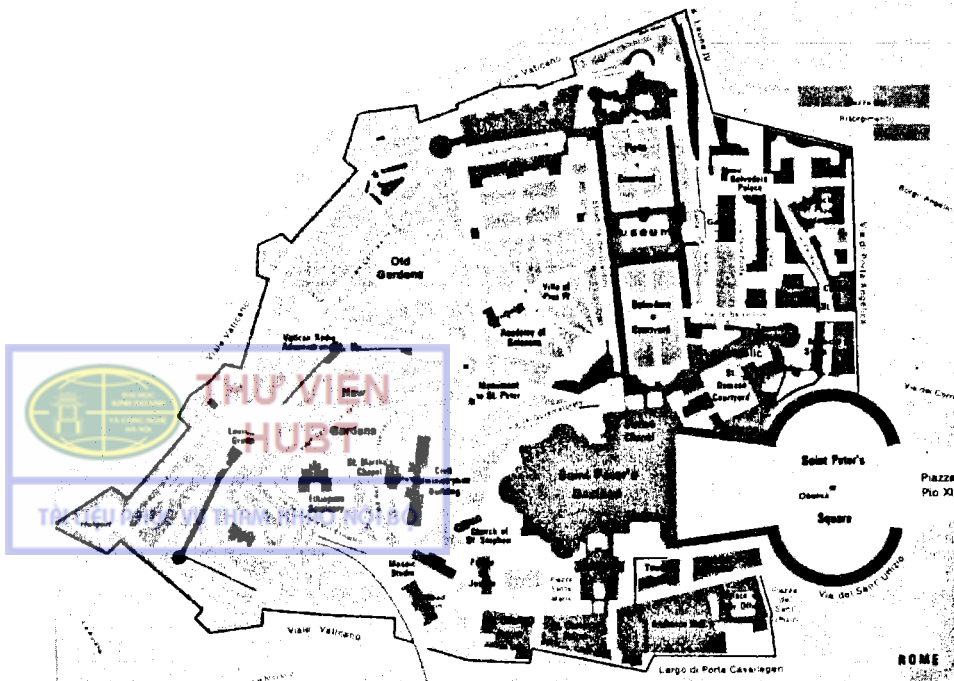
bên kia. Jesus cũng lên án sự giàu có của giai cấp thống trị. Quần chúng nghèo khổ theo Jesus rất đông và từ đó ông bị kết án là tuyên truyền tà giáo, lôi kéo quần chúng chống chế độ thống trị La Mã. Ông bị xử đóng đinh trên giá thập tự (khi ông 33 tuổi). Jesus được các môn đồ táng trong hang đá và theo truyền thuyết thì ông đã sống lại thêm 40 ngày nữa mới bay lên trời.

Tuy thế tín đồ ngày càng đông đảo và trở thành lực lượng xã hội quan trọng mặc dù họ bị chính quyền đàn áp hết sức dã man. Từ nửa sau thế kỷ II, một bộ phận trung lưu và cả người giàu có bắt đầu theo đạo. Họ tuyên truyền sự bình đẳng giữa con người và các tộc người: không có người Hy Lạp, không có người Do Thái, người nô lệ và người tự do... tất cả đều là tín hữu. Một bộ phận giàu có của xã hội trở thành các giáo sĩ chuyên nghiệp đã dẫn tới sự thay đổi quan trọng trong quan điểm của đạo, giờ đây, tư tưởng an phận, chịu đựng ngày càng tăng và có tư tưởng thỏa hiệp với chính quyền La Mã. Các cuộc đàn áp thất bại, giai cấp thống trị chuyển sang dùng biện pháp mềm dẻo, lợi dụng những hạn chế của đạo Công giáo để ngăn chặn ảnh hưởng của nó.

Và cuối cùng vào năm 311, Hoàng đế La Mã đã ra sắc lệnh ngừng sát hại đạo Công giáo. Lần đầu tiên đạo này được chấp nhận về mặt pháp lý. Năm 325, Đại hội Giáo chủ ở Nice với 300 người tham gia đã xác định giáo lý, hoàn chỉnh tổ chức và tuyên bố trả lại giáo hội tài sản đã tịch thu trước đây. Năm 337, trước lúc chết, Hoàng đế Constantin chịu phép rửa tội, mở đầu cho sự kiện các hoàng đế theo đạo Công giáo... Cuối thế kỷ IV, Hoàng đế Theodosius công nhận Công giáo là quốc đạo.



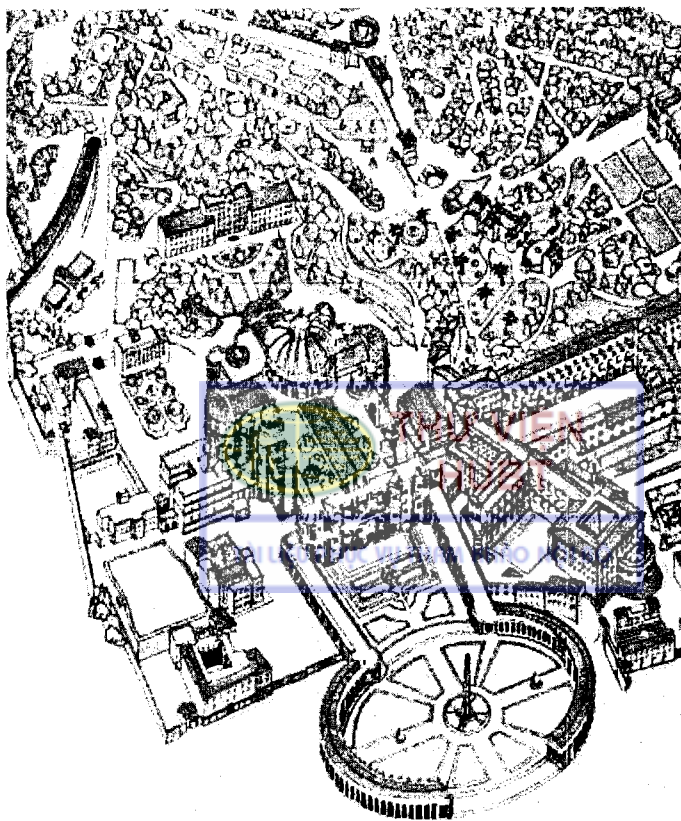
Cây xanh ở Vatican



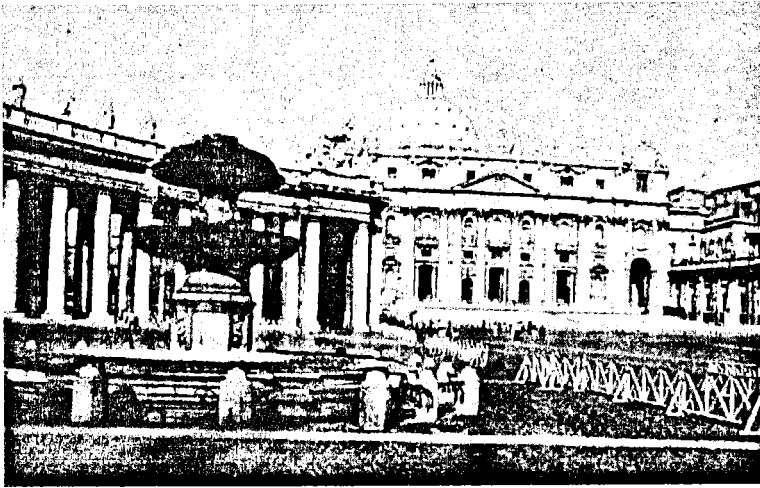
Cây xanh ở Vatican

NGHỆ THUẬT
KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ

Italia



Vatican và nhà thờ San Peter



Quảng trường và nhà thờ San Peter

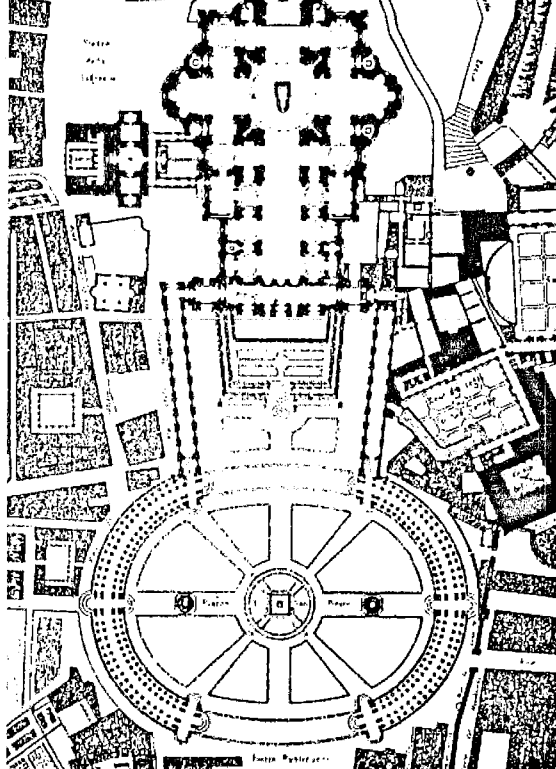
Tòa giáo đường thánh Peter với mái vòm rộng lớn do Michenglanelo (1475 - 1564), một kiến trúc sư lừng danh thế giới thiết kế. Đó là một kiệt tác nghệ thuật kiến trúc của nhân loại, mà người ta thường ví như ngọn đồi thứ tám của Roma, nổi bật trên bầu trời của Vatican, và cũng là tượng trưng cho niềm tin của hàng triệu tín đồ hành hương tới Roma hàng năm.

Nhà thờ thánh Peter dài 211m, rộng khoảng 150m. Đây là một thành công rất lớn của nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc thời Phục hưng với sự đóng góp của hàng loạt các nhà kiến trúc sư nổi tiếng như Bramante (1444 - 1514), Sangallo và Michenglanelo... Nhà thờ thánh Peter là ngôi nhà lớn nhất thế giới (dài 187m, cao 45m, chính diện có chiều rộng 112m, cao 44m) với sức chứa tới 5 vạn người.

Được ban phép thánh vào năm 1626, sau 120 năm thiết kế và xây dựng, nhà thờ Thánh Peter nằm trên vị trí của một đền Thánh đã được xây dựng từ thế kỷ thứ IV, do Hoàng đế theo đạo đầu tiên của Roma là Constantin. Dưới nền của bàn thờ là ngôi mộ, mà người ta cho là của Thánh tông đồ Peter, người đã bị đóng đinh lên cây thánh giá vào năm 67 sau Công nguyên dưới triều đại của Hoàng đế Nero. Những cuộc khai quật khảo cổ dưới nền nhà thờ vào năm 1940, người ta đã phát hiện ra ngôi mộ càng tin vào ý kiến cho rằng đền thờ Thánh Peter chính là được xây dựng trên hài cốt của vị thánh này.

NGHỆ THUẬT
KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ

Italya



*Mặt bằng quảng trường và
Nhà thờ San Peter*



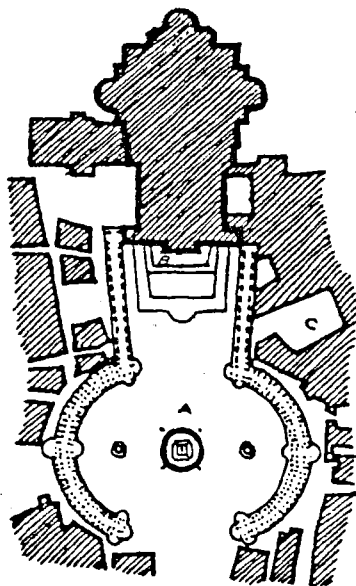
Phía trước nhà thờ Thánh Peter là một quảng trường rộng, hình bầu dục chính giữa một tháp hình trụ cao hai trăm mét. Đây là một tháp cổ Ai Cập được đem về từ khoảng đầu Công nguyên, chuyển tới vị trí hiện nay vào năm 1586. Trụ không chỉ định hướng giữa quảng trường mà còn là một di tích trên hai ngàn năm tuổi, gắn liền với cuộc đời của thánh Peter. Ở vị trí đối xứng ngang hai bên trụ tháp là hai đài phun nước làm cho không khí thoáng mát. Bao quanh hai bên nối liền với nhà thờ là hai hành lang kiến trúc hình vòng cung cao to, nhiều gian, với 284 cột đá tròn, mỗi cột có chiều cao mười sáu mét, đường kính 1,42m, do kiến trúc sư Bernini thiết kế, xây từ năm 1657, trong mười một năm mới xong. Trên kiến trúc vòng cung là một dãy gồm 140 tượng thánh, mỗi tượng cao ba mét.

Quảng trường có sức chứa tới 25 vạn người tập trung vào những ngày lễ mà Đức giáo hoàng ban phép Thánh.

Nhà thờ cũ, xây dựng thời Constantin (thế kỷ IV) trên mộ của thánh Peter đã bị phá dưới thời Giáo hoàng Nicolas để xây dựng lại theo đồ án của Rossellino khoảng năm 1450, nhưng mãi đến thời Jules II (1503 - 1513) mới được khởi công (khoảng năm 1506) theo mặt bằng chữ thập của Bramante và với nhiều lần trùng tu qua tay các họa sĩ trứ danh Raphael (1514), Michelangelo (1546), đến năm 1590 mới hoàn thành. Và về sau còn được bổ sung nhiều lần nữa vào các năm 1605, 1624... Trong nhà thờ, có trang trí nhiều bức tranh khổ lớn rất có giá trị.

Tiền sảnh nhà thờ được Maderno xây dựng năm 1608. Đây là một công trình đồ sộ, nguy nga, phía trước có những hàng cột đá trắng to và cao, cân đối tạo nên vẻ uy nghi, trang nghiêm. Bước vào bên trong là một không gian rộng lớn, chiều dài 211m, có nhiều cột đá cẩm thạch đỡ những vòm cao nối tiếp nhau. Trong thánh đường, các cột tròn hay vuông, các mảng tường xung quanh, các gờ, các mái vòm đều được trang trí bởi nhiều họa tiết, phù điêu, tranh vẽ, không có chỗ nào để trống, tất cả đã tạo nên sự huy hoàng tráng lệ chưa từng thấy. Ánh sáng từ những ngọn nến đèn trần cùng những ô kính nhiều màu góp phần tạo nên không khí thành kính trang nghiêm. Những bức họa trên tường và trên trần minh họa sự tích cùng những tượng các thánh đã dẫn dắt người xem như trở lại các chặng đường lịch sử ra

Italya



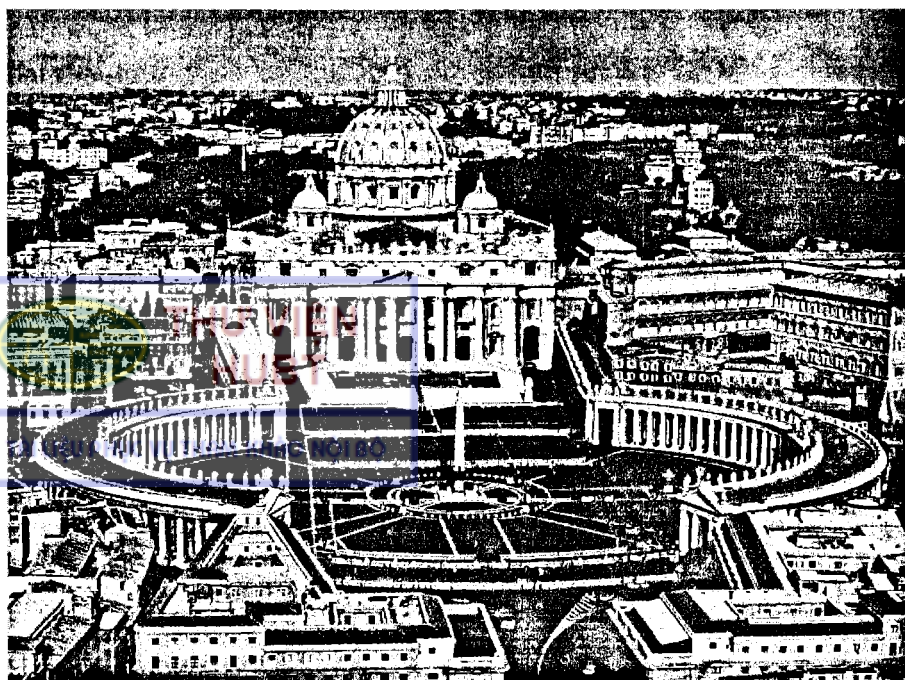
đời của Công giáo. Những tác phẩm hội họa trên tường và điêu khắc đều được những nghệ sĩ lừng lẫy tên tuổi như Veronese, Canova, Raphael, Michelangelo, Leonardo da Vinci... sáng tác.

Việc thiết kế và thi công công trình này diễn ra rất phức tạp, thời gian rất dài và qua tay rất nhiều người. Ở lúc khởi đầu, kế hoạch xây dựng đại thánh đường mới Thánh Peter rất táo bạo: nhà thờ có mặt bằng trung tâm hóa (đối xứng ở cả bốn chiều) hình thánh giá Hy Lạp có bốn nhánh kết thúc bằng các gian nhà hình bán nguyệt cuối nhà thờ, phía trên phủ mái vòm hình cầu. Vòm này phải tựa trên bốn trụ tường chính được chống sườn bằng các nhà nguyện hình vuông phía trên cũng lợp mái vòm nhỏ hơn.

Thời gian đầu việc thi công triển khai nhanh tập trung vào bốn khung vòm lớn để đỡ bộ mái nhưng sau cái chết của vua Lulius năm 1513 và của kiến trúc sư Bramante vào năm sau, tiến độ bị chậm lại.

Người kế vị Julius là Leo X, gây quỹ bằng việc bán sự xá tội (đảm bảo tội lỗi được tha thứ) đã bị Luther phản đối ở Wittenberg, vì thế đại thánh đường Peter đã là một trong những nguyên nhân dẫn đến cuộc Cải cách. Mất đi Bramante, Leo X đã bổ nhiệm Raphael, một sự lựa chọn kỳ lạ, và vị này không phải kiến trúc sư mà là một họa sĩ tài danh, việc xây dựng phải dựa vào tư vấn kỹ thuật của Antonio da Sangallo. Công việc có thời gian bị ngừng trệ khá lâu do có nhiều cuộc tranh luận diễn ra nên tiến hành theo cách nào, nên tiếp tục theo sơ đồ mặt bằng trung tâm hóa của Bramante hay trở lại với sơ đồ truyền thống với gian giữa nhà thờ dài hơn.

Từ lúc Raphael mất năm 1520 đến lúc bổ nhiệm Michelangelo năm 1546, đã có nhiều sơ đồ được phác họa một số trung tâm hóa, một số theo chiều dọc, nhưng ở tầng trệt không có sự cải tiến nào đáng kể. Antonio da Sangallo đã chi tiết hóa bằng mô hình (hiện vẫn còn) nhưng sơ đồ này không bao giờ khởi công. Đây là thời kỳ khó khăn đối với chức Giáo hoàng, bởi chính lúc này cũng diễn ra việc cướp phá thành Roma và sự phát triển của đạo Tin Lành.



Quảng trường San Peter

Italia

Khi Michelangelo được lựa chọn, ông có phần miễn cưỡng đảm nhận công việc, không nhận thù lao, mà chỉ duy nhất “vì sự kính chúa”. Ông trở lại sơ đồ ban đầu của Bramante với lý do “Bất kỳ ai phát xuất từ ý tưởng của Bramante, cũng đều phát xuất từ chân lý”. Quan niệm kiến trúc của ông có phần tương phản với ý tưởng của Bramante, thay cho hình dạng hình học có quan hệ logic, ông xem khối lượng và không gian như sự thể hiện của các động thái thẩm mỹ. Đây là một quan niệm kiến trúc cơ bản khiến ông trở thành nhà tiên phong trong phong cách kiến trúc Barocco. Ông tăng đáng kể độ dày của các trụ tường chính và vách tường ngoài, ông nghĩ là chúng quá yếu để có thể đỡ một mái vòm khổng lồ. Vào thời điểm ông mất năm 1564, đại thánh đường Peter đã phát triển tới phần đỉnh tường đa giác dưới mái vòm, và mô hình chi tiết của mái đã được chuẩn bị kỹ lưỡng để ý định của ông rõ ràng.

Kiến trúc sư kế tiếp, Giacomo della Porta, đã cố gắng theo những phác họa và kết cấu chính của Michelangelo. Mái vòm hai lớp vỏ: lớp trong hình bán cầu (có thể nhìn thấy từ bên trong) và lớp ngoài hơi nhọn hơn (chỉ nhìn thấy từ bên ngoài), được các đường sườn động lực học chia thành nhiều vòng cung đồng quy ở trên đỉnh chống đỡ. Vòm mái khổng lồ này đã vượt qua khoảng không gian 24m và đạt tới độ cao 120m, một kỳ tích kỹ thuật xây dựng của thời gian đó.

Michelangelo cho rằng khi nhìn từ mặt tiền cũng cần có sinh khí và ý tưởng về một gian giữa nhà thờ trước đây theo sơ đồ thánh giá Latin lại một lần nữa được chú ý. Năm 1607, một ủy ban gồm 10 kiến trúc sư ra quyết định sau cùng,

Carlo Maderno, một trong những kiến trúc sư thuộc thế hệ Barocco đầu tiên đảm nhận thi công, trong vòng 10 năm hoàn tất gian giữa nhà thờ.

Phải qua thời gian khá dài mới hoàn thành đại thánh đường Peter và kỹ thuật xây dựng được áp dụng vào thực tế cũng có nhiều thay đổi.

Kiến trúc sư nổi tiếng sau cùng tham gia xây dựng đại thánh đường Peter là Gian Lorenzo Bernini, bậc thầy trong phong cách Barocco.

Khách tham quan rất ấn tượng cả ngoại lẫn nội thất và công lớn thuộc về Gian Lorenzo Bernini: trong nội thất, trang thờ rất rộng (hoàn tất năm 1633) phía trên mộ Thánh Peter, một chiếc lọng bằng đồng hình tháp đặt trên các cột, còn ở ngoại thất là dãy cột hành lang bầu dục rộng lớn với các cột Toscan (hoàn tất năm 1666) bao quanh quảng trường Thánh Peter tạo thêm yếu tố tuyệt vời tăng vẻ đẹp mặt tiền của Maderno.

Trang trí vô cùng phong phú và đồ gỗ nội thất của đại thánh đường Peter với các bức thảm, các tượng lớn hơn người thật, bản khắc gỗ, trát vữa và mộ của các đức giáo hoàng cũng đều là công trình của Bernini.

Nhiều nhà nghiên cứu nghệ thuật đô thị đã đánh giá cao tổng thể kiến trúc quan trọng nhất của khu vực Vatican là quảng trường Thánh Peter với nhiều thế hệ kiến trúc sư Phục hưng nổi tiếng đã đóng góp công sức để tạo nên sự hoàn thiện mẫu mực của tổng thể kiến trúc này. Bramante là kiến trúc sư đầu tiên nghiên cứu cải tạo quảng trường, tiếp theo là các kiến trúc Carlo Maderno, Domenico Fontana, và cuối cùng là kiến trúc sư Bernini hoàn thiện tổng thể kiến trúc quảng trường theo phong cách Barocco.

Theo yêu cầu của giáo hội kiến trúc sư Gian Lorenzo Bernini nghiên cứu thiết kế cải tạo và mở rộng tổng thể quảng trường, đồ án hoàn thành năm 1656, được hội đồng Giám mục thông qua và đưa vào xây dựng năm 1669. Bernini đề nghị tổ chức 3 không gian có đặc tính khác nhau tạo thành tổng thể quảng trường trước nhà thờ Thánh Peter:

- Không gian thứ nhất là quảng trường hình thang cân (Piazza Retta). Mặt chính nhà thờ khép kín cạnh đáy lớn của hình thang. Bernini bổ sung bậc thang rộng gồm hai cấp ở lối vào nhà thờ.

- Không gian thứ hai là quảng trường hình bầu dục (Piazza Obliqua) có kích thước 210 x 60m. Bề mặt nền của quảng trường dốc lõm về phía trung tâm, chênh nhau so với mặt nền của quảng trường hình thang là 1,5m. Trên quảng trường bầu dục, tổ chức hai đài phun nước, ở giữa đặt cột tháp biểu tượng. Dọc hai bên quảng trường hình thang và quảng trường bầu dục, Bernini sử dụng thống nhất một loại kiến trúc với hàng cột Doric cao 12m, phía trên cao 6m là phần tường chắn mái và dây tượng trang trí.

- Không gian thứ ba (Piazza Rustiucci) khép kín toàn bộ tổng thể quảng trường là phần kéo dài nối quảng trường bầu dục với thành phố, phần này đã không được xây dựng.

Trên thực tế, cách bố cục tổng thể quảng trường của Bernini đã thỏa mãn nhu cầu sử dụng của số đông giáo dân và các điều kiện nhấn mạnh tầm quan trọng của nhà thờ Thánh Peter. Ông đặc biệt thành công về mặt tạo hình không gian quy hoạch của tổng thể quảng trường thông qua việc khai thác có hiệu quả về khía cạnh chuẩn bị tâm lý thụ cảm cho người sử dụng và các nguyên tắc phối cảnh ảo. Điều đó được thể hiện cụ thể bằng các thủ pháp bố cục như: Đi từ ngoài vào, hình bầu dục của quảng trường lớn liên kết với hình thang mở về hướng nhà thờ của quảng trường nhỏ, cùng với hàng cột Doric đơn giản và thống nhất về chiều cao (18m) tạo nên sự tập trung quan sát mặt chính của nhà thờ, đồng thời tạo nên cảm giác trong hình ảnh phối cảnh nhà thờ như gần lại. Việc xử lý nền lõm của quảng trường bầu dục cũng như việc chọn hình thang tạo cảm giác tăng độ bề thế của công trình nhà thờ.



Tranh tường ở nhà thờ Sixtine vẽ trên trần nhà,
chủ đề "sáng tạo thế giới"



Tượng La Pieta tạc hình ảnh Đức Mẹ
ôm thi hài chúa sau khi ông được
hạ từ trên cây thánh giá xuống,
một kiệt tác điêu khắc đá của Michelangelo
đặt ở giáo đường Thánh Peter
(thực hiện năm 1500 lúc ông 25 tuổi)



Trích đoạn tranh tường ở nhà thờ Sistine
“Sự phán xét cuối cùng”,
một kiệt tác hội họa của Michelangelo
(Nội dung tranh trích một đoạn Kinh thánh kể
“Các chi tộc trên mặt đất sẽ thấy chúa Kitô vinh hiển
ngự giá trên mây mà đến”.
Trong tranh: chúa ở vị trí chính giữa,
phía phải chúa là Đức Mẹ Maria,
phía trái bên dưới là Thánh Tông đồ Peter
được trao chìa khóa..., còn lại là các môn đệ).

3.3. Di sản kiến trúc theo dòng thời gian

❖ Quảng trường hội họp la mã (Forum romanum)

Sự lớn rộng của văn minh đô thị

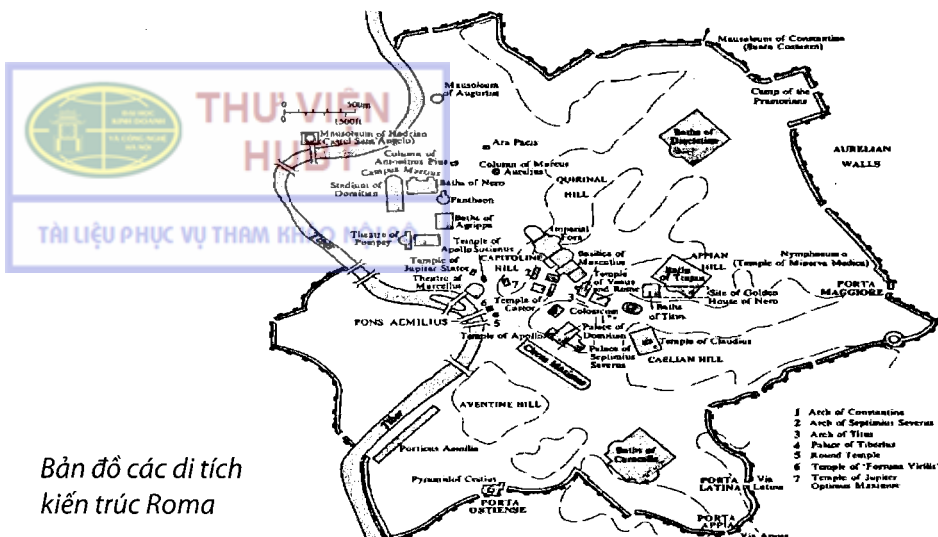
Quảng trường hội họp của La Mã mà ngày nay chỉ còn lại những dấu tích xa xưa là một minh chứng cho một lối sống của xã hội đô thị có tổ chức cao, dấu ấn của cộng đồng đã rõ nét trong mọi hoạt động chung, có dấu hiệu hướng tới xã hội dân chủ hóa.

Giờ đây đến Roma chỉ còn thấy một thảm cỏ rộng với những di tích kiến trúc bằng đá cẩm thạch, là vật liệu đã xây dựng nên những ngôi đền, những tượng đài, những đại sảnh đều là những di tích của một nền văn minh vĩ đại của thế giới cổ đại. Điều vĩ đại ở chỗ từ thời đó, người La Mã đã quan tâm việc xây dựng các công trình phục vụ cho cuộc sống công cộng của thị dân như: các cửa hàng, kho chứa, trụ sở ký kết hợp đồng giao dịch, tòa án... Các đền thờ, lăng tẩm, các cung đại hội, trụ sở Viện Nguyên lão cũng được xây dựng tập trung. Các công trình công cộng đó là **basilica**, không gian tập trung các công trình đó là **forum** (hay còn gọi là *foro*). Đó là một hình thức trung tâm đô thị cổ xưa và hoàn chỉnh nhất trong lịch sử xây dựng đô thị.

Vào thế kỷ thứ V tCn, vua bị phế truất, chế độ Cộng hòa La Mã ra đời, người dân được quyền ứng cử và bầu cử, có quyền biểu quyết.

Quyền bính tập trung nơi Viện Nguyên lão, do hai viên quan Tổng tài đứng đầu. **Lex Julia** là văn bản mang tính pháp lý nói đầy đủ về quyền công dân trong xã hội Italia thời đó.

Lịch sử ghi lại chính tại đây, trong các Curia (tòa thượng viện) mọi hoạt động của nhà nước La Mã được quyết định. Đây là nơi Julius Caesar từng khước từ ngôi báu, nơi một toán cướp đã đốt chiếc kiệu của nhà vua. Và cũng chính tại đây quan chấp chính Cicero (106 - 43 tCn) đã phát biểu hùng biện trước nhân dân La Mã, đây cũng là nơi đầu và tay của Cicero đã bị Antony cho đóng đinh trên bức diễn thuyết, sau khi ông bị những kẻ hành hung giết chết vào năm 43 tCn.



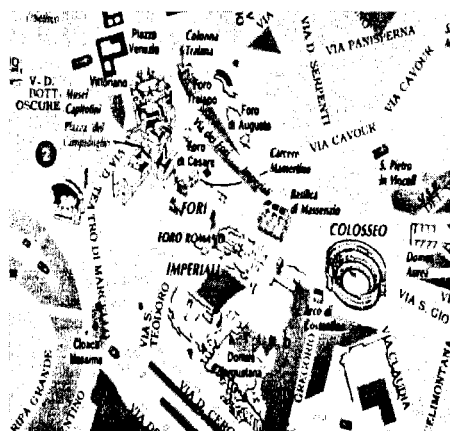
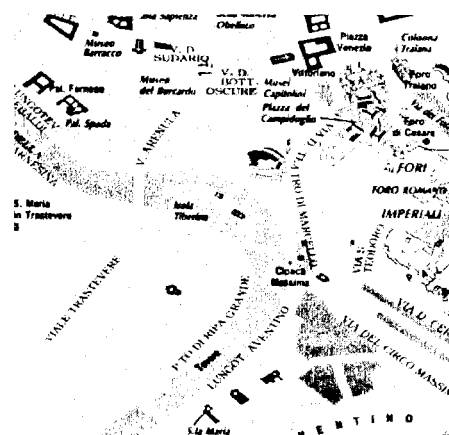
Bản đồ các di tích kiến trúc Roma

Italia

Trong quá trình phát triển Roma, các quảng trường hội họp (Forum) được xây dựng và hình thành từ khoảng năm 600 tCn, và sau đó đã phát triển thành một quần thể kiến trúc dày đặc các đền thờ và nhiều tòa nhà công cộng. Đây chính là trung tâm của đời sống cộng đồng của cư dân La Mã. Các cửa hàng, chợ búa được xây dựng dọc theo con đường "Linh thiêng" (Sacred way) chạy vào khu trung tâm. Dọc theo đường "Linh thiêng" và ngược lên đồi Capitol dẫn đến đền Jupiter (Sao Thủy) có dựng tượng các vị tướng chiến thắng cùng các đoàn quân (và cả những chú hê đứng hai bên đường như để nhạo báng các vị anh hùng vốn bị các vị thần ghen tị về những chiến thắng của họ).

Trong việc tổ chức các **không gian sinh hoạt công cộng** ở trung tâm đô thị (bao gồm Forum và các công trình công cộng) người La Mã áp dụng nghiêm ngặt nguyên tắc bố cục đối xứng. So với những công trình công cộng của Hy Lạp, các công trình công cộng của La Mã có quy mô lớn và mức độ trang trí lộng lẫy hơn. Ngoài ra, người La Mã còn bổ sung thêm một số thể loại kiến trúc công cộng mới không có ở Hy Lạp, đó là các Khải hoàn môn, các đấu trường, các basilica, (tòa án, nhà thờ Cơ Đốc giáo), các nhà hát..

Các hoàng đế La Mã đã cho xây dựng các **Forum đế chế** (*Forums Impériaux*) kể bên forum Romanum. Đầu tiên là forum Lulium (56 - 54 tCn) do chính Caesar xây dựng (nên còn gọi là forum Caesar). Sau đó là forum Augusto (32 - 31 tCn), forum Vespasiano (Forum Hòa bình, 71 - 75), forum Nerva (98), cuối cùng và lớn nhất là forum Traianus tức Trajan (113).



Sơ đồ các công trình chính ở Trung tâm Roma



Mô hình tái tạo Roma lịch sử

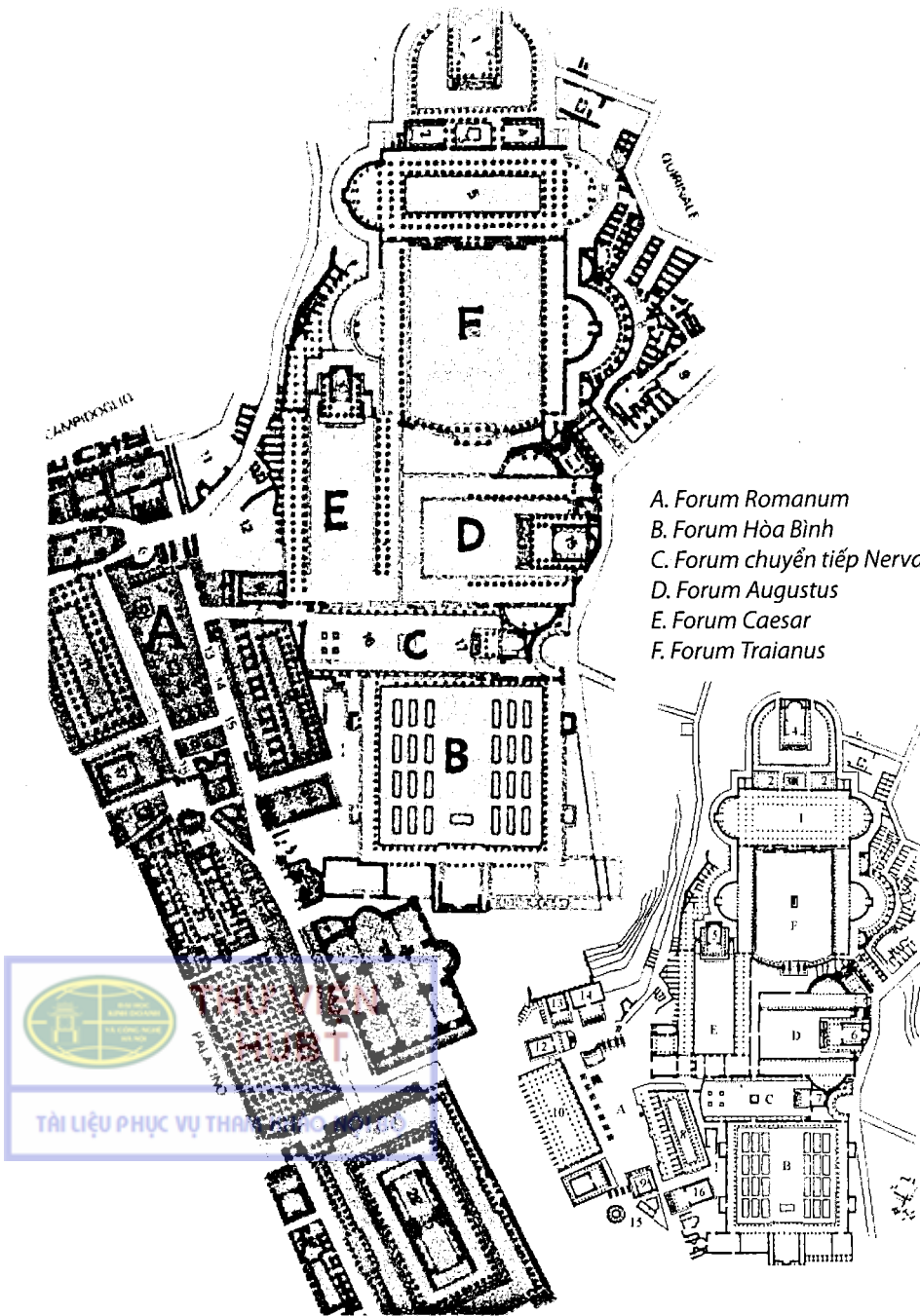
Italia

Theo chân các hoàng đế chiến thắng, rất nhiều vật liệu xây dựng quý hiếm, vô số kiệt tác nghệ thuật bậc nhất thời bấy giờ, kể cả những quy pháp xây dựng, các giá trị thẩm mỹ mới, cùng vô vàn thợ xây dựng tài hoa đã được đưa về Roma. Điều này làm cho các công trình được xây dựng rất nguy nga và tráng lệ, các forum vô cùng hoành tráng... Các forum được xây dựng không chỉ vì nhu cầu công cộng, mà còn để tôn vinh quyền và uy của các hoàng đế La Mã, hình thành nên nhiều loại công trình mới cho mục đích này, đó là các Khải Hoàn Môn, các trụ biểu ghi công, các cột biểu trưng kiểu Ai Cập, các đấu trường...

Sau đó các quảng trường hội họp không còn vị trí là các trung tâm thương mại, việc buôn, bán thịt và các loại sản phẩm được tách thành các khu chợ riêng.

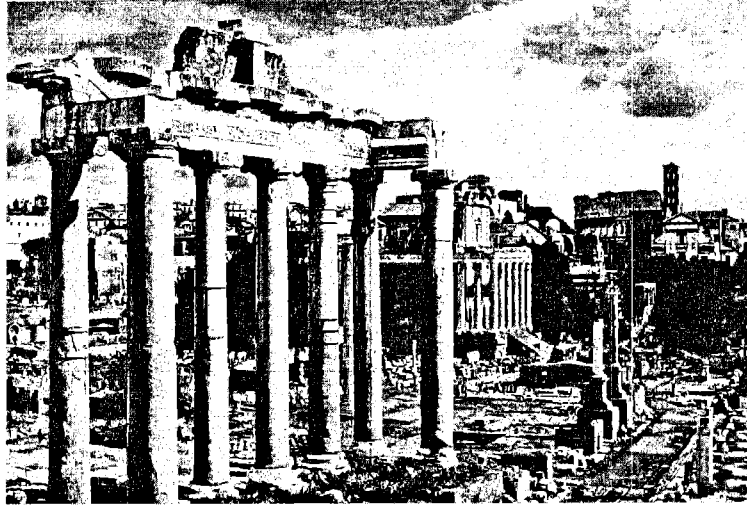
Việc tổ chức các không gian kiến trúc đô thị của người La Mã, các không gian công cộng đều được thiết kế thành những tổng thể khép kín và quảng trường công cộng (Forum) chính là hạt nhân liên kết các công trình công cộng xung quanh. Từ đó các không gian công cộng của La Mã trở thành những **tổng thể kiến trúc đô thị độc lập**, được bố trí rải rác trên mặt bằng trung tâm đô thị.

Hình thái các quảng trường công cộng của La Mã rất đa dạng. Ngoài hình vuông, hình chữ nhật quen thuộc, người La Mã đã khai thác các biến thể của các hình kỷ hà để tạo ra các quảng trường hình tròn, hình bán nguyệt, hình bầu dục... liên kết các không gian quảng trường có nhiều hình dạng khác nhau thông qua việc sử dụng khéo léo những thành phần liên kết như cổng, vòm, Khải Hoàn Môn, tượng đài, hàng



Các forum ở Roma

cột... trên cơ sở của nguyên tắc đối xứng, tạo nên các không gian công cộng hoàn chỉnh. Tính hoành tráng, đa dạng của hình thái quảng trường, cách liên kết không gian linh hoạt được coi là những đóng góp quan trọng của người La Mã trong nghệ thuật bố cục không gian kiến trúc đô thị.



Di tích Forum Romanum

Trong thời kỳ trị vì của mình, Julius Caesar đã thiết kế và xây dựng khu vực các forum mới, đó là các **forum Đế chế** nằm ở phía bắc của **forum Romanum** nhằm giảm sự đông đúc và biến những khối lộn xộn thành một chỉnh thể hài hòa, đó là một dạng cung điện hình chữ nhật (kích thước 159 x 55m) bao quanh là các tòa nhà tôn giáo và chính trị có hàng cột bao quanh. Cho đến năm 14 sCn, Augustus tiếp tục quá trình hoàn thiện tổng thể kiến trúc này.

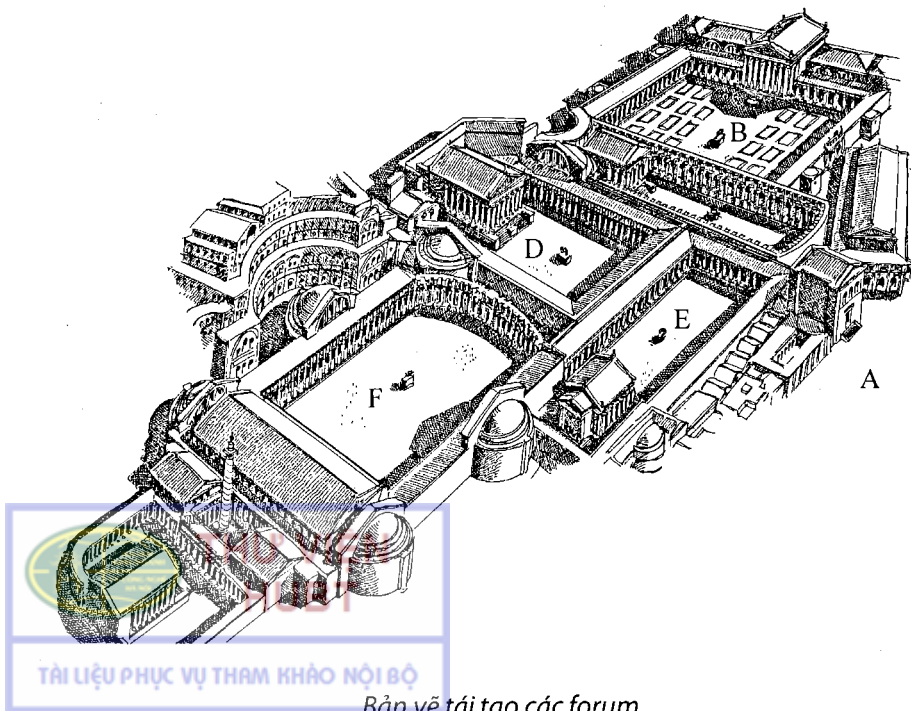
Từ đó quảng trường đã mang tính biểu tượng nhiều hơn. Trải qua nhiều thế kỷ với nhiều phen động đất, hỏa hoạn, chiến tranh,

cướp bóc... cuối cùng quảng trường cũng bị xuống cấp và đổ nát.

Qua công tác khai quật khảo cổ học được tiến hành vào thế kỷ XVIII, toàn bộ khu vực từng bị chìm dưới lòng đất đã được làm sống lại, hiện hình những tổng thể kiến trúc mà có thời đã được con người La Mã tự hào coi là ***“Cái rốn của thành phố La Mã cổ”*** (Umbilicus Urbis Romae).

Ngày nay công việc bảo tồn và tu tạo vẫn tiếp diễn tại các Forum để bảo tồn các di tích kiến trúc ở các trung tâm công cộng của La Mã cổ đại.

Sau đây là một số công trình chính đã làm nên các tổng thể kiến trúc quan trọng này:

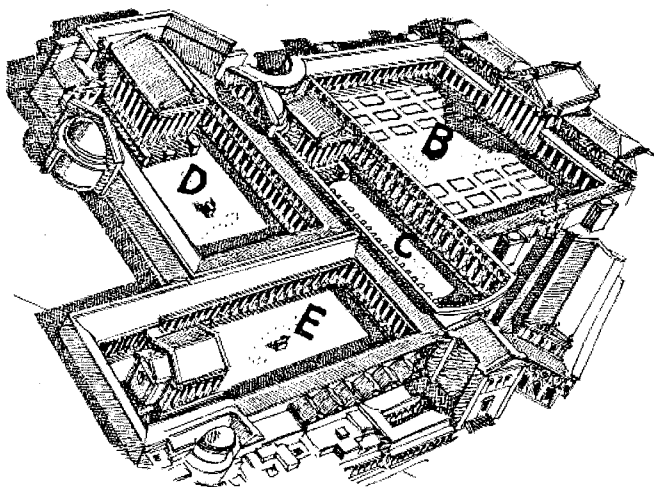


Bản vẽ tái tạo các forum

- A. Forum Romanum
- B. Forum Hòa Bình
- C. Forum Augustus
- E. Forum Caesar
- F. Forum Traianus

NGHỆ THUẬT
KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ

Italia

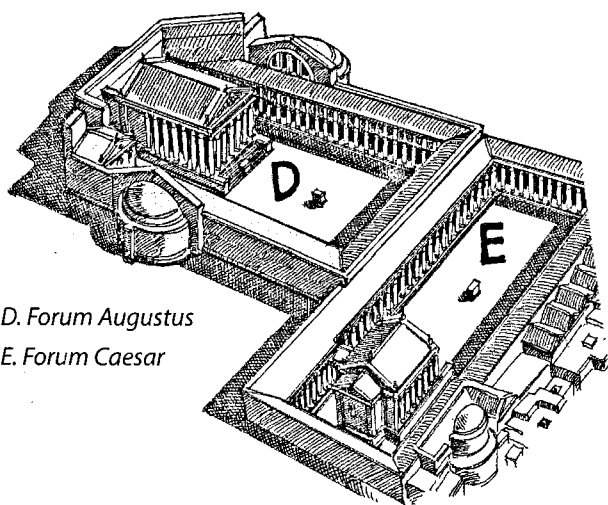


B. Forum Hòa Bình

C. Forum chuyển tiếp Nerva

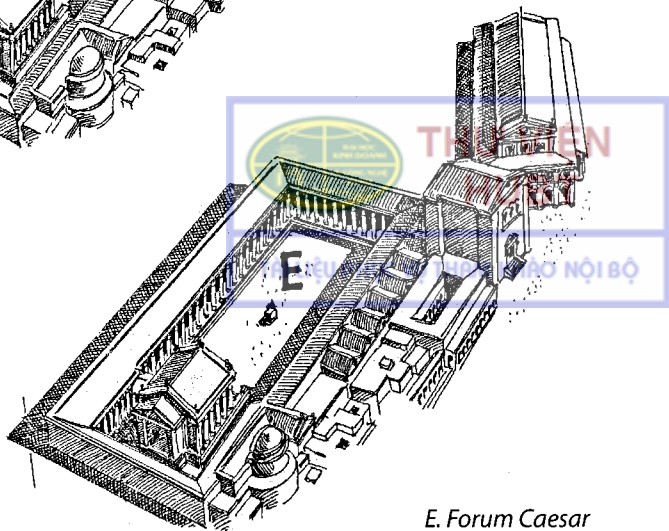
D. Forum Augustus

E. Forum Caesar



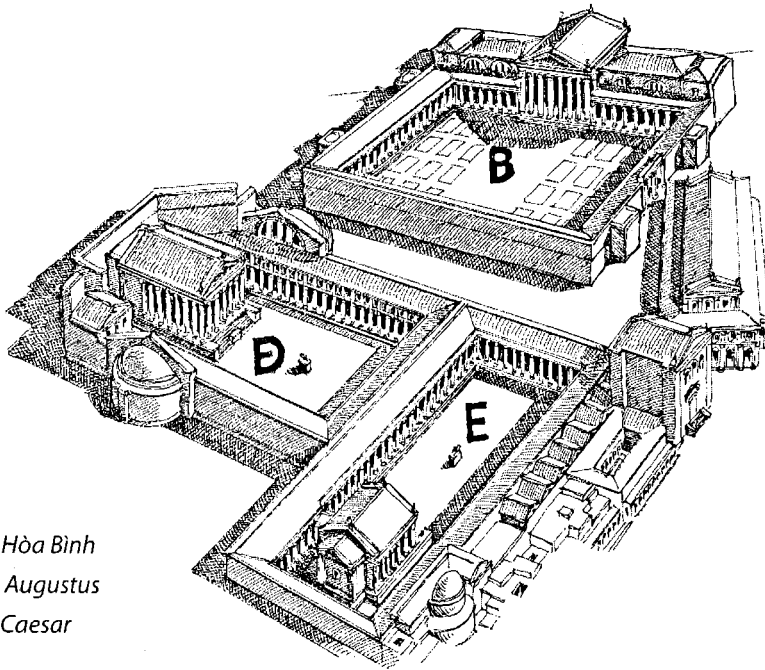
D. Forum Augustus

E. Forum Caesar

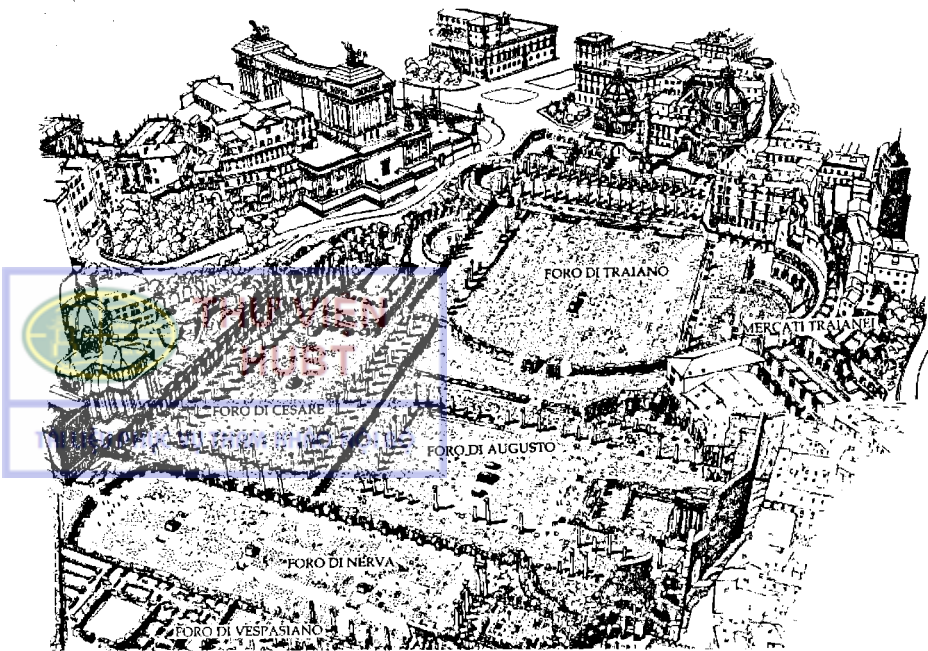


E. Forum Caesar

Bản vẽ tái tạo các forum



B. Forum Hòa Bình
D. Forum Augustus
E. Forum Caesar



Bản vẽ tái tạo các forum

Italia



Cổng chào Titus ở Forum Vespasien



Dị tích chợ Trajan

Forum Romanum có cả thấy 28 công trình lớn nhỏ, các con đường liên hệ và các quảng trường được hình thành tự phát, nổi tiếng nhất là Via Sacra. Đó là con đường xuyên suốt forum Romanum, tập trung nhiều công trình, nhiều tượng đài của Roma cổ đại. Trên con đường thiêng liêng này có 3 cổng vòm, còn gọi là Khải hoàn môn. Khải hoàn môn Septimius được xây dựng năm 203 cao 20m, rộng 25m và sâu 11m, xây bằng gạch, đá vôi và bọc đá cẩm thạch bên ngoài để tôn vinh hoàng đế Septimius đã chiến thắng người Parthes vùng Lưỡng Hà, Tiểu Á năm 195 - 197.

Forum Romanum phát triển cực thịnh vào thời Massenzio và Constantinus, những người đã cho xây đền Romulus và basilica Massenzio khổng lồ. Basilica Massenzio có diện tích 6500m², được Massenzio khởi công năm 308 và Constantinus hoàn thành. Gian chính dài 80m, rộng 25m và cao 35m, mái là 3 vòm cuốn được đỡ trên 8 cột đá cẩm thạch cao 14,5m. Vẻ kỳ vĩ và hoành tráng của công trình biểu lộ quyền uy và sự giàu sang thịnh vượng của đế chế La Mã.

Công trình Forum Trajan do kiến trúc sư Hy Lạp Apolodoro de Damasco (106 - 113) thiết kế, là một tổ hợp công trình công cộng khổng lồ: dài 300m, rộng 185m - lớn gấp 5 lần sân bóng đá bây giờ. Có đền thờ Trajan, thư viện La-tinh, trụ biểu tôn vinh Trajan, tượng toàn thân Trajan, basilica Ulpia, chợ Trajan.



Trụ biểu Trajan và vòm mái nhà thờ Venus Genetrix

Italia

Trụ biểu Trajan (xây dựng năm 113 sCn) là một tác phẩm điêu khắc hoành tráng và ngoạn mục. Các băng phù điêu chạm nổi quần quanh khối trụ liên tục từ dưới lên trên nhưng người ta khó có thể thấy được hết bởi nó cao tới 40m. Băng phù điêu dài 200m này thuật lại chiến thắng của hoàng đế Trajan trong cuộc giao tranh với người Dacio năm 101 - 102 và 105 - 106, trên đó thể hiện toàn cảnh với 2500 nhân vật. Ở đỉnh trụ ban đầu có tượng Trajan, đến năm 1587 thay bằng tượng Thánh Peter.

Chợ Trajan cao 3 tầng có hình bán nguyệt, xây bằng gạch. Mỗi tầng có một chức năng riêng, nhưng đặc sắc nhất vẫn là các cửa hiệu và quán ăn mà các chợ hiện đại ngày nay cũng khó sánh kịp.

❖ Các di tích kiến trúc

Xung quanh **Quảng trường hội họp La Mã** (*Forum Romanum*) có trên hai chục di tích kiến trúc có niên đại mấy trăm năm trước Công nguyên. Nhiều đền đến nay chỉ còn lại những dấu tích là tiền sảnh với những hàng cột tròn kê sọc bằng đá cẩm thạch trắng, cao vút hàng chục mét theo kiến trúc Corinth. Dưới đất, ngay cạnh đó là những đoạn cột đá bị vỡ có chủ vi đến một người ôm cùng những dầm, những trụ, những tảng đá được thu gọn lại.

Nằm trong số những đền cổ xưa nhất ở Roma, **đền Saturn** được xây dựng năm 497 tCn, nay còn lại một hàng tám cột đá trắng theo thức cột Ionic, phía trên đỡ một dầm đá vẫn còn những đường nét trang trí đã cho người xem hình dung quy mô to lớn trang nghiêm của đền. Đền có thời gian được dùng làm kho bạc nhà nước.

Đền Castor và Pollux được xây dựng năm 191 sCn để ghi nhớ chiến công hiển hách của hai kị sĩ đã chiến thắng trong cuộc giao chiến giữa người La Mã và người La-tinh năm 496 tCn tại hồ Regillus; di tích còn lại đến nay chỉ là bệ cột đá tròn được cấu tạo có độ thẩm mỹ cao.

Đền Vespasian đến nay chỉ còn lại một vòng cung phía trước với ba cột đá và một hàng tượng toàn thân bằng đá trắng kê trên những bệ đá cao ngang người. Nhiều tượng đã bị vỡ mất phần trên, duy nhất chỉ còn lại một pho nguyên vẹn được tạc từ hơn 1800 năm trước.

Đền Antoninus được xây dựng vào năm 136 - 161 sCn còn lại phía mặt trước khá nguyên vẹn. Đền được xây trên một nền cao khoảng 7m, tiền sảnh là một diện tích rộng có một hàng 6 cột đá trắng cao to, mỗi bên có hai cột cũng đều bằng đá trắng, mặt trước ngôi đền xây cao nổi lên được tạo hình cân đối và bề thế.

Nằm ở phía nam đường Via Appia, **Đền Vesta** là một công trình độc đáo, được xây dựng năm 191 sCn, thờ nữ thần Vesta cũng còn gọi là Thần nội trợ, được xây theo hình khối tròn, bao quanh là những cột đá tròn xẻ rãnh đỡ một mái tròn lượn sóng.

❖ **Các cổng Khải hoàn, các basilica**

Các cổng Khải hoàn (khải hoàn môn) được xây để ghi công những chiến thắng của các hoàng đế La Mã. **Khải hoàn môn Titus** được xây dựng để tôn vinh công trạng của vua Titus sau khi ông qua đời năm 81 sCn. Cổng là một khối hình chữ nhật, cao 15,4m, rộng 13,5m, sâu 4,75m, có một cửa vòm khoảng hai phần ba chiều cao. Trên các mặt của công trình được trang trí những họa tiết nói về tín ngưỡng và niềm tin của con người vào chúa Trời. **Khải hoàn môn Septimus** có quy mô lớn hơn và có phần đẹp hơn, được xây dựng năm 203 sCn để tôn vinh chiến công của hoàng đế Septimus đã chiến thắng người Parthes vùng Lưỡng Hà, Tiểu Á. Cổng cao 23m, rộng 25m, sâu 11m, có một cửa chính to cao và hai cửa phụ ở hai bên, tạo thành ba gian (thông nhau bằng hai cửa vòm nhỏ bên trong). Mặt trước có bốn cột đá tròn được kê trên các bệ hình khối trụ vuông, nổi hẳn ra ngoài tường, tạo hình kiến trúc vững chãi, bề thế và phong phú. Hai mặt tường trước và sau được chạm trổ những sự tích của chiến thắng. Phần trên các cửa vòm là đá trắng có khắc những dòng chữ La-tinh,

Italia

ghi lại năm tháng của những chiến công và tên những người anh hùng La Mã đã làm nên công trạng.

Khải hoàn môn Constantin xây dựng vào năm 315 sCn để ca ngợi chiến công của hoàng đế Constantin. Khải hoàn môn này cũng có ba cửa vòm, có kiến trúc tương tự như khải hoàn môn Septimus, nhưng phần điêu khắc trên hai mặt phong phú hơn, nét chạm khắc trên đá được giữ hầu như nguyên vẹn; nhiều phù điêu và cả tượng tròn, những đường gờ và những kẻ chỉ trên cột dường như chưa bị bào mòn bởi thời gian.

Ngoài các đền và khải hoàn môn, xung quanh quảng trường còn có những tòa **Basilica** (thánh đường, cung hội họp), những **nhà hát**, những **nhà tắm** (với công năng thực sự là những cung văn hóa, thể thao, bơi lội)...

Nhiều basilica ngày nay không còn lại dấu vết, nhưng basilica Emilia (xây dựng năm 179 và tàn trang năm 78 tCn) vẫn còn nhiều di tích.

Basilica Ulpia là công trình công cộng lớn nhất thời đế chế, dài 170m, rộng 60m (được đặt theo tên của hoàng đế Marco Ulpio Traianus).

Basilica Emilia là một công trình khổng lồ, gian chính rộng 70m, sâu 29m và cao 12m, sàn và nền nhà được lát đá cẩm thạch nhiều màu. Cửa chính cao 2 tầng với 16 vòm cung trên các trụ đá. Kết cấu vòm và trụ cho phép xây dựng các gian nhà lớn hơn, đó thực sự là một sáng tạo vĩ đại của người La Mã.

Sử dụng điêu khắc và hội họa kiến trúc vốn là đặc trưng của giá trị kinh điển trong kiến trúc công cộng Hy Lạp đã được các nghệ sĩ La Mã

2



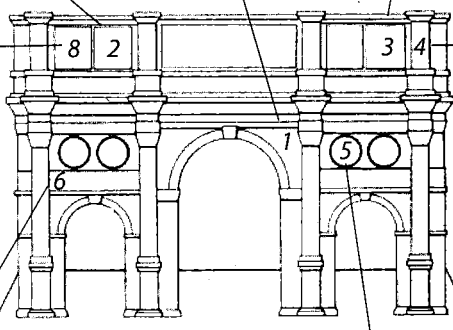
1



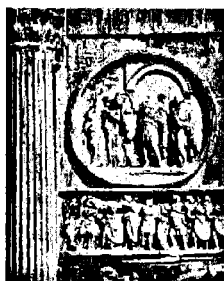
3



8



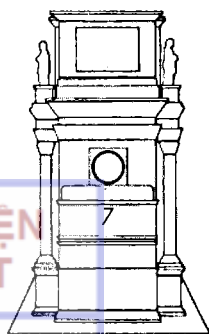
6



5



4



7



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Tượng phù điêu ở cổng chào Constantin

duy trì để phát triển kiến trúc công cộng của mình. Tuy nhiên ở giai đoạn cuối, sự hài hòa giữa hội họa, điêu khắc và kiến trúc đã không được triển khai trọn vẹn trong kiến trúc công cộng lớn của La Mã. Các thức cột có xu hướng đơn giản hóa và không tham gia với tư cách

Italia



*Phù điêu ở cổng chào Constantin (số 2)
mô tả Constantin và tướng sĩ*

là thành phần vừa trang trí vừa chịu lực trong công trình vốn làm nên các yếu tố thẩm mỹ đặc sắc ở các kiến trúc công cộng của Hy Lạp trước đây. Thức cột và cả điêu khắc, hội họa trở thành những thành phần độc lập và chỉ đơn thuần mang ý nghĩa trang trí cho công trình của người La Mã. Về tổng thể không gian kiến trúc công cộng của La Mã, thường có quy mô lớn và mức độ trang trí phong phú. Điều đó nói lên sự giàu có và sức mạnh của La Mã. Các bố cục nghiêm ngặt trong thiết kế từng công trình cũng như tổng thể các công trình đã tạo nên sự hoàn chỉnh mang tính nhân tạo của tổng thể không gian công cộng, trong đó các công trình có sự kết hợp với nhau rất chặt chẽ. Yếu tố địa hình, cảnh quan thiên nhiên không tham gia đáng kể vào vai trò quyết định bố cục tổng thể như thường gặp ở kiến trúc Hy Lạp.

❖ **Kiến trúc quảng trường các thế hệ sau**

Thời kỳ Phục Hưng (thế kỷ XV - XVI), Roma có rất nhiều quảng trường, mỗi quảng trường là một tổng thể kiến trúc và mỹ thuật khác nhau. Quảng trường nào cũng có những tượng đài, những vòi phun nước, đường xá rộng rãi, các kiến trúc xung quanh hài hòa và là những nơi thường ngoạn mỹ thuật, âm nhạc cho công chúng. Quảng trường **Cộng hòa** gần ngay ga tàu điện ngầm Trung tâm Termini, ở giữa là một đài phun nước tròn nhiều tầng. Trên cao là pho tượng đàn ông vạm vỡ và phía dưới bốn xung quanh là tượng bốn phụ nữ khỏa thân. Tất cả đều bằng đá, ở tư thế chế ngự các con vật, có dáng hình rất sinh động, có nội dung thể hiện các truyền thuyết.

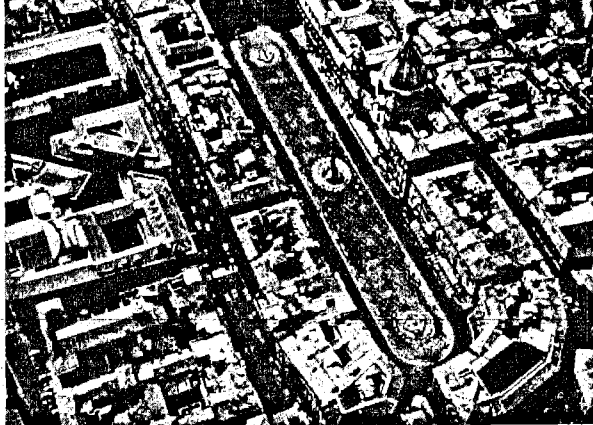
Việc thiết kế và cấu tạo quảng trường qua các thời đại có những điểm khác nhau. Trước đây vào thời cổ đại, quảng trường công cộng là nơi gặp gỡ, hội họp, sinh hoạt đa năng của cư dân đô thị, quảng trường không những gắn bó với đời sống của dân cư đô thị, mà còn là bộ mặt, là biểu tượng của đô thị. Thời trung đại đô thị được biết đến qua quảng trường chợ. Thời Phục Hưng quảng trường đẹp nhất của đô thị là quảng trường nhà thờ.

Quảng trường Navona được xây dựng lại năm 1478 trên nền của đấu trường Domitien cổ đại, ở vị trí dưới chân đồi Capitol của thành phố Roma. Quảng trường vừa là nơi họp chợ, buôn bán, vừa là nơi tiến hành các lễ hội lớn. Quảng trường có mặt bằng hình chữ nhật (dài 240m, rộng 65m). Giữa thế kỷ XVII quảng trường được cải tạo cơ bản và hoàn chỉnh theo phong cách kiến trúc đô thị Barocco. Các kiến trúc sư Raimondi, Bernini và Francesco Borromini là những người có đóng góp quan trọng. Năm 1650 Raimondi thiết kế và xây dựng cung Pamphili, nhà thờ Sainte-Agnès. Bernini là tác giả của công trình đài phun nước chính đặt trên quảng trường có chủ đề "đài phun Những dòng sông". Hình tượng điêu khắc mang chủ đề về sông Nil, sông Hằng, Đa-nuy-p và Rio de la Plata.

Quảng trường Navona là hạt nhân của khu vực sinh hoạt công cộng quan trọng của cư dân thành phố Roma. Xung quanh quảng trường Navona là cả một tập hợp các đường phố và quảng trường nhỏ có từ thời cổ đại. Các đường phố và quảng trường này lần lượt được cải tạo trong hai thế kỷ (XVII và XVIII) theo phong cách kiến trúc đô thị Barocco, trong đó hai quảng trường quan trọng nhất là quảng trường nhà thờ Thánh Maria và quảng trường nhà thờ Thánh Ignace.

NGHỆ THUẬT
KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ

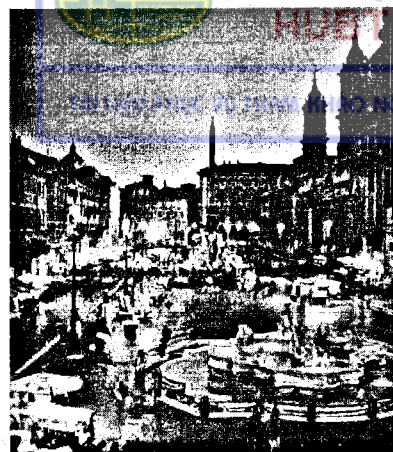
Italia



Mô hình tái tạo quảng trường Navona



Mặt bằng
quảng trường
Navona



Quảng trường
Navona



Phối cảnh quảng trường Navona



Bể cảnh và tượng nghệ thuật ở quảng trường Navona

Italia

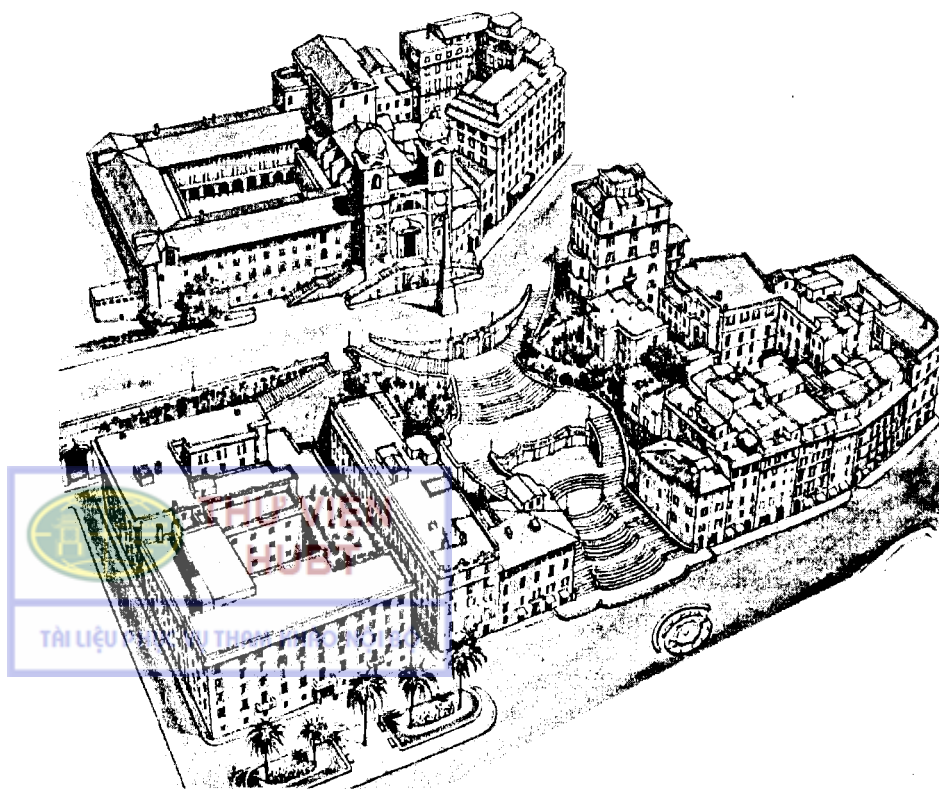
Quảng trường Tây Ban Nha có hình ảnh đặc trưng với hệ thống bậc dẫn từ đường phố lên một sân khấu nổi trên cao và dẫn tiếp lên nhà thờ Del Monti trên đỉnh đồi, là tác phẩm cảnh quan của Francesco De Santis, làm vào thời gian 1723 - 26. Phía trước là một bể cảnh với đài phun nước Barcaccia (tác phẩm của Pietro Bernini, cha của Gian Lorenzo), bên trong có một con thuyền tạc bằng đá trắng ở tư thế đang chìm xuống nước. Nơi đây có nhiều buổi biểu diễn thời trang và ca nhạc. Nhiều họa sĩ bày giá vẽ để vẽ chân dung cho du khách.

Thế kỷ XVII - XVIII, ở Roma có nhiều quảng trường khác được cải tạo và mở rộng theo phong cách kiến trúc đô thị Barocco như: quảng trường Nhân dân, quảng trường Tây Ban Nha, quảng trường Barberini, quảng trường Minerva, quảng trường đài phun nước Trevi... trong đó quảng trường Nhân dân với nguyên tắc bố cục ba tuyến đường hội tụ, một bố cục đặc trưng của đô thị thời kỳ Phục Hưng khá tiêu biểu thường được khai thác vận dụng trong bố cục quảng trường ở nhiều nơi.

Từ quảng trường có hình thái tự do, quảng trường Thánh Maria được cải tạo thành quảng trường có hình thái bố cục hình học đều. Tương tự như quảng trường Thánh Maria, quảng trường Thánh Ignace được cải tạo theo nguyên tắc tổ hợp của các đường cong.

Quảng trường Phục Hưng Italia thường có mặt bằng hình chữ nhật đều đặn, các góc khép kín, có lối vào ở giữa mỗi cạnh. Nhiều trường hợp xung quanh quảng trường có hàng hiên cột, mái vòm, tạo thành các lối đi dưới mái. Việc mở các lối vào quảng trường ở giữa mỗi cạnh của quảng trường để tạo thuận lợi cho việc

đặt các công trình quan trọng có vị trí chế ngự không gian của tổng thể khép kín. Không gian ở giữa quảng trường hoặc ở phía đường phố bên kia nhìn vào quảng trường, tạo nên các hình ảnh phối cảnh hoành tráng của công trình chính. Việc tổ chức mặt bằng quảng trường dạng hình học là đóng góp mới của nguyên tắc quy hoạch Phục Hưng so với cách tổ chức theo hình thức tự do của các quảng trường trung đại. Việc lựa chọn tỷ lệ, kích thước và hình dáng mặt bằng quảng trường thời Phục Hưng cũng được đặc biệt chú trọng. Qua nghiên cứu, Alberti khẳng định quan điểm lựa chọn kích thước quảng trường trong sách bách khoa của mình như sau: “Chiều rộng của quảng trường không được vượt quá từ 3 đến 6 lần chiều cao của công trình dọc chiều rộng của quảng trường”.



Quảng trường Tây Ban Nha

Italia



Quảng trường Tây Ban Nha

Khác với thời kỳ trung đại, những công trình khép kín các bề mặt xung quanh quảng trường Phục Hưng thường được thiết kế với độ cao và hình thức kiến trúc tương đối đồng nhất. Để tăng cường tính thống nhất của kiến trúc tổng thể quảng trường, các kiến trúc sư thường dùng các hàng hiên bao quanh, đồng thời chú trọng sự liên tục của các phân vị ngang, sự lặp lại của các phân vị đứng của những công trình bao quanh quảng trường.



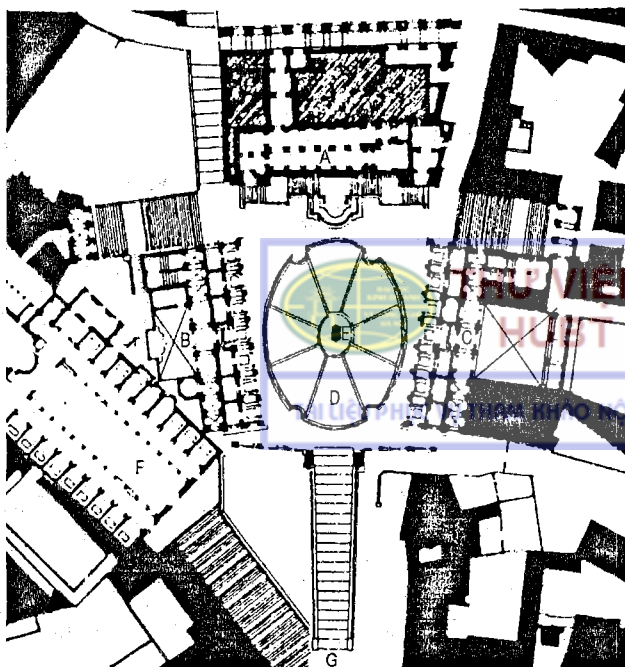
Toàn cảnh quảng trường Tây Ban Nha



Quảng trường Tây Ban Nha lúc chiều tà

Một quảng trường khá tiêu biểu của nghệ thuật Phục Hưng là **quảng trường Capitol** nằm ở phía nam khu vực Campus Martinus. Đồi Capitol vốn có chức năng là trung tâm hành chính gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của Roma. Ở đây tập trung các công trình hành chính như Viện Nguyên lão, Cung Chắp chính cùng nhiều sảnh hội họp, hàng hiên cột thức và các vụng lâu... Quá trình hình thành bố cục kiến trúc tổng thể các công trình ở đây không theo một quy hoạch rành mạch nên có phần lộn xộn.

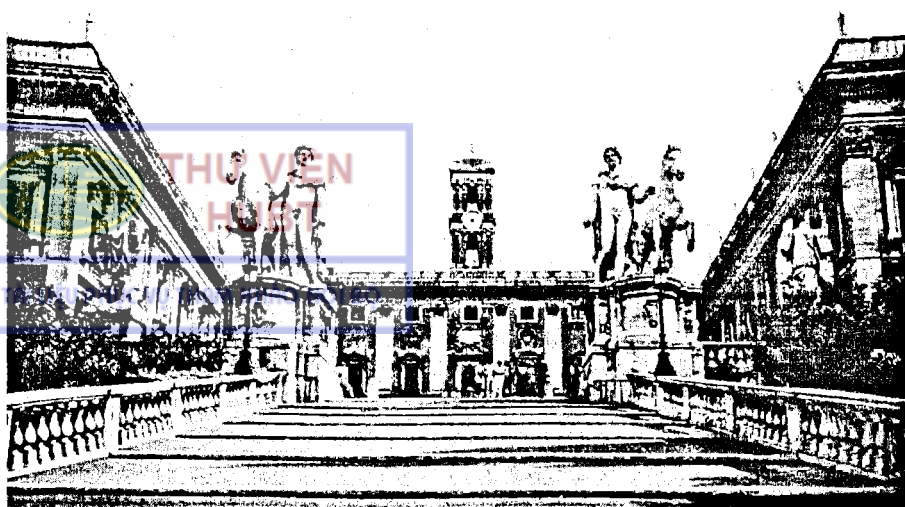
Công việc cải tạo Capitol với việc mở ra một quảng trường công cộng được giao cho kiến trúc sư Michelangelo vào năm 1536. Ý đồ thiết kế quảng trường Capitol của nghệ sĩ này bao gồm các điểm chính: Tạo mặt bằng quảng



Quảng trường Capitol

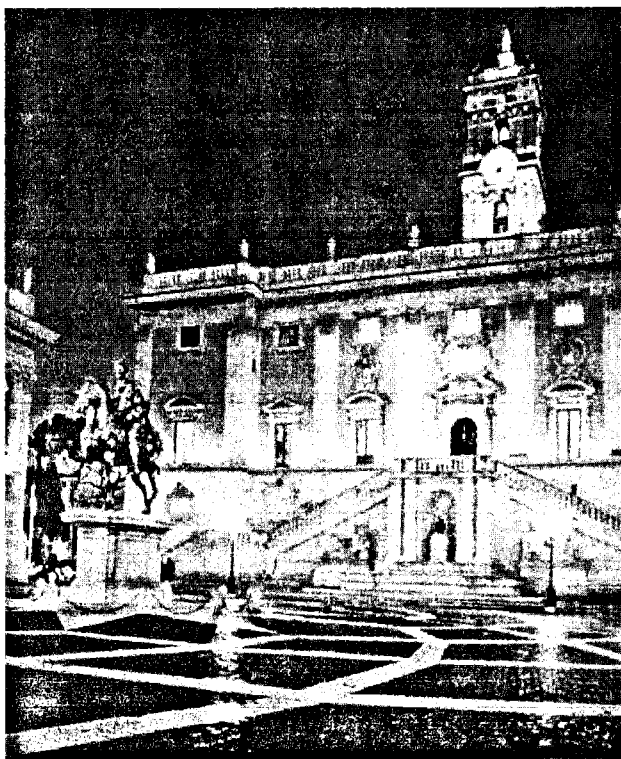
trường có dạng hình học đều đặn; Bổ sung các công trình kiến trúc mới hài hòa với kiến trúc hiện có; tạo sự liên hệ về giao thông và tầm nhìn cảnh quan của quảng trường với thành phố. Trong ý đồ thiết kế đã đề cao việc trang trí không gian quảng trường bằng hệ thống tượng và điêu khắc cổ đại. Thực tế Michelangelo không những làm đẹp không gian quảng trường mà còn biến quảng trường thành một **bảo tàng ngoài trời** về nghệ thuật tạo hình của La Mã cổ đại và cả của thời kỳ Phục Hưng.

Quảng trường có mặt bằng hình thang với chiều dài trung bình của hai cạnh song song là 75m chiều sâu và chiều rộng trung bình là 50m. Ba mặt có công trình, mặt thứ tư là cạnh đáy nhỏ của hình thang mở về hướng thành phố. Michelangelo đã tận dụng hiện trạng kiến trúc của quảng trường để tạo nên quảng trường hình thang rất hấp dẫn. Công trình mới là bảo tàng được ông thiết kế có mặt chính đối xứng với Cung Chắp chính ở phía đối diện. Viện Nguyên lão là công trình chính cao 3 tầng (27m), hai công trình ở hai bên thấp hơn (22m). Hình ảnh kiến trúc ở vị trí cạnh đáy lớn của hình thang được nhấn mạnh là nhờ hiệu quả của hình ảnh phối cảnh ảo. Tính nhất quán của phong cách kiến trúc Phục Hưng trong tổng thể quảng trường đạt được là do Michelangelo chủ trương sử dụng thống nhất một thức cột Corinthe trong tổ hợp mặt đứng kiến trúc của cả ba công trình.



Kiến trúc quảng trường Capitol

Italia



*Viện Nguyên Lão (sau là Tòa thị chính)
là công trình chủ đạo ở quảng trường Capitol*

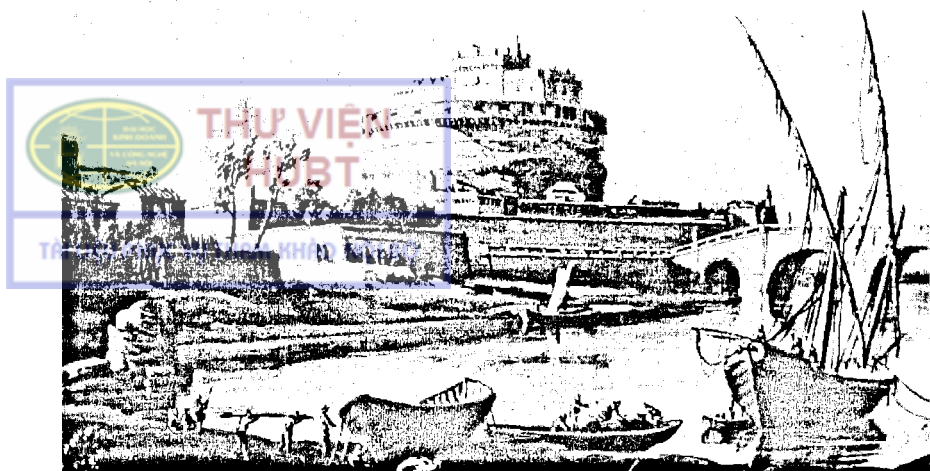
Công trình chính trên quảng trường nay được dùng làm Tòa Thị chính, hai công trình còn lại là Bảo tàng Nghệ thuật, giữa quảng trường đặt tượng Marc Aurèle trên mình ngựa.

Nghệ thuật điêu khắc tượng chiếm vị trí quan trọng trong việc tạo hình và trang trí các quảng trường Phục Hưng. Thể loại tượng khá đa dạng, tiêu biểu nhất của thời kỳ Phục Hưng là tượng người cưỡi ngựa. Chất liệu tượng chủ yếu là đá hoa cương hoặc đồng. Số lượng tượng và vị trí đặt tượng trên quảng trường luôn được các tác giả Phục Hưng nghiên cứu rất kỹ. Tùy thuộc vào chất liệu tượng và hình thức kiến trúc xung quanh mà vị trí đặt tượng có khác nhau.

Các quảng trường được thiết kế theo phong cách Phục Hưng, thường có mặt bằng hình học và có kiến trúc khép kín thì vị trí đặt tượng là ở trung tâm của quảng trường. Tượng trở thành tiêu điểm của không gian quảng trường và được quan sát từ bốn phía.

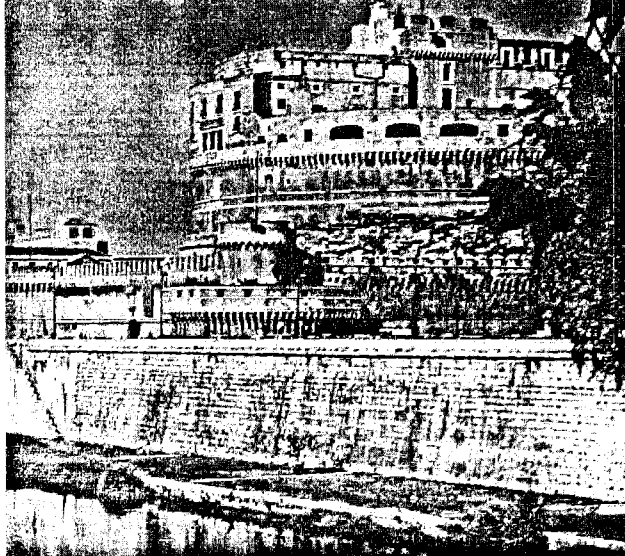
Tượng Phục Hưng ở Italia được coi là tác phẩm đặc sắc, thường rất hoành tráng và được sáng tạo theo tinh thần của chủ nghĩa hiện thực, trở thành mẫu mực của nghệ thuật tạo hình thế giới. Nhiều tác phẩm tượng nổi tiếng trở thành biểu tượng của thành phố Phục Hưng Italia gắn liền với tên tuổi của các nghệ sĩ tài hoa như: Donatello, Verrocchio, Leonardo da Vinci với các tượng trên quảng trường Lâu đài ở Firenze.

Ngay từ thời cổ đại, tượng ngoài trời đã được làm khá phổ biến, quy mô đồ sộ và là những tác phẩm nghệ thuật tạo hình đặc sắc, rất hoành tráng. Chủ đề tượng thường có nguồn gốc từ tín ngưỡng và truyền thuyết thờ đa thần nên tượng mang nhiều ý nghĩa tâm linh thiêng liêng hơn là ý nghĩa trang trí. Sang thời kỳ trung đại, kéo dài trên một nghìn năm, quan niệm xây dựng tượng cổ đại không được duy trì và phát triển. Tượng trung đại không có quy mô hoành tráng, chủ đề tượng chủ yếu có nguồn gốc từ tôn giáo, thường là tượng chân dung các thánh và tông đồ có công của Cơ Đốc giáo. Do đó, tượng để tưởng nhớ các nhân vật, thường được đặt trong không gian kín đáo có mái che như trong nhà thờ, trên các hốc tường, trong nhà mồ hoặc đặt ngoài trời ở nghĩa địa gần nhà thờ.



Tòa nhà Castel San Angelo và sông Tiber (trong tranh cổ)

Italia



Tòa nhà Castel San A ngelo

Đến thời kỳ Phục Hưng, tượng tách khỏi sự lệ thuộc vào nhà thờ, trở thành công trình nghệ thuật tạo hình độc lập được nghiên cứu công phu trong quan hệ tạo hình không gian với các kiến trúc ở xung quanh. Con người Phục Hưng tiếp nối và nâng cao, hoàn thiện thêm một bước quan niệm xây dựng tượng cổ đại. Chủ đề tượng Phục Hưng phong phú hơn, mang tính hiện thực gần gũi với con người và thiên nhiên, trong đó con người với vẻ đẹp tinh thần và sức mạnh là chủ đề trọng tâm (tượng David của Michelangelo và tượng Goliath là những ví dụ tiêu biểu). Do đó tượng Phục Hưng gắn liền với cuộc sống cộng đồng xã hội và là thành phần trang trí quan trọng của không gian đô thị. Để đạt được hiệu quả cao nhất về nhận thức thị giác các giá trị tạo hình của tượng, các tác giả Phục Hưng đặc biệt chú trọng nghiên cứu trường thị giác, ảnh hưởng của ánh sáng, không khí đối với chất liệu, màu sắc và quy mô của tượng... Đây chính là những đóng góp quan trọng của các nghệ sĩ Phục Hưng trong nghệ thuật điêu khắc.

3.4. Những kiệt tác kỹ thuật xây dựng và nghệ thuật kiến trúc

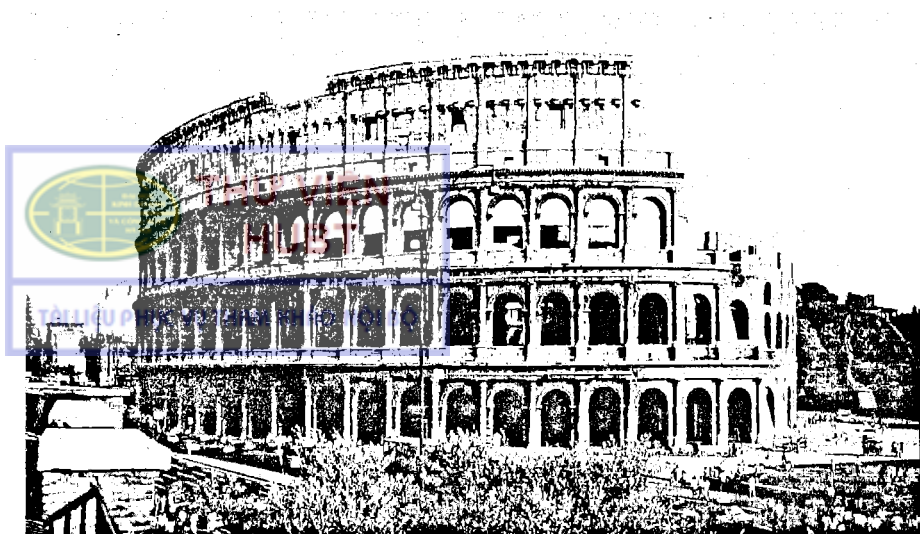
❖ Đấu trường colosseo

Colosseo là một kiến trúc cổ độc đáo tại Roma thuộc Italia. Khởi đầu, kiến trúc mang tên Amphitheatrum Flavium có nghĩa là đại hí viện của triều đại Flavius. Ngoài chức năng giải trí, kiến trúc này còn nhằm thể hiện là biểu tượng cho sự hùng mạnh và vĩ đại của Roma thời ấy.

Công trình xây dựng trong 8 năm từ năm 72 tới năm 80 sCn. Có thể hình dung tổng thể của đấu trường không khác lắm một sân vận động hiện đại, có khán đài nhiều tầng bao quanh theo hình ellip, bốn phía có cổng ra vào và có nhiều tầng hầm cho nhu cầu phục vụ.

Vị vua đầu tiên ra lệnh xây cất Colosseo là hoàng đế Titus Flavius Vespasian (trị vì từ năm 69 đến năm 79). Công trình được kế tục và hoàn thành bởi người kế vị là hoàng đế Titus Flavius Sabinus Vespasian (trị vì từ năm 79 đến năm 81).

Colosseo là một kiến trúc nhiều tầng hình bầu dục (chính xác là hình ellip) chu vi 521m, trục dài 189m, trục ngắn 156m, đỉnh tường cao 52m. Kiến trúc cao 4 tầng, vật liệu chủ yếu là đá cẩm thạch travertine, một loại cẩm thạch đẹp được khai thác ở vùng Tivoli. Ngoài ra, gạch nung



Đấu trường Colosseo ở Roma

Italia

và đá fufa từ núi lửa cũng được dùng để xây nhiều bộ phận của công trình.

Qua các di tích vẫn còn nguyên vẹn, người ta có thể tạo lại hình ảnh Colosseo thời cổ như sau: tầng trệt và 3 tầng trên được xây bằng đá chồng lên nhau, các sàn được chống đỡ bằng các vòm và hệ thống cột tròn. Kết cấu vòm và cột rất phổ biến trong việc xây công trình theo chiều cao, khi đó thép và bê tông cốt thép chưa được biết tới.

Riêng tầng thứ ba việc cấu tạo kiến trúc có khác hơn, các kiến trúc hình vòng cung được xây kín, chồng lên nhau cách quãng bởi các panen và các cửa sổ. Bốn cổng ra vào chính nằm trên các trục ngoài ra còn nhiều cổng phụ.

Khán giả được ngồi trên 3 tầng khán đài xây bằng đá cẩm thạch, vị trí ngồi được đánh số. Khán đài tầng trệt (có tên podium) sát cạnh đấu trường dành cho các vua chúa, đại quý tộc, các nhà giàu lớn. Các tầng trên cao dành cho thứ dân. Phần trung tâm bên trong của đấu trường là khu thi đấu có hình chữ nhật dài 85m, rộng 55m, xung quanh là bức tường cao để bảo vệ an toàn cho người xem. Theo cách tính toán hiện nay thì đấu trường chứa được khoảng 45000 - 50000 người, còn theo tài liệu cổ La Mã thì có thể chứa đến 100.000 người. Nơi đây đã từng tổ chức những trận đấu làm trò vui cho vua chúa và quý tộc kéo dài suốt 100 ngày dưới thời Hoàng đế Titus (40 - 80). Trận đấu có tới 5 nghìn đấu sĩ tham gia dưới thời Trajan (98 - 117). Các đấu sĩ (gladiator) phải đấu nhau giữa người với người hoặc giữa người với thú cho đến chết. Những cảnh khủng khiếp này mãi tới đầu thế kỷ IV mới chấm dứt. Do sự hủy hoại của thiên nhiên và con người, dấu tích của đấu trường

hiện nay chỉ còn khoảng một phần ba.

Để nâng đỡ hệ thống khán đài với 560 hàng ghế đủ cho 5 vạn chỗ ngồi, chạy theo vòng ellip, là cả một dãy tường cao chạy xung quanh mặt đứng, tạo nên 180 vòm cuốn ở mỗi tầng nâng đỡ khán đài. Hệ thống cột cùng với hệ thống tường ngang hình nan quạt đã nâng đỡ toàn bộ khán đài và các tầng của công trình. Hình thức cột và vòm cuốn được tạo hình rất nghệ thuật, kết hợp các kiểu cột Doric khỏe khoắn, kiểu Ionic thanh thoát và kiểu Corinthie hoa lệ để trang trí thành các vòm cuốn theo mặt bằng hình ellip. Kiểu dáng kiến trúc gây ấn tượng vừa bền vững vừa sinh động và uyển chuyển. Ở các bệ tường lan can của cuốn, có đặt 160 pho tượng uy nghi, làm cho khung cảnh kiến trúc hoành tráng và hùng vĩ.

Ở bên trong, khán đài được xây thành bậc, hàng ghế dưới cùng cao hơn sàn đấu 5m để bảo đảm an toàn cho người xem. Độ cao của toàn khán đài tương đương với tòa nhà 4 tầng. Có tất cả 80 lối thoát khác nhau dẫn ra các cầu thang khi có sự cố, trừ lối ra vào riêng của hoàng đế gắn với đường ngầm dưới đất. Dưới khán đài có cả một hệ thống không gian dành cho việc nghỉ ngơi được bố cục chạy vòng quanh đấu trường.

Người Roma cổ đại vốn thích các trò giải trí bạo lực, tạo cảm giác mạnh như các trận đấu sinh tử giữa các mãnh thú với nhau, giữa người với mãnh thú, giữa người với người và các trò vui tiêu khiển khác như đua xe ngựa..., vì thế họ đã xây dựng nhiều đấu trường. Ngày nay còn thấy dấu tích của rất nhiều đấu trường trên các lãnh thổ của đế chế La Mã xưa, nhất là ở các vùng phía nam châu Âu. Riêng ở Roma có bảy đấu trường luân phiên hoạt động quanh năm.

Đấu trường Colosseo ở Roma được xây dựng lớn nhất với một kỹ thuật tài tình và một hình thức nghệ thuật say đắm lòng người, được xếp là một kỳ quan kiến trúc ở Roma.

Công đấu tạo nên kỳ quan này thuộc về hoàng đế Vespasian. Trước đây trên địa điểm ở Campus Martius (trung tâm Roma) này đã từng có đấu trường nhưng bị phá hủy khi Roma có hỏa hoạn lớn vào năm 64 tCn. Vị hoàng đế tàn bạo Nero mãi lo xây dựng cung điện riêng rất huy hoàng của mình (Ngôi nhà vàng - Domus Aureus) nên chỉ lo xây đấu trường sơ sài tạm bợ. Trái với suy nghĩ vị kỷ của Nero,

Italia

Vespasian hướng tới cộng đồng nhiều hơn, đã cho xây ngay trên khu đất và vườn Ngôi nhà Vàng của Nero một đấu trường đồ sộ với nguồn tài chính từ các chiến lợi phẩm mà các chiến thắng trận mạc đem về. Việc xây dựng công trình với nhiều hầm sâu đã khai thác địa hình lõm vốn là khu hồ nước ở Ngôi nhà Vàng của Nero trước đây.

Một vài con số sau đây cho thấy khối lượng đồ sộ của công trình này: 100000m³ đá travertine với tổng trọng lượng 240000 tấn đã được khai thác và vận chuyển qua 20km đường từ khu mỏ đá tới công trường. Vật liệu sắt để làm các chốt liên kết các khối đá xây dựng cũng phải cần đến 300 tấn. Ở đáy công trình (nơi hồ nước cũ) đã phải đổ lót bê-tông làm móng dày tới 7,5m. Nguyên việc làm các hành lang dẫn dắt và các chuồng nuôi nhốt thú dữ, điều khiển đưa thú tới chỗ giao đấu sao cho thuận tiện và an toàn cũng đã là một kỳ công. Các mảnh thú được khống chế chặt chẽ trong các chuồng và cũi sắt với những lớp cửa kiên cố có thiết bị mở đóng an toàn, điều khiển dễ dàng để có thể cùng lúc mở chuồng cho 64 mảnh thú vào sân đấu.

"Diễn viên" chủ yếu trên sân đấu ở Colosseo là các đấu sĩ (gladiator). Gladiator nguyên gốc chữ Latinh gladius là lưỡi gươm cũng là để chỉ người được dùng gươm để đánh nhau. Đấu sĩ có thể là tù binh, nô lệ nhưng cũng có thể là các vận động viên chuyên nghiệp được đào tạo rất công phu và trận đấu thường kết thúc bằng cái chết của một đấu sĩ hoặc cả hai đều chết. Do đấu đến chết nên các đấu sĩ còn mang tên bustuari nghĩa là đao phủ. Trò giải trí bằng các đấu sĩ có nguồn gốc xa xôi từ thời hoàng đế Val Valerius Maximus (264 tCn). Trận đấu thời này

gồm có 6 đấu sĩ chia làm 3 cặp. Để tăng tính hào hứng, tính dữ dội của các trận đấu, số đấu sĩ tăng nhanh và lên đến 600 đấu sĩ trong một trận đấu dưới thời hoàng đế Julius Caesar (101 - 44 tCn).

Ngoài việc đánh nhau đến chết để mua vui cho người khác, các đấu sĩ còn làm cận vệ, làm lính trong các đạo quân hung dữ của các quý tộc và vua chúa thời này như Clodius, Milo và Catiline. Lịch sử từng ghi lại hoàng đế Titus (40 - 80sCn) đã tổ chức một trận đấu kéo dài suốt 100 ngày và hoàng đế Trajan (cai trị La Mã từ 98 đến 117 sCn) để mừng chiến thắng, trận đấu có tới 5000 đấu sĩ. Thử tưởng tượng 5000 con người tận lực giết nhau một cách vô lý để mua vui cho các vị hoàng đế quả là một cảnh khủng khiếp, vậy mà đây là một trò giải trí hào hùng đầy hấp dẫn vào thời ấy.

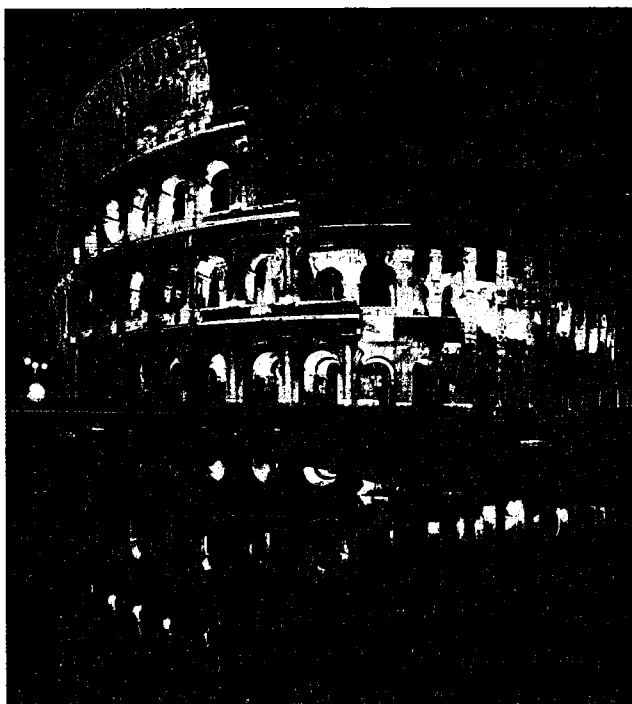
Cách giải trí đổ máu này đã phát triển sang xứ Gaule (nước Pháp ngày nay), nhất là ở Tây Ban Nha và cả Bắc Phi. Các đấu sĩ đầu tiên là tù binh, nô lệ hoặc tội phạm bị án tử hình. Về sau do nhu cầu giải trí của vua chúa phát triển mạnh cần nhiều đấu sĩ nên đã biến họ thành đấu sĩ bắt buộc, bao gồm cả những người tội phạm thường nhất là vào thời Nero. Các đấu sĩ nổi tiếng cũng được hưởng một số vinh dự và được tặng thưởng kể cả việc được phép cưới phụ nữ quý tộc! Điều đó kích thích nhiều dân thường hoặc một số khá giả cũng muốn trở thành đấu sĩ. Các trường đào tạo đấu sĩ (gọi là ludi) và các đấu sĩ thành thạo được gọi là lanista. Việc đào tạo vô cùng khắc khe cả thể lực và kỹ thuật đánh nhau bằng vũ khí. Kỷ luật thép được áp dụng tại các trường đào tạo đấu sĩ.

Tính chuyên nghiệp của việc tập luyện và thi đấu ngày càng cao, thể hiện ở việc hình thành những thuật ngữ trong việc xếp loại các đấu sĩ tùy theo cách trang bị và phương tiện chiến đấu.

Sau đây là một số từ ngữ trong sử sách còn ghi lại: Myrmillons là võ sĩ dùng gươm và khiên nhỏ; Thraces: võ sĩ dùng gươm cong; Retiaires: võ sĩ dùng lưới và chĩa ba; Andabatao: võ sĩ dùng ngựa; Dimachaeri: hai tay cầm gươm ngắn; Essedarie: thi đấu trên chiến sa; Hoplomachi: võ sĩ mặc giáp; Laquearie: võ sĩ dùng dây thừng ném ra để trói đối thủ. Sự phong phú của các vũ khí được trang bị và phương tiện chiến đấu đã làm cho các trận đấu càng đa dạng và hấp dẫn hơn.

NGHỆ THUẬT
KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ

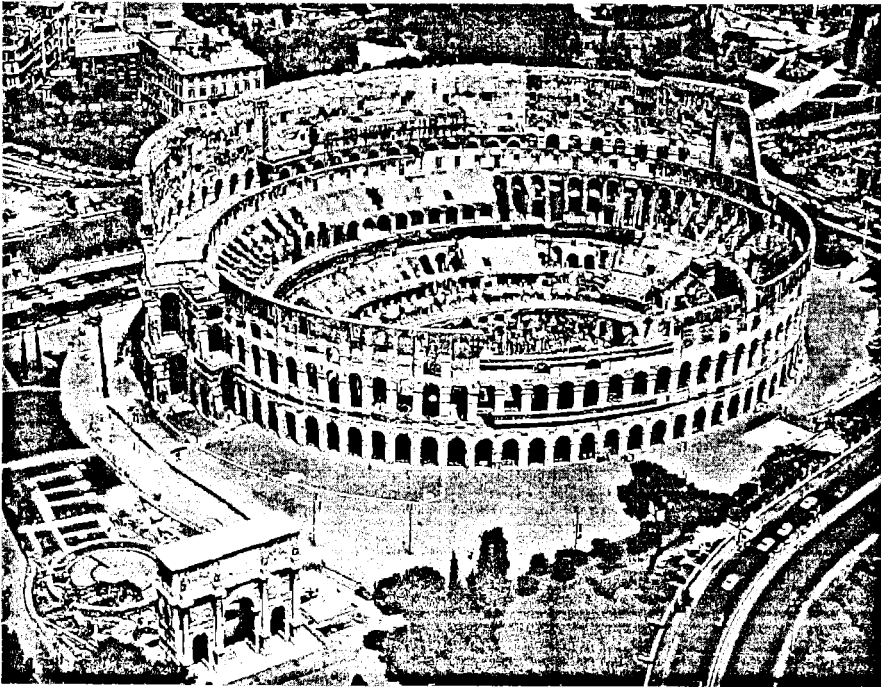
Italia



Bức tranh hoành tráng đấu trường Colosseo



Cảnh Colosseo ban đêm



Toàn cảnh đấu trường Colosseo

Các trận đấu được tiến hành theo một số nghi thức: đầu tiên là diễu hành các đấu sĩ, kế tiếp đến là các trọng tài chuyên giám định các phương tiện thi đấu, rồi có một số trận đấu giả mang tính biểu diễn. Khởi đầu cuộc thi nổi lên các hồi kèn thổi thúc đấu sĩ ra đấu trường. Các đấu sĩ hăng hái chiến đấu: bắt buộc phải giết được đối thủ hoặc bị đối thủ giết, giết chết mãnh thú hoặc bị mãnh thú xé xác, một số đấu sĩ tỏ vẻ sợ hãi khi ra đấu đã bị người ta dùng roi da và cả sắt nung để thúc dục. Mãnh thú ra đấu trường cũng trong không khí như vậy.

Ngay vào dịp khai trương đấu trường đã có một đợt trình diễn kéo dài 100 ngày, đã tàn sát 5000 tội nhân và 9000 con thú.

Chỉ sang thế kỷ IV sCn hoạt động của các đấu trường mới bớt sôi động và thịnh hành, và vào thời trị vì của vua Constantin, các trận đấu đã bị cấm (vào năm 325 tCn), bởi hoàng đế Constantin vốn là một vị vua nhân từ. Các trận đấu không còn được tổ chức nữa nhưng các "đại hí viện" này vẫn tồn tại sau các thời huy hoàng, vẫn được sửa sang tu bổ và được dùng vào các cuộc hội họp lớn.

Italia

Trong lịch sử Roma, đấu trường từng là sân khấu các sự kiện bi thương như trong thời kỳ đầu phát triển công giáo, các giáo sĩ và giáo dân đạo Thiên Chúa đã bị bắt bớ và giết hại nhiều. Đấu trường được dùng làm pháp trường để hành hình các giáo sĩ và tín đồ Thiên Chúa giáo; ngoài ra cũng có những thời kỳ đấu trường biến thành pháo đài trong các cuộc xung đột thời trung cổ.

Đến thế kỷ XV - XVI, một số nhà quý tộc quyền thế đã dỡ các phiến đá cẩm thạch quý và đẹp để xây các lầu đài của họ (các lầu đài Chanellerie, Farnasse và Barberrini). Ngoài ra thiên tai cũng góp phần hủy hoại: vào thế kỷ XVIII, một trận động đất mạnh đã làm sụp đổ 2/3 hí trường.

Từ thế kỷ XIII Colosseo trở thành tài sản của giáo hội Cơ Đốc, và đến thời giáo hoàng Benoit XIV (1740 - 1758) đã tiến hành việc phong thánh để kỷ niệm các tín đồ đã vì Thánh tử đạo. Sau đó các giáo hoàng kế tiếp Pie VII, Léon XII và Pie IX đều cố gắng trùng tu Colosseo để làm di tích tôn giáo.

Vào năm 1874, vào dịp chỉnh trang thành phố, chính phủ đã cho tu sửa, dọn dẹp khu vực này và việc dọn dẹp đã không thực sự chú ý việc tôn trọng cảnh quan cũ cũng như duy trì rất nhiều các loại cây cỏ từ khắp nơi trên thế giới mà các hoàng đế La Mã đã tốn nhiều công của mang về trồng. Ước tính đã mất đi ít nhất 120 loại cây cỏ khác nhau được mang về từ nhiều nơi đã được thích nghi khí hậu và thổ nhưỡng địa phương.

Dáng vẻ uy nghi và kiên cố của đấu trường Colosseo đã khiến cho công trình này được

xem là một biểu tượng thích hợp đối với Roma “thành phố vĩnh hằng”. Trong dã sử có ghi một lời “sấm truyền”:

*“Ngày nào Colosseo còn đầy thì Roma bất tử
Ngày nào Roma sụp đổ, nhân loại cũng không còn”*

Nay thì người ta được chứng kiến một kỳ tích xây dựng Colosseo trong vai trò một di tích kiến trúc đồ nát, nhưng “đống đổ nát” này vẫn là một điểm thu hút khách du lịch khổng lồ và đem lại một nguồn thu đáng kể cho ngành du lịch của nước sở tại.

❖ **Đền pantheon**

Pantheon theo nguyên ngữ Hy Lạp: pan - tất cả và theos - vị thần, vậy Pantheon là đền thờ mọi vị thần, từ đó có người dịch Pantheon là “Đền Vạn Thần”.

Đây là một trong ba công trình tiêu biểu của nghệ thuật kiến trúc La Mã cổ đại, và là công trình còn được bảo tồn tốt nhất. Ba công trình đó là đấu trường Colosseo, đền Pantheon và nhà tắm công cộng Caracala. Sau thời đế chế La Mã sụp đổ (năm 476) đền Pantheon được chuyển thành nhà thờ Thiên chúa giáo (năm 609).

Khởi đầu đền Pantheon được xây vào năm 27 tCn, theo mẫu thiết kế và chỉ đạo thi công của Agrippa, cánh tay phải của Hoàng đế Augustus. Agrippa là một nhà quy hoạch và xây dựng tài ba, chính ông chỉ huy xây dựng lại Roma thành một trong những thành phố đẹp nhất thời Cổ đại.

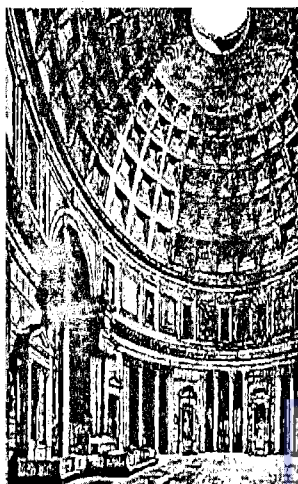
Đền Pantheon là nơi thờ các vị thần theo tín ngưỡng của người La Mã. Đền bị hủy hoại nghiêm trọng sau 2 trận hỏa hoạn. Dưới thời Hoàng đế Hadrian (117 - 138), đã được xây lại thành một ngôi đền hình tròn, có đặc điểm là chiều cao từ mặt sàn đến nóc vòm bằng đường kính của chính chân vòm, là 43,5m. Như vậy, nếu có quả cầu đường kính 43,5m đặt tiếp xúc với tâm điểm của mặt nền hình tròn thì nửa trên của quả cầu sẽ lồng khít mặt trần của vòm mái ngôi đền. Một sự chính xác hình học của công trình xây dựng ở mức độ đáng kinh ngạc.

Vòm mái này cũng được coi là lớn nhất, vượt trên các vòm từng được coi là cực lớn như vòm mái nhà thờ Thánh Peter ở Vatican là 42,5m

Italya

hoặc vòm mái nhà thờ Thánh Paul ở London là 31m.

Vào thời đó, việc xây dựng một mái vòm có đường kính lớn như vậy quả là việc làm ngoài sức tưởng tượng. Để chịu được sức nặng của mái vòm đồ sộ này, người ta đã phải xây tường bao lớn có chiều dày tới 6,2m. Mặt trong bức tường tròn và dày này có làm 7 hốc để trang trí (alcove) và làm phong phú thêm tính thẩm mỹ của nội thất. Trên đỉnh vòm mái có cửa tròn để lấy nguồn sáng duy nhất cho công trình, ô tròn trên đỉnh vòm có đường kính 8,9m. Nhờ đó nội thất nhà thờ luôn có không khí lung linh huyền ảo.



Mặt trong mái
vòm điện Pantheon



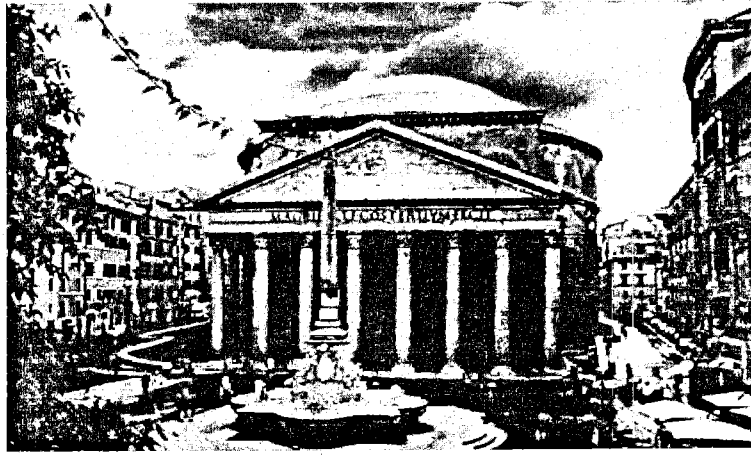


Quảng trường Pantheon ban đêm



Quảng trường Pantheon ban ngày

Italya



Quảng trường Pantheon

Sàn đền và mặt tường được trang trí bằng đá cẩm thạch lộng lẫy và trang nghiêm. Phần thân nhà từ chân vòm trở xuống, mặt tường trong nhà được làm hai tầng, tầng dưới 13m có hàng cột thức corinthe, tầng trên 8,7m là các mảng tường nẩy trụ và ô cửa trang trí bằng đá cẩm thạch. Những mảng tường này kết hợp với các hàng ô lõm trên vòm trần (caisson) tạo nên cảm giác nhẹ nhàng, thanh thoát.

Cấu trúc mặt bằng đền Pantheon khá đơn giản, ngoài phần hình tròn dùng làm nơi thờ cúng, phía trước là gian sảnh hình chữ nhật có kích thước 34 x 20m. Đây là khối sảnh dùng lại từ ngôi đền cũ xây dưới thời Hoàng đế Augustus, đã bị tiêu hủy trong hai trận hỏa hoạn trước đó. Sảnh có chiều sâu 14m với 16 cột tròn đường kính 1,5m, cao 14m, mái lợp dốc về hai phía. Hai hốc tròn hai bên sảnh đặt tượng Hoàng đế Auguste và tượng Agrippa là nhà kiến trúc tài năng đã thực hiện công trình này. Sự liên kết tài tình hai khối kiến trúc cũ và mới, tạo nên một công trình khá độc đáo, vẻ đẹp của Pantheon được đề cao một phần là ở sự kết hợp khéo léo giữa hai khối hình này.

Những chiếc cột chống đỡ ở đây được làm theo kiểu Corinthe. Đây là những hàng cột được coi là đẹp nhất của nghệ thuật kiến trúc La Mã cổ đại. Mỗi cột cao 12,5m có màu đỏ đậm thẫm, mũ cột phía trên và đế cột làm bằng đá trắng.

Đặc điểm nổi trội trong khâu xử lý nội thất của đền Pantheon là việc tạo hình vòm lớn thành những ô vuông với những băng ngang vòng quanh ở mặt dưới vòm, tạo nên một khung cảnh ngoạn mục, hấp dẫn. Cách xử lý này đã được các nhà xây dựng thời Phục Hưng ứng dụng rất hiệu quả.

Đền Pantheon ngày nay vẫn được sử dụng làm nhà thờ công giáo. Ban đầu đền thờ có đặt nhiều tượng và cũng bị mất đi nhiều qua các biến cố. Tuy thế vẫn có những di tích quý như mộ phần của danh họa Raphael, mộ vua Umberto I và hoàng hậu Marguerite...

Phía trước đền là một quảng trường đẹp có bể cảnh và tượng đài, một tác phẩm nghệ thuật thế kỷ XVI, tác giả là Giacomo della Porta.

Nhiều nhà nghiên cứu ngày nay cho rằng: Cấu trúc xây dựng đền Pantheon có nhiều điều khó hiểu cũng như chức năng của đền, và hầu như vẫn chưa có sự nhất trí về việc mái vòm được xây dựng ra sao kể cả câu hỏi tại sao đền vẫn còn đứng vững qua rất nhiều biến động của xã hội và của thiên nhiên. Phần tường đỡ mái vòm dày 6m và mái vòm được đổ bê-tông La Mã chất lượng cao, gối lên một vành tròn bằng bê-tông travertin dày 4,5m. Mái vòm đường kính 43,5m hình bán nguyệt và đế vòm ở độ cao 21,7m, hai phần ba phía dưới trang trí bằng năm dãy gồm 28 ô lõm sâu đồng tâm. Tường tròn của nhà được xây tiếp đến độ cao khoảng 30m và phần dưới mái vòm được làm dày hơn bằng bảy vòng tạo thành các bậc. Kết quả là độ dày của mái vòm giảm từ 6m ở phần đế vòm xuống còn 1,5m ở ô cửa tròn làm khoảng trống trên đỉnh mái vòm.

Nghiên cứu về sự cấp phối các cốt liệu của bê tông cho thấy kích thước có sự thay đổi từ cỡ nắm tay (đá travertine và đá nham thạch) có mật độ 1750kg cho mỗi mét khối, cho đến lớp cuối cùng là lớp đá nham thạch và đá bọt rất nhẹ ở phần mái vòm, có mật độ 1350kg cho mỗi mét khối.

Các vòng tạo bậc trên mái vòm được thiết kế như các vòng gia cố khổng lồ để ngăn chặn các lực đẩy ngang hướng ra ngoài khi chịu trọng lượng khổng lồ của mái vòm. Nhiều nghiên cứu về cấu trúc này

đã khẳng định đó là cách để giảm bớt lực đẩy ra phía ngoài chứ không phải lực đè theo chiều thẳng đứng. Những giả thuyết này đã được kiểm nghiệm bằng các mô phỏng vì tính dễ khẳng định các vòng tạo bậc là yếu tố quan trọng trong việc đạt được tính ổn định bằng cách thêm tải trọng phụ theo chiều thẳng đứng, chứ không phải theo cách tháp nhọn ở kiến trúc Gothic.

Việc lắp ván khuôn ra sao để có thể đỡ bê tông cho mái vòm khổng lồ này cũng là điều được nhiều nhà nghiên cứu. Một số cho rằng người ta dựng một rừng giàn giáo bằng các thanh gỗ lớn ngay từ sàn công trình, số khác cho là phải dùng một tập hợp giàn giáo tinh vi và phức tạp từ khối đắp nổi trang trí hình bậc thang của khu vực phía trên của mái. Trong mọi trường hợp thì việc làm mái vòm khi còn là thẳng đứng trong các vòng nằm ngang đã cần có tất cả các ván khuôn đặt ngay vào vị trí. Lại cũng có người cho rằng mái vòm được dựng từng mảng theo chiều thẳng đứng, cho phép một số lượng ván khuôn nhỏ hơn di chuyển theo phương nằm ngang một khi mỗi mảng có thể tựa vững trên chính nó. Dù là được làm theo cách nào thì việc xây dựng nên công trình đồ sộ này vẫn là sự thể hiện của những thiên tài.

Ngay từ thế kỷ XVI, Michelangelo đã có nhận xét rất đúng: "Đây là một thiết kế của các thiên thần chứ không phải của con người" (Disegno angelico e non umano).

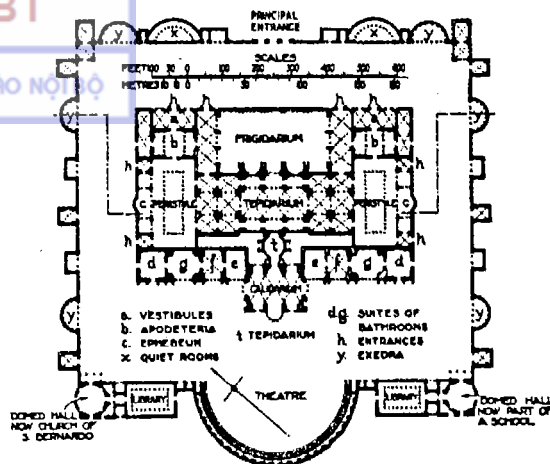
❖ **Nhà tắm công cộng caracalla**

Người Roma có thú vui tắm ở những nhà tắm công cộng, vì thế đến thế kỷ IV, họ đã xây dựng trên khắp đế quốc 4000 nhà tắm công

cộng, trong đó nhà tắm Caracalla ở kinh thành Roma là nhà tắm nổi tiếng nhất cả về mặt tiện nghi lẫn về quy mô đồ sộ của công trình. Nhà tắm do vua Caracalla xây dựng kéo dài từ năm 206 (dưới đời hoàng đế Septinius Severus) và hoàn thành vào năm 235 (dưới thời hoàng đế Alexander). Nhà tắm Caracalla là một công trình đồ sộ nằm trên một khu đất hình vuông, mỗi cạnh là 350m, tổng diện tích là 91000m². Tòa nhà chính dài 228m, rộng 115m, các phòng tắm bố trí đối xứng qua trục chính. Những phòng này đều có sảnh vào riêng với những hàng cột dẫn lối đi lại. Phòng chính giữa với ba vòm lớn, có những cửa lấy ánh sáng ngay dưới những vòm cuốn, nội thất của tòa sảnh lớn tràn ngập ánh sáng. Hệ thống cột kiểu Coranh đỡ trần nhà vòm cuốn, các phòng rất rộng, tường dày và chắc, không gian nhà tắm lồng lộng cao 35m.

Nhà tắm công cộng ở Roma không đơn thuần là nơi giải trí, mà còn là một công trình văn hóa với các phòng hội họp, thư viện và phòng đọc sách (các nhà văn thường đến đây để giới thiệu với độc giả những công việc làm ăn, hỏi thăm tin tức của nhau). Nhà tắm cũng được trang bị những phòng thi đấu thể dục thể thao, các nơi nghỉ, khu dạo chơi, nhà hàng ăn, phòng trưng bày tác phẩm nghệ thuật. Đó là cả một xã hội La Mã thu gọn, một công dân có thể trải qua nhiều giờ trong ngày ở đó. Các nhà tắm ngày càng được mở rộng và có chức năng ngày càng phức tạp với đủ loại không gian cao, thấp, kín, hở, vuông, chữ nhật, tròn, có cột hay không có cột...

Cấu trúc nhà tắm thường bao gồm: phòng gửi quần áo, phòng tắm nước ấm, phòng tắm nước nóng hay tắm hơi và phòng tắm nước lạnh. Nhà tắm có quy mô rất lớn: sức chứa tới 3000 người đến tắm một lúc. Ngoài ra còn có bể bơi, phòng đọc sách, hội họp, diễn thuyết, giải trí...



Mặt bằng và di tích về nhà tắm công cộng Caracalla

NGHỆ THUẬT
KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ

Italia

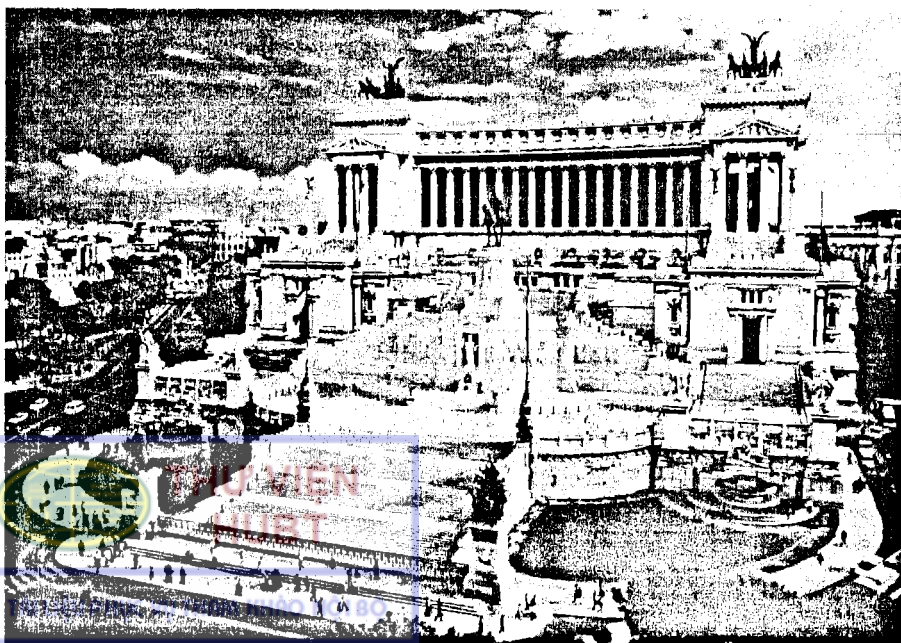
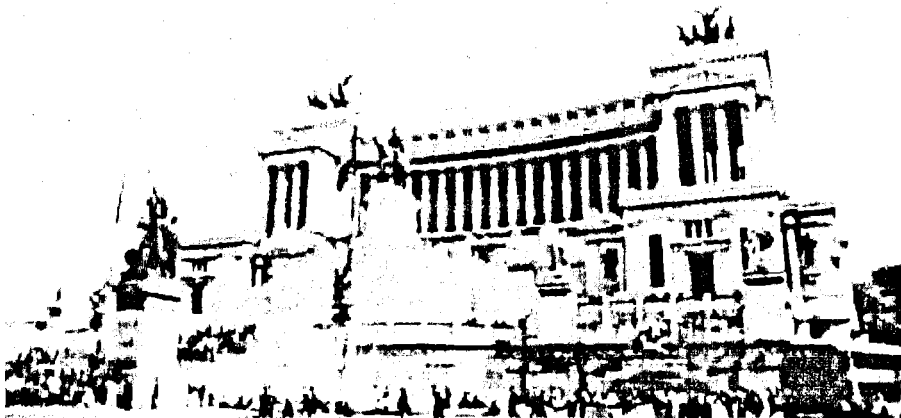
Nhà tắm được trang hoàng nhiều tranh khảm, tượng, phù điêu... và đều là những công trình có giá trị nghệ thuật cao. Bên ngoài nhà tắm có những phòng thi đấu thể dục thể thao, nơi nghỉ ngơi, phòng đọc sách, phòng trưng bày các tác phẩm nghệ thuật, nhà hàng ăn, nơi dạo chơi, vườn hoa, cầu dẫn nước... Người Roma đến đây không chỉ để tắm, mà còn là nơi giải trí, gặp gỡ bạn bè, đọc sách báo, luyện tập thể dục thể thao...

Thiết bị kỹ thuật của công trình được làm rất công phu bên trong tường của công trình đều có những hệ thống đường ống phức tạp dẫn nước nóng và hơi ấm. Công trình có bể chứa nước riêng có khối tích lên tới 33000m³ nối liền với các cầu máng dẫn nước xây dựng bằng đá.

Ngoài những kiệt tác kiến trúc nêu trên, di sản kiến trúc ở Roma còn được kể đến những kiệt tác kiến trúc khác như: tòa thành và pháo đài cổ Castel San Angelo, Đài phun nước Trevi, Đài kỷ niệm Vittoriano...



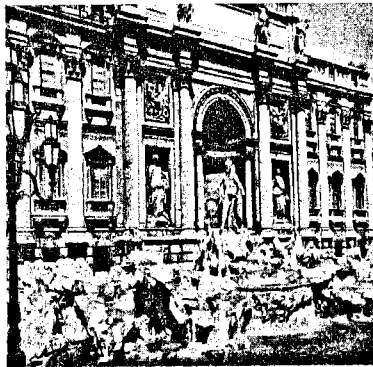
Bản đồ
trung tâm
Rôma với
Đài kỷ niệm
Vittoriano
và trục đại
lộ Corso



*Đài kỉ niệm Vittoriano trước quảng trường Venezia
đón tầm nhìn trực đại lộ Corso*

NGHỆ THUẬT
KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ

Italia



Đài phun nước Trevi



Bản đồ vị trí 3 công trình:

1. Đấu trường Colosseo
2. Quảng trường Pantheon
3. Nhà tắm công cộng Caracalla

4. VENEZIA



*Cảnh hoàng hôn
ở Venezia*



**THƯ VIỆN
HUBT**

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

4.1. Bà hoàng trên biển Adriatic

Venezia nằm trên địa bàn sông nước và kênh rạch, là thành phố duy nhất mà việc đi lại chủ yếu là bằng thuyền. Từ khoảng sáu ngàn năm trước, nước biển từng dâng cao nhấn chìm cả một vùng đồng bằng xa xưa của biển Adriatic, sinh ra vùng đầm phá, nhưng rồi được con người tìm đến cư trú biến cải thành nơi ở. Từ thế kỷ I tCn, cư dân

Italia

ở đây là những người La Mã, họ từ đất liền di cư ra bờ biển lập nên những cộng đồng ngư dân, thủy thủ và người làm muối. Từ thế kỷ X, bắt đầu xây dựng thành phố mang tên Venezia cạnh một con kênh ngoằn ngoèo, sau có tên là "Kênh Lớn". Cạnh Kênh Lớn dần dần mọc lên những ngôi nhà dân thường xây dựng quanh một ngôi nhà thờ, tạo nên một khu cư trú, đó là khu Rialto ở gần giữa Venezia ngày nay.

Venezia nằm về phía đông bắc Italia, trên bờ biển Adriatic, trong vịnh Venezia. Điều đặc biệt là thành phố nằm trên 118 hòn đảo đan xen với 150 kênh đào trong một vùng vịnh dài 60km, rộng 4km, được nối với đất liền bằng một tuyến xe lửa, một ga hàng không. Ngăn cách giữa biển Adriatic và thành phố là một dải đất hẹp dài 12km, cũng vừa là con đê chắn sóng, tạo nên một vùng nhiều bãi tắm biển tuyệt vời mang tên bãi tắm Lido. Trên đất đai thành phố có khoảng 200 con kênh ngang dọc và có 400 chiếc cầu bắc qua những con kênh đó, rất thuận tiện cho việc đi lại trong thành phố bằng thuyền nhỏ. Trong số 200 con kênh đó, con kênh chính (thường gọi là Kênh Lớn - Grand Canal) dài tới 3800 mét, ngăn thành phố làm hai phần không bằng nhau trên kênh có 3 cầu bắc qua, trong đó cầu Rialto rất nổi tiếng, được xây dựng từ thế kỷ XVI.

Từ đó Venezia thường được gọi "thành phố của các kênh đào". Trong tiếng Việt thành phố này được gọi là **Vơ-ni-dơ** (phiên âm từ *Venise* trong tiếng Pháp). Thành phố có số dân chưa đến 30 vạn người. Venezia cùng với Padova nằm trong khu đô thị Padova - Venezia với dân số 1.600.000 người.

Thành phố trải ra trên nhiều đảo nhỏ trong

khu vực phá Venezia dọc theo biển Adriatic ở đông bắc nước Italia. Vùng phá nước mặn này trải dọc theo đường biển giữa các cửa sông Po (phía nam) và sông Piave (phía bắc). Trung tâm lịch sử của Venezia (*Centro storico*) có dân số khoảng 62.000 (trong tổng số 176.000 sống trên các vùng “đất khô” (tức là vùng phá mở rộng) và 31.000 sống trên các đảo khác của phá.

Theo truyền thuyết thì Venezia được thành lập năm 422 bởi những người La Mã chạy trốn khỏi vùng bị người Goth cai trị. Thành phố được lập nên là kết quả của sự gia nhập ồ ạt của những người tị nạn vùng đầm lầy cửa sông Po để tránh quân xâm lược tàn phá phía đông bắc Italia. Từ thời cai trị của công tước Agnello Particiaco (811-



Kênh Lớn chảy qua thành phố trở thành trục không gian định vị các kiến trúc ở đôi bờ

Italia

827) đồn trú được chuyển từ Malamocco đến nơi được bảo vệ tốt hơn là đảo Rialto (Rivoalto tức "Bờ cao"), là địa điểm hiện nay của Venezia. Tu viện Thánh Zachary được xây dựng cùng với cung điện công tước đầu tiên và nhà thờ San Marco. Một tường phòng thủ (*civitatis murus*) giữa Olivolo và Rialto cũng được xây dựng. Vào năm 828 thành phố trở nên nổi tiếng do được những thánh vật cường đoạt từ Alexandria được đưa về và đặt vào nhà thờ mới xây. Cộng đồng tiếp tục phát triển và khi quyền lực Byzantine giảm sút, đặc tính chống phương Đông tăng dần, dẫn đến sự phát triển tính tự lập và cuối cùng là độc lập của Venezia.

Từ thế kỷ thứ IX đến thế kỷ XII Venezia phát triển thành một thành quốc. Với vị trí chiến lược tại nơi địa đầu của biển Adriatic tạo nên thế mạnh về thủy quân cũng như về kinh tế của Venezia. Thành phố trở thành một trung tâm phân phối về thương mại giữa vùng Tây Âu và phần còn lại của thế giới (đặc biệt là Đế chế Byzantine và thế giới Hồi giáo). Sự hùng hậu của một trung tâm giao dịch thương mại trên biển đã tạo nên một thế mạnh khác của "Bà hoàng trên biển Adriatic".

Vào thế kỷ XII nền tảng cho thế mạnh của Venezia được tăng cường với việc xây dựng kho đạn (bắt đầu vào 1104), Venezia thu tóm quyền điều khiển đèo Brenner từ Verona vào năm 1178, mở ra một đường huyết mạch đến Đức.

Cộng hòa Venezia chiếm đất đai ở bờ phía đông của biển Adriatic (năm 1200) chủ yếu vì các lý do thương mại và bởi vì cướp biển đóng ở khu vực đó là mối đe dọa cho thương mại. Vị Doge (Thống sứ) lúc đó là Công tước của Dalmatia và Công tước của Istria. Các vùng đất sở hữu sau



Kiến trúc theo bờ Kênh Lớn



Kiến trúc đặc sắc theo kênh rạch



Phong cách kiến trúc tạo bản sắc đô thị Venezia

Italia

này, trải rộng từ Hồ Garda đến tận sông Adda, được biết đến như là "Terraferma", một "vùng đất khô". Trong việc xây dựng thành một đế chế hàng hải, nước cộng hòa này đã nắm quyền điều khiển hầu hết các đảo trong vùng Biển Aegea, bao gồm cả đảo Kypros và đảo Crete, trở thành một mối lái quyền lực chủ đạo trong vùng Cận Đông. Sự điều khiển của Venezia đối với các vùng đất lục địa khá thuận lợi và công dân ở các thành phố Bergamo, Brescia và Verona đều đã nổi dậy bảo vệ chủ quyền của Venezia khi bị quân xâm lược đe dọa.

Thành phố đã phát triển mạnh trong các thế kỷ XIV và XV, bộ mặt kiến trúc cũng hình thành trong thế kỷ này, nhờ vào thời hưng thịnh của nước Cộng hòa. Thành phố mọc lên nhiều nhà thờ được trang trí và khảm lát đá hoa màu các mặt đứng trang trọng của những lâu đài. Các cây cầu, những đường phố cong với các nhà 3 - 4 tầng dày đặc hai bên đường và nối nhau trên bờ kênh lung linh bóng nước làm cho thành phố có vẻ đẹp lộng lẫy để thực sự trở thành "Bà Hoàng trên biển Adriatic". Trung tâm Venezia là quảng trường San Marco được bao quanh bởi các nhà của Viện Công tố cũ (1480 - 1514) và Viện Công tố mới (1584 - 1640), nhà thờ lớn 5 mái vòm San Marco (829 - 832, xây lại năm 1073 - 95) các cửa bằng đồng kiểu Byzantin, phía trên cửa chính ở giữa có 4 con ngựa đồng (thế kỷ IV - III tCn) được chở đến từ Constantinople năm 1204; trong nội thất có sàn ghép mảnh bằng đá hoa thế kỷ XII - XIV và tháp chuông (Campanila).

Quảng trường Piazzetta là một phần của quảng trường lớn San Marco, được mở về phía phá. Hai bên quảng trường là Thư viện San Marco cũ (1536 - 54, KTS J. Sansovino; hoàn

thành năm 1583) và Dinh Thống sứ Venezia (khởi công vào thế kỷ IX, hoàn thành vào thế kỷ XIV - XVI). Từ phía đông tòa dinh thự này có cầu "Than thở" (Sospiro) (1600) nối với nhà tù (1560 - 1614). Ở phía bắc có tòa Piazza San Giovanni e Paolo với ngôi nhà thờ cùng tên theo phong cách Goth (1246 - 1430), dinh thự cùng tên, tòa nhà của Hội Ái hữu tôn giáo của Scuola Grande di San Marco (1488 - 90) và tượng Tượng đánh thuê Bartolomeo Colleoni cưỡi ngựa (1479 - 88), khánh thành năm 1496 do nhà điêu khắc A. Verrocchio.

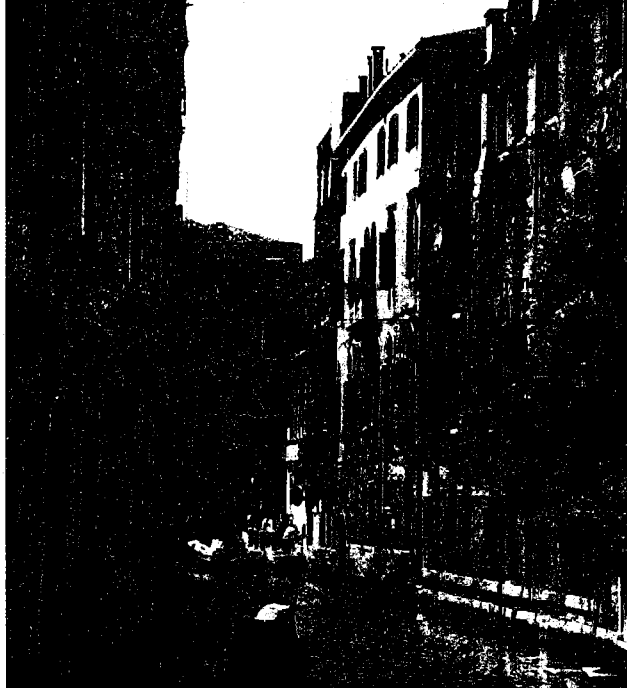
Trong nhiều nhà trường (scuola) có những bộ tranh của các họa sĩ bậc thầy ở Venezia. Dọc theo Kênh Lớn hình chữ S (ngược) cắt ngang thành phố là những lâu đài theo các phong cách Goth, Phục Hưng và Barocco: Ca d'Oro (1422 - 40), Vendramin - Calergi (1481 - 1509) được hoàn thành bởi KTS P. Lombardo, Corner (từ 1532), Rezzonico (1660), Pesaro (hoàn thành năm 1710)...; các nhà thờ Santa Maria Gloriosa dei Frari (1338 - 1443, trong nội thất có các tranh bần thờ của Tiziano), San Zaccaria (khởi công vào thế kỷ X, xây lại năm 1444 - 65, mặt đứng hoàn thành vào cuối thế kỷ XV), Santa - Maria dei Miracoli (1481 - 89, KTS P. Lombardo), Il Redentore (hoàn thành năm 1592, KTS A. Palladio), Santa - Maria della Salute (1631 - 81); Scuola Grande di San - Rocco (1515 - 50, các tranh của Jacopo Tintoretto); cầu Rialto (1588 - 92); nhà thờ và tu viện San Giorgio Maggiore (trên đảo cùng tên; 1565 - 80, KTS A. Palladio).

Ở thế kỷ XX đã xây dựng: khu công nghiệp và nhà ở Marghera (từ 1917), Casa delle Zattere (1957), nhà ga đường sắt Santa - Lucia (1956),... Các viện bảo tàng: Galerii của Viện hàn lâm, Bảo tàng Correr, Galerii Nghệ thuật đương đại Quốc tế (trong cung Pesaro), Bảo tàng Khảo cổ học. Trên đảo Torcello có nhà thờ lớn (thế kỷ VII - XI; các tranh ghép mảnh - thế kỷ IX và XII); trên đảo Murano có nhà thờ Santa - Maria e Donato theo phong cách Roman (thế kỷ XII) và Bảo tàng Thủy tinh. Triển lãm Nghệ thuật Quốc tế hai năm một lần (Biennale) được tổ chức liên tục ở Venezia kể từ năm 1895.

Venezia trở thành một đế chế sau cuộc Thập tự chinh thứ 4, cuộc chiến dẫn tới sự sụp đổ của Venezia thành Constantinople vào năm 1204. Venezia bắt đầu mất đi vị trí như một trung tâm thương mại quốc tế sau sự chấm dứt của thời Phục hưng. Tuy vậy, đế chế

NGHỆ THUẬT
KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ

Italia



Kiến trúc trên dòng kênh nhỏ



Kiến trúc bờ nam Kênh Lớn

Venetian vẫn là nơi xuất khẩu chính các sản phẩm nông nghiệp và cho đến giữa thế kỉ XVIII vẫn là một trung tâm sản xuất quan trọng.

Nước Cộng hòa mất quyền tự chủ khi Napoléon Bonaparte chinh phục Venezia trong Chiến dịch liên minh lần thứ nhất (1797). Nhà chinh phạt người Pháp đã chấm dứt thế kỷ hoàng tráng nhất của thành phố trong giai đoạn này. Ông phá bỏ đi những cổng của khu Ghetto, hạn chế các khu vực và thời gian người Do Thái sinh hoạt và đi lại trong thành phố.

Venezia trở thành một phần của Áo khi Napoléon ký Hòa ước Campo Formio vào ngày 12 tháng 10 năm 1797. Người Áo chiếm thành phố để rồi vào năm 1805 lại trở thành một phần của Vương quốc Italia của Napoléon (nhưng được trả lại cho Áo sau thất bại của Napoléon vào năm 1814) trở thành một phần của Vương quốc Lombardy - Venetia. Một cuộc cách mạng tái thiết lập Cộng hòa Venezia trong một thời gian ngắn nhưng rồi vào năm 1866, theo sau cuộc chiến sáu tuần, Venezia cùng với phần còn lại của Venetia, trở thành một phần của Italia.

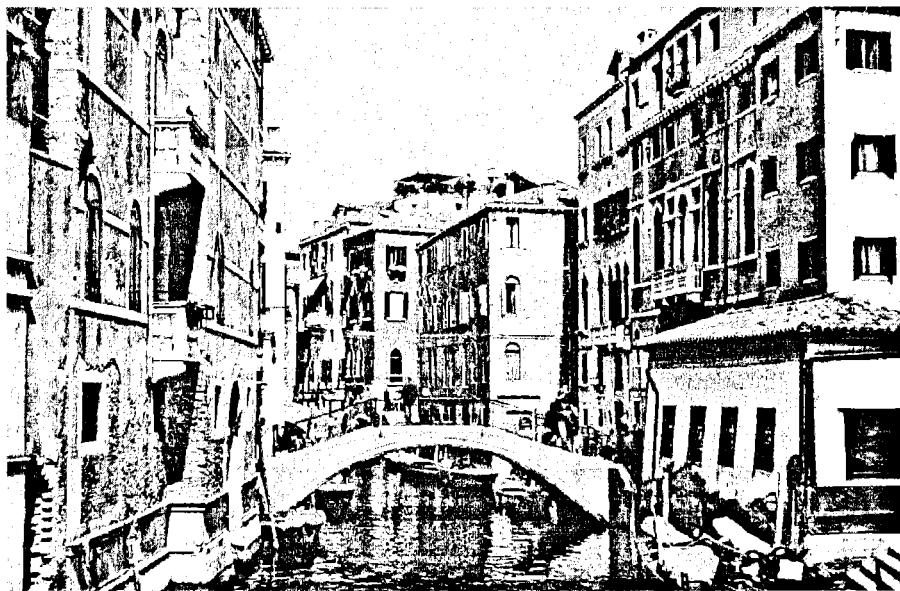
Từ sau 1797, thành phố xuống cấp trầm trọng, nhiều dinh thự cổ cùng các tòa nhà khác bị bỏ hoang, tuy chỉ có khu vực Lido trở thành một bãi biển du lịch nổi tiếng vào thế kỉ thứ XIX.

Italia

Trong trung tâm cũ, những kênh đào đóng vai trò như những con đường giao thông trên nước. Vào thế kỉ XIX một đường chính vào đất liền để đến một ga xe lửa của Venezia, và một đường cho xe hơi cùng bãi đậu được xây dựng thêm vào thế kỉ XX. Vượt qua khỏi những đường vào trên bộ ở cạnh phía bắc thành phố, giao thông bên trong thành phố vẫn là hoàn toàn trên nước hoặc đi bộ. Venezia là khu đô thị rộng nhất châu Âu không có xe hơi, duy nhất ở châu Âu vẫn có thể duy trì hoạt động bình thường của thành phố trong thế kỷ XXI mà hoàn toàn không dựa vào xe ô tô.

Thuyền Venezia cổ điển rất đặc sắc gọi là thuyền **gondola**, ngày nay chủ yếu dùng cho du khách, hay cho đám cưới, đám ma, các dịp lễ hội. Đa số người Venezia ngày nay đi lại bằng thuyền gắn máy ("vaporetti") đi lại trên các tuyến dọc theo các kênh đào chính và giữa các hòn đảo trong thành phố. Thành phố này cũng có hoạt động nhiều thuyền của các gia đình tư nhân. Những gondola vẫn còn được sử dụng phổ biến bởi người Venezia (gọi là *traghetti*), những phà chuyên chở khách bộ hành bằng ngang Kênh đào Chính của Venezia tại một số điểm nhất định không có cầu.

Venezia được phục vụ bởi một sân bay mới, Sân bay quốc tế Marco Polo (*Aeroporto di Venezia Marco Polo*) đặt tên theo người công dân nổi tiếng sinh ra ở đây. Sân bay này là trên đất liền và được xây lại cách xa bờ biển để dù khách phải đi xe bus đến cảng, rồi từ đó sử dụng taxi nước hay thuyền máy (waterbus) Alilaguna.



Kiến trúc và cầu trên kênh nhỏ



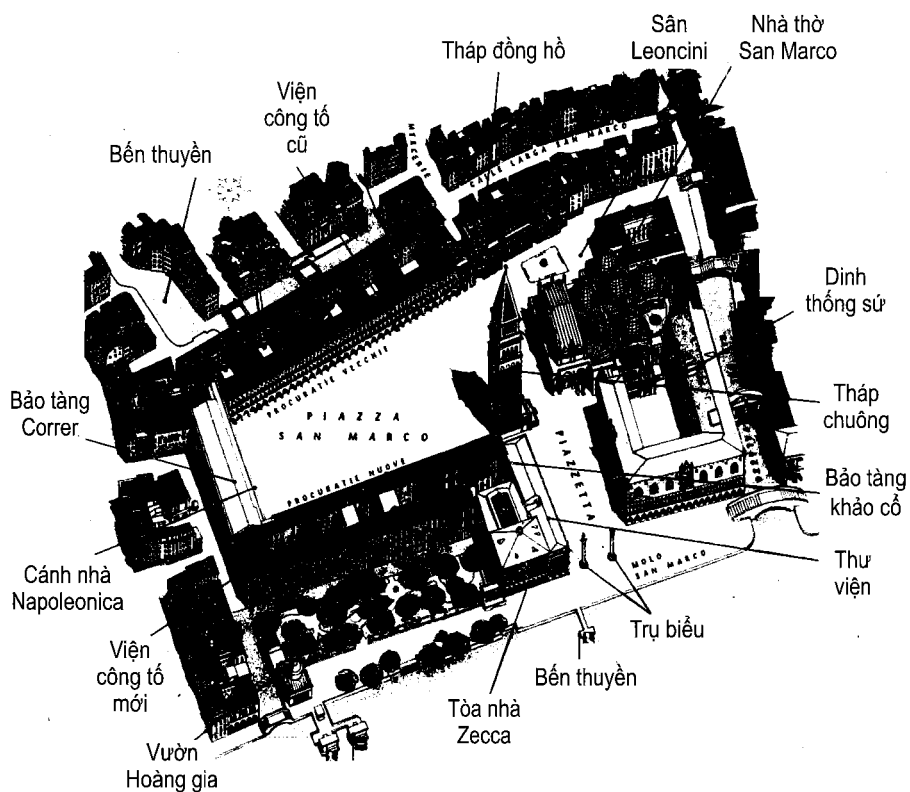
Cầu và thuyền trên kênh nhỏ

Italia

❖ Một đỉnh cao của nghệ thuật đô thị Italia: quảng trường san marco ở Venezia:

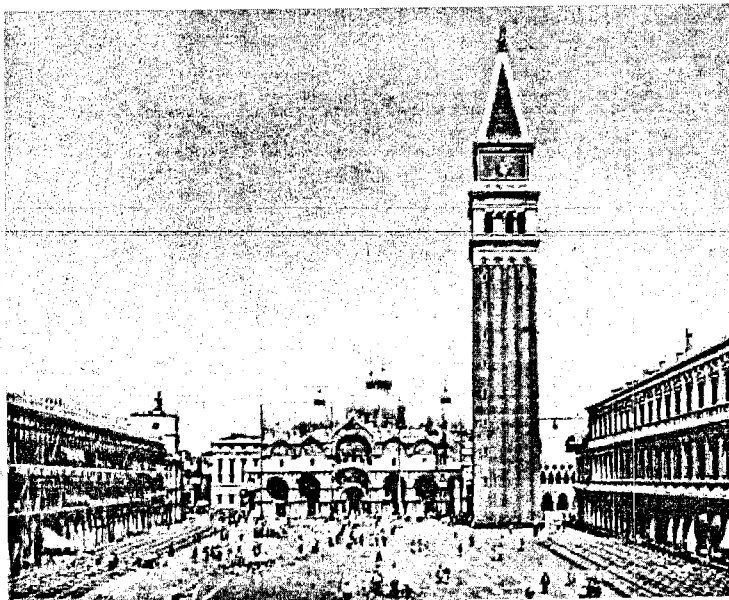
Quảng trường San Marco ở Venezia là một phức hợp không gian gồm hai quảng trường liên kết vuông góc với nhau, trong đó quảng trường lớn gắn với **Nhà thờ lớn**, quảng trường nhỏ hơn có **Dinh Thống sứ** và mở hoàn toàn về phía mặt nước của dòng kênh chính. Thành phần liên kết theo phương đứng của hai quảng trường là công trình **Campanile** (tháp chuông) cao 98m. Quảng trường lớn có mặt bằng hình thang, trục quảng trường theo chiều dài là 176m. Nhà thờ ở vị trí cạnh lớn của đáy hình thang, tạo nên hiệu quả thị giác ảo khi nhìn nhà thờ từ cạnh đáy nhỏ hình thang của quảng trường có thể thấy hình ảnh nhà thờ như gần lại. Dọc hai cạnh dài của quảng trường nhà thờ là hai công trình Viện Công tố của Venezia. Công trình ở phía phải nhà thờ do nhóm kiến trúc sư vừa là nhà điêu khắc Lombardo (chủ yếu có Pietro và con trai là Tullio) thiết kế năm 1481. Ở phía trái nhà thờ là công trình do Scamodi thiết kế năm 1584. Cả hai công trình có cùng phong cách kiến trúc Phục Hưng, cao 3 tầng, phía dưới là hành lang vòm cột đều đặn. Khép kín quảng trường ở cạnh đáy nhỏ là hàng hiên vòm cột. Phong cách kiến trúc Phục Hưng ở 3 mặt của quảng trường này vừa tạo nên đặc tính thống nhất về không gian kiến trúc của quảng trường, vừa làm nổi bật hình ảnh nhà thờ là công trình duy nhất có hình thức kiến trúc chịu ảnh hưởng của kiến trúc Byzantin (Phương Đông).

Quảng trường nhỏ (Piazzetta) ở phía trái nhà thờ có mặt bằng hình chữ nhật. Khép kín quảng trường này ở hai mặt phía đông và tây là hai công trình: Dinh thống sứ Venezia (Palais



Tổng thể kiến trúc quảng trường San Marco

Italia



Quảng trường San Marco

des Doges) và hiệu sách Sansovino. Hai công trình có phong cách kiến trúc khác nhau: Dinh Thống sứ mang nhiều ảnh hưởng của phong cách Goth (Gothique); Hiệu sách mang phong cách Phục Hưng. Tuy riêng biệt, nhưng hành lang vòm cột rộng ở tầng dưới của cả hai công trình tạo nên sự liên kết và thống nhất không gian quảng trường. Khép lại một phần phía bắc quảng trường là công trình nhà thờ. Chính sự góp mặt của kiến trúc nhà thờ đã tạo nên sự hấp dẫn của không gian kiến trúc của quảng trường. Hai cột thức lớn, phía trên đặt tượng sư tử (biểu tượng của Venezia) và tượng Thánh Théodore đánh dấu giới hạn quy ước của quảng trường ở phía nam, từ phía này quảng trường có tầm nhìn mở rộng ra biển, đồng thời hướng về nhà thờ San Giorgio Maggiore trên một hòn đảo đối diện qua mặt nước của Kênh đào Lớn.

Về đặc trưng thiết kế, quảng trường San Marco không phải là quảng trường được thiết kế do cùng một tác giả trong cùng một thời gian, mà là kết quả của một quá trình xây dựng, cải tạo liên tục của mười thế hệ kiến trúc sư tham gia trong thời gian khá dài.

Những nguyên tắc bố cục không gian đã được áp dụng trong tổ hợp quảng trường San Marco là những thành công của nghệ thuật quy hoạch Phục Hưng Italia. Đó là nguyên tắc liên kết các không gian, nguyên tắc phối cảnh ảo và đặc biệt là nguyên tắc tạo 3 lớp hình ảnh không gian: trực tiếp, trung gian và viễn cảnh.

Camillo Sitte nhà nghiên cứu thẩm mỹ đô thị nổi tiếng người Áo trong những năm cuối thế kỷ XIX đã đánh giá các nguyên tắc bố cục nêu trên là có giá trị cổ điển, mẫu mực, rất đáng học tập và khai thác trong kiến trúc đô thị hiện đại.

Đỉnh cao nghệ thuật đô thị ở quảng trường San Marco nằm ở sự kết hợp hài hòa các công trình kiến trúc trên quảng trường, ở sự tổ chức khéo léo các không gian rất sinh động của quảng trường. Các nhà nghiên cứu coi đây là một phức hợp gồm quảng trường San Marco (hình thang, các cạnh đáy 90m và 56m, chiều cao của hình thang tức chiều sâu của quảng trường là 176m, diện tích 1,28ha) và quảng trường nhỏ Piazzetta (cũng có mặt bằng hình thang) đặt vuông góc với quảng trường trên và hướng ra biển.

Tổng thể không gian kiến trúc quảng trường San Marco được bố cục theo dạng khép kín không hoàn toàn. Mặt đông quảng trường tiếp xúc với nhà thờ San Marco, mặt bắc là Viện công tố cũ, mặt tây là cánh nhà Napoleon (Napoleonic Wing), mặt nam tiếp xúc với Viện công tố mới và quảng trường nhỏ Piazzetta.

Nghệ thuật không gian quảng trường vừa có tính thống nhất lại vừa tương phản, vừa hài hòa vừa biến hóa, có chủ yếu và có thứ yếu. Kiến trúc bao quanh quảng trường là hành lang trống ở tầng một có công trình gác chuông (campanila) làm điểm nhấn và là phương tiện tiếp nối giữa hai quảng trường. Ở vị trí trông ra biển của quảng trường Piazzetta có hai trụ biểu dạng cột tròn rất thanh thoát, trên đỉnh một cột đặt tượng San Teodoro và cột kia là tượng sư tử có cánh, là biểu tượng của San Marco và cũng là của Venezia.

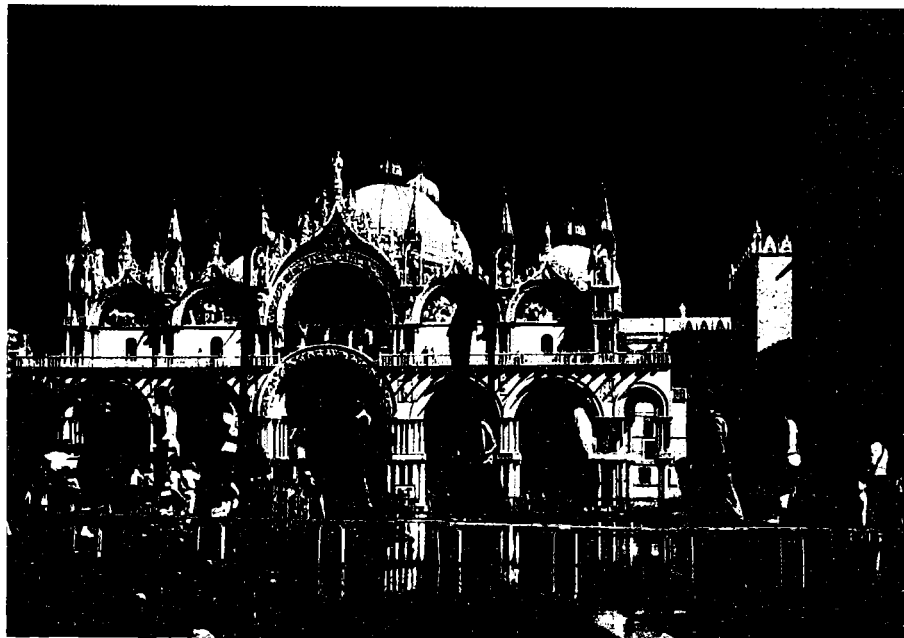
Từ quảng trường Piazzetta, thông qua hai trụ biểu, khách tham quan có tầm nhìn rất đẹp ra phía biển. Từ ngay trên quảng trường này khách có thể ngắm nhìn quần thể tu viện San Giorgio Maggiore trên hòn đảo đối diện với góc nhìn đẹp.

Đây thực sự là một không gian kiến trúc điển hình cho một quảng trường văn hóa, xã hội để có thể tụ họp đông người vào những dịp hội hè. Công sức sáng tạo để hoàn thiện việc xây dựng thuộc về Jacopo Sansovino (1486 - 1570), một kiến trúc sư kiệt xuất thời Văn nghệ Phục hưng, Sansovino đã cùng với Scamodi mở rộng phía nam quảng trường, ông cũng là người thiết kế hành lang nhỏ ở chân tháp chuông và tòa nhà thư viện có mặt đứng hướng ra quảng trường nhỏ Piazzetta, đối diện với Dinh Thống sứ.

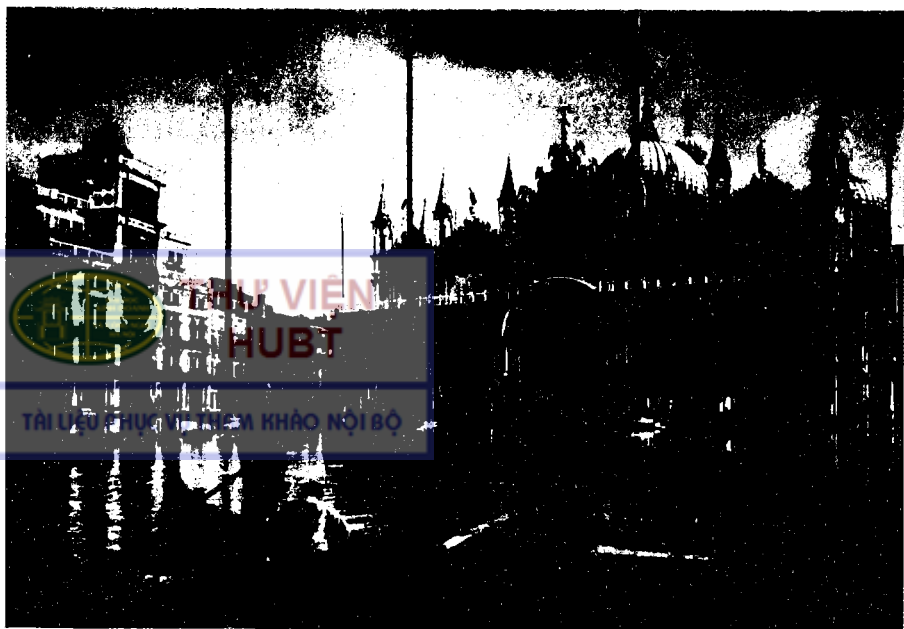
Thư viện San Marco (1536 - 1553) cao hai tầng dưới có hành lang trống, tầng trên có phòng đọc 17,3m x 27m và một số phòng nhỏ, có mặt đứng kiểu cột cuốn liên tục, trang trí công phu, trên tường chần mái đặt nhiều tượng đẹp và công trình in hình nổi bật trên bầu trời.

Hai bên quảng trường nhỏ cũng là hai công trình nổi tiếng trong lịch sử kiến trúc là Dinh Thống sứ và tòa nhà Thư viện cũ. Công trình chủ đạo trên quảng trường San Marco chính là **Nhà thờ San Marco**, nguyên là một kiến trúc mang phong cách Byzantin và đến thế kỷ XIII đã được hoàn thiện thêm với trang trí rất hoa lệ, mặt đứng được cấu trúc có năm vòm mái sống động và hoành tráng.

Nhà thờ San Marco là công trình chủ đạo trên quảng trường San Marco.



*Cầu cạn cho khách bộ hành trên quảng trường San Marco
khi nước triều dâng ngập quảng trường*



Thuyền trên mặt quảng trường khi nước triều dâng

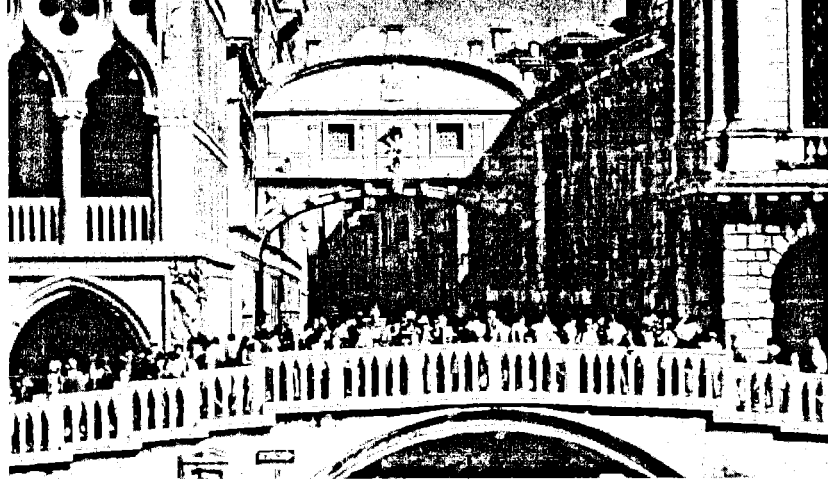
Italia

Nhà thờ được xây dựng trong khoảng 1063 - 1094 vào lúc Venezia muốn thoát ly khỏi ảnh hưởng giáo hoàng Roma và có sự gần bó nhiều hơn với Byzantin, nên phong cách kiến trúc nhà thờ mang dấu ấn Byzantin rõ rệt. Công trình nhà thờ được thấy ngày nay thực ra là vào lần xây dựng thứ ba sau hai lần trước, lần đầu vào thế kỷ IX là nơi lưu giữ để thờ cúng thánh thể San Marco (được đưa từ Alexandria về vào năm 828) sau bị cháy, lần sau vào đầu thế kỷ XI xây quy mô không lớn và rồi cũng bị hủy.

Kiến trúc có sự gắn kết rất hài hòa các phong cách Byzantin (ở tổng thể) Gothic (các đầu hồi mái), Roman (vòm cuốn tròn) và các mái vòm của phong cách kiến trúc Hồi giáo. Năm cửa vòm lớn ngăn cách bởi các nhóm cột trụ Roman tạo nên chiều sâu gợi không khí thiêng liêng của mặt tiền với rất nhiều trang trí tỉ mỉ, phong phú và dày đặc.

Phía trên cửa chính có đặt tượng bốn con ngựa đồng to bằng thật được mang về từ xứ Byzantin vào năm 1204. Rất nhiều tượng các thánh bằng đá trắng đặt trên một ban công rộng ở tầng hai. Những phù điêu dát vàng phía trên các cửa cuốn cùng rất nhiều trang trí kiến trúc được chiếu sáng rực rỡ. Trong thánh đường là những vòm mái cao vút rất rộng nối tiếp nhau, trang trí kiểu ghép mảnh mosaïc. Các tường chia mảng với nhiều vòm nhỏ, trang trí mạ vàng, mỗi vòm là hình một vị thánh, màu xanh. Ánh sáng chiếu qua các cửa kính nhiều màu hình vòm tạo không khí trang nghiêm.

Viện Công tố cũ (Procuratie Vecchie) do Petro Lombardi (1415 - 1515) thiết kế năm 1496 và Bartolomeo xây dựng thêm tầng ba (vào những năm 1497 - 1517) ở phía bắc và **Viện Công tố mới** (do Scamodi xây dựng năm 1584) ở phía nam cùng với hành lang nối liền chúng ở



Cầu "Than thở" nối Dinh Thống sứ với nhà tù (cầu trên cao)

phía tây đã tạo ra được sự hài hòa do có cùng phong cách, tạo sự nhất quán cho tổng thể.

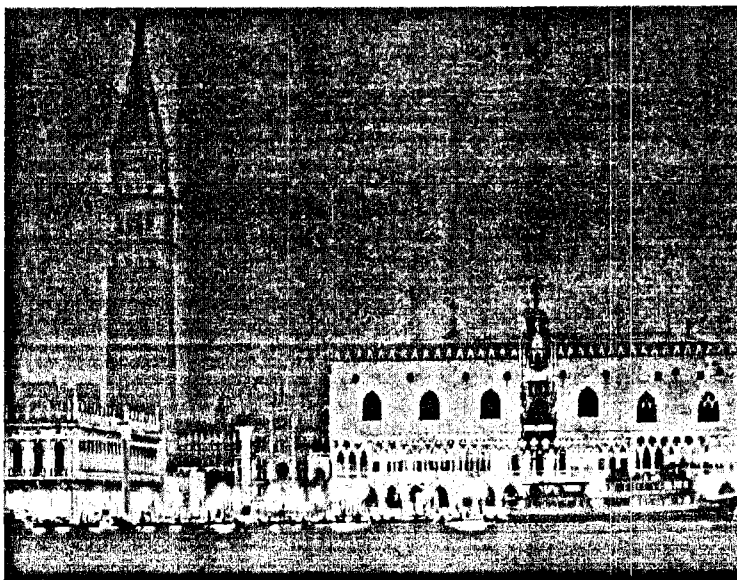
Một công trình chủ thể khác của quảng trường Piazzetta là Dinh Thống sứ, có mặt đứng và khối tích khá lớn. Được xây dựng từ những năm 1330 - 40, Dinh Thống sứ mang phong cách Gothique muộn và đã được Petro Lombardo thiết kế hai mặt đứng và các chi tiết vào cuối thế kỷ XV (1499 - 1511).

Kiến trúc **Dinh Thống sứ** (Doge) nằm liền kề nhà thờ San Marco có một vẻ đẹp kỳ lạ, rất tiêu biểu cho nghệ thuật Byzantin giàu trang trí, bố cục kiến trúc có nhịp điệu hài hòa. Tầng dưới công trình là hành lang cuốn lớn, lớp trên cuốn nhỏ hơn, trên cao là tường mảng lớn trở cửa sổ, chính giữa mặt nhà là cửa có ban công được trang trí rất khéo léo tạo điểm nhấn ấn tượng.

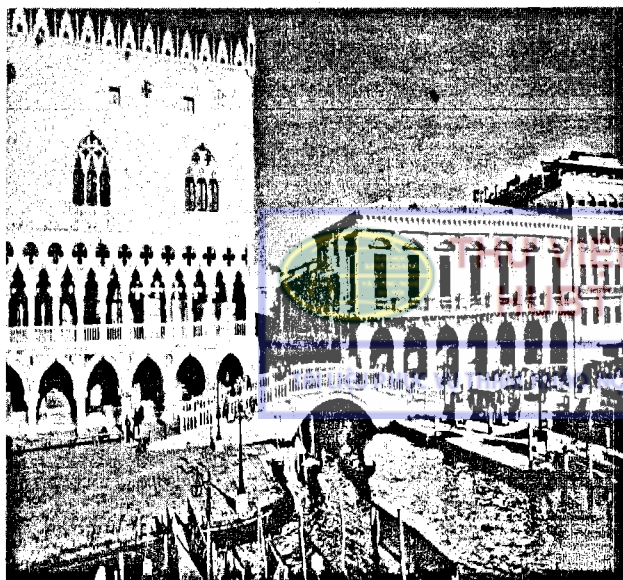
Công trình **Tháp chuông lớn** Campanila, điểm xuất tuyệt vời ở chỗ nối tiếp hai quảng trường tạo nên sự đột xuất của chủ thể. Vốn là tháp hải đăng xây dựng từ năm 1173, nhưng vào đầu thế kỷ XVI, sau lần hỏa hoạn tháp chuông này đã được xây dựng lại theo đề án của Bartolomeo Bon cao tới 100m. Phân vị ngang của khối nhà Viện Công tố tương phản rõ rệt với phân vị đứng của tháp chuông tạo ra hiệu quả thẩm mỹ rất đặc sắc.

Quảng trường San Marco ở Venezia được xem là quảng trường đẹp nhất ở châu Âu, hoành tráng và trang trọng, tinh tế và điêu luyện khiến cho một nhân vật lịch sử nổi tiếng là Napoléon Bonaparte khi đến thăm đã không khỏi say đắm khen ngợi là **"một Salon đô thị đẹp nhất châu Âu"**.

Italia



Dinh Thống sứ và Tháp chuông trong ánh đèn đêm

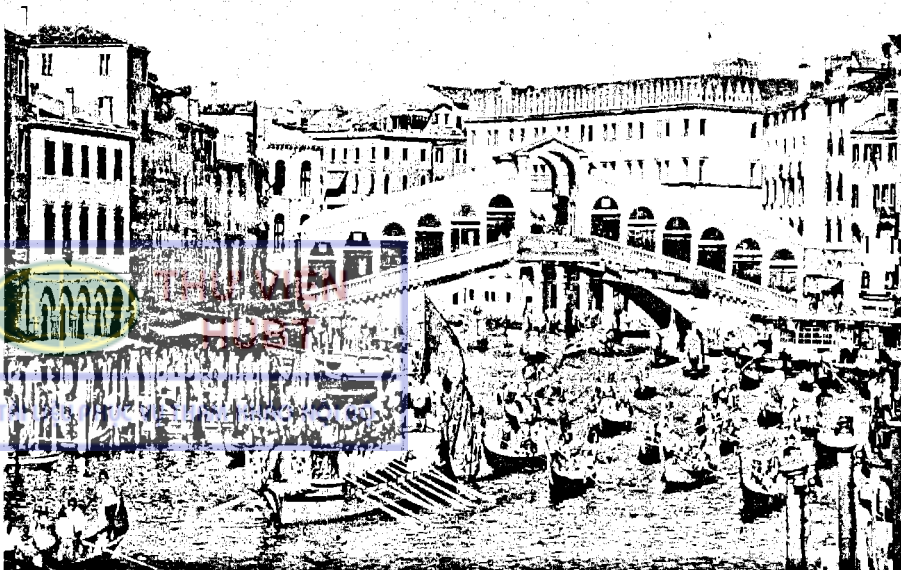


Dinh thống sứ và cầu bắc qua Rio del palazzo

4.2. Đầm phá, Kênh rạch và Kiến trúc

Từ một vùng đầm phá mênh mang trời biển, nhào nặn bùn đất tạo nền cho nơi cư trú bám theo những dòng kênh uốn lượn, đắp bờ cho thành nơi trên bến dưới thuyền, dẫn mọc lên những gian lều, những căn nhà từ mong manh tới kiên cố... để rồi có cả một tổng thể kiến trúc đô thị như ngày nay, biết bao sức lao động của con người đã đổ vào đây. Và cũng phải có biết bao tài năng và trí tuệ để có được những tác phẩm nghệ thuật để đời cho nhân loại.

Cho đến lúc góp sức hình thành một không gian cư trú cho người dân Venezia thì con kênh chính tức Kênh Lớn đã có được khuôn hình một dòng nước đẹp hình chữ S tạo thành tuyến giao lưu thuyền bè từ nơi ngày nay là ga xe lửa phía tây bắc thành phố, uốn lượn để chảy ra phía đông nam trên một chiều dài khoảng 4km. Từ một tuyến lưu thông cho thuyền bè, dòng kênh đã nhanh chóng trở thành một trục không gian đô thị khi nhà cửa các thương nhân khá giả theo nhau mọc lên nối tiếp dài theo bờ kênh. Rồi một cây cầu đủ lớn bắc qua đôi bờ ở nơi được coi là hạt nhân hình thành khu dân cư: **cầu Rialto** tại khu dân cư cùng tên này (vốn có tên là Khu Bờ Cao - "Rivo alto")



Cầu Rialto ngày lễ hội

Italia



Cầu Rialto và kiến trúc xung quanh

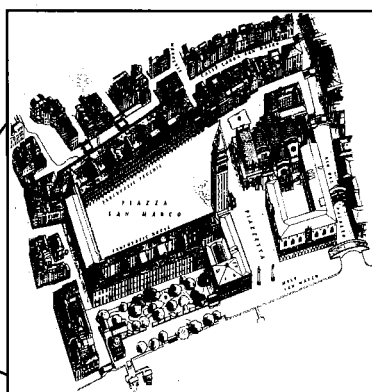
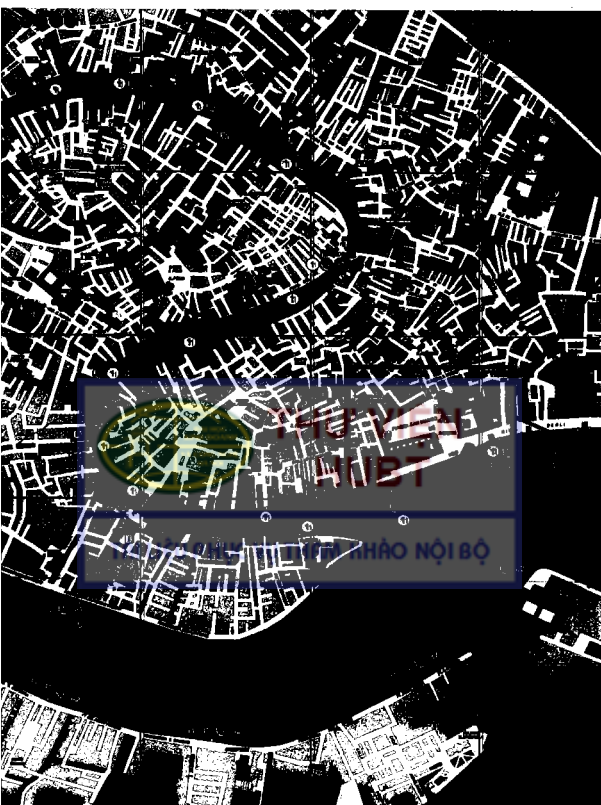
để rồi trở thành tên riêng của địa điểm khu dân cư đã sầm uất. Cây cầu rồi tiếp theo là ngôi chợ chính là những mầm mống đầu tiên góp phần định hình nên khu dân cư để dần sau đó hình thành nên cả một đô thị. Không bao lâu con kênh đã trở thành bộ mặt chính của không gian kiến trúc đô thị, nhiều ngôi nhà quan trọng được định vị trên bờ kênh và dòng kênh đã như là một trục tọa độ góp phần định hướng cho cả một không gian đô thị.

Đi theo một tuyến kiến trúc theo hướng ngược với dòng chảy tức từ phía cửa của con kênh nơi giáp biển đi vào, ta sẽ lần lượt được chiêm ngưỡng những tổng thể, những tác phẩm kiến trúc được coi là tuyệt tác của di sản kiến trúc ở Venezia.

Trước tiên, như trên đã trình bày, tại ngay cửa ngõ của con kênh ta gặp ngay một "đỉnh cao của nghệ thuật" Italia, đó chính là tổng thể kiến

trúc gắn với quảng trường San Marco, bao gồm khoảng mười kiến trúc thành phần đều mang những giá trị lớn về thẩm mỹ kiến trúc. Bức tranh toàn cảnh của tổng thể kiến trúc hướng ra phía biển luôn là đối tượng chiêm ngưỡng hàng đầu của những ai đến thăm “Bà Hoàng trên biển Adriatic” này. Trên một panorama với các mảng kiến trúc nằm ngang của Viện Công tố và của Dinh Thống sứ, một tháp cao mái nhọn với nét kiến trúc thẳng đứng tạo nên điểm nhấn cực kỳ quan trọng của không gian kiến trúc này cũng như của toàn đô thị, và không gian đô thị này chính là không gian A trên bản đồ định vị.

Tiếp theo, như một người quan sát trên thuyền du lịch từ ngoài biển đi vào kênh, sẽ có cả một “cuộc diễu hành” của các “ngôi sao kiến trúc” theo bờ phía đông của Kênh Lớn (tức phía phải của người quan sát) mà ta có thể lần lượt theo dõi các ngôi sao sáng chói nhất. Những kiến trúc trên đôi bờ không xa nhau lắm và với một hành trình chậm



Sơ đồ định vị
không gian kiến trúc
đô thị

- A. Quảng trường San Marco
- B. Kiến trúc bờ Kênh lớn
- C. Kiến trúc tuyến tham quan bộ

rãi ta có thể quan sát các kiến trúc trên cả đôi bờ, và để cảm nhận một “cuộc trò chuyện” giữa chúng với nhau. Các kiến trúc trên hai bờ Kênh Lớn được định vị là không gian B, có sự phân đoạn từ B1 đến B4 theo hướng đi dần từ biển vào.

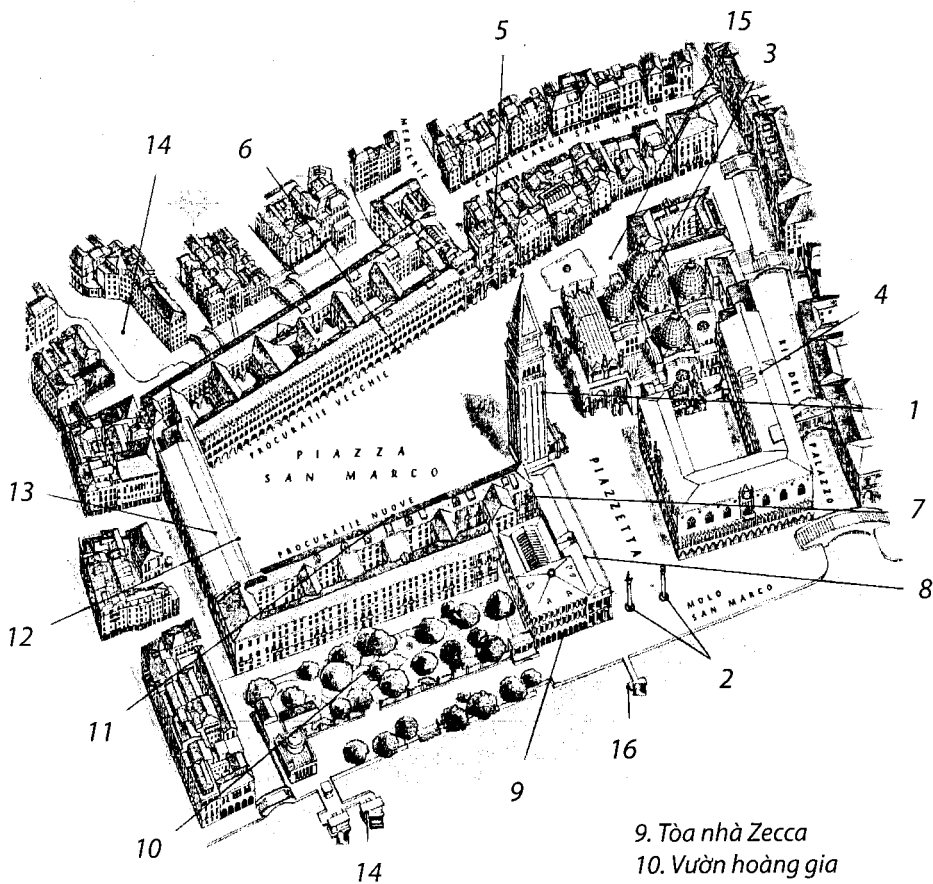
Ngoài ra trên bản đồ định vị cũng có xác định không gian kiến trúc C nằm trên một tuyến tham quan bộ hành. Sau đây là sự ghi nhận về những kiến trúc lần lượt theo những không gian đó.

❖ **Ghi nhận về các kiến trúc tiêu biểu ở Venezia**

KHÔNG GIAN A: Quảng trường san Marco

- NHÀ THỜ SAN MARCO (3)

Khởi dựng vào năm 832 do các vị Thống sứ vào thời Partecipazio, với mục đích nơi thờ Thánh thể San Marco được chuyển từ Alexandria vào năm 828, là tòa thánh đường gắn liền với Dinh Thống sứ. Năm 976 bị hỏa hoạn và xây dựng lại. Nhà thờ hiện nay được xây vào năm 1063 dựa theo hình mẫu nhà thờ Mười hai thánh tông đồ ở Constantinople (nay không còn). Nhiều chi tiết trang trí rất phong phú, nhiều tranh ghép mảnh gốm (mosaic) rất đẹp. Phía trên cửa chính có nhóm tượng 4 ngựa đồng là chiến lợi phẩm thu được từ Constantinople đem về (1204), các cửa đều được trang hoàng lộng lẫy với rất nhiều tượng đẹp. Mặt bằng nhà thờ hình chữ thập Hy Lạp có 5 vòm mái lớn mang phong cách kiến trúc Hồi giáo. Quá trình xây dựng và tu bổ được thực hiện qua nhiều thời kỳ, có sự pha trộn nhiều phong cách Roman, Gothic, Byzantin..., đến thế kỷ XV công trình mới thực sự hoàn thành. Trang trí nhà thờ



1. Tháp chuông

2. Trụ biển

3. Nhà thờ San Marco

4. Dinh thống sứ

5. Tháp đồng hồ

6. Viện công tố cũ

7. Bảo tàng khảo cổ

8. Thư viện

9. Tòa nhà Zecca

10. Vườn hoàng gia

11. Viện công tố mới

12. Cánh nhà Napoleonica

13. Bảo tàng Correr

14. Bến thuyền

15. Sân Leoncini

16. Bến thuyền

cả bên ngoài và bên trong đều vô cùng phong phú và rất cầu kỳ.

- DINH THỐNG SỨ (4)

Được xây dựng ban đầu vào thế kỷ IX theo kiểu pháo đài để bảo vệ nơi ở và làm việc của bộ máy chính quyền, có cả tòa án và nhà tù.

Công trình đã nhiều phen bị hỏa hoạn phá hủy, kiến trúc ta thấy ngày nay được xây dựng chủ yếu vào thế kỷ XIV và XV, với sự đóng góp của nhiều kiến trúc sư tài năng như Dalle Masegnes, Rizzo và Ponte. Mặt bằng công trình hình chữ U, phần lõm ôm lấy sườn nhà

thờ San Marco, 3 cạnh chữ U một mặt hướng ra quảng trường Piazzetta (mặt tây), một mặt hướng ra biển (mặt nam) còn lại cạnh dài hơn áp vào một con kênh nhỏ (rio del palazzo), từ tầng trên của mặt này có cầu nhỏ bắc qua kênh thông sang nhà tù phía bờ kênh bên kia (cầu Sighs - than thở). Kiến trúc mặt nhà rất đẹp khác biệt nét kiến trúc các công trình xung quanh: nửa dưới là hai lớp cột cuốn nhọn (lớp dưới cột thưa, lớp trên cột mau), nửa trên là tường phẳng mở cửa sổ lớn hình cung nhọn, cửa chính giữa có ban công được trang trí công phu tạo thành điểm nhấn giữa mặt nhà, trang trí từ ban công lên thẳng tới mái rất ấn tượng. Nhịp điệu kiến trúc và trang trí phong phú theo phong cách Gothic làm cho mặt nhà đẹp lộng lẫy và bay bổng.

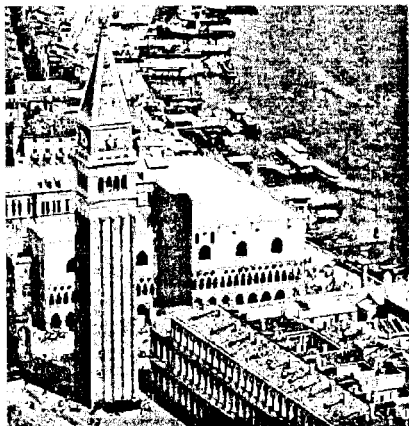
Cầu nhỏ ở mặt sau bắc qua kênh sang nhà tù có tên "than thở" là do phạm nhân bị dẫn qua đã để lại tiếng than ai oán.

- THÁP CHUÔNG VÀ CỘT BIỂU TƯỢNG (1,2)

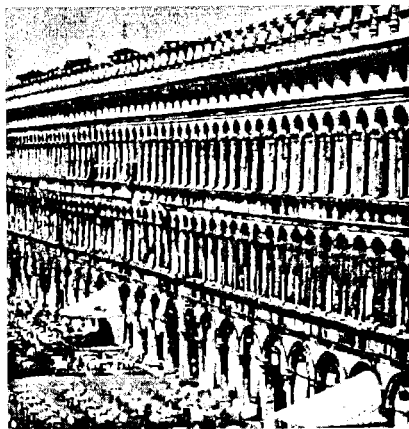
Tháp chuông có chiều cao xấp xỉ 100m nổi bật trên tổng thể không gian kiến trúc quảng trường, là điểm khớp nối giữa quảng trường lớn và quảng trường nhỏ tại chỗ vuông góc nhau.

Từ trên tầng cao, khách có thể ngắm nhìn toàn cảnh Venezia, trải rộng tầm mắt tới tận các đỉnh núi phía xa. Chính tại tầng cao gác chuông này, năm 1609 Galileo đã chỉ dẫn cho vị thống sứ Leonardo Dona xem kính viễn vọng do ông sáng chế để nghiên cứu thiên văn. Tại đây từ năm 1173 đã xây dựng tháp đèn biển để hướng dẫn thủy thủ ngoài khơi và đây cũng từng là nơi hành hình phạm nhân. Tòa tháp ta thấy ngày nay được xây dựng vào đầu thế kỷ XVI

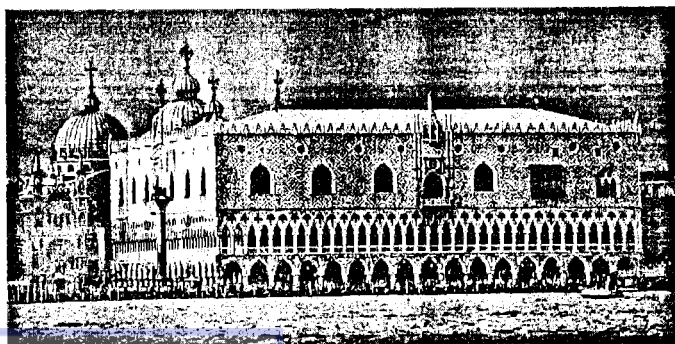
KIẾN TRÚC QUẢNG TRƯỜNG SAN MARCO Không gian A



Tháp chuông trên quảng trường
San Marco (1)



Viện công tố cũ (6)



Dinh Thống sứ (4)



Cánh nhà Napoleon (12)



THƯ VIỆN
HUBT

Italia

do Bartolomeo Bon thiết kế, do tháp cũ bị đổ vì động đất. Ở chân tháp có công trình có hình như đế tháp nhưng là ngôi nhà rất đẹp với hàng hiên trang trí phong phú, ngôi nhà mang tên Loggetta xây dựng vào thế kỷ XVI do Jacopo Sansovino thiết kế. Trong lòng tháp có thang xoắn dẫn lên tầng thượng đặt 5 quả chuông lớn, mỗi hồi chuông báo hiệu giờ giấc riêng: maragona lúc bắt đầu và kết thúc ngày làm việc, malefico báo hiệu giờ xử trảm phạm nhân, nona báo giờ chính Ngọ (giữa trưa), mezza terza báo hiệu nghị viên đến Dinh Thống sứ và trot-tiera báo hiệu giờ họp đại hội đồng.

Hai trụ biểu ở đầu quảng trường Piazzetta phía giáp biển đóng vai trò như cổng chào tại nơi cửa ngõ từ biển đi vào quảng trường. Được làm từ đá cẩm thạch lấy từ Constantinople về, hai cây cột đồ sộ phía trên một bên đặt tượng thánh Theodoro là biểu tượng của Venezia trước khi có thánh thể San Marco đưa từ Alex-andrie về (năm 828), một bên đặt tượng sư tử có cánh là biểu tượng thánh Marco và cũng là biểu tượng của Venezia, công trình được làm vào năm 1172 theo thiết kế của Nicolo Bat-tieri (là người đã xây cầu Rialto lần đầu trên Kênh Lớn).

- VIỆN CÔNG TỔ CŨ (PROCURATIE VECCHIE) VÀ THÁP ĐỒNG HỒ (5,6)

Công trình dài nhất nằm ở cạnh phía bắc của quảng trường lớn xây dựng vào thời gian 1500 - 32 do Mauro Codussi và Scarpagnono thiết kế. Tòa nhà dài tới 152m cao 4 tầng, mặt đứng được cấu tạo nhiều tầng hàng cột cuốn chạy dài kiểu cuốn cung tròn (trên 50 vòm cuốn) nhìn phối cảnh tòa nhà như dài tới vô tận.

Tháp đồng hồ nằm ở đầu phía đông Viện Công tố là một công trình cao nhô lên ở phía giữa, trên mái có đặt chuông và tượng người đánh chuông, mặt giữa nhà có mặt đồng hồ khảm đá xanh và mạ vàng, đồng hồ chỉ giờ thiên văn. Công trình xây dựng năm 1496 - 1499, theo thiết kế của Mauro Codussi và Pietro Lombardo (phần hai cánh bên năm 1506), phần mái sân thượng do Giorgio Massari (làm năm 1755).

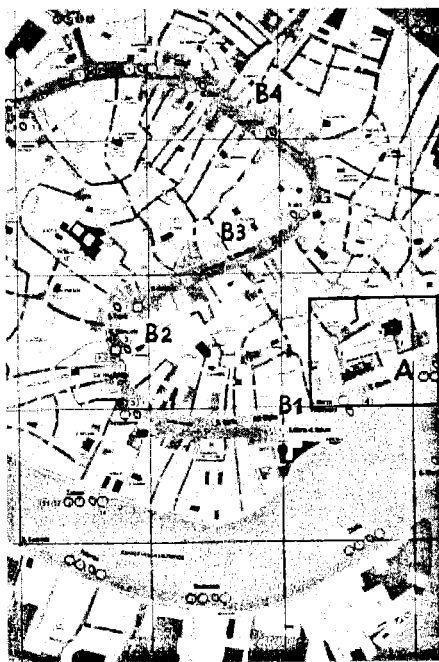
- CÁNH NHÀ NAPOLEON VÀ BẢO TÀNG CORRER (12,13)

Cánh nhà nối liền đầu phía tây của Viện Công tố cũ và Viện Công tố mới, khép kín cạnh đáy nhỏ hình thang của quảng trường lớn là công trình do Lorenzo Santi thiết kế, được xây dựng năm 1810 - 1813. Công trình dùng làm nơi tiếp khách sang trọng của chính quyền dưới thời Napoleon, nội thất được trang hoàng lộng lẫy với cầu thang lớn để đi lên phòng tiếp khách và vũ hội với những hàng cột Corinth. Từ năm 1922 được dùng làm bảo tàng Correr là người đã tặng cho thành phố bộ sưu tập các tác phẩm nghệ thuật quý giá vào năm 1830 (các tác phẩm điêu khắc của Antonio Canova, tranh hội họa Giovanni Bellini, Antonello de Mesine, Lorenzo Veneziano...).

KHÔNG GIAN B: Kiến trúc theo bờ Kênh Lớn

Tiếp theo không gian A là tổng thể các kiến trúc đặc sắc ở quảng trường San Marco, nơi được coi là cửa ngõ đi vào thành phố từ phía biển, khách đến thăm Venezia không bao giờ bỏ lỡ việc đi thăm các kiến trúc hấp dẫn dọc đôi bờ Kênh Lớn, chứng kiến một "cuộc diễu hành" của các viên ngọc kiến trúc trải dài trên bờ nước của dòng kênh luôn có "thuyền tình" gondola dẫn khách du ngoạn.

Tuyến không gian dọc kênh lớn dài khoảng 4km được phân 4 đoạn ký hiệu B1 đến B4 theo



VENEZIA - ĐÀM PHÁ, KÊNH RẠCH VÀ KIẾN TRÚC

Italia

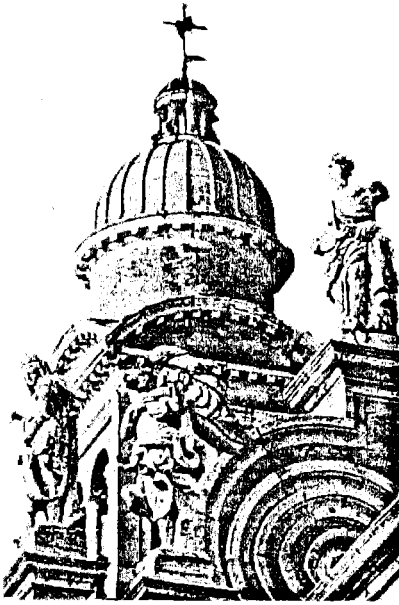
hướng từ biển đi vào.

Không gian B1 là nơi cửa ngõ từ biển đi vào dòng kênh và ngay tại nơi cửa ngõ mệnh môn trời biển này ta có thể chiêm ngưỡng các kiến trúc tuyệt mỹ như sau:

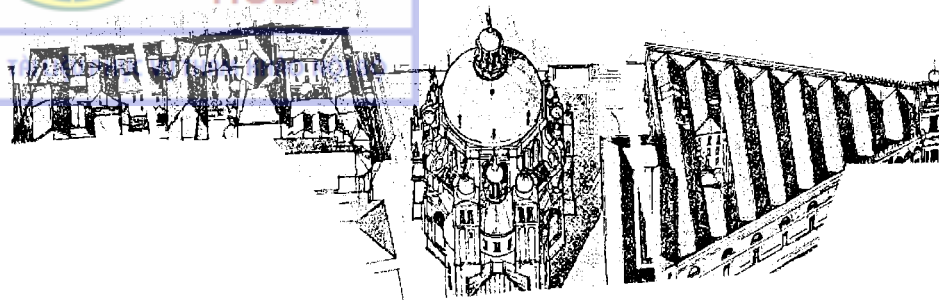
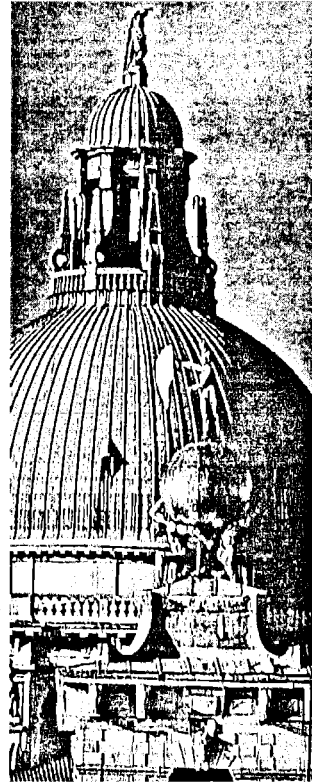
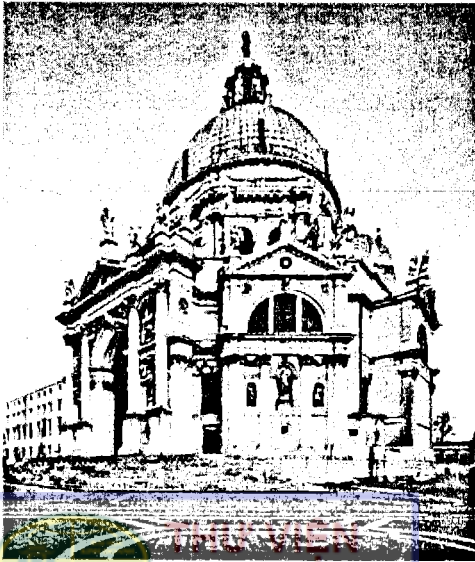
- **Nhà thờ San Giorgio Maggiore:** Nằm trên hòn đảo cùng tên và ở vị trí đối diện với quảng trường trung tâm San Marco, tác phẩm kiến trúc của nhà kiến trúc bậc thầy Andrea Palladio là một tổng thể nhà thờ và tu viện được xây dựng từ năm 1565 là một điểm nhấn kiến trúc tại nơi cửa ngõ đi vào Kênh Lớn. Tổng thể kiến trúc gồm rất nhiều hạng mục, cho đến năm ông mất (1580) nhiều phần việc đã được các kiến trúc sư nối tiếp kéo dài tới thế kỷ XVII mới xong. Các kiến trúc sư tài năng đóng góp vào tác phẩm kiến trúc này thường được kể đến như Simone Sorella, Baldassare Longhena. Mặt chính của nhà thờ rất ấn tượng của Palladio với "thức cột lớn" kiểu cổ điển, đó là 4 cây cột đỡ đầu hồi mái bằng đá trắng với nhiều trang trí theo phong cách cổ điển. Trong tổng thể kiến trúc dàn trải trên đảo đã nổi bật lên tòa kiến trúc tháp chuông với nét kiến trúc rất tinh tế như để "đối thoại" với tháp chuông lớn trên quảng trường San Marco.

- **Nhà thờ Santa Maria della Salute:** Nằm trên một đỉnh của tam giác đều mà hai đỉnh kia là nhà thờ San Marco và nhà thờ San Giorgio Maggiore như để đánh dấu nơi cửa ngõ trước khi đi vào Kênh Lớn, nhà thờ Santa Maria della Salute là một điểm nhấn kiến trúc quan trọng thứ ba ở nơi trời biển mệnh mang này. Nhà thờ được xây dựng để tạ ơn Chúa đã cho thành phố được sống lại qua cơn đại dịch vào năm 1630, từ đó có tên Salute với ý nghĩa tạ ơn.

KIẾN TRÚC
Ở KHÔNG GIAN B1

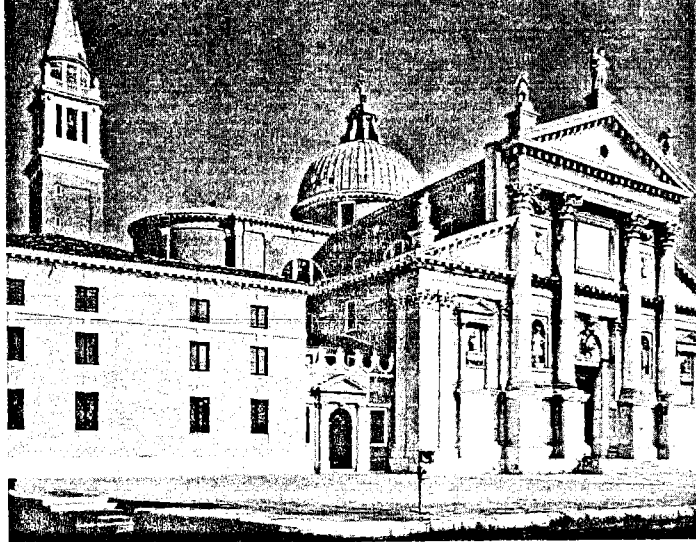


Kiến trúc
phía đối diện
tức bờ
phía nam
Kênh Lớn

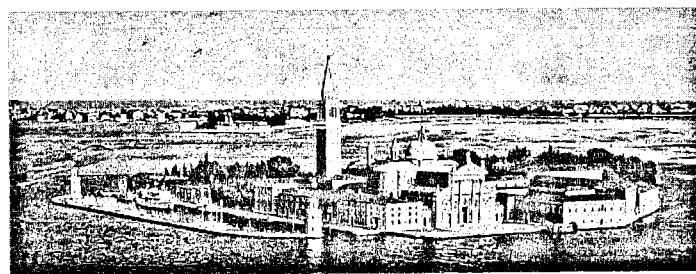


Nhà thờ Santa Maria della Salute

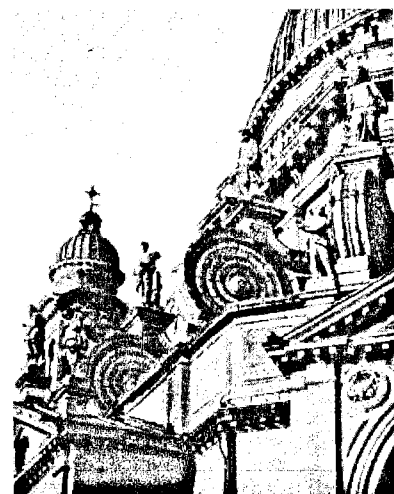
VENEZIA - ĐÀM PHÁ, KÊNH RẠCH VÀ KIẾN TRÚC



Nhà thờ
San Giorgio
Maggiore



Nhà thờ
San Giorgio Maggiore



Nhà thờ
Santa Maria della Salute



Tòa kiến trúc Barocco đặc sắc này là tác phẩm của Baldassare Longhena lúc ông 32 tuổi (1631) và đã dành cả thời gian cuối đời cho công trình này và phải đến 5 năm sau ngày ông qua đời (1687) thì kiến trúc nhà thờ mới hoàn thành. Công trình nổi bật với mái vòm đồ sộ đặt trên khung tường vững chắc với nhiều trụ chống bên ngoài được tạo hình các đường trang trí vòng cuộn xoắn ốc rất ấn tượng. Không gian chính có mặt bằng lục giác từ đó tỏa ra các gian thờ được trang trí và trần thiết công phu do các nghệ sĩ nổi tiếng thực hiện (như Jacopo Tintoretto, Sassoferrato, Luca Giordano).

Đi tiếp vào phía trong dòng kênh cho tới cầu Accademia có thể gặp các kiến trúc đặc sắc, lần lượt từ bờ trái sang bờ phải như sau:

- **Nhà tu viện cổ San Gregorio** phong cách Gothic điển hình, xây dựng năm 1892 vốn là một trung tâm tôn giáo có thể lực, nay được dùng làm nơi bảo tồn và phục chế các tác phẩm mỹ thuật cổ điển.

- **Tòa nhà Salviati** vốn là trụ sở của công ty làm đồ thủy tinh mỹ nghệ, do đó mặt nhà được trang trí đẹp bằng chính loại vật liệu này, phần giữa mặt nhà tầng 2 được trang trí bằng bức tranh lớn rất bề thế.

- **Tòa nhà Dario** xây dựng năm 1487 được tạo hình kiến trúc rất đặc sắc, vốn nằm trong cơ ngơi Capiello Barbaro bị cây cối um tùm



Tòa nhà
Salviati

Italia

che khuất. Công trình gắn với nhiều chuyện ly kỳ của những hoạt động diễn ra trên Kênh Lớn.

- **Tòa nhà Barbarigo** là một kiến trúc có đường nét trang nhã và có đặc điểm là được trang trí ghép mảnh gốm (mosaic) dày đặc trông rất vui mắt.

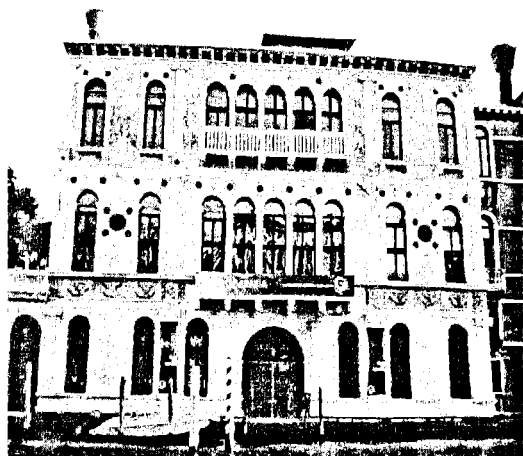
- **Tòa nhà Contarini del Zaffo** phong cách kiến trúc thời Phục Hưng có niên đại 1400, là dinh cơ của một gia đình quyền thế và giàu có.

- Tiếp đến là nhà **bảo tàng Accademia** (hàn lâm) và cây cầu có cùng tên. Nhà bảo tàng được khai thác từ một nhà thờ cũ gắn với một tu viện. Công trình có kiến trúc khá đặc sắc, chứa đựng bộ sưu tầm lớn về tranh nghệ thuật ở Venezia.

- **Cầu Accademia** là cây cầu bằng gỗ xây dựng năm 1932 dự định là cây cầu tạm thay cho cầu cũ bằng sắt từ thế kỷ trước, nhưng được



Tòa nhà Dario



Tòa nhà Confarini del Zaffo



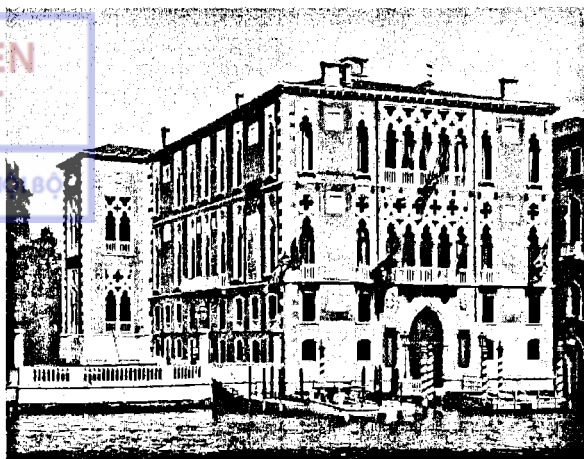
Bảo tàng Accademia

nhân dân quen dùng và được giữ lại. Đây là cây cầu thứ hai bắc qua Kênh Lớn sau cầu Rialto.

Trở sang bờ kênh bên phải và đi từ cầu Accademia trở ra, có những kiến trúc đáng lưu ý sau:

- **Tòa nhà Franchetti Cavalli:** công trình nằm kế chân cầu phía bắc, có vị trí và tầm nhìn rất đẹp, kiến trúc hấp dẫn, vốn là tư dinh của Đại công tước Áo Frederic, cũng là nơi ông qua đời năm 1836.

- **Tòa nhà Barbaro** gồm hai ngôi nhà liền kề, thuộc gia đình Curtis xây dựng năm 1885. Nhiều họa sĩ và văn sĩ nổi tiếng đã sống và hoạt động ở đây.



*Tòa nhà
Franchetti Cavalli*

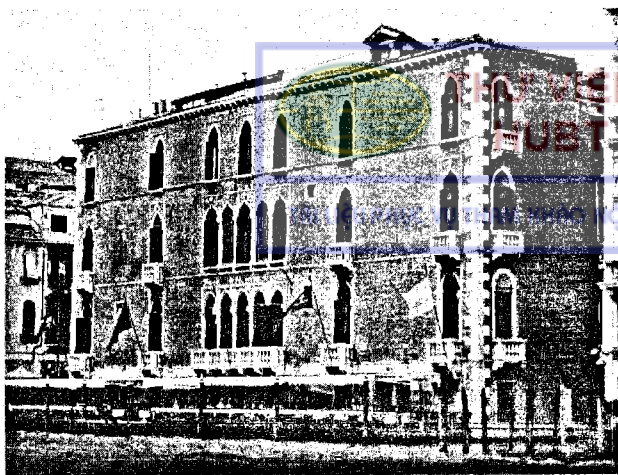
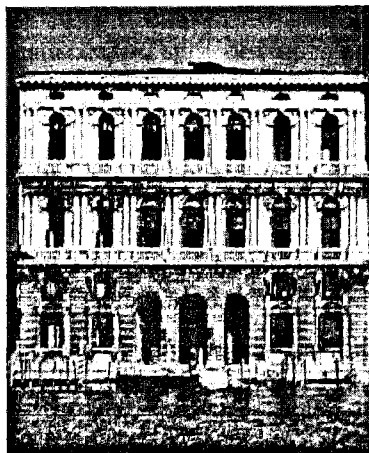
Italia

- **Tòa nhà Ca' Grande**, một lâu đài cổ điển có quy mô khá lớn, xây dựng 1545 theo thiết kế của Sansovino cho gia đình quý tộc Giacomo Cornaro được coi là giàu có nhất ở Venezia.

- **Tòa nhà Gritti-Pisani** nay là một khách sạn sang, nơi văn hào Ruskin từng lưu trú (1851).

- **Tòa nhà Contarini Fasan** xây dựng vào thế kỷ XV có kiến trúc lộng lẫy và trang nhã, được mệnh danh là tòa nhà Desdemona một nhân vật kiều diễm trong vở kịch của Shakespeare.

Tòa nhà
Cá Grande



Tòa nhà Gritti Pisani

- **Tòa nhà Tiepolo** nay là một khách sạn sang Hotel Europa-Regina, vốn của gia đình Tiepolo.

- **Tòa nhà Giustinian**, trụ sở chính của tổ chức Biennale (tổ chức triển lãm và biểu diễn nghệ thuật hai năm một lần) nơi từng lưu lại các nghệ sĩ nổi tiếng như Turner, Verdi, Proust...

- Đi tiếp nữa theo bờ này sẽ tới Vườn Hoàng gia (Giardinetti Reali) nằm ở phía tây-nam quảng trường San Marco, phía sau của tòa nhà Viện Công tố mới.

KHÔNG GIAN B2: Đoạn kênh phía bắc cầu Accademia. Theo hướng đi tới cầu Rialto, về phía bờ trái của kênh có những công trình đáng lưu ý:

- **Tòa nhà Loredan** là tư dinh của vị thống sứ Francesco Loredan (1752-62) tòa nhà có phong cách kiến trúc Gothic rất điển hình của Venezia.

- **Tòa nhà Ca' Rezzonico**, một kiến trúc Barocco rất đặc sắc và được coi là lộng lẫy nhất trong khu vực, từ năm 1934 được dùng làm bảo tàng về Venezia thế kỷ XVIII, là tác phẩm của Baldassare Longhena xây dựng năm 1667, đã được chuyển qua tay nhiều chủ nhân.

- **Tòa nhà Giustinian**, một nơi ở đẹp đẽ và ấm cúng, từng là nơi ở của nhà soạn nhạc Wagner (năm 1858-9) vào thời gian ông soạn bản nhạc kịch Tristan và Isolde.

- **Tòa nhà Ca' Foscari**, được xây dựng cho chủ nhân là vị thống sứ Francesco Foscari năm 1437, một kiến trúc Gothic điển hình thế kỷ XV, mặt nhà được trang trí chạm khắc đẹp bằng đá vùng Istrie dạng mảnh đăng ten bằng đá.

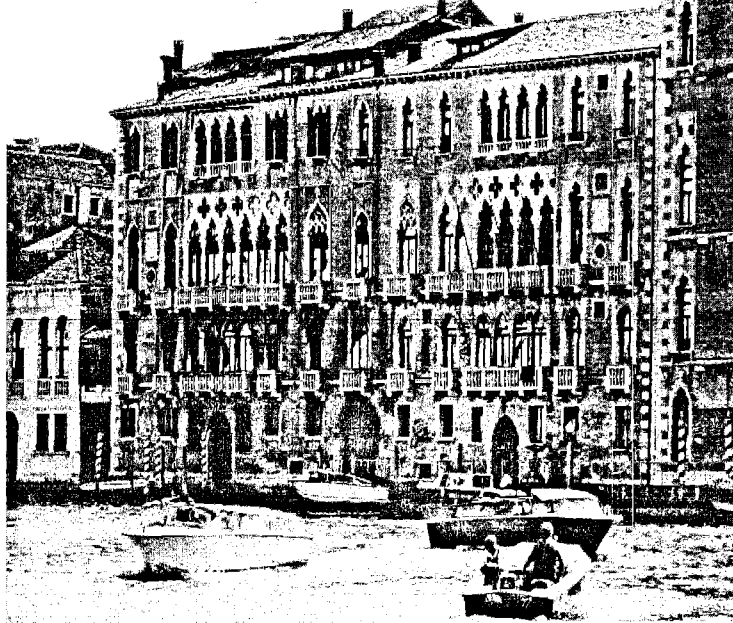
- **Tòa nhà Balbi** được dùng làm trụ sở của chính quyền địa phương nằm ở vị trí khúc cong lõm của dòng kênh chính nên có tầm nhìn rất tốt bao quát cảnh quan dòng kênh, nơi này từng được Napoleon đến dự một lễ hội trên sông.

Đi ngược dòng kênh tiếp thêm nữa về phía bắc (tức đi vào **không gian B3**), sẽ gặp tiếp nhiều kiến trúc đặc sắc, đó là:

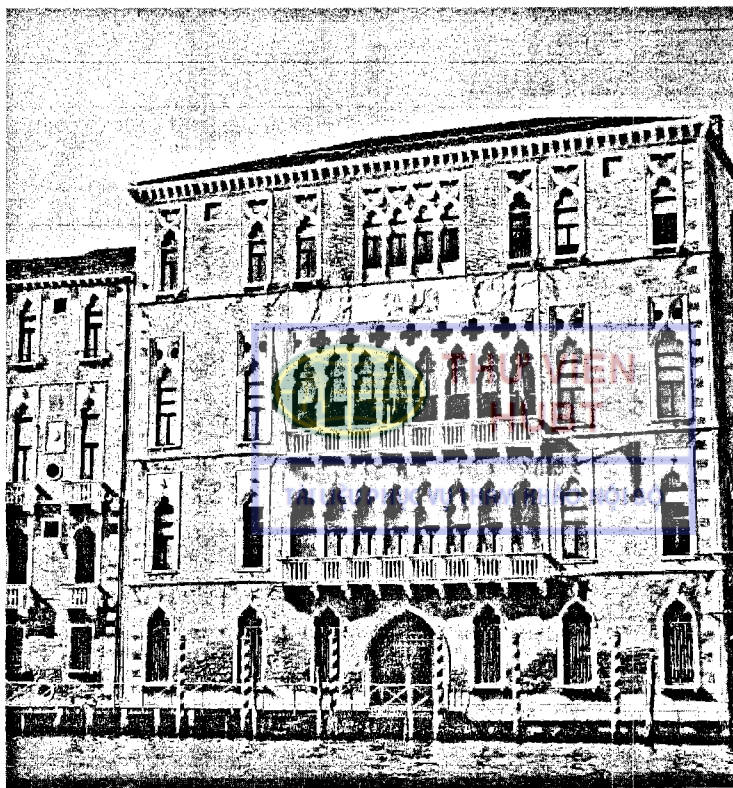
- **Tòa nhà Civran - Grimani** theo phong cách kiến trúc cổ điển thế kỷ XVII.

NGHỆ THUẬT
KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ

Italia



Tòa nhà Giustinian



Tòa nhà Cá Foscari

- **Tòa nhà Marcello** của một gia đình quyền quý, đôi khi được gọi là “nhà sư tử” do hai bên cửa có đặt tượng sư tử rất đẹp.

- **Tòa nhà Persico** nằm ở góc giao nhau giữa Kênh Lớn và kênh nhánh Rio San Polo, một kiến trúc thế kỷ XVI mang phong cách kiến trúc vùng Lombardie.

- **Tòa nhà Barbarigo** xây dựng năm 1560.

- **Tòa nhà Capello - Layard** của nhà chuyên gia khai quật khảo cổ học ở Ninive.

- **Tòa nhà Barzizza** xây lại vào thế kỷ XVII nhưng vẫn giữ lại mặt nhà của thế kỷ XIII.

- **Tòa nhà Ca' Corner - Martinengo - Rava** nay là khách sạn Leon Bianco, nhà văn Mỹ James Fenimore Cooper từng ở đây năm 1838.

Đi gần hơn nữa về phía cầu Rialto sẽ gặp các công trình:

- **Tòa nhà Riva del Vin** có khoảng hè phía trước nhà rất rộng, trở thành một địa điểm trên bến dưới thuyền rất hấp dẫn khách du lịch, họ đến đây ngồi thư giãn ngắm cảnh bên tách cà phê và thưởng thức rượu vang.

Cũng tại KHÔNG GIAN B3 này bên phía bờ đối diện cũng có nhiều kiến trúc đặc sắc không kém, đó là:

- **Tòa nhà Mocenigo** là sự kết nối của 4 ngôi nhà mang biển hiệu chung của nhà thơ Byron, ông đã ở đây vào năm 1818.

- **Tòa nhà Garzoni** nằm trong số không nhiều nhà có chiều cao 4 tầng, phong cách kiến trúc Gothic rất đẹp hiện được dùng làm một bộ phận của trường Đại học.

- **Tòa nhà Corner Spinelli** khá cổ (xây dựng 1490 - 1510) tác phẩm mang phong cách Phục Hưng của Mauro Coducci.

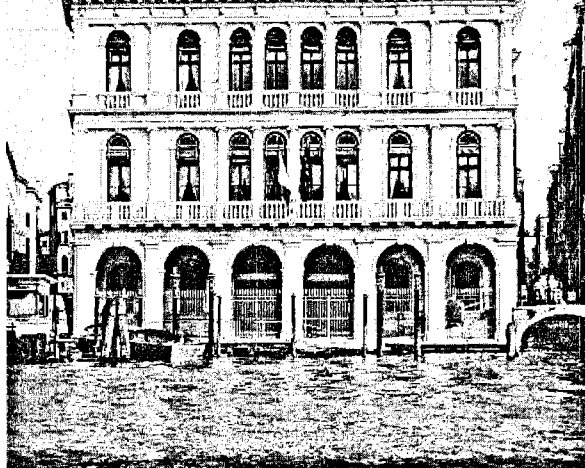
- **Tòa nhà Grimani** xây dựng 1556 phong cách kiến trúc Phục Hưng, nhà của vị công tổ Girolamo Grimani, do Michele Sanmicheli thiết kế. Năm 1807 nhà nước mua lại làm trụ sở tòa phúc thẩm.

- **Tòa nhà Farsetti và tòa nhà Loredan**, đều được dùng làm trụ sở Hội đồng thành phố, xây dựng từ thế kỷ XIII, đến năm 1868 hợp nhất,

NGHỆ THUẬT
KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ

Italia

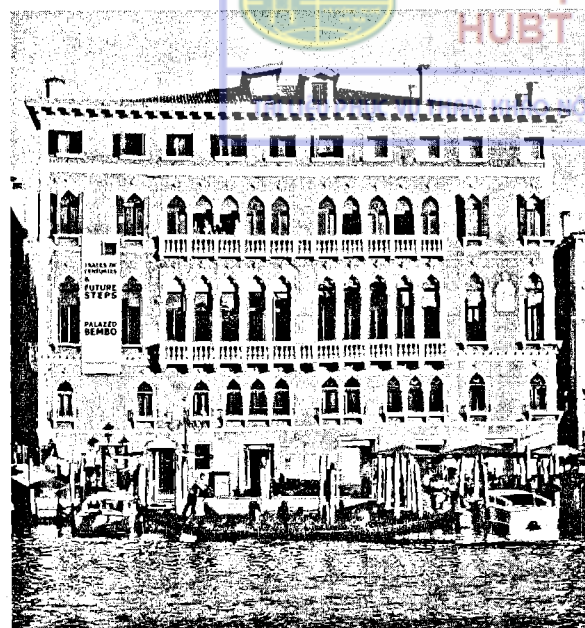
Tòa nhà
Manin - Dolfin



Tòa nhà
Garzoni



Tòa nhà
Bembo



tòa nhà Farsetti cũng được dùng làm trụ sở của Hội các nghệ sĩ trẻ. Kiến trúc phong cách Byzantin.

- **Tòa nhà Bembo** kiến trúc gothic thế kỷ XV, nơi có trường nghệ thuật, cũng được coi là một cái nôi của nghệ thuật Phục Hưng.

- **Tòa nhà Manin-Dolfin** do kiến trúc sư nổi tiếng Sansovino thiết kế năm 1538.

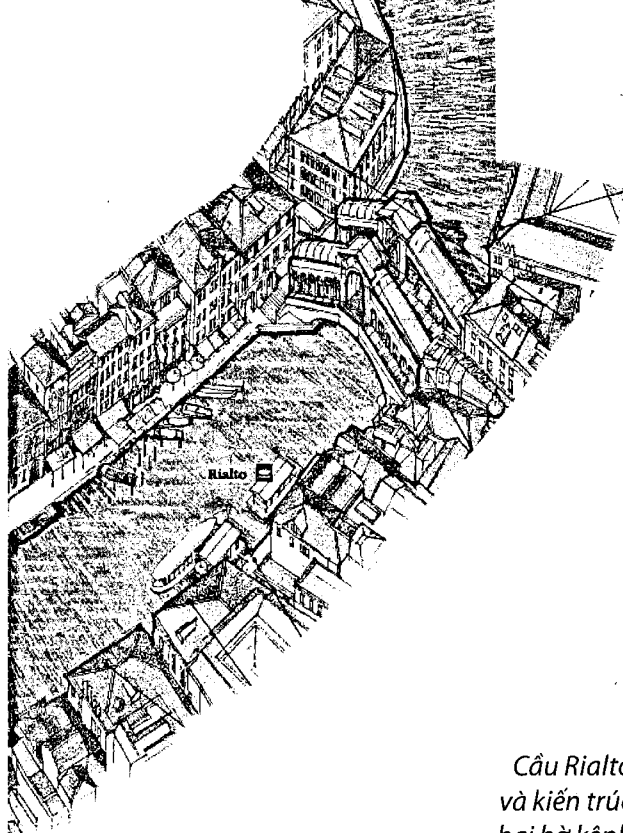
Tiếp đến là cầu Rialto, nơi được coi là cột mốc tâm điểm của thành phố, cái nôi sinh thành đô thị. Cây cầu hiện nay được xây dựng vào năm 1588-91 sau nhiều lần những cây cầu xây trước bị hỏng. Từ thế kỷ XII đã có cây cầu bằng đá, một cây cầu khác bằng gỗ bị sập năm 1444 do trọng lượng quá lớn của người lên cầu xem một đám cưới. Cho đến năm 1854 trước khi có cây cầu Accademia thì Rialto là cây cầu duy nhất được bắc qua Kênh Lớn.



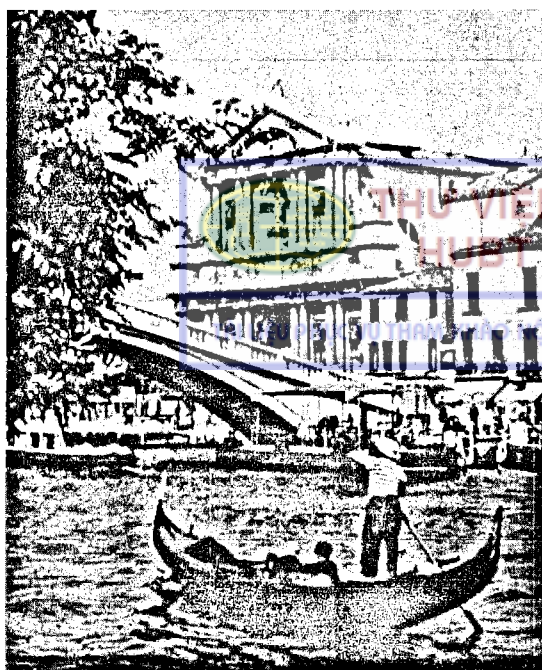
Khung cảnh kiến trúc quanh cầu Rialto

NGHỆ THUẬT
KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ

Italya



Cầu Rialto
và kiến trúc
hai bờ kênh



Việc xây cầu được trải qua một đợt thi tuyển các phương án có sự tham gia của nhiều kiến trúc sư tài giỏi như Michelangelo, Andrea Palladio, Jacopo Sansovino, nhưng người thắng cuộc lại là Antonio de Ponte. Cầu vòm cuốn có khẩu độ 48m, chiều cao thông thủy 7,5m, mặt cầu rộng 24m có bậc cho khách bộ hành gồm 3 tuyến xen giữa là các gian bán hàng. Cầu có lợp mái và tại điểm giữa cầu chỗ cao nhất có chòi nghỉ chân ngắm cảnh cả hai phía.

Nằm cách cầu một chút về phía bắc có **chợ Rialto** cũng được hình thành khá sớm và có vai trò “hạt nhân” hình thành đô thị. Chợ nằm cạnh kênh gồm một chợ chuyên bán hàng thủy sản và một chợ bán rau quả.

Qua chợ đi tiếp theo kênh về phía tây-bắc có những công trình quan trọng sau (không gian B3, phía bờ nam):

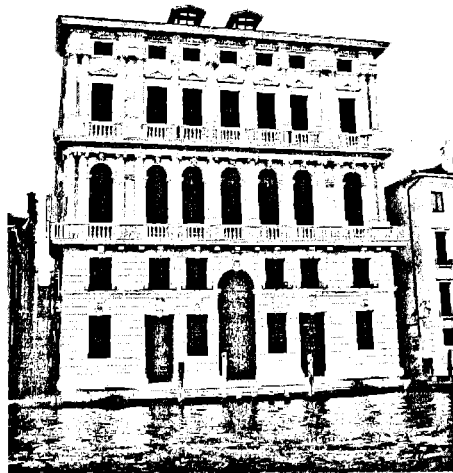
- **Tòa nhà Morosini Brandolin** của một gia đình quyền quý cùng tên, nổi danh vào thế kỷ IX.

- **Tòa nhà Favretto nay là khách sạn San Casiano** vốn là nơi ở của họa sĩ Giacomo Favretto (1849-87).

- **Tòa nhà Ca' Corner della Regina**, theo tên hoàng hậu đảo Sip là Caterina Cornaro (sinh tại đây năm 1454) nhà xây theo thiết kế của Domenico Rossi.



Chợ Rialto



Tòa nhà Cá Corner della Regina

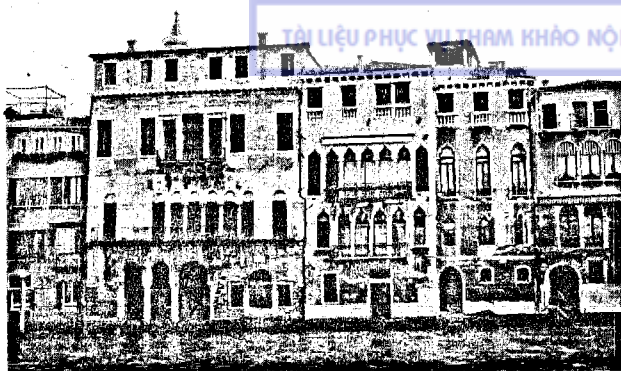
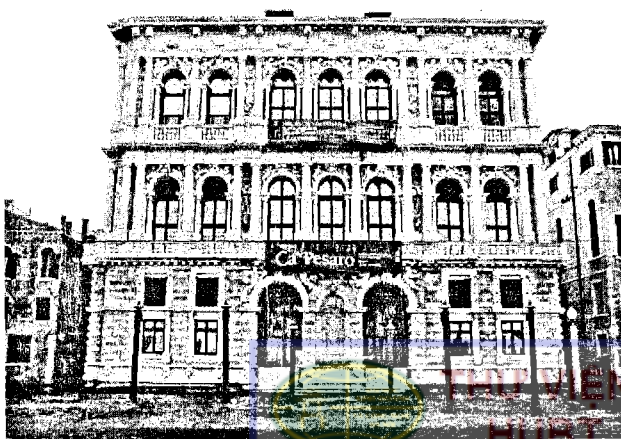
Italia

- **Tòa nhà Ca' Pesaro** kiến trúc Barocco do Longhena thiết kế, nay được dùng làm bảo tàng Nghệ thuật hiện đại và bảo tàng Phương Đông, vốn là tư dinh của vị công tổ Leonardo Pesaro.

- **Tòa nhà Ca' Foscari**, kiến trúc Gothic thế kỷ XV, của gia đình Foscari sau chuyển thành tư dinh của quận công Mantua vào năm 1520.

Cũng trong không gian này, về phía bờ bắc có những công trình rất đặc sắc, đó là:

- **Tòa nhà Ca' da Mosto** là một kiến trúc tiêu biểu theo phong cách Byzantin thế kỷ XIII, là ngôi nhà của nhà hàng hải Alvise da Mosto, ông sinh tại đây năm 1432.



- **Tòa nhà Mangili Valmarana do Antonio Visentini** thiết kế theo phong cách cổ điển, là nhà của viên tham tán người Anh Joseph Smith (1682 - 1770).

- **Tòa nhà Michiel del Brusa** được xây lại sau vụ hỏa hoạn lớn năm 1774.

- **Tòa nhà Michiel dalle Colonne** đặc sắc nhờ mặt chính có hàng cột đẹp và ngôi nhà đã mang tên "hàng cột".

- **Tòa nhà Foscari** là của vị thống sứ Marco Foscari vốn là nhà ngoại giao, nhà giáo dục và cũng là nhà hùng biện, được bổ nhiệm thống sứ năm 1762.

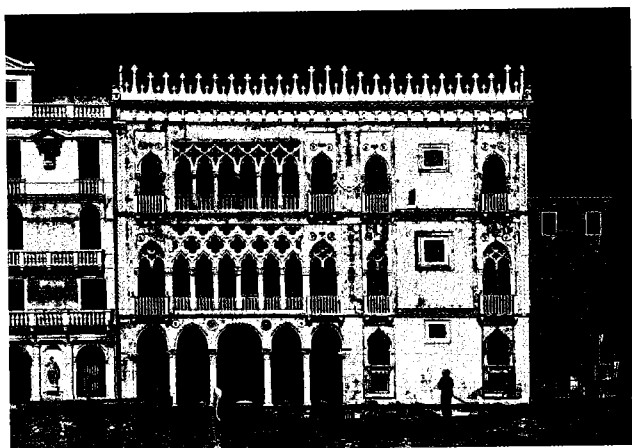
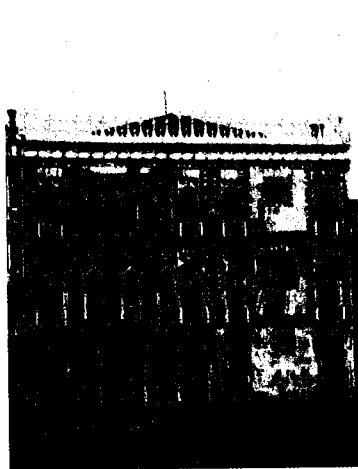
- **Tòa nhà Sagredo** vốn của gia đình Morosini sau chuyển cho gia đình Sagredo vào đầu thế kỷ XVIII, phong cách kiến trúc Byzantin kết hợp Gothic.

- **Tòa nhà Ca' d' Oro (Nhà Vàng)** là tòa tư dinh nổi tiếng bậc nhất do đường nét kiến trúc lộng lẫy và mặt nhà được trang trí dát vàng, từ đó có tên "nhà vàng". Được xây dựng từ năm 1421 của chủ nhân Marino Contarini do những người thợ rất khéo tay từng xây dựng Dinh Thống sứ, đặc biệt là những người thợ đục và đẽo đá có truyền thống làm nghề này. Đặc trưng kiến trúc mặt nhà được tạo hình như một "đăng ten bằng đá" với sự sắp xếp nhịp nhàng các khoảng đặc và khoảng trống rất ấn tượng, được coi là một tác phẩm kiệt xuất của kiến trúc Gothic của Venezia.



Tòa nhà
Sagredo

Italia



Tòa nhà Cá d'oro (Nhà vàng)

Sau tòa nhà Cá d'Oro nổi tiếng ta đã đi vào không gian B4 thuộc phía bắc của Kênh Lớn, ở đây có những kiến trúc đáng chú ý:

- Cùng trên bờ kênh phía bắc là **tòa nhà Fontana Rezzonico**, chủ nhân là vị giáo hoàng Count Rezzonico, ông sinh ra ở đây vào năm 1693. Thiết kế kiến trúc: Bandassare Longhena vào năm 1667.

- **Tòa nhà Gussoni - Grimani** là tòa nhà của ông đại sứ người Anh (thời gian 1614-18), mặt nhà được trang trí đẹp do Tintoretto.

- **Tòa nhà Barbarigo** còn giữ được những bức tranh trang trí trên mặt nhà vào thế kỷ XVI.

Về phía bờ kênh phía nam, tiếp sau chợ Rialto là các tòa nhà nhiều ấn tượng như:

- **Tòa nhà San Stae (San' Eustachio)** kiến trúc mang phong cách Barocco điển hình, mặt nhà bằng đá cẩm thạch trang trí nhiều tượng xen giữa 4 cột Corinth trang nhã. Công trình được Giovanni Grassi xây dựng.

- **Tòa nhà Tron** là nơi tiếp khách long trọng của nhà vua Áo Joseph II, xây dựng cuối thế kỷ XVI.



Tòa nhà Belloni Battaglia

- **Tòa nhà Belloni Battaglia** gây ấn tượng với các chóp vượn cao trên mái ngói do Longhena thiết kế khoảng giữa thế kỷ XVII, trang trí rất phong phú cho chủ nhân là gia đình quyền quý Belloni.

- **Tòa nhà Fondaco dei Turchi** nay được dùng làm Bảo tàng lịch sử tự nhiên, một kiến trúc Byzantin điển hình.

- **Tòa nhà Giovanelli** phong cách Gothic cổ điển.

- **Tòa nhà Dona Balby** xây dựng thế kỷ XVII của hai gia đình quyền quý là thông gia với nhau.

Cũng ở đoạn này, về phía bắc của Kênh Lớn là các công trình:

- **Tòa nhà Erizzo** có nhiều tranh trang trí đẹp.

- **Tòa nhà Marcello** nơi sinh của nhà soạn nhạc nổi tiếng Benedetto Marcello (1686) là tòa nhà được xây dựng lại vào thế kỷ XVIII.

- **Tòa nhà Vendramin Calergi** phong cách kiến trúc Phục Hưng do Mauro Coducci thiết kế, nhạc sĩ Richard Wagner từng ở và qua đời tại đây (1883).

- **Nhà thờ San Marcuola** thờ thánh Ermagora và thánh Fortunatus, xây dựng năm 1728-36 và do Giorgio Massari thiết kế.

- **Tòa nhà Corner-Contarini (tức Ca' dei Cuori).**

Italia

KHÔNG GIAN C

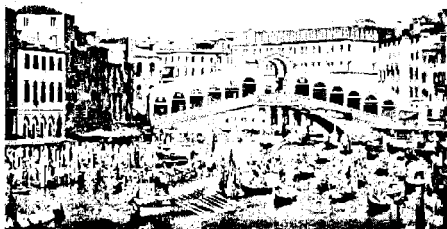
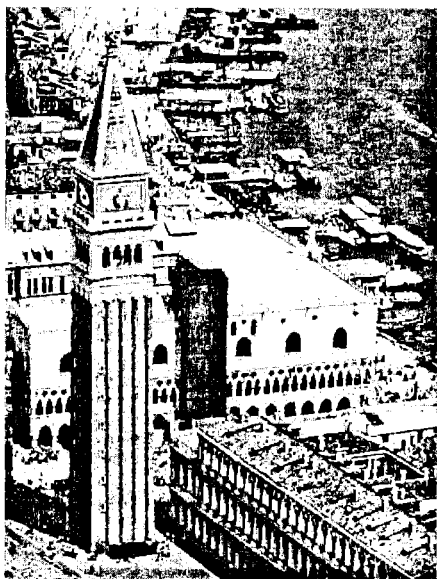
Trên tuyến tham quan bộ hành khởi đầu từ quảng trường San Marco đi về phía tây qua cầu Accademia, vòng xuống phía nam qua nhà thờ Maria della Salute rồi tiếp sang phía tây, lên phía bắc hướng tới cầu Rialto. Trong không gian tuyến bộ hành đi qua, khách tham quan được biết tới các kiến trúc quan trọng như:

- **Nhà hát La Fenice (Phượng Hoàng):** Là nhà hát cổ nhất ở Venezia, xây dựng năm 1792 theo phong cách Cổ điển, là nhà hát tư nhân và có lượng công chúng rất đông. Năm 1836 gặp điều không may hỏa hoạn thiêu hủy và đã được xây dựng phục hồi chỉ sau một năm, đã huy hoàng trở lại như một sự thần kỳ, tựa như chim phượng hoàng bay từ đồng tro tàn, từ đó có tên Phượng Hoàng.

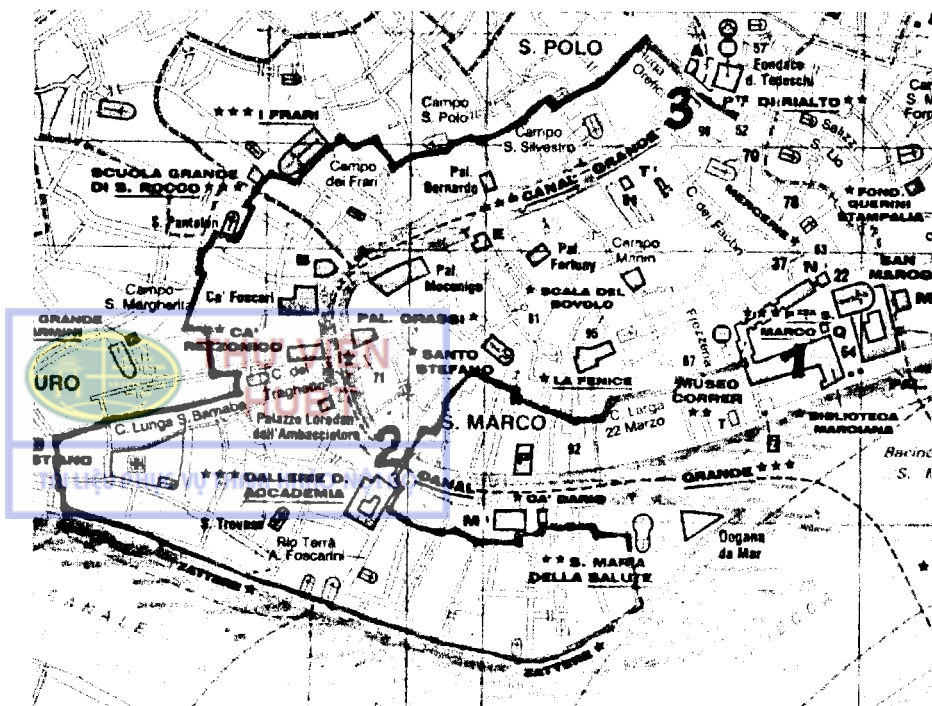
- **Nhà thờ Santo Stefano:** xây dựng từ thế kỷ XIV và được tu bổ phát triển vào thế kỷ XV do Bartolomeo Bon thiết kế và trang trí, rất ấn tượng ở bộ cửa và ở tháp chuông, vòm mái nhà thờ (mặt trong) cũng được tạo hình rất độc đáo.

- **Nhà thờ San Rocco:** được liên kết với trường học của nhà thờ bằng một quảng trường nhỏ. Được Bartolomeo Bon thiết kế và xây dựng từ năm 1489 (xây dựng bổ sung năm 1725), kiến trúc có sự pha trộn của nhiều phong cách. Công trình trường học cùng phong cách cũng do Bartolomeo Bon thiết kế, xây dựng năm 1515 và được bổ sung năm 1549 do Scarpagnino.

- **Nhà thờ Santa Maria Gloriosa dei Frari:** Tổng thể nhà thờ và tu viện theo phong cách kiến trúc Gothic rất đặc trưng, vốn xưa có nhà thờ nhỏ hơn (xây dựng năm 1250-1338) nhà thờ hiện nay được xây lại vào giữa thế kỷ XV. Nổi bật trên không gian này là tòa tháp chuông cao



Quảng trường San Marco (1) → Cầu Accademia (2) → Cầu Rialto (3)



Tuyến tham quan bộ hành C

NGHỆ THUẬT
KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ

Italia

80m, đứng thứ nhì sau tháp chuông ở quảng trường San Marco. Mặt chính nhà thờ được tạo hình với đường nét kiến trúc rất riêng, ít thấy ở nhà thờ khác.

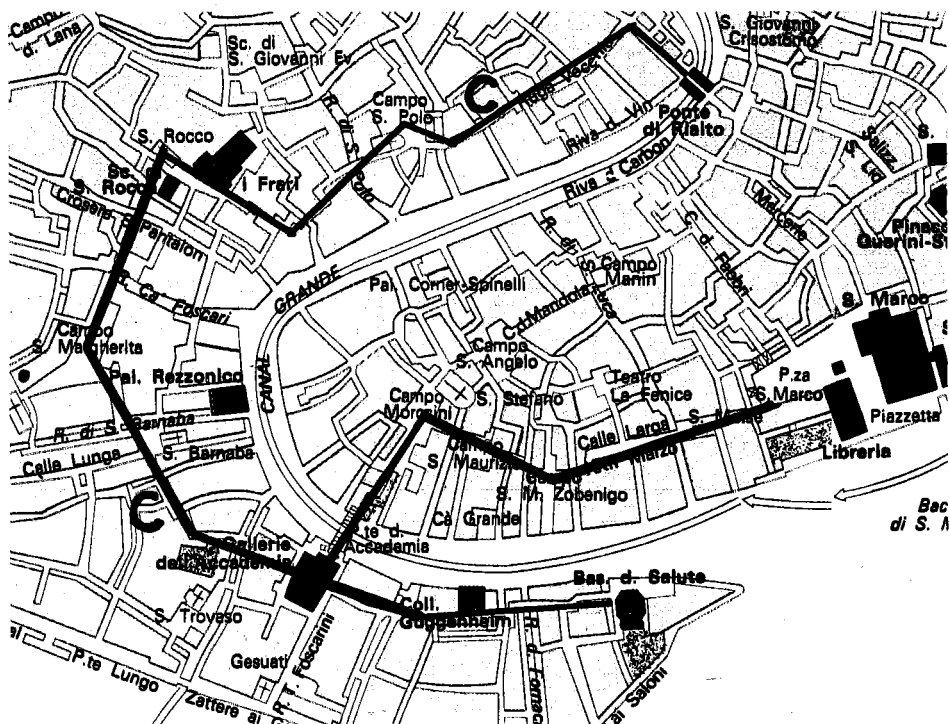
- **Nhà thờ San Polo:** Nằm trước quảng trường San Polo, cùng với tòa nhà Soranzo (phía đông quảng trường) tạo thành một quần thể kiến trúc hấp dẫn. Đây cũng là nơi diễn ra những lễ hội quan trọng. Nhà thờ khởi đầu có từ thế kỷ IX, được xây dựng lại vào thế kỷ XV, phong cách kiến trúc Tân Cổ điển. Phía tây-bắc quảng trường còn có tòa nhà Corner Mocenigo từng là nơi ở của nhà văn Anh Frederik Rolfe (1860-1913).

Nhà thờ
Santa Maria
Gloriosa dei Frari



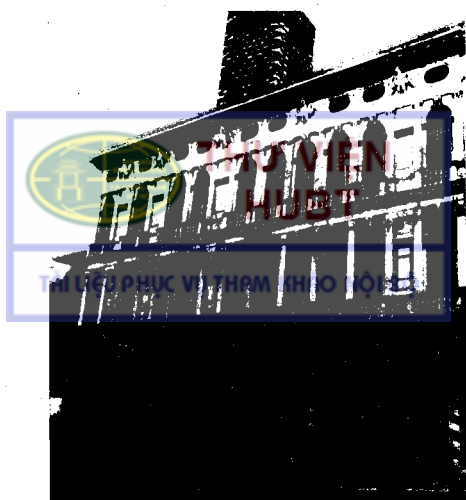
Nhà hát
La Fenice



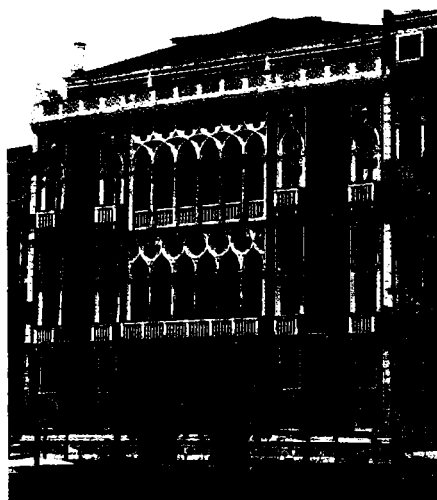


Du lịch bộ hành tuyến C

MỘT SỐ KIẾN TRÚC ĐẶC SẮC



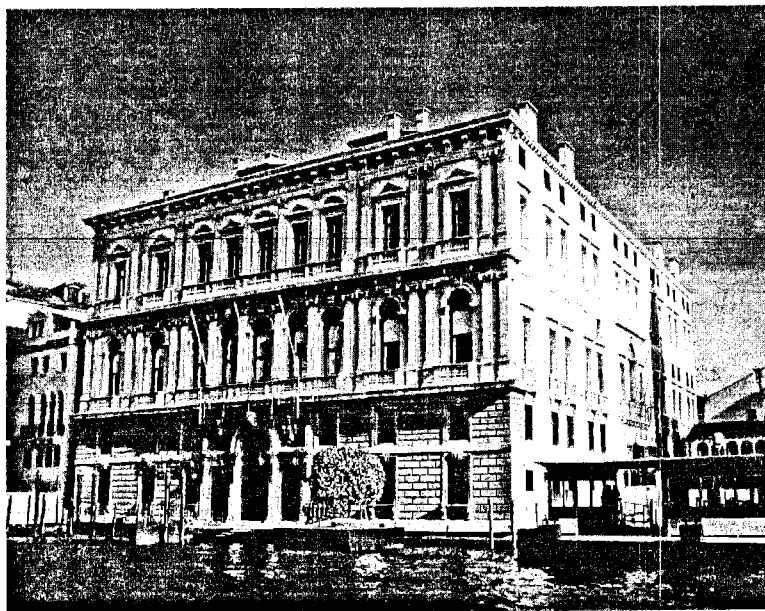
Tòa nhà Labia



Tòa nhà Pisani Moretta

NGHỆ THUẬT
KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ

Italia



Tòa nhà Grassi



Bảo tàng Accademia

CÁC KIẾN TRÚC NHÀ THỜ ĐẶC SẮC



Nhà thờ
San Giorgio dei Greci



Nhà thờ
San Giacomo dell' Orio

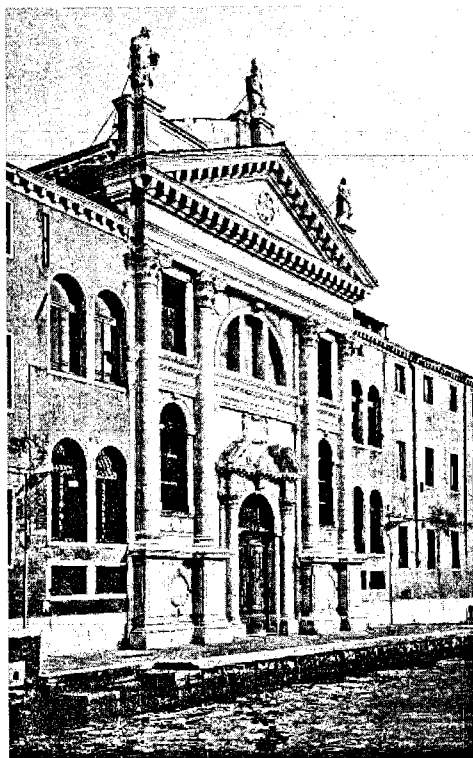


Nhà thờ
Maria del Rosari



Nhà thờ
Maria del Rosari

Italia



Nhà thờ San Lazzaro dei Mendicanti



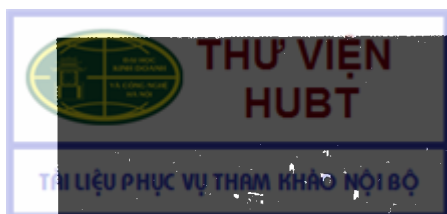
Nhà thờ San Zanipolo (Giovani e Paolo)

5. FIRENZE

5.1. Trung tâm nghệ thuật Phục hưng

Firenze là một thành phố có chiều dài lịch sử lâu đời ở Italia. Là một đô thị từ thời đế chế La Mã vào năm 200, thành phố chuyển sang tay người Goth rồi người Byzance vào năm 539, sau đó vào thế kỷ IX, trở thành thủ phủ của lãnh địa Bá tước Toscan. Năm 1115, Firenze trở thành thành phố tự do khi nữ Bá tước Mathilde qua đời. Năm 1138, thiết lập chế độ lãnh sự, và sau đó đã đánh bại đạo quân của Frederic I Barberousse cầm đầu cuộc nổi dậy chống lại quyền lực của đế chế.

Đây là thành phố trung tâm của tỉnh Toscan thuộc miền trung Italia, nằm ở vị trí rất đẹp trong lòng chảo bao la giữa các núi ở bên



Toàn cảnh Firenze bên sông Arno

Italia

sông Arno. Là một trong những thành phố bảo tàng đẹp nhất và lớn nhất trên thế giới vẫn giữ được một cấu trúc đô thị lịch sử. Thành phố được người La Mã (Roma) thành lập vào thế kỷ I tCn ở nơi cư trú của người Etrusk, từ năm 1115 là thành phố công xã, phát triển rực rỡ nhất trong thế kỷ XIV và đầu thế kỷ XVI, là một trung tâm thương mại - thủ công nghiệp lớn, là lò phát nguyên nền văn hóa và nghệ thuật Phục Hưng.

Vào thế kỷ XIII, ở Firenze diễn ra cuộc đối đầu giữa hai phái ủng hộ và phản đối Giáo hoàng. Sau một thời gian ngắn phái Ghibelin (ủng hộ) lên cầm quyền trong khoảng thời gian từ 1239 - 1250, phái Guelfe (phản đối) giành quyền cai trị thành phố khi hoàng đế Frederic II qua đời. Năm 1260, phái Guelfe bị phái Ghibelin đánh đuổi, nhưng nhờ sự giúp đỡ của Charles I d'Anjou, năm 1266, phái Guelfe quay lại nắm giữ chính quyền. Năm 1293, đã ban hành những pháp lệnh nổi tiếng tước bỏ quyền hành của tầng lớp quý tộc và của một số thị dân giàu có. Năm 1300 nội bộ phái Guelfe lục đục chia làm hai phe đối địch: phe Trắng và phe Đen, cuối cùng phe Đen thắng thế.

Năm 1860, Toscan trở thành một phần của Vương quốc Italia và Firenze được chọn là thủ đô từ năm 1865 - 1871, có vai trò quan trọng là trung tâm văn hóa và nghệ thuật hàng đầu của Italia. Theo thống kê của UNESCO thì 60% những công trình kiến trúc quan trọng nhất của nhân loại nằm tại Italia và có đến một nửa trong số đó là thuộc về Firenze.

Là thủ phủ của vùng Toscan và có lịch sử hàng ngàn năm tuổi, thành phố cổ kính bậc nhất châu Âu này luôn hấp dẫn du khách vì đây là một trong những cái nôi văn minh suốt 5 thế

kỷ (từ XIV - XIX). Đối với Firenze, du khách được thăm những quảng trường gắn với các nhà thờ lớn, nhiều công trình là kết tinh của tinh hoa văn hóa Italia nói chung và của Firenze nói riêng. Thành phố này còn được biết đến với những viện bảo tàng, nơi lưu giữ những bức tranh quý giá của các danh họa nổi tiếng và các tác phẩm điêu khắc vô giá.

Sau hai chính phủ chuyên chế của người con trai của Robert d'Anjou là Charles (trị vì từ 1326 - 27) và chính phủ của Gautier de Brienne (trị vì trong khoảng từ 1342 - 43), Firenze thiết lập một cơ chế gồm 21 tổ chức cơ sở. Năm 1331 chinh phục Pistoia, năm sau chinh phục Cartona và năm 1337 chinh phục Arezzo. Nhưng rồi lãnh địa này bị đe dọa bởi phong trào quần chúng đối lập. Cuộc bạo động Ciompi vào năm 1378 nhưng quần chúng không giữ được chính quyền, các dòng họ Albizzi và Allberti khôi phục lại quyền cai trị của giai cấp tư sản (1382). Năm 1406, Elore chinh phục Pisa và năm 1421 đã mua cảng Livourne. Tuy thường xuyên có tình trạng tranh giành quyền lực và cũng nhiều cuộc chiến tranh với bên ngoài, nhưng Firenze vẫn có đời sống văn hóa phát triển. Trong hơn 200 năm từ thế kỷ XIV, không có một thành phố nào trên khắp lục địa châu Âu lại có sự liên tục về thành tựu trí thức và văn hóa như tại thành phố này.

Ở đây người dân đã được xem ca kịch opera, thành phố đã khánh thành thư viện đầu tiên và tại triển lãm đã có những bức điêu khắc khỏa thân thể hiện theo phong cách cổ điển, điều các nơi khác phải nhiều năm sau mới có được.

Những tòa lâu đài cổ hoành tráng, những ngôi nhà thờ uy nghi, những viện bảo tàng lộng lẫy đầy ắp những bức tranh quý hiếm cùng những bức tượng quý giá, đây thực sự là quê hương của phong trào Phục Hưng. Đó là sự kết hợp giữa vẻ đẹp tự nhiên cùng những gì tinh túy nhất trong nghệ thuật kiến trúc Phục Hưng với tài năng và trí tuệ của Leonardo da Vinci, Dante, Boccaccio, Michelangelo... hiển hiện trên từng tòa nhà lộng lẫy, từng con phố cổ kính.

Một trong những điểm nhấn của Firenze là kiến trúc nhà thờ với những mái nhọn đặc trưng của kiến trúc Gothic và nghệ thuật Arap. Công trình đáng chú ý nhất chính là Nhà thờ Santa Maria del Fiore được xây dựng từ năm 1296 với sức chứa 20.000 người. Nhà thờ có phong cách kiến trúc Gothic, phía ngoài phủ đá hoa cương hồng và

Italia



*Mái vòm đặc trưng kiến trúc Gothic của nhà thờ
Thánh Maria Del Fiore ở Firenze*

cẩm thạch.

Nhiều lâu đài tráng lệ ra đời, nhiều nhà thơ và nghệ sĩ tài năng hàng đầu của nhân loại như Dante (1265 - 1321), Giotto (1267 - 1337)... Các ngành nghệ thuật đều được nâng đỡ nhờ kinh tế, thương mại phồn vinh, kỹ nghệ phát triển, và còn được sự giúp đỡ của các dòng họ thương gia và ngân hàng lớn.

Tại đây lần đầu tiên trong lịch sử hội họa thế giới, các nghệ sĩ tài danh đã đưa ra luật phối cảnh. Cũng chính tại đây thổ ngữ tiếng Toscan đã trở thành ngôn ngữ hiện đại đầu tiên của châu Âu. Người dân rất tự hào về những vĩ nhân thời kỳ Phục Hưng của mình như: Medici (1360 - 1429), Brunelleschi (1377 - 1446), Donatello (1386 - 1466), Masaccio (1401 - 1428), Leonardo da Vinci (1452 - 1519), Michelangelo (1475 - 1564) và Machiavelli (1469 - 1527)...

Firenze là nơi tập trung những nhà thờ lớn nhất Italia từ San Lorenzo, Santa Maria Novella đến Santa Croce. Có thể bắt gặp lối kiến trúc này ở bất cứ nơi nào tại Firenze, tạo nên các

không gian nghệ thuật vô cùng đặc sắc.

Bức tượng 500 tuổi nổi tiếng David của Michelangelo đặt tại trung tâm thành phố đã trở thành điểm thu hút khách du lịch. Thời Phục Hưng, Firenze được nổi tiếng với những công trình kiến trúc để đời từ cung điện đến các viện bảo tàng, các galleri... Bảo tàng nổi tiếng nhất ở đây chính là Bảo tàng Uffizi, nơi lưu giữ những tác phẩm vô giá của Botticelli, Leonardo da Vinci, Michelangelo, Tiziano và Rubens, được tôn vinh là những “người khổng lồ của văn hóa Italia”.

Những điểm du lịch hấp dẫn khác của Firenze còn phải kể đến Tháp Chuông (Campanile) tại quảng trường nhà thờ Duomo với 414 bậc thang lên tới đỉnh tháp để chiêm ngưỡng toàn cảnh thánh đường và cảnh quan của toàn thành phố. Ponte Vecchio là cây cầu cổ kính có từ năm 1345; Giardino di Boboli là một công viên khổng lồ nằm thoải thoải ven đồi với cảnh quan tuyệt mỹ.

Firenze từ một thành phố nhỏ bé chưa đến 10 vạn dân đã trở thành một trung tâm của thời kỳ Phục Hưng, tạo ra được một “Athen mới trên dòng sông Arno”, chính nhờ điều kiện địa lý thuận lợi. Trong thế kỷ I tCn, người La Mã đã xây dựng thành phố này với tên là “thành phố thịnh vượng” trên một khu đất bằng phẳng bên bờ sông Arno, một vùng đất phù hợp cho sự phát triển nghề dệt. Dòng chảy xiết của sông Arno đã giúp cho việc rửa sạch len dễ dàng và là con đường thủy thông thương thuận lợi, rẽ tiền dẫn đến cảng Pisa ở phía tây trong vòng cung thương mại thế giới của Địa Trung Hải. Các vị trí cửa ngõ ở vùng đồi núi phía bắc, phía nam và phía đông của thành phố rất thuận tiện cho việc buôn bán giao lưu với các nước khác của lục địa châu Âu.

Chính nhờ ở vị trí địa lý thuận lợi cùng với tài năng của con người, nên từ thế kỷ XIV, Firenze đã vượt các thành phố châu Âu khác về tầm cỡ và sự giàu có; năm 1328 số dân thành phố đã lên tới 12 vạn người.

Mặc dầu từng phải trải qua một nạn dịch hủy diệt chưa từng có, nhưng sự phát triển các loại hàng hóa xa xỉ, đặc biệt các loại len dạ, vải đẹp ngày càng tăng đã làm cho thành phố giàu có hơn. Vào đầu những năm 1400, vải vóc Firenze có mặt nhiều nơi trên thế giới từ Anh đến Ai Cập. Đồng tiền vàng (đồng Florin) của họ được sử dụng ở nhiều nơi và trở thành đồng tiền được ưa chuộng của châu Âu.

Người dân Firenze ý thức được tầm quan trọng quốc tế của mình

Italia

và họ tự đánh giá cao về bản thân. Thơ ca, biên niên sử nhiều dịp được trình diễn ở ngoài phố và quảng trường (thời bấy giờ gọi là Fiorentinismo) ca ngợi những công dân xuất chúng và đề cao thành phố là “người con gái của Hy Lạp và La Mã”.

Vào thời điểm đó, thành phố phát triển mạnh mẽ và ổn định cũng nhờ vào các gia đình giàu có, trong đó giàu có và thế lực nhất là gia đình Medici. Dưới sự bảo trợ của thương gia này, Firenze đã trở thành nổi tiếng là người tiên phong của thời kỳ Phục Hưng. Các phường hội, các nhóm cư dân đã đặt làm nhiều tác phẩm nghệ thuật và kiến trúc dưới sự hướng dẫn và bảo trợ của dòng họ Medici, như những cánh cửa lớn bằng đồng của nhà thờ Rửa tội do Ghiberti (1378 - 1455) đúc, những pho tượng do Donatello (1386 - 1466) và Ghiberti sáng tác để đặt trong những hốc tường của trụ sở phường hội, chợ ngũ cốc có tên là Or San Michele, và mái vòm đồ sộ của nhà thờ Duomo, tức là nhà thờ Thánh Mẫu Santa Maria del Fiore đều do các kiến trúc sư nổi tiếng của Firenze thiết kế.

Vào đầu những năm 1400, phường tơ lụa giàu mạnh ở đây là Ante Della Seta, đã yêu cầu Brunelleschi thiết kế ngôi nhà nuôi trẻ con mồ côi. Đây là ngôi nhà đầu tiên kiểu Phục Hưng giành cho trẻ em bị bỏ rơi vô gia cư, từ kiểu cách kiến trúc hàng cột Corinth, đến mái vòm đều dựa theo mẫu kiến trúc Roma.

Từ năm 1532, Firenze là thủ đô của Công quốc. Phần cơ bản của khu vực xây dựng (chủ yếu theo phong cách Goth và phong cách Phục Hưng sơ kỳ) tập trung chủ yếu trên hữu ngạn sông Arno. Những công trình nghiêm trang, hùng vĩ của thành phố, các lâu đài hoành tráng,



Nguyên mẫu tượng David cất giữ trong bảo tàng Academy ở Firenze

những nhà thờ, nhà xưởng... tạo thành một quần thể đặc sắc mà nổi bật lên trong đó là mái vòm khổng lồ rất cân đối hài hòa của nhà thờ lớn Santa Maria del Fiore, là một trong những di tích kiến trúc Phục Hưng đầu tiên ở Italia. Ở trung tâm lịch sử của thành phố có hệ thống các quảng trường chính có quan hệ với nhau: Piazza del Duomo (Quảng trường Nhà hát lớn), Piazza della Repubblica (Quảng trường Cộng hòa) và Piazza della Signoria (Quảng trường Lãnh chúa). Vẫn còn giữ được cấu trúc đô thị theo một quy hoạch mạng đường thẳng góc Cổ La Mã, những mảng công sự của thành phố thời Trung Cổ xen lẫn với những khu vực xây dựng chen chúc dày đặc của dân cư.

Trong suốt thế kỷ XV, dưới sự chi phối và ảnh hưởng của gia đình Medici đã xây dựng nhiều công trình trong đó có thư viện, trường học

Italia

giành cho con em gia đình giàu có. Viện Platon là một trung tâm học vấn nhân văn được hình thành đã thúc đẩy tư tưởng mới về khả năng tư duy sáng tạo của con người. Gia đình Medici đã cổ vũ các nghệ nhân bậc thầy Alberti, Leonardo da Vinci Michelangelo là những người đã mang lại cho Italia chủ nghĩa hiện thực vĩ đại. Họ đã sử dụng luật phối cảnh của khoa học thị giác và sự phối hợp màu sáng tối, hoặc pha trộn ánh sáng và bóng tối. Một người thợ kim hoàn thời đó đã viết "Không có gì mà người Firenze không làm được".

Với đầu óc thực tế, được giáo dục bởi những tác phẩm cổ điển, các nhà lãnh đạo thời Phục Hưng đã định hướng cho những thiên tài của mình, làm cho thành phố của họ trở thành một trung tâm văn hóa, chỉ xếp sau thành phố Athen và Roma xét về ảnh hưởng đối với văn minh phương Tây.

Ngày nay đến đây người ta vẫn nhận ra một Firenze hiện đại nhưng vẫn mang dáng vẻ của thời Phục Hưng với các lâu đài: Palazzo Vecchio (lâu đài cổ), Bargello, các tư dinh dòng họ Medici và dòng họ Pitti, các viện bảo tàng như viện bảo tàng Uffizi, hoặc viện bảo tàng San Marco đều là những di sản nghệ thuật quan trọng hàng đầu của Italia còn lại đến ngày nay. Các trụ sở của các viện hàn lâm Nghệ thuật, viện Hàn lâm Văn học, viện Hàn lâm Khoa học... đã trở thành những điểm tham quan du lịch vô cùng hấp dẫn.

Chính vì những thành tựu đó mà Firenze cổ kính đã được UNESCO xếp hạng là di sản văn hóa thế giới năm 1982.

5.2. Những quảng trường và không gian kiến trúc đặc sắc

* *Quảng trường nhà thờ và giáo đường thánh Maria del fiore*

Quảng trường với công trình nhà thờ có quy mô đồ sộ, nằm ở giữa thành phố đã trở thành trung tâm chú ý của du khách. Tổng thể thánh đường là một quần thể kiến trúc tôn giáo nằm trong số các thánh đường lớn nhất châu Âu. Đặc biệt công trình có mái vòm vươn tới độ cao 100m, phía trước lại có nhà thờ Rửa tội hình bát giác và sát cạnh nhà thờ là tòa Tháp chuông có độ cao 85m, chỉ thấp hơn một chút so với Tháp Chuông lớn ở Venezia.

Việc xây dựng nhà thờ Thánh Maria del Fiore khởi đầu vào năm 1296 và diễn ra trong nhiều thế kỷ. Tại vị trí này xưa kia từng có nhà thờ nhỏ; vào cuối thế kỷ XIII dân cư theo đạo trong vùng tăng lên rất nhiều nên phải có nhà thờ lớn hơn.

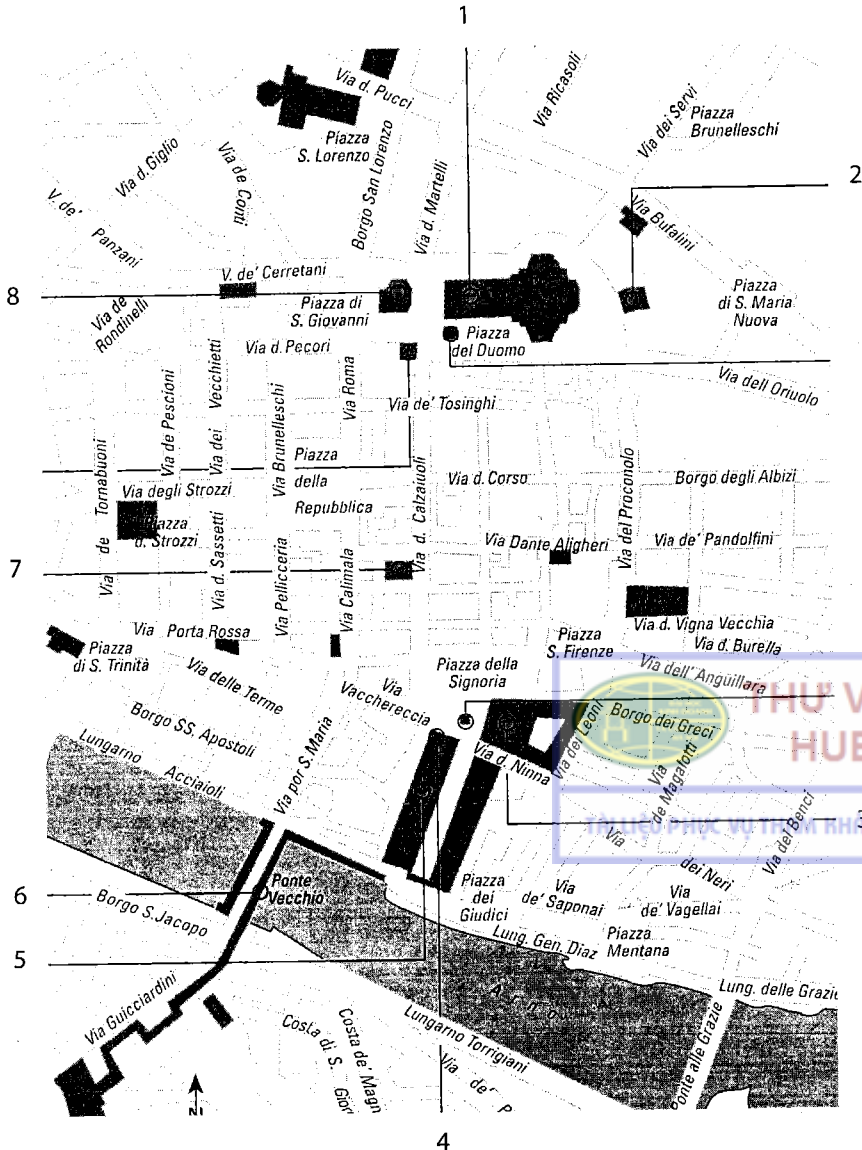
Năm 1289, công việc thiết kế nhà thờ mới được giao cho kiến trúc sư Arnolfo di Cambio (1250 - 1302). Đây là công việc khó khăn vì vào lúc đó người ta chưa có kinh nghiệm về xây dựng nhà thờ có quy mô lớn như vậy. Công việc đang ở bước đầu thì xảy ra sự cố lớn: Nhà kiến trúc qua đời vào năm 1302 khiến công việc bị đình trệ.

Đến năm 1331 công việc mới được khởi động lại. Người được giao tiếp tục công việc là họa sĩ kiến trúc sư Giotto và sau đó có sự góp sức của nhiều kiến trúc sư tài năng khác như Pisano, Francisco, Talenti... Công việc xây dựng nhà thờ mất khoảng 150 năm mới xong. Tổng thể kiến trúc khu giáo đường có quy mô đồ sộ nhằm thể hiện một giai đoạn phát triển rực rỡ của cộng đồng dân cư gắn liền với trung tâm tôn giáo này. Ở vùng miền trung Italia, thánh đường này cùng với tháp nghiêng Pisa và đấu trường Colosseo được xếp vào hàng các kiến trúc "bộ ba tiêu biểu nhất".

Việc xây dựng vòm mái là công việc khó khăn nhất vì quy mô quá lớn: vòm có đường kính 45m, đỉnh vòm cao tới 100m. Công việc được giao cho kiến trúc sư Filippo Brunelleschi (1377 - 1446) vào năm 1420 sau một cuộc thi tuyển phương án, và việc xây dựng đã kéo dài trong 14 năm. Tác giả công trình đồ sộ này đã phải đúc rút kinh nghiệm từ các vòm mái xây dựng trước đó, đặc biệt là vòm mái điện Pantheon ở Roma đồng thời đưa ra nhiều cải tiến kỹ thuật để sáng tạo nên vòm

Italya

1. Nhà thờ Maria del Fiore
2. Tháp chuông nhà thờ
3. Lâu đài Vecchio
4. Hiền trưng bày Lanzi
5. Bảo tàng Uffizi
6. Hành lang Vasariano
7. Nhà thờ Michele
8. Nhà thờ Rửa tội



mái nhà thờ này. Mặt bằng nhà phải có kích thước đủ lớn (dài 155m, rộng 90m) để làm bệ đỡ xứng đáng với tòa mái vòm đồ sộ. Tuy được xây dựng thành không gian đồ sộ nhưng các chi tiết trang trí nội thất vẫn được xử lý vô cùng tinh tế và kỹ lưỡng. Có đường cầu thang 463 bậc để đi lên đỉnh mái vòm.

Tòa tháp chuông của nhà thờ cũng là một kiệt tác kiến trúc thời Phục Hưng Italia bởi quy mô đồ sộ (cao 85m) và dáng vẻ bay bổng. Công trình trở thành điểm mốc không gian quan trọng nhất ở trung tâm thành phố. Từ tầng cao, khách thăm được chiêm ngưỡng toàn cảnh thành phố và cả khung cảnh đồi núi phía xa.



Trung tâm Firenze với hình ảnh nổi bật của nhà thờ
Thánh Maria del Fiore



Tháp chuông
nhà thờ
Maria del Fiore



Italia

Công trình được xây dựng năm 1334 theo thiết kế của kiến trúc sư Giotto. Vị kiến trúc sư này qua đời trước khi công trình kết thúc, nhưng đã được tiếp tục thực hiện với sự góp sức của nhiều kiến trúc sư tên tuổi khác, đó là các kiến trúc sư Andrea Pisano và Francesco Talenti. Bên trong tháp có cầu thang 414 bậc để khách thăm có thể lên đỉnh tháp ngắm toàn cảnh thành phố.

Đóng góp vào tổng thể kiến trúc quảng trường còn có công trình **Nhà thờ Rửa tội** hình bát giác nằm phía trước Nhà thờ Thánh Maria del Fiore, có quy mô nhỏ hơn nhưng kiến trúc rất tinh tế, mặt nhà bằng đá hoa, xây dựng theo thiết kế của Lorenzo Ghiberti. Các bộ cửa của nhà thờ được trang trí bằng các pa-nô phù điêu các hình ảnh tôn giáo, được coi là các kiệt tác về nghệ thuật điêu khắc.

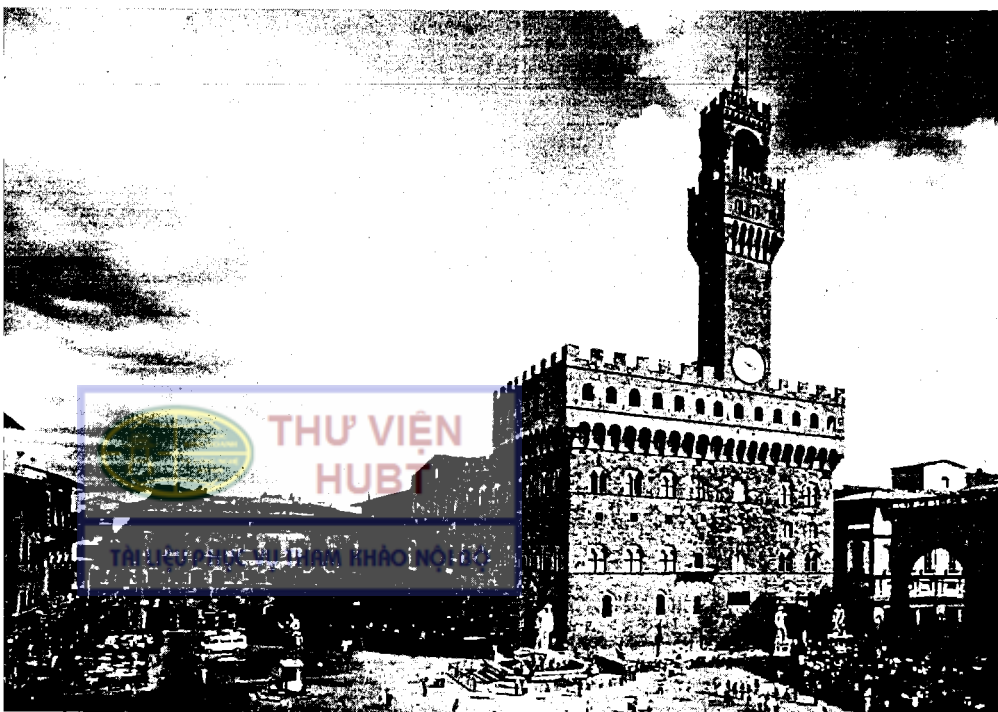
Nằm ở phía bắc quảng trường Nhà thờ Duomo là **quảng trường Annunziata** có một phong cách kiến trúc riêng.

Quảng trường gắn với nhà thờ cổ có mặt bằng hình chữ nhật (kích thước 50 x 80m) đã được cải tạo theo phong cách Phục Hưng. Năm 1419 lần đầu tiên kiến trúc sư Brunelleschi đưa yếu tố của kiến trúc Phục Hưng vào cải tạo mặt đứng của Nhà đón trẻ em lang thang, cơ nhỡ (Hospice des enfants trouvés) ở dọc một cạnh dài của quảng trường. Mặt chính của công trình là hành lang có hình thức kiến trúc vòm cuốn và thức cột Korinth, sau đó còn được bổ sung một hành lang ở mặt chính. Đầu thế kỷ XVI, để tạo hiệu quả kiến trúc thống nhất của quảng trường, kiến trúc sư Antonio da Sangallo đã bổ

sung một công trình tương tự công trình của Brunelleschi ở phía đối diện. Năm 1598, cùng theo nguyên tắc đối xứng, Jean Bologne và Pietro Tacca hoàn thiện quảng trường bằng tượng công tước Ferdinand cưỡi ngựa và hai đài phun nước.

*** Quảng trường Signoria và lâu đài Vecchio**

Vào thời Phục Hưng, nghệ thuật xây dựng quảng trường rất phát triển và đã làm nên những quảng trường đẹp nổi tiếng. Quảng trường Signoria (tức quảng trường Lãnh chúa) ở trung tâm thành phố Firenze là một ví dụ tiêu biểu. Thời Phục Hưng đề cao giá trị con người và quyền tự do công dân nên quảng trường là nơi nhân dân cũng như các nghệ sĩ đến tụ hội, gặp gỡ. Đây là nơi sinh hoạt công cộng luôn tấp nập với các hoạt động văn hóa nghệ thuật. Quảng trường có nhiều kiến trúc đẹp bao quanh và đặc biệt còn có các bể cảnh có vòi phun nước với rất nhiều tượng đẹp.



Quảng trường Signoria và lâu đài Vecchio

Italia

Quảng trường Signoria là ví dụ tiêu biểu của việc vận dụng các nguyên tắc quy hoạch, kiến trúc Phục Hưng Italia, đặc biệt trong việc trang trí quảng trường, đây là một trong số ít quảng trường ở Italia có số lượng lớn các kiến trúc sư, nhà điêu khắc nổi tiếng của thời Phục Hưng (Michelangelo, Baccio Bandinelli, Donatello, Giuliano da Sangallo, Jean Bologne...) tham gia cải tạo và trang trí. Các tác giả đã sáng tạo ra những công trình nghệ thuật tạo hình đặc sắc mang phong cách Phục Hưng và dành nhiều thời gian nghiên cứu vị trí thích hợp đặt các tác phẩm nghệ thuật để chúng phát huy hiệu quả trang trí tốt nhất. Vì thế người ta được chiêm ngưỡng trên quảng trường này cả một bộ sưu tập rất phong phú về tượng, đài phun nước, cùng các chi tiết trang trí khác theo phong cách Phục Hưng Italia. Đó là bức tượng David nổi tiếng, tượng đài công tước dòng họ Medici của Michelangelo, tượng Judith của Donatello, tượng Hercule và Cacus Bandinelli, đài phun nước Neptune của Jean Bologne... Nằm trong khu vực có mạng lưới các đường phố hẹp bố cục tự do, hình dạng quảng trường Signoria được hình thành qua nhiều lần cải tạo và tới thế kỷ XVI thì quảng trường có dạng hình thang (gần với hình chữ nhật 80 x 120m).

Kiến trúc đẹp và nổi bật trước không gian quảng trường là **lâu đài Vecchio** có khối tích đồ sộ và có ngọn tháp cao đột xuất. Tòa nhà này được coi là mốc không gian quan trọng thứ hai sau vòm mái nhà thờ Thánh Maria del Fiore.

Các kiến trúc khác thấp hơn, với dáng vẻ và độ cao khả thống nhất tạo cho quảng trường một không gian ấm cúng. Quảng trường trở

thành một bộ phận quan trọng liên kết các không gian của thành phố và đóng vai trò như một gian sảnh, tức phòng tiếp khách của cả ngôi nhà.

Lâu đài Vecchino có dáng vẻ kiên cố của một pháo đài với mặt tường đá để trần, tầng mái có tường lan can hình răng cưa và dây cửa cuốn tròn là những hình ảnh của kiến trúc thời Trung Cổ còn lưu lại. Công trình được xây dựng từ năm 1299 theo thiết kế của Arnolfo di Cambio và đã được tu sửa nhiều vào thế kỷ XIV - XV. Ngọn tháp cao 94m đặt lệch một bên được xây dựng vào năm 1310 theo kiểu tháp canh thời trung cổ, tạo một điểm nhấn không gian trên quảng trường.

Công trình được dùng làm trụ sở của Hội đồng thành phố và ngày nay là tòa Thị trưởng.

Quang cảnh sân trong của lâu đài Vecchio cho thấy sự phong phú của nghệ thuật trang trí thời Phục Hưng. Đây là những tác phẩm do nghệ sĩ Michelozzo thực hiện vào thế kỷ XV. Sự cân đối hài hòa của hàng cột và dây vòm cuốn của hành lang bao quanh đạt tới độ “tỷ lệ vàng” của nghệ thuật kiến trúc cổ điển. Những bức tranh lớn trên tường mô tả những cảnh đẹp của Italia và nước Áo.

Phòng hội nghị của Hội đồng thành phố đủ chỗ cho 500 người, đồng thời cũng là gian triển lãm lớn trưng bày tác phẩm nghệ thuật của những tài năng lớn của Firenze. Việc thiết kế trang trí do Vasari thực hiện với những bức tranh lớn mô tả nhiều sự kiện lịch sử, và nhiều bức tượng nổi tiếng của Michelangelo.

Nằm trên quảng trường phía trước lâu đài Vecchio là một loạt tượng các nhân vật quan trọng được tạc bằng đá cẩm thạch, đó là tượng công tước dòng họ Medici trên mình ngựa (cao 4,5m, làm năm 1587), nhóm tượng đài phun nước Neptune (cao 5,6m, làm năm 1560), tượng David (cao 4,34m, làm năm 1501), tượng Hercule (1525). Bức tượng David do Michelangelo tạc diễn tả một chàng trai oai hùng được coi là biểu tượng sức mạnh của thành phố Firenze.

Bức tượng David của Michelangelo là một kiệt tác của nghệ thuật điêu khắc, nguyên bản được bảo quản trong bảo tàng, bức tượng

Italia

ngoài trời là phiên bản. Khuôn mặt cương nghị, vóc dáng đầy khí thế của tuổi trẻ, chàng trai David là tượng trưng của xã hội đang đi lên vào thời Phục Hưng.

Nằm phía trái lâu đài Vecchio có một kiến trúc không lớn nhưng lại có giá trị đặc biệt, đó là **hiên trưng bày tượng**. Hiên có mái che nhưng không có tường vây kín, mở thông ra quảng trường với ba vòm cuốn lớn, bao quanh thêm hiên có bậc lên và ghế đá để ngồi nghỉ.

Được các kiến trúc sư Cione và Talenti xây dựng năm 1380, ban đầu hiên được dùng cho việc soạn sửa các nghi lễ diễn ra trên quảng trường, sau đó có thời gian là nơi nghỉ đội cận vệ



Tượng David ở quảng trường Signoria

của công tước dòng họ Medici. Nay là nơi trưng bày nhiều tác phẩm điêu khắc nổi tiếng của các nghệ sĩ đã thành danh ở Firenze.

Kiến trúc sư Andrea Orcagna thiết kế và xây dựng công trình Nhà trưng bày và hội họp từ năm 1376 đến 1382. Công trình có hình thức kiến trúc dạng vòm, khởi đầu phong cách kiến trúc Phục Hưng trên quảng trường Signoria. Phong cách kiến trúc Phục Hưng của quảng trường lần lượt bộc lộ đầy đủ nhờ các thành phần kiến trúc và trang trí được bổ sung qua các giai đoạn cải tạo với sự đóng góp của nhiều thế hệ kiến trúc sư và nhà điêu khắc Phục Hưng.

Năm 1560 kiến trúc sư Giorgio Vasari hoàn thiện hình thái kiến trúc quảng trường bằng cách xây dựng các cửa hàng, nhà làm việc đồng thời dỡ bỏ những ngôi nhà lụp xụp ở xung quanh quảng trường. Từ đó, quảng trường là một tổng thể không gian khép kín, mang đặc trưng không gian kiến trúc của một quảng trường điển hình thời Phục Hưng Italia.

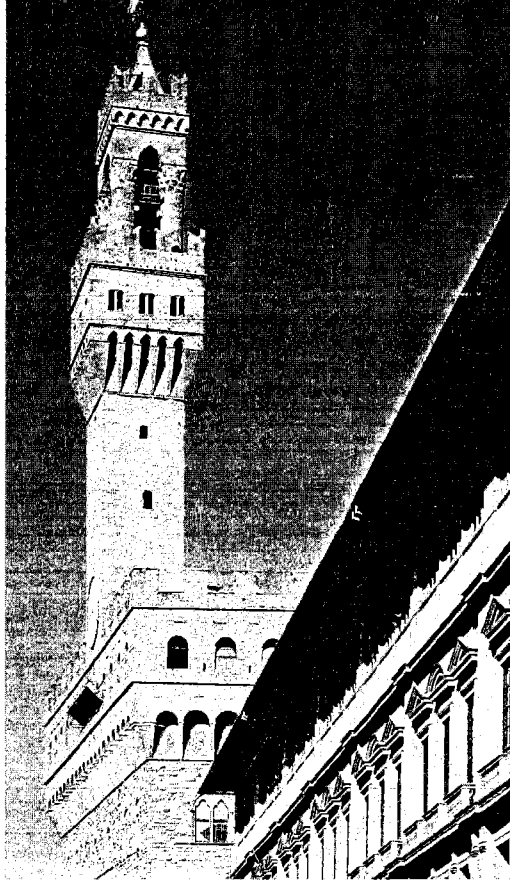
*** Nhà triển lãm Uffizi**

Nằm kề bên lâu đài Vecchio, nhà triển lãm Uffizi có mặt bằng dạng chữ U, với hai cánh nhà dài song song gồm rất nhiều phòng bày tranh theo từng chuyên đề. Công trình nguyên là nhà làm việc của bộ máy hành chính thành phố, xây dựng vào năm 1559 theo thiết kế của kiến trúc sư Giorgio Vasari. Tại vị trí đất đai khá chật chội, kiến trúc sư đã khéo giải quyết bố cục hai cạnh dài song song, tạo ra bên trong như một đường phố nội bộ. Công trình chưa kết thúc thì tác giả đã án qua đời (1574), công việc được hai kiến trúc sư khác tiếp tục là Bernardo Buontalenti và Alfonso Parigi. Kiến trúc tỉ mỉ, tinh tế và cầu kỳ theo phong cách chủ nghĩa Thủ pháp (mannerism).

Đây là nơi lưu trữ các tác phẩm hội họa thời Phục Hưng rất phong phú, được xếp trong số những bảo tàng nghệ thuật hàng đầu thế giới về thời kỳ này.

Một đường hành lang có mái che dài tới 1000m nối tòa nhà Uffizi với cây cầu bắc qua sông Arno (cầu Vecchio) thẳng tới lâu đài Pitti ở bên kia sông. Công trình hành lang mang tên Corridoio Vasariano đã góp phần tạo nên cảnh quan đẹp bên bờ sông và cũng rất nổi tiếng, đã thu hút rất đông khách qua lại.

Italia



Tháp lâu đài Vecchio và cánh nhà Uffizi

*** Bảo tàng Bargello**

Từ lâu đài Vecchio tới nhà thờ Thánh Maria del Fiore, du khách đi qua đoạn phố cổ Proconsolo nằm kẹp giữa bảo tàng Bargello và nhà thờ Fiorentina. Đây là nơi khách bốn phương thường đến ghi lại hình ảnh tuyệt đẹp của con phố nhỏ ấm cúng xen giữa hai ngọn tháp cao.

Bargello chính là bảo tàng quốc gia được đặt trong công trình giống như một pháo đài cổ xưa xây dựng từ năm 1225. Đặc điểm kiến trúc pháo đài thời trung cổ thể hiện rõ ở bờ tường răng cưa trên mái cũng như trên nóc tòa

tháp. Công trình có thời gian dùng làm tòa án và nhà tù (1502) và trụ sở của cơ quan bảo vệ an ninh đô thị (1574). Chỉ từ năm 1859 mới được chuyển đổi thành bảo tàng quốc gia.

*** Kiến trúc đẹp trên sông Arno**

Vùng Toscane nằm ở miền trung Italia có đồng bằng phì nhiêu và cũng là nơi có nhiều cảnh đẹp. Sông Arno hiền hòa phát nguồn từ rừng núi Apennine phía đông rồi chảy về phía tây, qua các thành phố đẹp nổi tiếng là Firenze và Pisa (nơi có tòa tháp nghiêng nổi tiếng). Sông có chiều dài 240km chảy vào Địa Trung Hải.

Chính sông Arno đã làm cho Firenze có kinh tế trù phú và từ đó có văn hóa và nghệ thuật phát triển rực rỡ.

Lòng sông không rộng, mặt nước khá phẳng lặng in bóng trời mây trong vắt và các kiến trúc đẹp trên đôi bờ. Đặc biệt, để nối hai phần đô thị phía bắc và phía nam, trên sông có nhiều cây cầu đẹp, kiến trúc đặc sắc.

Trên đoạn sông Arno chảy qua trung tâm thành phố có tới năm cây cầu bắc qua, các cầu cách nhau chỉ khoảng bốn năm trăm mét.



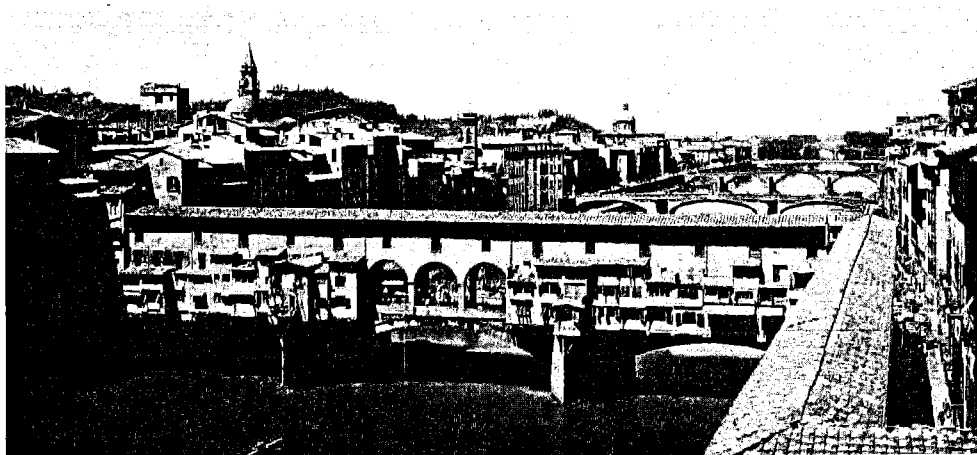
Khung cảnh kiến trúc hai bên sông Arno

NGHỆ THUẬT
KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ

Italia

Theo chiều dòng chảy, phía thượng nguồn (phía đông) là cầu Grazie, tiếp đến là cây cầu độc đáo nhất: cầu Vecchio, sau đó là các cầu Trinita, cầu Carraia và cầu Vespucci.

Cầu Vecchio độc đáo ở chỗ có hai dãy cửa hàng ở hai bên mặt cầu, nên cây cầu không khác một đường phố thương mại trong khu phố cổ.



Cầu Vecchio trên sông Arno
(ban ngày)



Cầu Vecchio
trên sông Arno
(ban đêm)

Trên cầu ở mặt phía đông có hành lang Vasariano nằm phía trên các cửa hàng, nối từ nhà triển lãm Uffizi tới lâu đài Pitti ở bờ nam sông Arno.

Cầu Vecchio được xây dựng vĩnh cửu từ năm 1345. Cầu là lối qua lại chính giữa hai phần bắc nam nên có nhiều quán bán hàng, thậm chí có lúc cầu trở thành nơi họp chợ. Sau chính quyền thành phố quy định chỉ có hàng hóa tinh khiết mới được mua bán tại đây, từ đó cầu được chỉnh trang với hai dãy cửa hàng đẹp bán hàng lưu niệm, đồ kim hoàn xen giữa vài hàng giải khát.

Lâu đài Pitti được xây dựng giữa thế kỷ XV ở bờ nam sông Arno, do kiến trúc sư Brunelleschi thiết kế cho một nhà buôn giàu có, sau được dòng họ Medici mua lại và mở rộng thêm. Đến thế kỷ XVII lại được sửa sang thành nhà triển lãm nghệ thuật tranh và đồ mỹ nghệ vàng bạc. Sân trong của lâu đài Pitti do Bartolomeo Ammanati (1511 - 1592) thiết kế theo phong cách điển hình của chủ nghĩa Thủ pháp (mannerism) ở Firenze.

**** Những nhà thờ cổ xinh xắn và ấm cúng***

Trong số những di sản kiến trúc đặc sắc của Firenze phải kể đến những nhà thờ cổ nằm rải rác ở nhiều khu phố, quy mô không lớn như nhà thờ trung tâm nhưng có không gian kiến trúc xinh xắn và ấm cúng. Đó là các nhà thờ như: Santa Croce (ở phía đông thành phố), Santa Maria Novella (phía tây bắc) và San Miniato Al Monte (ở ngoại vi phía nam thành phố).

Nhà thờ Santa Croce được xây dựng theo thiết kế của Alnolfo di Cambio trong khoảng thời gian từ 1294 đến 1385, cũng là để thay thế một nhà thờ cũ nhỏ hơn có từ năm 1222. Việc xây dựng và hoàn thiện nhà thờ còn được tiếp tục trong nhiều năm về sau, đặc biệt mặt chính rất đẹp của nhà thờ như ta thấy ngày nay còn được hoàn thiện tới tận năm 1850 (năm thế kỷ sau). Nhà thờ cũng là nơi chứa đựng phần mộ của những nhân tài nổi tiếng như Michelangelo, Galileo, Ghiberti và Machiaveli, là nơi lưu giữ nhiều tác phẩm tranh tượng kiệt xuất của vùng Firenze.

Nằm trước một quảng trường đẹp và ấm cúng, nhà thờ **Santa Maria Novella** khá gần trung tâm thành phố nên cũng là nơi diễn ra nhiều lễ hội tôn giáo. Quảng trường được trang trí hai cột biểu tượng

Italia



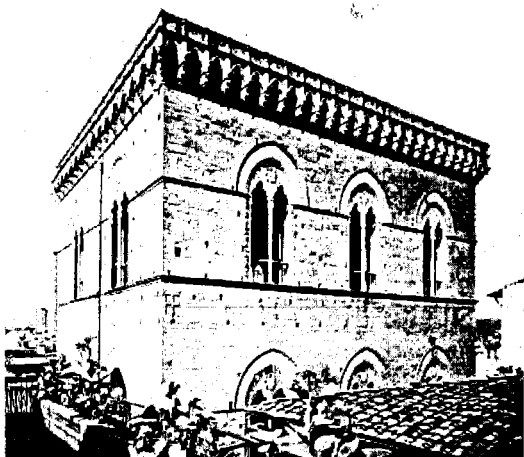
Nhà thờ Santa Croce



Nhà thờ Santa Maria Novella

đẹp với tượng nhỏ do Giambologna thực hiện. Mặt nhà thờ được tạo hình mỹ lệ với bàn tay của nghệ sĩ bậc thầy Leone Battista Alberti (1404 - 1472), tiến hành vào năm 1456.

Nhà thờ Santa Miniato Al Monte nằm ở vị trí khá xa phía nam thành phố, bên kia sông Arno trên một địa hình đồi cao, cùng với các ngôi nhà xung quanh tạo nên một tổng thể kiến trúc hấp dẫn. Nhà thờ thuộc loại khá cổ hình thành từ thế kỷ XI và việc xây dựng cũng được thực hiện qua nhiều đợt và đến nay vẫn được bảo tồn khá nguyên vẹn, như là một dấu tích văn hóa quý giá của thời Tiền Phục Hưng.



Nhà thờ
San Michele



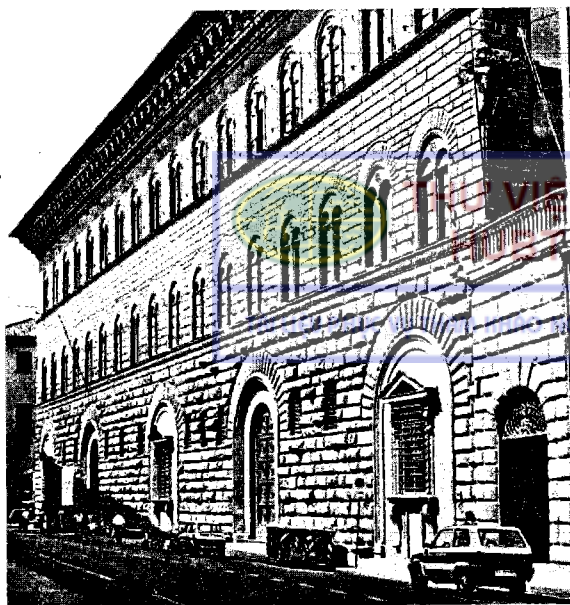
Nhà thờ
San Lorenzo

NGHỆ THUẬT
KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ

Italia



Nhà thờ Santa Spirito



Lâu đài Medici - Riccardi

6. HÀNH TRÌNH DU LỊCH

DI SẢN VĂN HÓA VÀ NGHỆ THUẬT ĐÔ THỊ

Những kiến trúc có giá trị nghệ thuật cao, những cảnh quan đô thị đẹp, những quảng trường, những lâu đài, tượng đài... đã tạo nên “những đỉnh cao của nghệ thuật đô thị” Italia, cùng với vô cùng nhiều những di sản nghệ thuật được xếp hạng là di sản văn hóa nhân loại, luôn là mục tiêu của những ai mong muốn đi du lịch trên đất Italia.

Vì thế mục tiêu của những chuyến du lịch đến Italia trước tiên là những đô thị lớn được xem như những “trung tâm của một nền văn minh” đó là những Roma, Venezia, Firenze, rồi tiếp đến là những Milano, Torino (ở phía bắc) cho đến những Palermo, Napoli (ở phía nam)...

Một tuyến du lịch “xuyên Italia” từ nơi cực bắc suốt chiều dài đất nước “hình chiếc ủng” cho đến điểm cực nam trên đảo Sicile, sẽ cung cấp cho du khách cơ hội chiêm ngưỡng kho di sản nghệ thuật vô cùng phong phú của đất nước này.

1. Milano - Kinh đô thời trang

Milano là thành phố lớn thứ hai của Italia sau Roma. Dân số gần 1,5 triệu người, là nơi có nhiều công trình kiến trúc lịch sử, tập trung

Italia

xung quanh quảng trường Piazza del Duomo, đây cũng là trung tâm chính của thành phố. Quảng trường dành cho khách bộ hành, phía đông quảng trường có ngôi nhà thờ kiến trúc Gothic lớn nhất thế giới, xây dựng vào năm 1386 và phải mất 5 thế kỷ mới hoàn thành. Người ta ngạc nhiên về một công trình vĩ đại do con người tạo nên, đặc biệt là sự trang trí vô cùng phong phú cũng như kích cỡ của nó vượt quá sự tưởng tượng của con người. Mặt trước của ngôi nhà thờ là một sự pha trộn kỳ lạ của kiến trúc Barocco và kiến trúc Gothic. Bên trong nhà thờ có tượng chúa Jesus đóng đinh trên cây thánh giá, được gia công để trở thành hàm thiếc cho dây cương ngựa của Hoàng đế Constantine. Dưới chính điện nhà thờ có hầm mộ hình bát giác đặt di hài của Thánh Charles Borromeo là một Hồng y Giáo chủ ở thế kỷ XVI, đã được phong Thánh bởi sự quan tâm giúp đỡ những người nghèo trong thành phố.

Thi hài ông đặt trong một quan tài bằng kính, trong bộ trang phục Hồng y và một vương miện bằng vàng. Cạnh nơi an nghỉ của Borromeo là phòng trưng bày các tác phẩm bằng ngà Byzantine và những bộ lễ phục được thêu rất tinh tế. Phía cổng vào có phòng rửa tội, nơi Thánh Ambrose đã rửa tội cho Thánh Augustine vào năm 387 sCn.

Nằm ở miền tây bắc Italia, thuộc vùng Lombardia, Milano từng là một trong những thành phố giàu nhất ở châu Âu, nơi có nền thương mại phát triển và cũng có rất nhiều công trình kiến trúc và những tác phẩm nghệ thuật vô giá. Thành phố này nổi tiếng là kinh đô thời trang của thế giới, nơi quy tụ các cửa hàng thời trang hàng đầu, những nhà hàng sang trọng, các gallery nghệ thuật cao cấp.

ITALY



Bản đồ Italia

Ấn tượng đầu tiên khiến du khách ngỡ ngàng về Milano là **Nhà thờ Duomo di Milano, Piazza del Duomo**, quảng trường trung tâm thơ mộng luôn có những đàn bồ câu ríu rít. Duomo di Milano chính là ngôi thánh đường mà nhà văn Mark Twain gọi là "một tác phẩm thi ca bằng cẩm thạch", đây là nhà thờ lớn thứ ba ở châu Âu có kiến trúc Gothic với 135 ngọn tháp, khởi công xây dựng vào năm 1386 và hoàn thành sau hơn năm thế kỷ.

Phía nam quảng trường có nhà Bảo tàng Duomo trưng bày khoảng 3000 hiện vật là các bức tượng và các vật trang trí. Cùng trong tòa nhà này còn có Bảo tàng nghệ thuật đương đại với bộ sưu tầm nghệ thuật thế kỷ XX là tác phẩm của các danh họa như Chirico, Boccioni, Morandi...

Ở phía nam còn có nhà thờ San Satiro, cạnh phố chợ Via Torino. Nhà thờ do nhà kiến trúc thời Phục Hưng hàng đầu của Milan, là Bramante thiết kế và xây dựng vào năm 1476. Từ một nhà thờ nhỏ xây

Italia

dựng ở thế kỷ IX, Bramante chuyển nhà thờ nhỏ hình chữ nhật dài thành nhà thờ có gian cánh ngang. Gần chợ Via Torino, tại quảng trường Pio XI là thư viện Pinacoteca Ambrosiana, do gia đình Borromeo và giáo chủ Federico sáng lập. Đây từng là một trong những thư viện lớn nhất châu Âu, trưng bày bộ sưu tầm nghệ thuật của giáo chủ Federico.

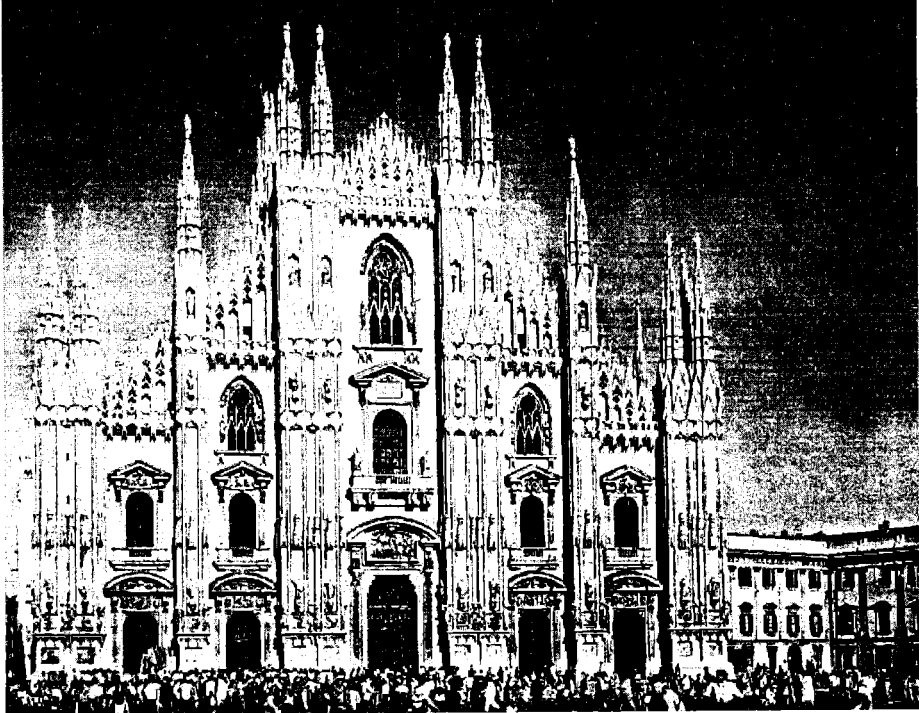
Đối diện với quảng trường là Galleria Vittorio Emanuele sang trọng, có mái vòm kính mặt bằng hình chữ thập xây dựng vào năm 1865 (do Giuseppe Megoni thiết kế). Tác giả thiết kế đã bị ngã từ mái nhà và qua đời vài ngày trước khi công trình khánh thành. Cạnh phòng trưng bày là nhà hát Opera La Scala nổi tiếng thế giới, khai mạc năm 1778 với vở opera Antonio Salieri. Tại đây còn có một bảo tàng nhỏ, trưng bày tượng thạch cao của các nhà soạn nhạc đã qua đời (khuôn thạch cao các bàn tay của nhạc trưởng và bức tượng Puccini trong một chiếc áo choàng rộng).

Phía bắc của nhà hát còn có nhiều nhà trưng bày nghệ thuật và các cửa hiệu mỹ nghệ, trong đó nổi bật nhất là phòng trưng bày Pinacoteca di Brera, nơi có nhiều tác phẩm lấy từ các nhà thờ, các bộ 'sưu tầm của các nhà quý tộc Italia thời Pháp chiếm đóng.

Không chỉ nổi tiếng về thời trang, Milano còn là thành phố đẹp với các gian hàng hóa trưng bày trong tủ kính. "Kinh đô thời trang thế giới" Milano gắn liền với tên các nhãn hàng lừng danh như: Armani, Gucci, Benetton...

2. Torino, một trung tâm kiến trúc Barocco

Là một trung tâm văn hóa lớn ở tây bắc Italia với các viện bảo tàng hoành tráng, những nhà hàng, cửa hiệu sang trọng, cảnh quan đô thị có



Thánh đường Duomo, niềm tự hào của thành phố Milano



Cổng vào Galleria Vittoria Emanuele (phía quảng trường Nhà thờ Duomo)

NGHỆ THUẬT
KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ

Italia

Bên trong
Galleria Vittoria Emanuele
thành phố Milano



Kiến trúc nhà thờ
thị trấn Novara
(trong vùng Milano)



dòng sông Po chảy ngang qua, đồi núi xanh mướt làm cho Torino có khí hậu dễ chịu quanh năm.

Các kiến trúc chủ yếu của thành phố mang phong cách kiến trúc Barocco, được hình thành vào thời Savoia. Đến thăm Torino là để được chiêm ngưỡng những thắng cảnh nổi tiếng như:

Tòa giáo đường Do Thái Mole Antonelliana xây dựng năm 1888 có tháp cao 167,5m (đương thời là công trình cao nhất ở châu Âu) và nay là bảo tàng điện ảnh lớn nhất châu Âu.

Bảo tàng Museo dell' Automobile trưng bày bộ sưu tập hơn 170 loại xe cộ, từ thế kỷ 18, đặc biệt có nhiều loại xe thể thao độc đáo.

Thánh đường Duomo di San Giovanni chỉ mở cửa khi có lệnh của Giáo hoàng (lần sau cùng mở cửa là dịp Lễ mừng vào năm 2000, lần tiếp tới sẽ được mở cửa vào dịp Lễ mừng năm 2025).

Bảo tàng Ai Cập trưng bày bộ sưu tập các đồ tạo tác Ai Cập cổ. Xây dựng năm 1824 do vua Carlo Felice (sau khi có được bộ sưu tập khảo cổ Drovetti, bảo tàng chứa hơn 30.000 mẫu vật). Lâu đài từng



Nhà thờ và tu viện Superga ở Torino

là nơi ở của Nữ hoàng Palazzo Madama, Piazza Castello có phòng nghỉ ngơi sau khi tham quan được trang bị ghế dài màu đỏ, nhiều chùm đèn lộng lẫy. Khu vực các nhà hàng Quadrilatero Romano vốn là thị trấn Roman cổ, nằm ở đông bắc tòa nhà Piazza Castello.

Galleria Subalpina là con đường đi bộ từ Piazza Castello qua Piazza Carlo Alberto, một trong những điểm thu hút rất đông du khách. Công viên Valentino, là công viên lớn nhất ở khu trung tâm Torino nằm dọc theo sông Po, trong khu vực này có Lâu đài Valentino và khu làng Trung cổ. Khu Castello di Rivoli ở phía đông Torino, được tạo dựng là một Bảo tàng nghệ thuật đương đại. Corso Francia là "con đường dài nhất thế giới", xây dựng để kết nối Hoàng cung tại trung tâm Torino với Lâu đài Rivoli.

3. Verona, quê hương thiên tình sử Romeo - Juliet

Verona là thành phố lớn thứ ba của Italia và cũng là trung tâm lễ hội nổi tiếng đặc biệt là những ngày diễn ra các lễ hội opera lớn của thế giới tổ chức tại khán đài cổ Arena được xây dựng từ thời La Mã. Kiến trúc thời Trung cổ với nhiều lâu đài còn giữ được khá nguyên vẹn. Verona còn là điểm dừng chân thú vị trên hành trình du lịch theo tuyến miền bắc Italia nhờ gắn liền với thiên tình sử "Romeo và Juliet" nơi có "chiếc ban công nổi tiếng" của ngôi nhà nàng Juliet, tại đây đôi tình nhân lên gặp nhau tình tự trong đêm, đã đi vào huyền thoại.

Vào mùa xuân và mùa thu thường diễn ra rất nhiều lễ hội đặc sắc như lễ hội opera, lễ hội La Mã. Về đẹp Verona được cảm nhận với nhiều cái tên khác nhau như "thành phố màu hồng"

(vì có nhiều ngôi nhà được sơn màu hồng) hay “thành phố tình yêu” (do gắn liền với câu chuyện tình yêu của Romeo và Juliet, “thành phố đá” bởi vật liệu đá là thành phần chủ yếu tạo nên Verona với rất nhiều tòa thành bằng đá, những ngôi nhà xây bằng đá và cả những con đường lát đá. Đấu trường La Mã (Arena Romana) được xây dựng bằng đá khối cẩm thạch màu hồng cỡ lớn được xem là một mô hình thu nhỏ của đấu trường La Mã ở Roma. Ở đây không còn trận đấu của các võ sĩ, hay các cuộc đua ngựa, nhưng lại trở nên lãng mạn với các chương trình hòa nhạc được trang bị âm thanh và ánh sáng diễm lệ. Khi chiều xuống, Arena Romana và các công trình kiến trúc xung quanh càng đẹp rực rỡ do phản chiếu ánh mặt trời khi chiếu vào những viên đá cẩm thạch màu hồng.

Ngôi nhà của nàng Juliet với chiếc ban công huyền thoại, bên trong là một bảo tàng nhỏ với các vật dụng thuộc thế kỷ XVI - XVII, những bức họa và tranh vẽ liên quan đến các câu chuyện trong các vở kịch của Williams Shakespeare.

Thánh đường San Zeno Maggiore tiêu biểu cho kiến trúc nhà thờ của Verona xây dựng từ thế kỷ XII, nay vẫn được bảo tồn nguyên vẹn với các mái vòm và ngọn tháp cao 72m.

Cây cầu Scala xây theo kiểu pháo đài bắc qua dòng sông Adige yên ả cũng là một hình ảnh biểu tượng của Verona.

4. Thành phố Genoa

Nằm bên bờ biển phía tây bắc Italia và là cảng biển chính của nước này. Đến Genoa có thể được khám phá cuộc sống đầy đại dương qua những bảo tàng sinh vật biển phong phú, đa dạng và hoành tráng nhất thế giới, thành phố cũng lưu giữ được những công trình kiến trúc cổ có giá trị với rất nhiều nhà thờ, cung điện, viện bảo tàng...

Là thành phố hải cảng lớn nhất của Italia và có vị trí thứ hai ở khu vực Địa Trung Hải, sau Marseille của Pháp, có khối lượng vận chuyển hàng năm hơn 42.000.000 tấn, cảng này tiếp nhận những loại hàng nặng như quặng, sắt, thép, than... và xuất các mặt hàng tiêu dùng.

Vốn là thủ phủ của vùng duyên hải Liguria, vào khoảng năm 200 tCn, sát nhập vào La Mã với tư cách là một tỉnh tự trị, về sau Genoa

Italia

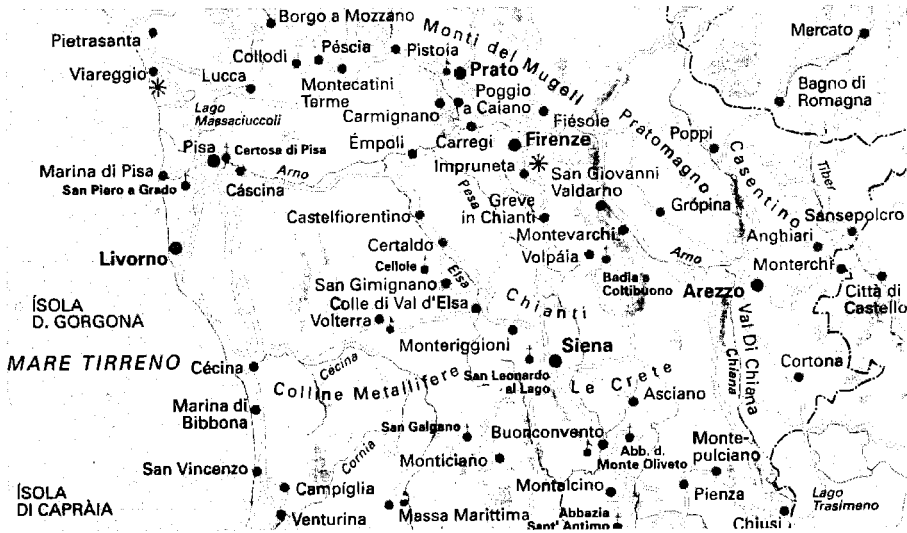
thuộc về người Hérulé, người Goths, rồi người Byzance, người Lombardie và Charlemagne. Vào thế kỷ XI, Genoa cùng với Pisa chiến đấu chống quân Hồi giáo ở biển Tyrrhenienne và Địa Trung Hải. Thế kỷ XII giành được độc lập và quyền cai trị được giao cho các vị chấp chính được bầu ra hàng năm, sau đó chuyển vào tay các Pháp quan và cuối cùng thuộc về một thủ lĩnh nhân dân, mà người lãnh trách nhiệm đầu tiên là G. Boccanegra (1257 - 1262), sang năm 1339, mới lập chức tổng đốc. Những cuộc thập tự chinh của người Genova đã mang lại cho họ những nhượng địa ở phương Đông và sau đó là đế quốc Constantinople. Năm 1261, Genova đánh thắng Pisa và giành được các đảo Sardaigne và Corse.

Genova cũng là thành phố công nghiệp lớn đứng hàng thứ ba của Italia với các nhà máy đóng tàu, nhà máy lọc hóa dầu, công nghiệp luyện kim, công nghiệp cơ khí chế tạo máy.

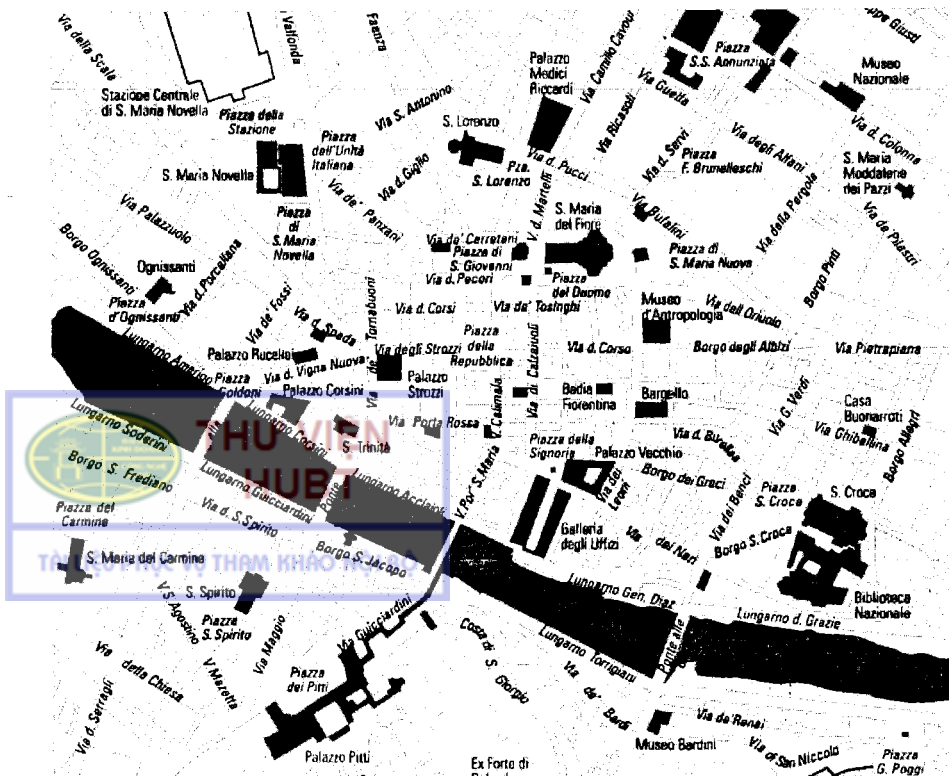
Khu vực thành phố cổ nằm liền với khu cảng, còn phần thành phố mới phát triển rộng từ tây sang đông, sát nhập thêm những vùng lân cận như Camigliano, Sestri, Ponente, Voltri, Nervi...

Genoa cũng còn là một thành phố du lịch hấp dẫn, nơi có nhiều công trình kiến trúc huy hoàng tráng lệ, như lâu đài Bianco được xây dựng trong thế kỷ XVII - XVIII, lâu đài San Giorgio được xây dựng trong khoảng năm 1260- 1571. Nhiều ngôi nhà thờ cổ được xây dựng từ những thế kỷ trước Công nguyên.

Nhà thờ San Lorenzo là một kiến trúc cổ rất tiêu biểu của đạo Thiên Chúa, nội thất được trang trí những điêu khắc lớn, công trình nhà thờ lát đá cẩm thạch đen và trắng. Xây dựng vào thế kỷ XII trong thời kỳ Phục Hưng (thời



Bản đồ các đô thị và di tích kiến trúc miền Trung, Italia



Bản đồ khu trung tâm Firenze

Italia

kỳ đầu), nhà thờ đã được coi là biểu tượng của Genoa.

Santa Maria di Castello lại là công trình nhà thờ có vẻ đẹp thanh nhã, độc đáo, theo phong cách kiến trúc truyền thống của La Mã, nhà thờ được sử dụng như một bảo tàng và là nơi lưu giữ những hiện vật lịch sử quý giá.

Bảo tàng **Museo Chiossone** được xây để tưởng nhớ họa sĩ nổi tiếng Edoardo Chiossone, xây dựng năm 1898. Nằm trong công viên Villetta Di Negro trên một khu đồi cây mang vẻ đẹp cổ kính và yên bình. Bảo tàng lưu giữ bộ sưu tập khổng lồ các tác phẩm nghệ thuật Nhật Bản (bản in, điêu khắc, đồ sứ, sơn mài, áo giáp, mặt nạ, nhạc cụ, trang phục) do họa sĩ Edoardo Chiossone đã bỏ nhiều công sức sưu tầm. Trong khi đó bảo tàng **Museo Nazionale dell' Antartide** là bảo tàng vạn vật học, và cũng là bảo tàng lịch sử của thành phố.

Bảo tàng **Museo Luzzati** rất nổi tiếng về kiến trúc cổ đại, xây dựng vào thế kỷ XV, là nơi để khách khám phá nền văn hóa và sự phát triển của Genoa, chiêm ngưỡng những tác phẩm tuyệt vời của họa sĩ bậc thầy Italia như Errtanuele Luzzati.

Tòa nhà **Palazzo San Giorgio** là một trong những tuyệt tác kiến trúc của Genoa nằm ở quảng trường Piazza Caricamento xây dựng từ năm 1260.

Quảng trường trung tâm của Genoa là Piazza de Ferrari, nơi diễn ra cuộc sống sôi động của người dân thành phố, nơi có nhiều cung điện đẹp như Ducale, Teatro Carlo Felice, tòa nhà cổ kính của Học viện mỹ thuật. Quanh quảng trường có nhiều nhà hàng và quán cà phê mang phong cách địa phương.

Nhà hát Opera là một phần không thể thiếu trong cuộc sống văn hóa của Genoa, nơi nổi tiếng phát sinh nhiều nghệ sĩ có tài. Rạp hát Carlo Felice nổi tiếng về cách trang trí sân khấu có từ thế kỷ XVI; Rạp hát Modena xây dựng vào thế kỷ XIX và nhiều lần được trùng tu phục hồi, các chương trình hoạt động của nhà hát thường kéo dài từ tối đến khuya với rất nhiều buổi trình diễn đặc sắc.

5. Quảng trường Pisa, “Cánh đồng của những điều kỳ diệu”

Quảng trường nhà thờ ở Pisa được mang tên “Cánh đồng của những điều kỳ diệu” (Campodei Miracoli), nơi đây đã xây dựng một khu phức hợp kiến trúc đồ sộ thời trung cổ ở Italia, với những tòa nhà trắng lè, những không gian kiến trúc hài hòa và cân đối với một phong cách kiến trúc rất độc đáo.

Không gian quảng trường hình thành từ thế kỷ XI đến thế kỷ XIII, là thời gian có sự ra đời ồ ạt của những nước cộng hòa hùng mạnh, gắn liền với nghề đi biển. Các quốc gia này đã có nền thương nghiệp phát triển trong khắp vùng Địa Trung Hải. Đời sống kinh tế và văn hóa của thành phố này đã có ảnh hưởng mạnh mẽ đến nhiều nền văn minh khác, được phản ánh vào đặc trưng kiến trúc ở Campo dei Miracoli.

Tổng thể kiến trúc kỳ vĩ này được xây dựng nên để kỷ niệm cuộc chinh phạt thắng lợi của người Palermo trước quân Hồi giáo (vào năm 1063) để giải phóng quê hương mình, cảm tạ Đức Mẹ Maria đã bảo vệ thành phố, người ta cho xây một thánh đường mới nằm sát tường thành về phía bắc của thành phố, đó là quần thể kiến trúc Đại giáo đường của thành phố với một nhà thờ rửa tội, một gác chuông đồ sộ và một khu nghĩa địa.

Việc xây dựng khởi đầu năm 1064 và phải trải qua ba giai đoạn với sự tham gia của nhiều kiến trúc sư.

Kiến trúc sư Buschetto là người thực hiện giai đoạn đầu của công trình vào năm 1063 và kết thúc vào năm 1118, lễ phong thánh nhà thờ do Đức Giáo Hoàng Gelasius II thực hiện. Kiến trúc sư Rainaldo tiếp theo đã thay đổi đôi chút so với thiết kế ban đầu: phần thân của thánh đường được mở rộng bằng cách thêm 3 gian lối mà ngày nay ta vẫn còn thấy ở mặt trước tòa nhà. Mặt tiền được hoàn tất vào khoảng giữa thế kỷ XII, bằng cách xây thêm một số tầng nữa. Phần bên trong thánh

Italia

đường được chia thành 5 gian phân bố theo hình chữ thập kiểu Latinh, phía trên các gian thờ là mái vòm hình elíp. Các khoảng trống cũng như sự phân bố các căn phòng trong tòa nhà mang phong cách các hoàng cung La Mã. Bên trong nhà thờ chứa đựng rất nhiều tác phẩm nghệ thuật trong đó có cả các bức tranh của Giovanni Pisano, ở gian tụng niệm có các bức bích họa Ghirlandaio và trên mái vòm được trang trí các bức khảm hình Thánh John của Cimabue thực hiện từ năm 1301.

Năm 1153, kiến trúc sư Diotisalvi bắt đầu xây dựng nhà thờ rửa tội nằm ở phía trước nhà thờ chính, công trình phải kéo dài đến cuối thế kỷ XIV mới hoàn thành. Lối kiến trúc truyền thống với mặt bằng hình tròn, bên ngoài là 2 tầng hành lang vòm cột dưới các chóp hình nón, trên cùng là một vòm lớn hình bán cầu có chóp đỉnh. Đây là kiến trúc chịu ảnh hưởng của cả phong cách Byzantine và Gothic với rất nhiều trang trí cầu kỳ trên cổng chính, bên ngoài tòa nhà cũng như bên trong.

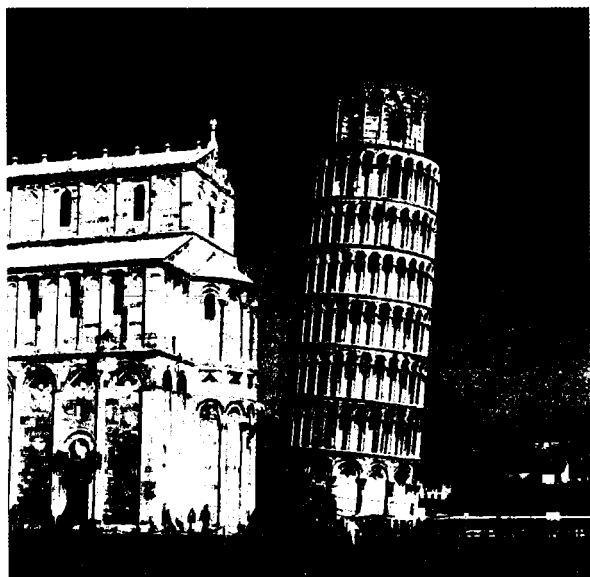
Tuy nhiên công trình khá đặc sắc tạo nên sự nổi tiếng cho cả quần thể kiến trúc ở đây lại chính là Tòa Tháp chuông(Campanila) của Thánh đường, không chỉ do nét kiến trúc đặc sắc mà chính vì do nền đất lún một phía, đã làm cho tháp bị nghiêng đi so với trục thẳng đứng, từ đó có tên Tháp Nghiêng.

Công trình xây dựng năm 1173 theo thiết kế của Bonanno Pisano. Tháp gồm tám tầng có độ cao lên tới 58,4m, trọng lượng 14.500 tấn, móng khối xây có đường kính 19,6m, với chiều sâu 5,5m phía dưới mặt đất. Móng nghiêng về hướng nam 5,5 độ so với phương nằm ngang, do đó tầng thứ bảy nhô ra ngoài 4,5m so với tầng thứ nhất. Công trình có dạng một hình trụ

rỗng với các dãy cột bao quanh. Mặt trong và ngoài của hình trụ đều ốp bằng đá cẩm thạch với mối nối rất khít khao. Một cầu thang xoáy ốc 294 bậc dẫn lên đỉnh tháp nằm bên trong lớp tường.

Công trình khá cao xây dựng bằng vật liệu đá nên có tổng trọng lượng lớn, nằm trên một mặt bằng móng khá hẹp cùng với tình trạng nền đất có cường độ chịu tải không đồng nhất đã là nguyên nhân làm tháp bị lún và lún không đều, từ đó tháp bị nghiêng.

Trước nguy cơ tháp nghiêng nhiều có thể gây sụp đổ cả tòa kiến trúc nguy nga này, người ta đã tìm nhiều cách ngăn ngừa để thảm

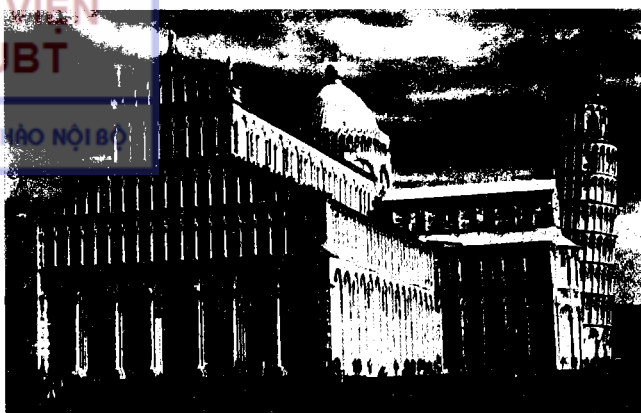


Hình ảnh
tòa Tháp Nghiêng



THƯ VIỆN
HUBT

Tổng thể kiến trúc
tôn giáo tráng lệ
trên quảng trường
"Cánh đồng của
những điều
kỳ diệu" với
Tháp Nghiêng Pisa
nổi tiếng



Pisa

họa không xảy ra. Quá trình tháp bị nghiêng diễn ra chậm chạp, âm ỉ, qua rất nhiều năm từ sau ngày khởi công người ta đã nhận thức ra điều này, khi xây dựng đến tầng thứ tư đã thấy hiện tượng nghiêng về phía nam, đến tầng thứ bảy (1278) tháp nghiêng khoảng 0,6 độ. Đến năm 1817 người ta đo được tháp nghiêng tới 5 độ và đến năm 1838 là 5,4 độ.

Vào năm 1934 các chuyên gia đã tiến hành gia cố chân móng bằng cách phun vữa vào chân móng để hạn chế độ nghiêng tiến triển, năm 1970 hút nước ngầm trong lớp cát... Tháng 2/1999 tiến hành hút đất bằng nhiều ống hút, các lỗ rỗng từ từ khép kín lại để nền tháp phía bắc được lún xuống và tháp nghiêng trở lại về phía này. Việc hút đất tiến hành trong 2,5 năm và độ nghiêng của tháp đã giảm đi một nửa, tháp được giữ ổn định ở độ nghiêng này. Đến năm 2001 sau 11 năm thực hiện phương pháp tạo lực đối trọng bằng cách gắn khối chì nặng 1000 tấn ở chân tháp, tháp Pisa đã được dựng đứng trở lại 44cm... Người ta hy vọng tháp ở tư thế ổn định trong vòng 300 năm tới.

Tháp nghiêng Pisa là công trình nghệ thuật kiến trúc tiêu biểu cho kiến trúc Roman của thế kỷ X - XIII ở châu Âu. Đặc biệt tại tháp này vào khoảng năm 1580, đã chứng kiến một sự kiện trọng đại trong lịch sử khoa học thế giới, đó là cuộc thí nghiệm của nhà bác học Galileo Galilei (1565 - 1642). Nhà thiên văn học vĩ đại của nhân loại, giáo sư toán học trường Đại học Tổng hợp Pisa đã tiến hành một cuộc thí nghiệm nổi tiếng bằng cách từ trên ban công phía mặt trong của tháp Pisa ở độ cao khoảng 50m, đồng thời thả xuống một viên đạn to và một viên đạn nhỏ, điều kỳ diệu diễn ra là cả hai đều rơi xuống mặt đất cùng một lúc!

Thí nghiệm của Galileo đã bác bỏ luận điểm trước đây của nhà triết học cổ đại Aristot nói rằng: "Vận tốc của một vật phụ thuộc vào trọng lượng của nó".

6. Thành phố Ferrara

Thành phố được bao quanh bởi bức tường thành dài 9km, được lưu giữ gần như nguyên vẹn cùng với những dấu tích của một trung tâm đô thị, những tòa nhà có từ thời Trung cổ và thời Phục Hưng với tất cả vẻ đẹp và sự lộng lẫy của nó. Nhà thờ San Giorgio còn được lưu giữ đến ngày nay, được xây dựng vào thời kỳ Phục Hưng theo thiết kế của kiến trúc sư Biagio Rossetti (1446-1516). Trước thế kỷ XVII, nhà thờ Ferrara ở trung tâm thành phố, được xây dựng gần sông Po và hai nhánh là Volano và Primano. Vai trò này bị lu mờ khi vào năm 1135 đã xây dựng nhà thờ mới.

Một dấu tích quan trọng của đô thị còn được giữ nguyên đó là khu dân cư xây dựng từ thế kỷ XVII, đó là khu vực xung quanh Via San Pietro, có dáng hình móng ngựa, với nhiều hẻm song song cùng với nhiều trạm gác. Đường giao thông chính ở đây xưa kia chính là sông Po mà sau này đã bị lấp đi. Nằm bên trái dòng sông xưa kia từng có những nhà kho, trung tâm thương mại, cảng sông và các cửa hiệu. Ngày nay, Via delle Volte vẫn duy trì nét độc đáo với những lối đi song song và có chức năng phục vụ cho các tòa nhà đối diện với sông dọc theo Via Grande.

Trong số những công trình chủ yếu thì Thánh đường là cổ nhất, được xây dựng đầu thế kỷ XII, khi chuyển nhà thờ ở trung tâm thành phố ra vị trí của Thánh đường hiện nay. Công việc sửa chữa và tu bổ được thực hiện liên tục vào thế kỷ XIII và XIV đã tạo ra sự hài hòa của công trình theo phong cách Roman và Gothic, mà tâm điểm là mặt tiền với 3 đỉnh cao bằng nhau (được giải thích như một biểu tượng của Chúa ba ngôi). Nhiều tác phẩm điêu khắc được thực hiện bởi nghệ sĩ Nicholas.

Ở giữa hàng hiên tiền sảnh là tác phẩm Đức Mẹ Đồng Trinh và Chúa Hài Đồng được điêu khắc gia Cristoforo da Firenze thực hiện vào năm 1427.

Khu nhà hình tròn nhỏ dành cho tụng niệm được Biagio Rossetti xây dựng từ năm 1498, và sau đó còn có sự đóng góp của những kiến

trúc sư khác, trong đó có Leon Battista Alberti. Phần bên trong được kiến trúc sư Francesco Mazzei cải tạo (từ 1710 đến 1712), hậu cung có bức tranh minh họa cảnh "Sự phán quyết cuối cùng" do Sebastiano Filippi thực hiện với sự ảnh hưởng mạnh mẽ từ bức tranh "Bữa tiệc cuối cùng" của Michelangelo ở nhà nguyện Sistina. Tuy nhiên biểu tượng của thành phố lại chính là Castello Estense, được xây dựng vào năm 1385, theo chỉ thị của hầu tước Nicolo và do kiến trúc sư Bartolino Platina da Novara thực hiện, cùng với lâu đài Pavia và Mantua là những công trình rất nổi bật.

Các lâu đài này được nối liền với khu vực cổ của hầu tước bằng một con đường mang tên Via Coperta, ngang qua thánh đường. Đến thời công tước Alfoso I, nó được đổi tên là Camerini di Alabastro hay "Những căn phòng bao phủ hoa tuyết", sau đó được trang trí bằng những bức tranh của Giovanni Bellini, Titian và Dosso Dossi.

7. Thành phố Bologna - Món quà tặng của thiên nhiên

Thành phố Bologna nằm trong vùng cảnh quan đẹp giữa hai con sông Reno và Secchia ở miền bắc Italia. Đây chính là quê hương của các trường đại học lâu đời nhất thế giới như Trường đại học Alma Mater Studiorum được thành lập từ năm 1088. Một khung cảnh đô thị bảo tàng rợp bóng cây cùng với nhiều nhà thờ lộng lẫy và uy nghi... Đây thực sự là một thành phố nghệ thuật được trang trí lộng lẫy với nhiều bảo tàng với những phong cách kiến trúc ấn tượng, những nhà thờ xây dựng từ thời Phục Hưng, những nhà tắm công cộng có từ thời La Mã cổ

đại, các đền đài hoành tráng, những khán đài hình vòng cung cùng với những cung điện mang phong cách kiến trúc Barocco.

Cung điện Bevilacqua là một kiệt tác kiến trúc đại diện cho phong cách kiến trúc thời Phục Hưng vào lúc thịnh vượng nhất của phong cách kiến trúc này ở châu Âu. Cung điện được xây dựng vào năm 1474 - 1482.

Khu thương mại Palazzo della Mercanzia được xây dựng năm 1384 theo phong cách kiến trúc Gothic. Ngoài ra phải kể đến rất nhiều nhà thờ góp phần tạo cảnh quan đặc sắc của Bologna.

Nhà thờ San Francesco nằm phía bắc của thành phố được xây dựng vào năm 1236, đến năm 1388 nội thất được bổ sung một bàn thờ lớn bằng đá cẩm thạch theo phong cách kiến trúc Gothic. Nhà thờ San Domenico ở phía tây của trung tâm thành phố. Đứng trên đỉnh của nhà thờ có thể nhìn thấy toàn bộ Piazza San Francesco, tại đây thi thể của Thánh Domenico được đặt trong một lăng rất tráng lệ, là một trong những nhà thờ đẹp nhất ở Italia. Nhà thờ San Pietro gồm hai tòa nhà lớn xây dựng năm 1390 - 1426. Nhà thờ chứa rất nhiều vật quý giá như các bức tranh của họa sĩ Carracci và con sư tử làm bằng đá cẩm thạch ở ngay lối vào. Mặt chính của nhà thờ San Pietro dài 132m và rộng 60m, sân trong lát đá cẩm thạch.

Bảo tàng Khảo cổ học (Museo Civico Archeologico) được đặt trong một tòa nhà xây từ thế kỷ XV, là nơi lưu trữ bộ sưu tập lớn về Ai Cập cùng với những di vật khảo cổ học được tìm thấy ở khu vực Emilia Romagna. Bảo tàng Morandi là nơi trưng bày các tác phẩm nghệ thuật của họa sĩ Giorgio Morandi với 62 bức tranh sơn dầu, 18 bức tranh màu nước, 92 bức vẽ, 2 tượng điêu khắc và 2 bản khắc trên kim loại.

Bologna còn rất nổi tiếng với những ngọn tháp lịch sử, trước đây thành phố cổ khoảng 180 ngọn tháp xây dựng từ thời Trung cổ và là biểu tượng của những gia đình giàu có, sau đó nhiều tòa tháp được sử dụng làm nhà tù, một số nơi làm cửa hàng hoặc nhà ở, nhiều tháp đã bị phá hủy hay sụp đổ vào thế kỷ XIII. Ngày nay còn khoảng 20 tháp vẫn được bảo quản tốt trong chương trình bảo quản, trùng tu các di tích lịch sử của thành phố.

8. Đô thị cổ Siena

Siena hình thành từ thế kỷ I tCn nằm ở miền trung Italia thuộc tỉnh Toscan, là trung tâm thương mại tài chính và nghệ thuật trong lịch sử. Siena và Firenze đã tiến hành nhiều cuộc chiến tranh xâm chiếm lãnh thổ vào các năm 1260 và 1269. Khi Siena đánh bại được Firenze đã trở nên lớn mạnh, kinh tế rất phát triển và trở thành một trong những đô thị cổ phát triển nhất của Italia với các hoạt động tài chính ngân hàng, đan len và sản xuất đồ gốm trên toàn thế giới. Thời kỳ này, nghệ thuật của Siena đã hình thành một trường phái hội họa sánh ngang với Firenze. Nhưng nạn dịch hạch vào năm 1348 đã chấm dứt thời kỳ hoàng kim của thành phố này.

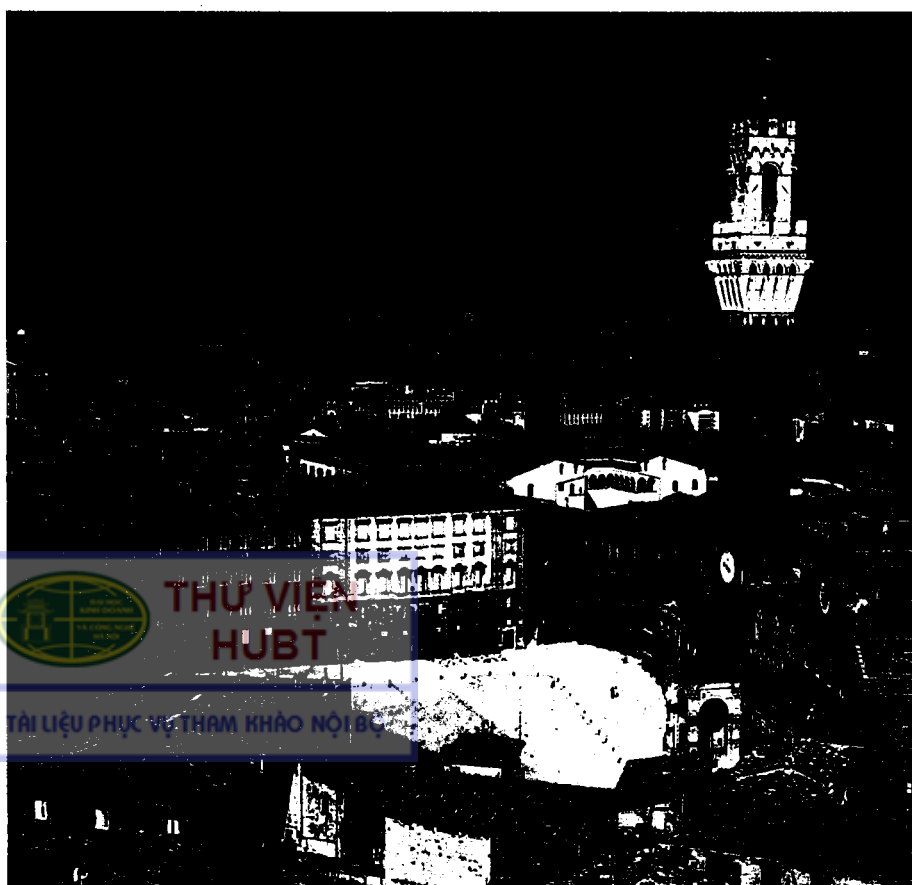
Siena là một thành phố tiêu biểu của châu Âu, từng được coi là “hình mẫu kiến trúc Gothic của Italia”. Không gian kiến trúc đặc sắc của thành phố này chính là quảng trường trung tâm Campo được xếp vào hàng các quảng trường đẹp nhất thế giới. Các kiến trúc quanh quảng trường rất hài hòa, quảng trường được tiếp nối với các con đường nhỏ quanh co và khu thành cổ xây đá màu đỏ. Người dân thành phố luôn cố gắng bảo tồn diện mạo của thành phố, nên vẫn giữ được cấu trúc đô thị từ thế kỷ XII - XV.

Đại giáo đường Duomo nằm ở nơi cao nhất của thành phố và chỉ có đại giáo đường Milan mới có thể sánh ngang về mức độ huy hoàng. Công trình do kiến trúc sư Giovanni Pisano thực hiện trong thời gian 1284 - 1376. Mặt chính của giáo đường được trang trí hoa văn vô cùng tinh xảo, thể hiện phong cách pha trộn giữa Gothic và Roma. Bước vào giáo đường người ta bị cuốn hút bởi trần của giáo đường và những bức tượng điêu khắc bằng đá.

Điều hấp dẫn du khách còn ở bức tường đá trên đó có 26 bức tranh sơn dầu cũng như những bài thơ được khắc trên những tấm gỗ. Trên đài giảng kinh có treo các bức phù điêu về đạo Gia-tô, tại bức tường bên trái phía trước đài giảng kinh có mộ của Hồng y giáo chủ Peter về sau này đã trở thành mô hình của rất nhiều các kỷ vật mai táng.

Năm 1339, giáo hội dự định xây một cung điện ở phía nam của giáo đường để trở thành giáo đường cơ đốc giáo lớn nhất, nhưng bệnh dịch hạch lan tràn làm cho kế hoạch không thực hiện được.

Quảng trường Campo bố cục kiến trúc rất chặt chẽ theo hình dáng vỏ sò, các kiến trúc bao quanh tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn



*Toàn cảnh quảng trường Siena với công trình nổi bật là
Tháp chuông của tòa nhà Pubblico*

Italia

quy phạm kiến trúc từ thế kỷ XIV. Mỗi năm, vào ngày 2 tháng 7 và ngày 16 tháng 8 (hai ngày nóng nhất trong năm), quảng trường Campo là nơi diễn ra lễ hội đua ngựa (hai ngày này là tiết đua ngựa) nổi tiếng của Siena. Vào ngày lễ hội đua ngựa những người tham gia đều mặc trang phục cổ như từng diễn ra trong lịch sử.

Mặt bằng quảng trường có hình gần giống hình chữ nhật, một cạnh dài gần thẳng còn lại ba cạnh kia được vát cong theo “hình vỏ sò”, mặt quảng trường hơi nghiêng về phía cạnh thẳng. Mặt lát quảng trường màu hồng tươi và được trang trí đặc sắc: từ điểm giữa cạnh dài có 8 đường tia chia mặt quảng trường thành 9 hình “múi bưởi” tụ về một điểm, tựa như phân chia một khán đài vòng cung theo tầm nhìn hướng về sân khấu. Trên cạnh dài là công trình chủ đạo của không gian quảng trường: lâu đài Dân chúng (Palazzo Civico), được dùng làm Tòa thị chính nên cũng thường gọi là Palazzo Comunale hoặc Palazzo Pubblico.

Tòa lâu đài được xây dựng vào thời gian 1297 - 1310 có điểm nhấn nổi bật, đó là ngọn tháp cao đột xuất, có cầu thang 414 bậc đưa du khách lên cao ngắm cảnh toàn thành phố. Tòa tháp cao 102m xây dựng năm 1297. Màu sắc tòa lâu đài được phối kết giữa hồng, nâu và trắng rất hòa hợp với quảng trường cũng như các công trình khác ở xung quanh đã tạo nên một không gian vô cùng êm ái và ấm cúng.

9. Đô thị cổ Pienza

Pienza là thị trấn nhỏ thuộc vùng Toscan gần thành phố Siena. Lịch sử đô thị gắn liền với Đức Giáo Hoàng Pius II, vào năm 1459, Đức Giáo Hoàng đã ra lệnh thiết kế và xây dựng một công trình đồ sộ nhằm phục hồi và trang hoàng thị trấn quê hương Ngài. Lúc đầu thị trấn có tên là

Corsignano, nhưng để vinh danh Đức Giáo Hoàng, thị trấn đã được đổi tên là Pienza. Năm 1462, công trình hoàn thành và để kỷ niệm sự kiện này, Đức Giáo Hoàng đã quyết định thị trấn thuộc về tòa giám mục. Ngày nay, thị trấn tuy nhỏ bé nhưng vẫn bảo tồn khá nguyên vẹn các kiến trúc xưa của mình, làm cho đô thị trở thành một thực thể hấp dẫn về một cấu trúc đô thị cũng như phong cách kiến trúc của Italia thời Phục Hưng.

Nhà kiến trúc và điêu khắc Bemardo Rossellino (1409 - 1464) đã được giao thực hiện các công trình tại Pienza, ông vốn là công trình sư đã làm công trình cung điện của Giáo hoàng Nicholas V ở Roma. Là bạn thân của Leon Battista Alberti và rất được xã hội ngưỡng mộ, chính Rossellino đã giám sát công trình Palazzo Rucellai ở Firenze giúp Alberti. Lúc đầu Đức Giáo Hoàng Pius II chỉ yêu cầu Rossellino thiết kế một nhà thờ và một dinh thự làm nơi nghỉ hè, nhưng nhà kiến trúc đã thuyết phục Giáo Hoàng làm một dự án tầm cỡ thúc đẩy kế hoạch đô thị hóa thị trấn bằng các công trình đồ sộ, trước tiên là xây dựng một quảng trường mới làm trung tâm của thị trấn. Ở đó sẽ có những tòa nhà quan trọng nhất như nhà thờ Duomo và dinh thự của Đức Giáo Hoàng. Ngoài ra cũng có các tòa nhà khác như lý quán, bệnh viện và các dãy nhà cho người dân. Dọc theo đại lộ chính là những biệt thự của các giáo sĩ được nâng cấp.

Rossellino đã là tác giả của những dãy công trình rất hài hòa về kiến trúc theo phong cách thời Trung cổ. Thị trấn nằm trên đồi và có tường thành bao quanh, kiểu kiến trúc dựa theo các đại lộ vẫn được giữ nguyên, gồm một đại lộ nối hai cổng chính, và từ đó tỏa ra các ngõ phố dày đặc. Quảng trường chính của thị trấn nằm liền kề với đại lộ và kéo dài đến thung lũng sông Orcia. Cấu trúc quảng trường chính có dạng hình thang và các tòa nhà bao quanh không đối xứng. Cấu trúc này cho phép quảng trường dễ dàng mở rộng mà không ảnh hưởng đến các kiến trúc cũ. Các công trình quan trọng nhất như Duomo (nhà thờ), dinh thự Piccolomini (dinh thự của Giáo hoàng), Palazzo Pretorio (nhà thường dân) được bố cục trên các khoảng mở rộng của quảng trường và đây chính là trung tâm của đời sống thị trấn. Các kiến trúc này đều có từ thời Rossellino, mỗi công trình đều mang đặc điểm khác nhau tùy theo chức năng riêng, nhưng rất thống nhất vì đều mang phong cách Firenze thời Phục Hưng. Đó là phong cách vừa trang nghiêm vừa tinh tế tạo nên khung cảnh kiến trúc tươi sáng.

Dinh thự Piccolomini là công trình chịu ảnh hưởng từ phong cách của Leon Battista Alberti, mặt ngoài của dinh thự là biến cách từ nguyên mẫu của Dinh thự Rucellai ở Firenze. Rossellino đã cho xây một sân nhỏ bên trong và một hành lang ngoài 3 tầng hướng ra khu vườn và toàn cảnh xung quanh được Giáo hoàng Pius II rất ưa thích. Các nhà kiến trúc đã khéo léo tạo nên sự hài hòa tổng quát của quảng trường, bề mặt quảng trường được lát gạch đất nung xen lẫn những vỉ gạch vôi. Bố cục vốn được làm tại các công trình kiến trúc của Piero della Francesca, tạo nên được các khoảng trống hình học của quảng trường. Quảng trường có hình thang và nhà thờ tọa lạc ở chóp nhọn của hình thang ấy, cách bố cục này tạo nên vẻ trang nghiêm cho nhà thờ, vị trí của nhà thờ tách biệt khỏi khung cảnh xung quanh nhờ bố cục 2 con đường giao nhau hướng về cảnh quan phía sau.

10. Thành phố Perugia

Nằm ở miền Trung và là thủ phủ của vùng Umbria, Perugia là thành phố mang “tính quốc tế” bậc nhất ở Italia vì hàng năm ở đây luôn diễn ra các đại nhạc hội về nhạc jazz nổi tiếng thế giới. Thành phố cũng là điểm thu hút các sinh viên nước ngoài muốn học tập và nghiên cứu về ngôn ngữ Italia tại trường đại học danh tiếng Università per Stranieri. Perugia có lịch sử lâu đời từ thế kỷ IX tCn và đến nay vẫn còn bảo tồn được nhiều công trình kiến trúc cổ kính, những quảng trường rộng rãi. Thành phố nằm trên đỉnh đồi và có bức tường thành khổng lồ bao quanh, vị trí đặc biệt này đã làm cho Perugia trở thành một cảnh quan vô cùng hấp dẫn. Du khách có thể khám phá những điều kỳ thú khi thả bước tản bộ dọc theo các con phố nhỏ nằm ở rìa thành phố hoặc phóng tầm mắt ngắm nhìn toàn cảnh thung lũng bên dưới.

Những thắng cảnh nổi tiếng của thành phố gồm có:

Quảng trường Piazza IV Novembre ở trung tâm thành phố được coi là trái tim của Perugia. Nơi đây nổi tiếng với các đài phun nước Maggiore (Fontana Maggiore) cùng các tòa nhà có từ thời Trung cổ. Đài phun nước Maggiore là một công trình kiến trúc lộng lẫy xây bằng đá cẩm thạch màu trắng và màu hồng với những chạm khắc tinh xảo.

- Pháo đài Rocca Paolina được Giáo hoàng Paolo III xây dựng và nay còn giữ được những tòa nhà và những đường ngầm dưới lòng đất. Pháo đài được sửa sang tu bổ tạo thành những phòng trưng bày nghệ thuật rất đặc sắc.

Bức tường thành thời Etruscan có từ thế kỷ III tCn, cổng vòm Etruscan là một trong những cửa ngõ vào thành phố và bức tường thành khổng lồ này đã bao quanh toàn bộ thành phố Perugia.

Phố đi bộ trung tâm Corso Vannucci của Perugia là nơi tập trung nhiều cửa hiệu sang trọng, các quán bar và cửa hàng ăn. Ngoài ra, Perugia còn lưu giữ nhiều di tích từ thời La Mã như tường thành, cổng vào thành phố và đặc biệt là ngôi đền La Mã có từ thế kỷ V Tempio di Sant' Angelo.

11. Thành phố Napoli - Bảo tàng lớn về lịch sử và nghệ thuật

Nằm bên vịnh biển xanh thuộc bờ biển phía nam Italia, Napoli là một trong những thành phố sôi động nhất của đất nước này. Tên gọi Napoli mang nghĩa "thành phố mới" nhưng thực ra thành phố lại có lịch sử lâu đời từ thế kỷ VI tCn. Napoli là nơi hội tụ của nhiều nền văn minh đã để lại trong lòng thành phố những dấu ấn đậm nét. Napoli từng được Unesco công nhận là Di sản văn hóa thế giới, là nơi lưu giữ nhiều báu vật lịch sử và nghệ thuật của Italia.

Những thắng cảnh nổi tiếng của thành phố:

Lâu đài Castel dell'Ovo tại Porto Santa Luica rất nổi tiếng hiện được xem là một Bảo tàng về thời tiền sử.

Lâu đài Castel Nuovo (Maschio Angioino) là lâu đài của thời Trung cổ nằm bên bờ biển, cũng là bảo tàng chính của thành phố với bộ sưu tập đồ sộ, với rất nhiều phòng tranh của Hội họa Italia vào thế kỷ XIX.

Bảo tàng quốc gia Museo Nazionale di Capodimonte, triển lãm nhiều bộ sưu tập Borgia, Farnese và Borbone với hội họa Barocco

Italia

Italia và Phục Hưng. Xung quanh bảo tàng là một công viên đẹp đã trở thành một thắng cảnh của thành phố.

Bảo tàng địa chất Museo Archeologico Nazionale có nhiều hiện vật được khai thác từ Pompei, Ercolano cùng nhiều địa điểm khai quật trong khu vực. Ngoài ra còn phải kể đến những bộ sưu tập điêu khắc La Mã của Farnese.

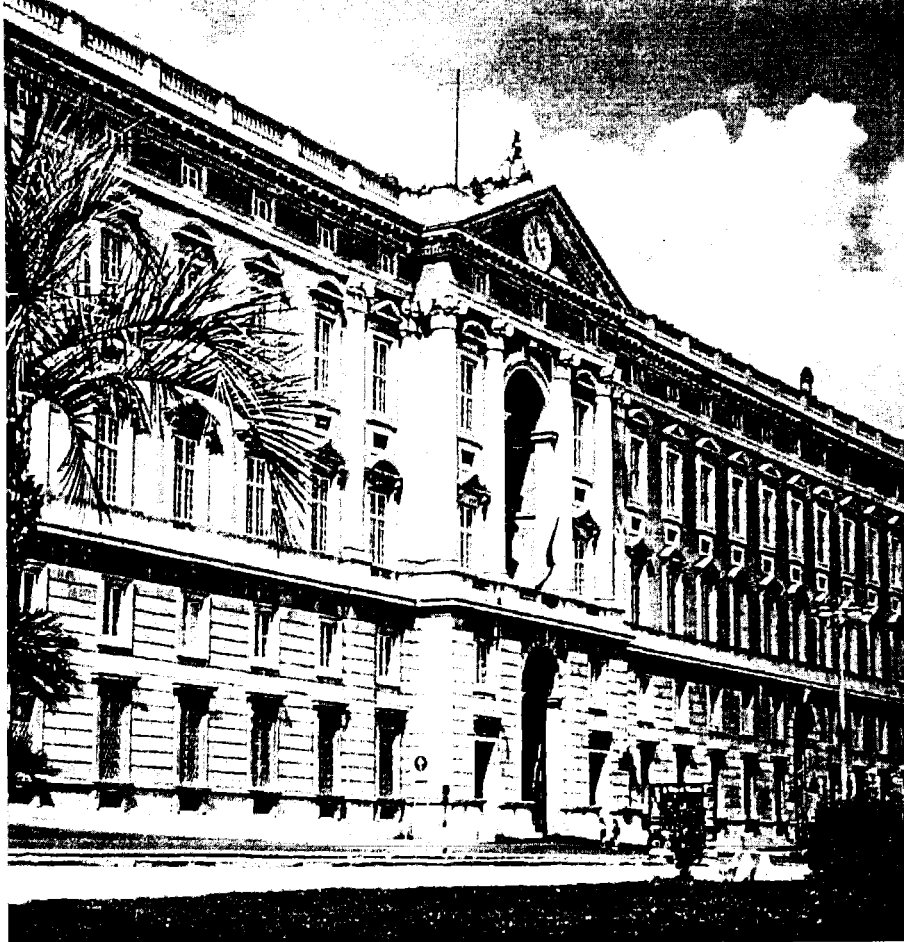
Tu viện Certosa di San Martino nằm trên đỉnh đồi gần trung tâm thành phố cũng là bảo tàng lịch sử của Napoli.

Công viên Parco Virgiliano rất nổi tiếng với cảnh quan rất đẹp, đặc biệt ấn tượng khi từ công viên ngắm nhìn toàn cảnh, khu vực phụ cận. Piazza del Gesù và Piazza Domenico Maggiore là những nhà thờ theo kiểu Barocco hàng đầu trên thế giới.

Một công trình khá đặc sắc là Nhà thờ Trung cổ dưới lòng đất Napoli Sotterranea tại San Lorenzo Maggiore, đến đây được chứng kiến sự tồn tại của một thành phố La Mã cổ kính.

Duomo là Nhà thờ chính của Napoli, có hai nhà nguyện hoành tráng, gần đó có Bảo tàng Đá quý Gennaro. Công trình Pio Monte della Misericordia là nhà thờ và phòng triển lãm tranh trực thuộc một tổ chức từ thiện cũ, phòng tranh trưng bày tác phẩm của các họa sĩ Barocco tại Napoli.

Piazza del Plebiscito là quảng trường chính của Napoli, bao quanh quảng trường có Hoàng cung (mở cửa cho du khách tham quan) nhà hát San Carlo và Galleria Umberto. Mũi đất Acquario - Villa Comunale: gần bờ biển có trung tâm thủy sinh đầu tiên của châu Âu, gần đó là Bảo tàng Cortes và công viên La Casina Pompeiana chuyên triển lãm các bức ảnh tự



Hoàng cung Caserta ở Napoli

chụp. Ngoài ra có trường Đại học Tổng hợp Napoli là trường đại học cổ nhất châu Âu được thành lập từ năm 1224.

12. Pompei - di tích đô thị bị núi lửa chôn vùi

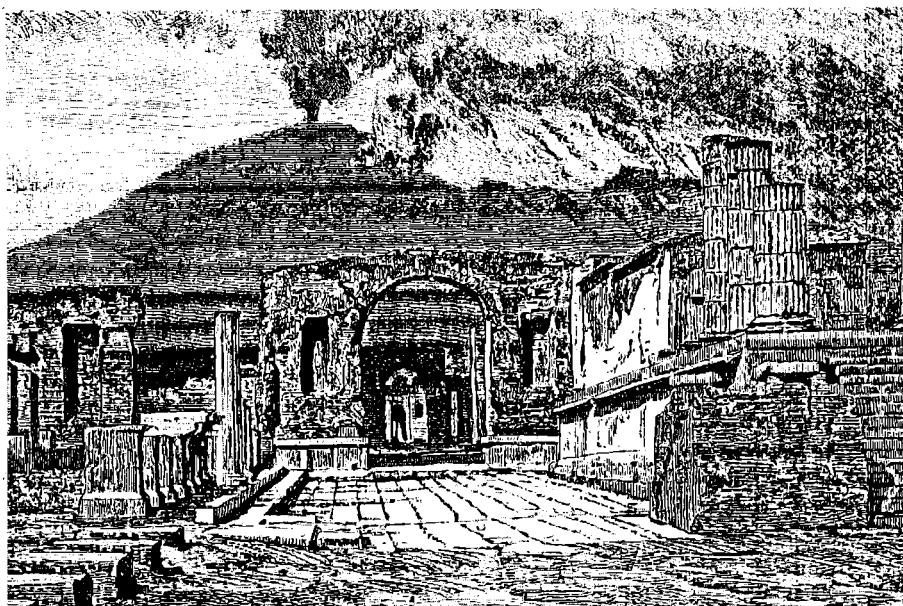
Đô thị cổ thuộc vùng Campania ở miền nam Italia, được hình thành từ thế kỷ VI tCn, là một trung tâm văn hóa Roma cổ đại, phát triển rực rỡ vào thế kỷ I tCn., trở thành nơi vui chơi, nghỉ ngơi của giới thượng lưu Roma nên được xây dựng hoa mỹ. Một thảm họa giáng lên đô thị này vào năm 79 sCn khi núi lửa Vesuvius (cách Napoli 22km) phun trào và chôn vùi toàn bộ đô thị 2 vạn dân trong vòng 28 giờ. Nham thạch từ núi lửa đã tạo nên "nấm mồ" khổng lồ cho một đô thị "yên nghỉ" trong lòng đất suốt 17 thế kỷ. Lớp nham thạch và tro phủ trên nấm mồ này dày tới vài chục mét và qua nhiều thế kỷ nhiều thế hệ cư dân đã không thể biết tới tại khu đất như một đối tượng mang tên

Italia

Samo kia đã từng có một đô thị với nhiều nhà cửa và đền đài hoành tráng, tên Pompei của đô thị cũng đi vào lãng quên.

Nhưng rồi vào năm 1594 khi đào một con kênh để dẫn nước từ đồi Samo, người ta đã tìm thấy hai bản đá khắc chữ cổ kỳ lạ mà không ai đọc được chữ nghĩa trên đó. Phải đến năm 1739, khi thanh tra con kênh là một kiến trúc sư của vua Napdi mới nghi là chuyện thật. Kỹ sư Aleubierre cùng 24 thợ bắt đầu khai quật lần đầu năm 1748, và thật là may mắn, đợt thăm dò đầu tiên đã trúng ngay vào trung tâm của đô thị Pompei cổ xưa. Sau nhiều ngày, đã phát hiện một bức tường có màu rực rỡ, cùng với cả xác chết được đoán là một tên cướp với nắm tiền vàng còn giữ trong tay. Năm 1763 nhà khảo cổ Đức J. Winekelmann tới đây và chính ông đã biến những di tích hỗn độn của quá khứ thành một trang sử rõ ràng và chi tiết từ 6 thế kỷ trước khi thành phố mất tích. Rồi trong hơn 100 năm, những cuộc khai quật phát hiện dần ra khu quảng trường, với đầy đủ các chợ, đền thờ, tòa án, hí trường, vườn nuôi thú, nhà tắm công cộng... Năm 1860, Pompei còn được giao cho một nhà khảo cổ lừng danh Giuseppe Fiore đến giám sát những cuộc khai quật. Mọi di tích đều được trân trọng, từ vỏ nước cho đến vết xe ở đường phố.

Các di tích đều đặt đúng vào vị trí cũ và ngày nay du khách cổ thể tham quan những quán nước, tiệm giày, tiệm bánh, tiệm thịt, tiệm cá, đền thờ, tòa án, những tranh quảng cáo, những tác phẩm nghệ thuật... của một quá trình lịch sử và nghệ thuật rực rỡ kéo dài 600 năm trong quá khứ.



Di tích kiến trúc ở Pompei



*Bản đồ phân bố
các di sản thế giới
ở Italia*

DANH SÁCH CÁC DI SẢN THẾ GIỚI CỦA ITALIA

Số	Tên di sản	Địa phương	Năm xếp hạng
1	Tranh vẽ trên đá ở Valcamonica	Brescia - Lombardia	1979
2	Nhà thờ Đức Bà ban ơn lành và bức họa Last Super của Leonardo da Vinci	Milano - Lombardia	1980,1990
3	Trung tâm lịch sử Roma	Roma - Lazio	1980,1990
4	Trung tâm lịch sử Firenze	Firenze - Toscan	1982
5	Venezia và đầm phá	Venezia - Veneto	1987
6	Quảng trường Pisa	Pisa - Toscan	1987
7	Trung tâm lịch sử San Gimignano	Siena - Toscan	1990
8	Di chỉ nhà thờ Matera	Matera - Basilicata	1993
9	Vicenza và biệt thự Palladio	Vicenza - Veneto	1994,1996
10	Làng thủ công Crespi d'Adda	Bergamo - Lombardia	1995
11	Ferrara và thung lũng sông Po	Ferrara - Romagna	1995,1999
12	Trung tâm lịch sử Napoli	Napoli - Campania	1995
13	Trung tâm lịch sử Siena	Siena - Toscan	1995
14	Trung tâm lịch sử Pienza	Siena - Toscan	1995
15	Nhà dân gian Trulli ở Alberobello	Bari - Puglia	1996
16	Di tích nhà thờ ở Ravenna	Ravenna - Romagna	1996
17	Lâu đài cổ Monte	Barletta - Puglia	1996
18	Cung Hoàng gia Savoia	Torino - Piedmont	1997
19	Di tích ở Barumini	Campidano - Sardinia	1997
20	Biệt thự Roman Casale	Enna - Sicilia	1997
21	Bãi biển Amalfi	Salerno - Campania	1997
22	Di chỉ khảo cổ Agrigento	Agrigento - Sicilia	1997
23	Di chỉ kiến trúc San Leucio	Caserta - Campania	1997
24	Cảng Venere ở đảo Palmaria	Spezia - Liguria	1997
25	Di tích khảo cổ Pompei	Napoli - Campania	1997

26	Nhà thờ và lâu đài ở Modena	Modena - Romagna	1997
27	Vườn bách thảo Padua	Padua - Veneto	1997
28	Trung tâm lịch sử Urbino	Urbino - Marche	1998
29	Di tích khảo cổ Aquileia	Udine - Giulia	1998
30	Di chỉ khảo cổ Paestum	Salemo - Campania	1998
31	Biệt thự Adriana ở Tivoli	Roma - Lazio	1999
32	Nhà thờ cổ ở Assisi	Assisi - Umbria	2000
33	Núi lửa đảo Aeolian	Messina - Sicilia	2000
34	Đô thị cổ Verona	Verona - Lazio	2000
35	Vila Este ở Tivoli	Roma - Lazio	2001
36	Đô thị Barocco Val di Noto	Siracusa - Sicilia	2002
37	Núi Thiêng ở Piedmont và Lombardy	Lombardia	2003
38	Thung lũng Orcia	Toscan	2004
39	Nghĩa trang người Etrusk	Viterbo - Lazio	2004
40	Hầm mộ núi đá Pantalica	Siracusa - Sicilia	2005
41	Tuyến đường và lâu đài ở Genova	Genova - Liguria	2006
42	Lâu đài cổ Mantova	Mantova - Lombardia	2008
43	Tuyến đường sắt Rhaetian (núi Alpe giữa Italia và Thụy Sĩ)	Sondrio - Lombardia	2008
44	Rặng núi Dolomite	Veneto	2009
45	Di tích ở núi Giorgio	Varese - Lombardia	2010

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Almanach những nền văn minh thế giới

NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội 2006.

Nguyễn Văn Huân

Kỳ tích văn minh thế giới

NXB Hải Phòng 2008.

Crane Brinton, J. B. Christopher, R. L Wolf

Văn minh phương Tây

Nguyễn Văn Lương dịch, NXB VH - TT 1998.

X. Carpusina, V. Carpusin, Mai Lý Quảng và... dịch

Lịch sử văn hóa thế giới,

NXB Thế giới 2004.

Đặng Đức An,

Những mẫu chuyện lịch sử thế giới

NXB Giáo dục 2001.

René Poirier - Phạm Quý Điềm dịch,

Những công trình vĩ đại của nhân loại

NXB Trẻ 2001.

Đặng Thái Hoàng,

Lịch sử Đô thị

NXB Xây dựng 2000.

Đặng Thái Hoàng,

Lịch sử Kiến trúc

NXB KH - KT 2000.

Nguyễn Quốc Thông,

Lịch sử xây dựng đô thị cổ đại và Trung đại phương Tây

NXB Xây dựng 2000.



THƯ VIỆN
HUBT

TÀI LIỆU PHỤC VỤ THAM KHẢO NỘI BỘ

Vũ Dương Ninh,
Lịch sử văn minh thế giới
NXB Giáo dục 1998.

Trần Mạnh Thường,
Những di sản nổi tiếng thế giới
NXBVH-TT 2000.

Bùi Đệp,
Di sản thế giới
NXB Trẻ 2001.

Nigel Rodgers, Hàn Thị Thu Vân dịch,
Rome đế quốc hùng mạnh nhất
NXB Phụ Nữ 2007.

John Julius Norwich, Thames & Hudson,
The great cities in history
2009.

Giandominico Romanelli,
Venise au fil des pierres
Loisirs Paris 1997.

Maria Teresa Feraboli - White Star
City squares of the world

Rolf/c. Wirtz,
Florence Art and Architecture
Köneman 2005.

Francesca Prina Elena Demartini
Petite encyclopedie de l'architecture
2006.

Susie Boulton, Christopher Catling

Venice and the Veneto

1999.

Jim Antoniou Mac Millan

Cities then and now

1994.

Bonechi,

Milan - guide touristique

2007.

turismotorino.org

Torino - in and around

2000.

ĐSQ Italia,

Italia cổ kính, thanh bình và thơ mộng

NXB Thế giới 2010.

Italia Turismo,

Ciao Italia

1999.

Italian tourist office ,

A trip to Italia

1990.

Ministry for Heritage and Culture

Italian places of Unesco heritage list

2011.

Italcards

Rome et le Vatican

2005.

Nguyễn Luận và ...

Roma - Thành phố của những hoàng đế

NXB Kim Đồng 2001.



Tôn Đại và ...

Venezia - Thành phố của tình yêu

NXB Kim Đồng 2002.

Trần Hùng và ...

Florence - Trung tâm nghệ thuật Phục Hưng

NXB Kim Đồng 2007.

Trần Hùng và...

Những thành phố nổi tiếng thế giới

NXB Kim Đồng 2006.

Lê Phục Quốc

**Bách khoa thư kiến trúc, hội họa, điêu khắc, đồ họa,
nghệ thuật trang trí**

NXB Xây dựng, 2010.



MỤC LỤC

1. Tổng quát về Italia	3
1.1. Đất nước, con người, văn hóa và du lịch	3
1.2. Khái quát về kiến trúc Italia	33
2. Đế chế, văn hóa văn minh và đô thị La Mã cổ đại	45
3. Thủ đô Roma	65
3.1. Từ Roma bằng gạch tới Roma cẩm thạch	65
3.2. Đô thị Vatican và Đại giáo đường Thánh Peter	100
3.3. Di sản kiến trúc theo dòng thời gian	118
3.4. Những kiệt tác kỹ thuật xây dựng và nghệ thuật kiến trúc	147
4. Venezia	165
4.1. Bà hoàng trên biển Adriatic	165
4.2. Đầm phá, kênh rạch và kiến trúc	185
5. Firenze	219
5.1. Trung tâm nghệ thuật Phục Hưng	219
5.2. Những quảng trường và không gian kiến trúc đặc sắc	227
6. Hành trình du lịch	243
Di sản văn hóa và nghệ thuật đô thị	243
Danh sách các di sản thế giới của Italia	272
Tài liệu tham khảo	274



Nghệ thuật
KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ
ITALIA

Chịu trách nhiệm xuất bản
TRỊNH XUÂN SƠN

<i>Biên tập:</i>	TRẦN CƯỜNG - TRẦN HÙNG
<i>Chế bản điện tử:</i>	NGỌC DŨNG - BÌNH MINH
<i>Sửa bản in:</i>	TRẦN CƯỜNG - TRẦN HÙNG
<i>Trình bày bìa:</i>	VŨ BÌNH MINH





In 300 cuốn khổ 17x24cm, tại Xưởng in Nhà xuất bản Xây dựng. Giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản số 36-2013/CXB/1043-158/XBXD ngày 5/1/2013. Quyết định xuất bản số 76-2013/QĐ-XBXD ngày 24/4/2013. In xong nộp lưu chiểu tháng 7/2013.